NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 176 • DECEMBER 2003

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

CẢI TỔ KINH TẾ VÀ DÂN CHỦ CHO VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC KHẢI

LÁ THƯ BERMUDA **HÀ KỲ LAM**

THỊ XÃ **TRẦN YÊN HÒA**

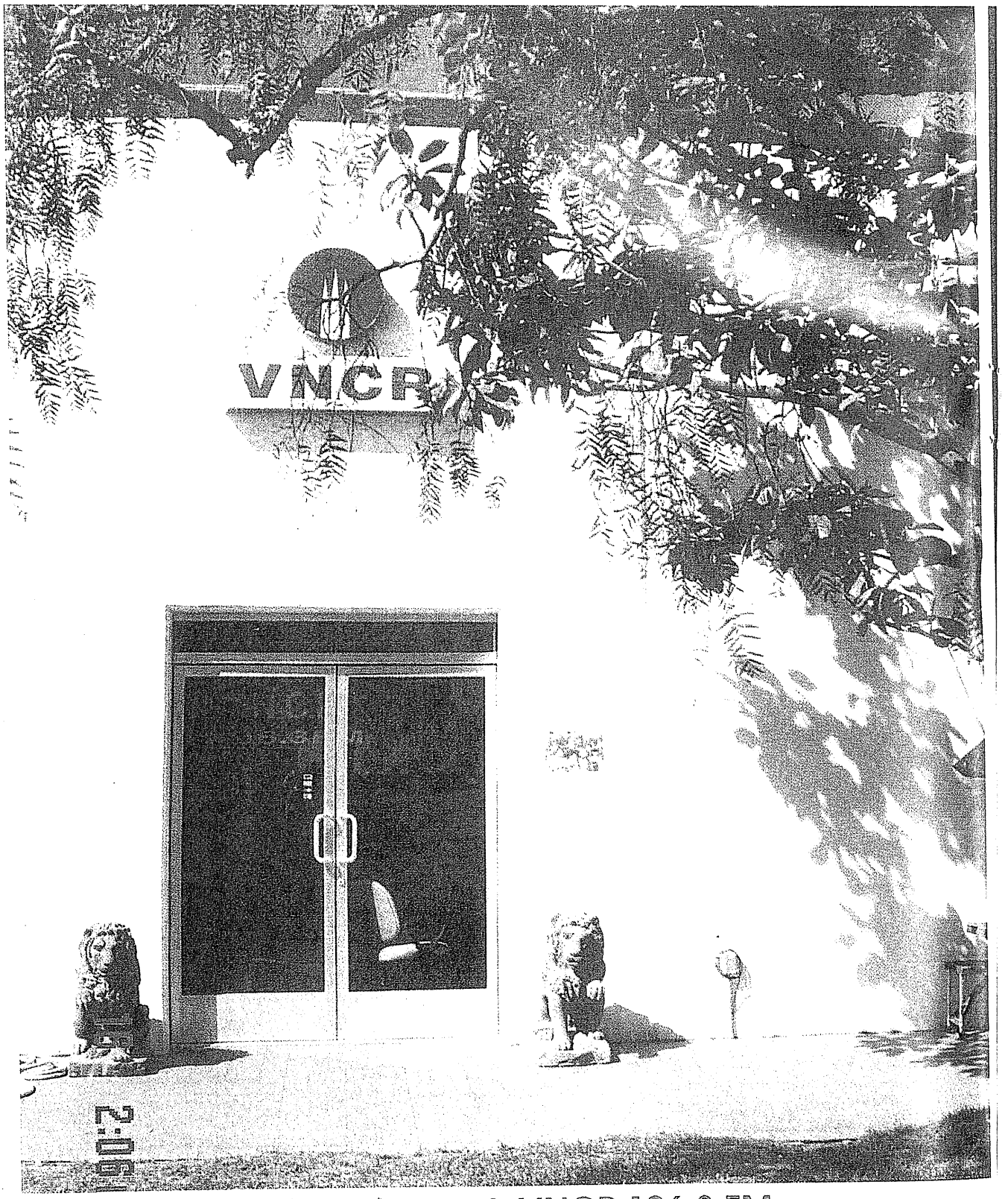

Đài Phát Thanh VNCR 106.3 FM

Viet Nam California Radio

Vùng thẩm âm rộng ra ngoài Orange County:
Los Angeles, Pasadena, Riverside, Capistrano đều nghe được.
Với Tin Tức, Thời Sự mỗi ngày phối hợp giữa VNCR và Saigon Houston (Texas)

14781 Moran Street, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 891-8142 * (714) 891-8152 * (714) 891-8162 * (714) 891-8172
Fax: (714) 891-8190

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

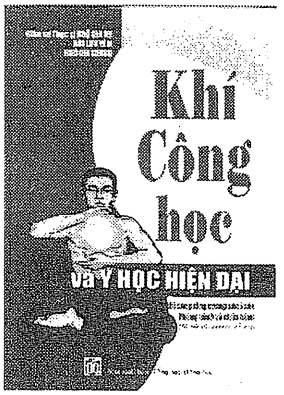

KHÍ CÔNG HỌC VÀ Y HỌC HIỆN ĐẠI
Các tác giả: **Giáo sư Thạc sĩ NGÔ GIA HY, BÙI LƯU YÊM, NGÔ GIA LƯỢNG**
Khí công là một phương tiện tạo ra sức khỏe, rèn luyện con người và huy động năng lượng của cơ thể sau khi thu hút năng lượng của vũ trụ. Sách gồm những phần: khoa học cơ sở của khí công; phương pháp tập luyện theo từng cấp bậc; khí công liệu pháp, điều chỉnh những rối loạn cơ năng của các cơ quan, đồng thời làm cơ sở cho nhiều trường phái võ thuật. Giá 22 mỹ kim.

THƠ TÌNH VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI CHỌN LỌC
NGUYỄN HÙNG TRƯƠNG
sưu tầm và tuyển chọn
Ông Nguyễn Hùng Trương, trước năm 1975 là chủ nhân của hiệu sách Khai Trí nổi tiếng ở Sài Gòn. Biến cố 75 xảy ra, ông bị tước đoạt hết tài sản và còn bị tù đày. Nhưng ông vẫn nặng lòng với chữ nghĩa, ông sưu tập cả ngàn bài thơ tình mà ông cho là hay nhất của Việt Nam và thế giới để làm thành tập sách này, một tập sách chắc chắn đáp ứng sở thích của tất cả mọi người. Giá 35 Mỹ kim.

BÍ QUYẾT SỐNG LÂU
KIÊM ĐẠT
Một cuốn sách nghiên cứu về tuổi già và đề ra những giải pháp để con người có một tuổi già khỏe mạnh, sống hạnh phúc, chết bình an.
Những giải pháp đắc dụng thường là: vận động, thể dục, dinh dưỡng, xoa bóp, đi bộ, tập Yoga, khí công v.v... cộng với một thái độ sống tích cực, vui tươi. Giá 12 Mỹ kim.

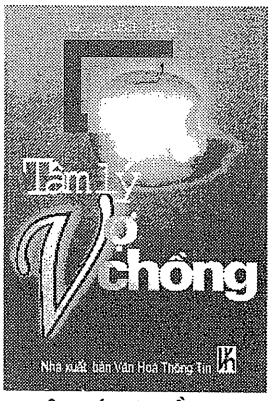

TÂM LÝ VỢ CHỒNG
BÁ HOA. Các người dịch (từ tiếng Trung Quốc): TẠ NGỌC ÁI, NGUYỄN VĂN NGHI, NGUYỄN VIỆT CHI, LUYỆN XUÂN HUY.
Dù thời nào, hôn nhân vẫn phải được tiếp tục, trai gái trên trái đất vẫn cần phải kết đôi lương duyên theo truyền thống ngàn đời. Nhưng xã hội càng được giải phóng ra khỏi các quan niệm cổ lỗ thì đời sống hôn nhân cũng theo đó mà trở nên bấp bênh hơn. Muốn giữ vững cuộc sống lứa đôi, cần hiểu biết nhiều hơn về đời sống và tâm lý của vợ và chồng. Đó là mục đích của sách này. Giá 17 Mỹ kim.

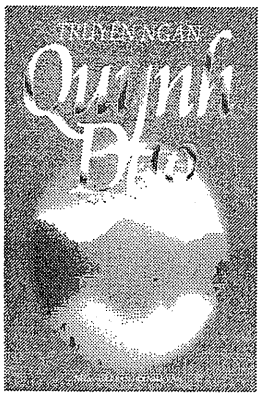

TRUYỆN NGẮN QUỲNH DAO
LIÊU QUỐC NHĨ dịch
Quỳnh Dao là một tiểu thuyết gia nổi tiếng, từ trước 1975 dân chúng miền Nam đã từng say mê sách truyện của bà qua những bản dịch tài hoa của Liêu Quốc Nhĩ. Bà cũng là một cây bút viết truyện ngắn xuất sắc.
Bộ sách hai tập này tập hợp 13 truyện ngắn tiêu biểu của bà, do Liêu Quốc Nhĩ chuyển dịch sang Việt ngữ với một giọng văn súc tích mà giản dị. Giá toàn bộ hai cuốn: 22 Mỹ kim.

NGỌA HỔ TÀNG LONG
VƯƠNG ĐỘ LƯ, dịch sang Việt ngữ: **TRẦN HẢI LINH**
Mọi người đều biết phim Ngọa Hổ Tàng Long, một phim võ hiệp Trung Hoa, năm ngoái đã đoạt được bốn giải Oscar. Chính từ tiểu thuyết kỳ tình võ hiệp Ngọa Hổ Tàng Long này mà đạo diễn Lý An đã thực hiện nên một phim trứ danh. Nhưng phải đọc sách thì mới thưởng thức hết được các tình tiết ly kỳ mà điện ảnh không phải lúc nào cũng thể hiện hết được. Trọn bộ ba cuốn, giá 29 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn:
Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel.: (417) 585 - 4666, (714) 839 - 8746
Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/GIA HẠN/TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận/Full name: _____

Địa chỉ/ Address: _____

_____

Phone/Fax/E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order #: _____

Số tiền/Amount: _____

	1 năm/1 year	2 năm/ 2 years	Ghi chú/Notes
Media Mail (AirMail)	US $50.00	US $90.00	
Hạng nhất / First class	US $64.00	US $120.00	
Canada	US $68.00	US $130.00	
Châu Âu/Europe(Air Mail)	US $88.00 $90.00 US	US $170.00 US $170.00	 Mới (New)
Châu Á, Châu Úc/Asia, Australia(Air Mail)	US $98.00 US $106.00	US $185 US $196.00	 Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v. v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.
** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

– Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
– Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
– Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
– Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
– Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
– Làm cho khó bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.
* Trong thời-gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).
Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)
– Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc dàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
– Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
– Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
– Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOÀI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như:
Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy dục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hãm không nổi
- Viêm nhiếp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Căm Bốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn không tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị. K.T.

Trần Thị Kim Thấm - Riverside

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm .. Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ dứt khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thư khen tặng Bác Sĩ Pung Navann là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy dành thử xem sao có câu ôphước chủ may thấy vọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thanh thật và tận tình cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cảm ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.

Kính thư

Lana Anderson

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN
CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO

Chỉ được bán tại:

14360 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843 USA

Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp,
Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.

Xin gọi số:

Tel: (714) 531-6330

TÌM MUA TẠI CÁC NHÀ SÁCH

SỬ TRUNG QUỐC
của NGUYỄN HIẾN LÊ

Cuối năm 1986, nhà xuất bản VĂN NGHỆ khai trương
với tác phẩm ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI của Nguyễn Hiến Lê,
cuối năm 2003, tác phẩm SỬ TRUNG QUỐC
cũng của Nguyễn Hiến Lê
khép lại đoạn đường dài 8 năm
hoạt động tích cực, góp phần vun bồi gia tài văn hóa Việt Nam,
của nhà xuất bản.
Sách khổ lớn (17"X24").
Bìa dày có bìa phụ bọc ngoài. Gần 900 trang.
Hình thức mỹ thuật, trang nhã.
Nội dung, "có thể nói, đây là tác phẩm lớn cuối đời của ông
(Nguyễn Hiến Lê), vì ông đã bỏ ra rất nhiều công sức
cho công trình này."

Giá 27MK. Ngoài Mỹ 32MK.

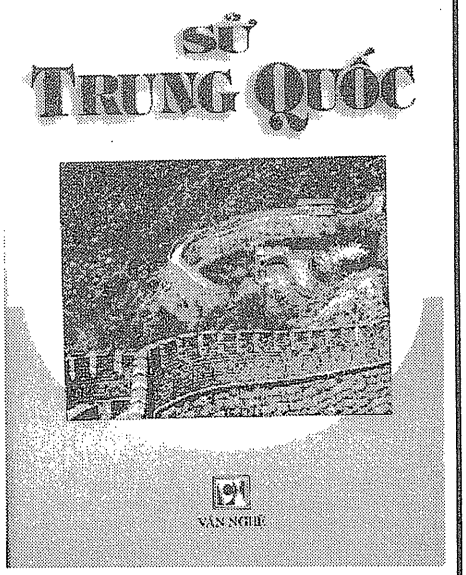

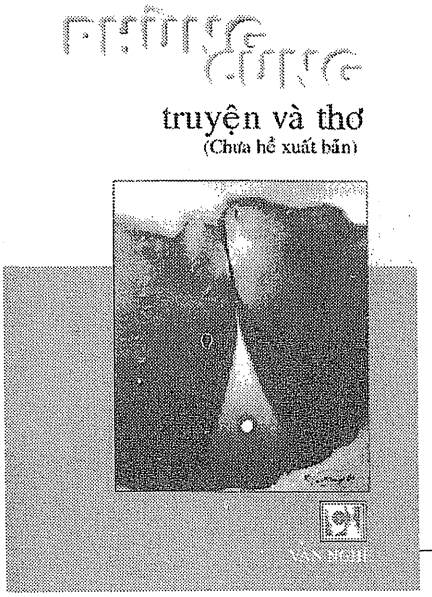

TRUYỆN VÀ THƠ
(chưa hề xuất bản)
của PHÙNG CUNG

"Đền bù những bất công đối với Phùng Cung
lúc còn sống và đặt những sáng tác giá trị
vượt thời gian của Phùng Cung
lên địa vị xứng đáng trong kho tàng văn hóa Việt Nam.
Đó là mục đích của chúng tôi
(Nhà xuất bản Văn Nghệ) khi thực hiện tuyển tập này."

Giá 22MK. Ngoài Mỹ 25MK

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683. USA
Tel: (714) 934-8574

LỊCH NHỰT THANH - GIÁP THÂN 2004

CƠ SỞ TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

ĐÃ PHÁT HÀNH

ĐÃ PHÁT HÀNH

TAM TÔNG MIỄU

NHỰT THANH

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU LỊCH TREO TƯỜNG VÀ LỊCH TỬ VI NHỰT THANH GIÁP THÂN 2004

Lộng Lẫy - Dễ Hiểu - Đạo Đức - Chính Xác - Linh Thiêng

BAO LA VẠN HỮU

* Cuốn LỊCH SÁCH TỬ VI BAO LA VẠN SỰ.
* Giàu sang, sinh tử, họa phúc, rủi may của Quí vị nằm trong LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH NĂM 2004.
* LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH nổi tiếng khắp nơi trên thế giới hơn 26 năm qua.
* LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH chính xác, linh thiêng, đạo đức, sâu sắc, phong phú và xinh đẹp từ hình thức đến nội dung.
* Trong thế giới đảo điên, hỗn loạn, khó khăn, LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH là kim chỉ nam bảo đảm chính xác cho Quí vị và gia đình thân thuộc.
* Không có LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH trong tay, quí vị có thể gặp nguy nan, hiểm trở, tai ách mà chẳng biết đường nào để cứu thoát mình và người thân cận chung quanh qua biển khổ.
* Bảo đảm LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH sẽ đem đến, hạnh phúc thành công, thịnh vượng, giàu sang và tránh được rủi ro, tai ách, đau khổ.

cho tất cả Quí vị.

Có lịch nhựt thanh trong tay,
Vẹn nguyên chân lý tháng ngày với anh,
Giàu sang, hạnh phúc màu xanh.
Soi tình yêu sáng nơi anh mỗi giờ

Nhựt Thanh kính mời

MỤC LỤC SÁCH TỬ VI THƯỢNG HẠNG

LỊCH NHỰT THANH - GIÁP THÂN (2004)

1. Lời mở đầu.
2. Tìm mãi thương yêu (Nhựt Thanh).
3. Không hề phôi phai (Khánh Ly)
4. Vận mệnh thế giới Giáp Thân (2004).
5. Bảng sao hạn năm Giáp Thân (2004).
6. Cách cúng giải hạn Tam Tai.
7. Bài thơ giải đoán sao Hạn.
8. Cách cúng giải trừ sao Hạn.
9. Cách dùng 12 trực.
10. Giải thích ngày Tam Nương.
11. Giải thích ngày Nguyệt Kỵ.
12. Bảng Tam Tinh.
13. Bảng giá thú.
14. Bàn tay tính cung chết.
15. Bảng xem Vận Niên cho các Tuổi.
16. Hạn Tam Tai.
17. Bàn tay Kim Lâu (Xem cất nhà năm nào tốt
18. Sanh tại Huỳnh Long Tử tại Huỳnh Đế
19. Để Quí vị biết sinh vào giờ nào.
20. Mẫu Tuế Tầm Tử Tuế.
21. Thập Nhị Huỳnh Long.
22. Nguồn gốc Khỉ và các loài Khỉ.
23. Tử vi Tây Phương 2004.
24. Tử vi Đông Phương Giáp Thân (2004)
25. Lịch năm Giáp Thân (2004).
26. Giới thiệu băng nhạc hay.

GIÁ BIỂU

* Lịch treo tường $12.00USD
(Mỹ quốc + Cước phí $ 3.00, Âu Châu +$ 10.00, Úc Châu +$ 16.00, Canada + $ 6.00)
* Lịch sách tử vi .....$ 27USD
(Mỹ quốc + Cước phí $ 3.00, Âu Châu +$ 10.00, Úc Châu +$ 16.00, Canada + $ 6.00)

Cấm trích dịch và in lại dưới mọi hình thức. Copyright©2004

các đại lý khắp nơi xin liên lạc trực tiếp về : **NHỰT THANH**

10342 Mc Clure Ave.
Garden Grove, CA 92843 USA
Tel/Fax: (714) 531-3413

BAN BIÊN TẬP

Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

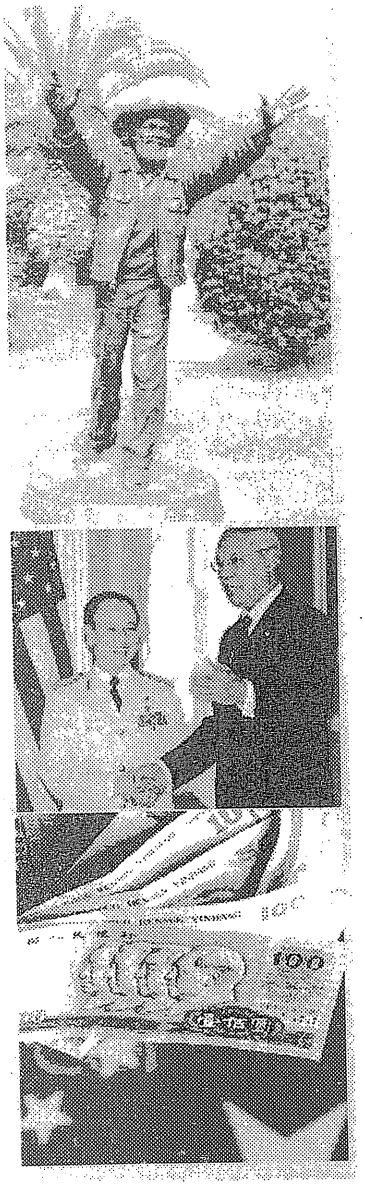

MỤC LỤC

Số 176 – Tháng Mười Hai 2003

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ

10. Mỹ thay đổi chiến lược ở Iraq – **Ngô Nhân Dụng**
17. Đằng sau cơn "sốt" vàng tái phát... – **Phạm Đỗ Chí và Quang Diệu**
19. Chuyến viếng thăm Mỹ của tướng Trà có cải thiện quan hệ Việt Mỹ? – **Xuân Quang**
23. Một năm trước bầu cử Tổng thống Mỹ – **Cổ Lũy**
30. Liệu cải tổ kinh tế và mở cửa buôn bán... – **Nguyễn Quốc Khải**

NGHIÊN CỨU

39. Giá trị văn chương nghệ thuật trong thi ca dân tộc ở hải ngoại – **Dương Như Nguyện**
101. Nét Huế trong tác phẩm của họa sĩ Tôn Thất Sa – **Bùi Oanh Hằng**
105. Nguyễn Văn Tường tham lam? – **Nguyễn Quốc Trị**

VĂN

65. Lá thư Bermuda – **Hà Kỳ Lam**
70. Nhảy chân sáo – **Song Thao**
76. Cuba Sí, Cuba No – **Trần Công Sung**
83. Thị xã – **Trần Yên Hòa**
88. Mối tình thầy tăng chùa Chí Hạ – **Mishima Yukio, Nguyễn Văn Thực** dịch
96. Chập chùng thoáng nhớ – **Thiên Hương**
112. Đi hay ở – **Nguyễn Hữu Chi**

THƠ

41. Buồn như mưa – **Quản Thụy Hoài**. 81. Mùa tạ ơn – **Lĩnh Hàn**. 86. Trời đất một màu mây – **Nguyễn Hà Tuệ**. 98. Cậy gió – **Mạc Phương Đình**. 114. Lòng nào như suối cạn – **Trần Mộng Tú**. 116. Dâng – **Tạ Ký**

Bìa: tranh của họa sĩ **Thái Tuấn**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Cao Bá Minh, Vũ Thái Hòa.**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Hà Kỳ Lam**, Tư liệu

MỤC THƯỜNG LỆ

7. Bạn đọc viết - 8. Tòa soạn và Bạn đọc 9. Thư Trị sự - 44. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng** - 50. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Từ Nguyên** - 60. Trang Chuyện Phiếm – **Song Thao** - 118. Sách báo trong tháng

Gặp nhau ở âm ty...

Ông Nguyễn Văn Vỹ, một độc giả trung thành của Thế Kỷ 21, nhận xét bài viết "Edward Teller và bom khinh khí", đăng trong Thế Kỷ 21, số 174, tháng 10, trang 117, có nói Roosevelt mất vào tháng 4 năm 1945, vậy mà Bohr còn gặp ông vào tháng 8 cùng năm. Ông hỏi: "vậy gặp ở âm ty à?"

Cảm ơn anh Vỹ đã chỉ cho lầm lẫn. Không, Bohr gặp Roosevelt ngày 26 tháng 8 năm 1944 trên dương thế. Ông mất năm 1962 và một người chân thiện như Bohr chắc không đến nỗi phải xuống âm ty thăm Diêm Vương. Vì tác giả không thể lầm nên chắc đó là lỗi tại nhà in and/or chủ bút. Vẫn chuyện sai lầm, trang 119 nói bom-H đào cái hố rộng chừng 50 mét; đúng ra, cái hố sâu chừng 50 mét chứ không phải rộng.

Một thiếu sót quan trọng hơn nhiều, có lẽ vì bị Microsoft Word bỏ quên trong khi chắp nối, có thể khiến độc giả hiểu lầm là đa số các nhà khoa học, nhất là những nhân vật quan trọng, trực tiếp chế tạo bom như Fermi, Bethe, Weisskopf, v.v. là những người đạo đức, lý tưởng cao, đã từ chối không chịu hợp tác làm bom khinh khí. Sự thực không hẳn như vậy.

Sau Đại Chiến Thứ Hai, các nhà khoa học quay về dạy học, nhưng cũng như người thường, họ vẫn bị cơn lốc của thời cuộc chi phối. Trước hết, Teller và cộng sự tìm được một phương pháp tương đối giản dị để cho nổ bom-H, điều đó có nghĩa là chắc chắn các nhà khoa học Nga rồi cũng sẽ tìm ra. Tiếp đó, tháng 6 năm 1950, chiến tranh Cao Ly bùng nổ, trừ một vài người như Weisskopf (theo ông, bom bỏ ở Hiroshima có thể có lý do chính đáng, nhưng bom bỏ ở Nagasaki ba ngày sau là một tội ác), họ nghĩ có bổn phận phải trở lại làm việc.

Một trong những nhân vật quan trọng không ai khác hơn là Bethe. Vài năm sau lương tâm ông vẫn không yên ổn. Năm 1954, sau khi bom-H đã được thử thành công, Bethe nói: "Tôi vẫn cảm thấy tôi đã làm một sai lầm. Nhưng tôi đã làm việc đó." (I still have the feeling that I have done the wrong thing. But I have done it.) Đó là chuyện về sau, trong khi làm việc họ sung sướng, hồ hởi như những đứa trẻ naughty, vớ được lọ kẹo, bởi vì ngày ấy tạo được điều kiện như một ngôi sao nhỏ ngay trên mặt đất là một vấn đề "vật lý tuyệt vời." Gordon Dean, chủ tịch Ủy Ban Năng Lực Nguyên Tử, tả lại những điều mắt thấy tai nghe trong một cuộc họp của những bộ óc hàng đầu: Teller, Bethe, Fermi, Wheeler... Ngồi quanh bàn tranh cãi, thi đua tính toán hay vẽ hình trên bảng đen không một chút bận tâm, sau hai ngày họ kết luận có thể làm bom-H được, cụ thể đủ để Dean dự trù ngân sách cho máy móc mới, để rồi một năm sau đó bom được thử nghiệm.

Còn những nhà khoa học "anh em" phía bên kia thì sao? Có người như Kapitza bị giam giữ nhiều năm vì không chịu cộng tác làm bom. Người khác như Sakharov, tuy sau này ông tuyên bố phản đối rất nhiều, đã được phong tặng huân chương Anh Hùng Lao Động đến ba lần

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

vì ông cũng là một cha đẻ của bom-H!

Nguyễn Đức Tường

Tổ trác

Tôi là người đọc báo Thế Kỷ 21 gần như từ số đầu tiên cách đây 14 năm, chưa bao giờ tôi gặp một số báo nhiều lỗi kỹ thuật như số 175 vừa rồi. Tất cả các dấu Ă bỗng nhiên biến mất hết, giống như chúng là một chủng loại riêng, cùng rủ nhau đi dự một biến cố gì hay lắm thuộc nòi giống của chúng, nên nhất loạt vắng mặt trong số 175. Hay là chúng dị ứng với con số 175, nên rủ nhau "nghỉ chơi" với số đó một cách đầy bí mật? Nhưng sự vắng mặt đột ngột không báo trước như thế tất nhiên gây khó chịu cho người đọc, không nặng nề lắm, nhưng tái diễn hoài hoài, cho đến khi đọc xong số báo.

Chưa hết đâu. Lại còn tình trạng bị đứt đoạn nửa chừng rải rác một số nơi. Điều này xảy ra nơi cuối trang 7 trong mục Ban Đọc Viết, trang 22 trong Lời Tòa Soạn giới thiệu bài Bàn Về Các Quả Bong Bóng Đầu Tư của Gs Phạm Đỗ Chí, các trang 39 và 40 (bài Một Số Suy Nghĩ Nhân Vụ Bùi Đình Thi) cuối mỗi trang mất độ ba dòng. Những lỗi này quả thật rất nặng, làm cho nội dung của bài viết không còn toàn vẹn. Dĩ nhiên là Tòa soạn sẽ xin lỗi và sẽ đính chính, nhưng cái hụt hẫng trong khi đọc lần đầu sẽ không một cái gì bù đắp được. Ở thời đại thông tin vùn vụt này không có ai huỡn đãi để một tháng sau lò mò tìm đọc lại một vài dòng thiếu trong số báo tháng trước.

Nghề nào cũng có "tai nạn nghề nghiệp." Người Việt Nam thì rất tôn trọng ông Tổ của nghề, và mỗi khi xảy ra tai nạn nghề nghiệp thì thường nói là bị "Tổ trác." Năm hết Tết đến rồi, báo Thế Kỷ 21 nên chuẩn bị lễ vật để cúng Tổ đi thôi. Vấn đề là quý vị có biết Tổ ngành báo của quý vị là ai không, vì nếu không biết thì cúng ai bây giờ?

Lê Văn Huấn (Internet)

"Một số suy nghĩ" chưa đủ!

Đáng lẽ quý vị nên dành cả số báo tháng 11 vừa rồi cho chủ đề vụ Bùi Đình Thi. Bài viết duy nhất về vụ này khá nặng ký, nhưng tôi nghĩ nên có thêm những bài khác liên quan đến nội vụ, để mọi người hiểu về vụ này rõ hơn. Theo tôi, sự quan trọng của vụ này là vì tính chất điển hình của nó: đó không phải là vụ duy nhất đã xảy ra trong – và ngoài nữa - vô số các trại cải tạo khắp nước Việt Nam gần ba mươi năm về trước. Bài viết "Một số suy nghĩ nhân vụ Bùi Đình Thi" giả thiết rằng mọi người đều biết rõ nội vụ rồi nên chỉ từ đó bàn rộng ra, cả về khía cạnh triết lý của sự việc, trong khi đối với nhiều độc giả ở xa vùng Little Saigon cần biết rõ thêm các tình tiết cụ thể những gì xảy ra.

Đã có rất nhiều cuốn sách viết về trại cải tạo, nhưng hầu như không cuốn nào đề cập đến khía cạnh "hại anh em" của chính những tù nhân miền Nam mất phẩm chất. Vụ Bùi Đình Thi nổ lớn ra thì nên nhân cơ hội này làm một hồ sơ đầy đủ để bổ túc tài liệu cho một giai đoạn lịch sử. Đáng lẽ báo Thế Kỷ 21 nên làm việc này, vì có đầy đủ yếu tố thuận lợi nhất để làm: đang ở giữa "tâm bão," nhân sự có sống trực tiếp nơi xảy ra sự việc, có nhiều liên hệ với vô số nhân chứng khác (gia đình cựu tù nhân Thanh Cẩm)... Tưởng tượng một trăm năm sau có một số sinh viên muốn tìm hiểu về hiện tượng này, vào lục trong thư viện mà có được một số báo tường thuật đầy đủ mọi diễn biến và tình tiết với hình ảnh của các nhân vật liên hệ thì họ mừng rỡ và sung sướng đến như thế nào!

"**Một độc giả**" từ San Jose

ĐÍNH CHÍNH CÁC SAI SÓT TRONG SỐ BÁO TRƯỚC

Chúng tôi rất lấy làm ân hận về rất nhiều sai sót về kỹ thuật trong số báo 175, tháng 11, 2003 vừa qua: Những dấu của chữ Ă đều biến mất, và một số câu bị thiếu. Thành thật xin lỗi các tác giả và quý độc giả.

Sau đây chúng tôi xin đăng lại nguyên văn các câu bị đứt đoạn:

- Trang 7, các dòng cuối:

Số báo cho tôi biết tầm quan trọng của năng khiếu vẽ nơi thiếu nhi, và người ta đã nâng niu đánh giá cao khả năng ấy như thế nào. Chỉ có tôi lâu nay coi thường và lấy làm bực mình ông con của tôi. Giá gia đình tôi mà ở vùng Little Saigon thì thế nào vợ tôi cũng cho con tôi đi thi vẽ chuyến vừa rồi, vì vợ tôi vẫn bênh vực cái tính ưa vẽ vời của nó. Và đó cũng là đề tài một số trận cãi vã giữa chúng tôi.

- Trang 22, phần LTS ở đầu bài:

LTS: *Nhân "cơn sốt vàng" ở VN trong mấy tháng gần đây, hai tờ báo Thế Kỷ 21và Ngày Nay đã thực hiện cuộc mạn đàm sau đây qua Email với GS Phạm Đỗ Chí về cơn sốt đó và vài vấn đề tài chính đang gây chú ý.*

- Trang 39, các dòng cuối, cột bên phải:

Nhận nhiệm vụ một cách kín đáo với an ninh trại báo cáo mọi sự việc xảy ra trong đám tù, nhất là những lời nói "phản động," các hành động "tiêu cực" và quan trọng nhất là các âm mưu trốn trại, đó là công việc để

chứng minh một cách mau chóng và rõ rệt nhất về sự "tiến bộ" của một tù nhân (hay ít ra người ta được hứa hẹn như thế).

- Trang 40, các dòng cuối, cột bên phải:

Cố gắng giữ tư cách trong tù không những vì danh dự hay vì nền giáo dục vốn có của cá nhân mình, mà một phần nào đấy còn vì thể diện của tập thể miền Nam nữa. Không ai nói ra nhưng trong thâm tâm những người đi tù chúng tôi đều mang ý đó. Nhiều người đã chết cũng vì muốn bảo vệ điều đó.

HỘP THƯ TRỊ SỰ

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trần Công Sung, Xuân Quang, Song Thao, Phạm Đỗ Chí, Nguyễn Quốc Khải, Trần Yên Hòa, Hà Kỳ Lam, Nguyễn Hoài Vân, Nguyễn Văn Thà, Khánh Hà, Thiên Hương, Quản Thụy Hoài, Cổ Lũy, Xuân Đỗ, Nguyễn Văn Thành, Võ Doãn Nhẫn, Võ Đình, Nguyễn Quốc Trụ, Vũ Thụy Hoàng, Hồ Phú Bông, Hoàng Chiều Nhân, Dương Kiền.

Thưa quý bạn đọc và văn hữu,

Vừa xong số báo tháng 12 này, Tòa soạn bắt tay ngay làm số Xuân. Vì chỉ mới "bắt tay" thôi nên vẫn còn chờ sự tiếp tay của tất cả quý vị: trong thượng tuần tháng 12, xin quý vị tiếp tục gửi bài vở cho số Xuân.

***Nhìn hình thức của số báo này, chắc quý vị có cảm giác gặp lại một cái gì xưa cũ. Lại in trên giấy báo, và lối trình bày không quá mới mẻ như hai số báo vừa qua. Thật ra trên con đường tự làm mới mình, chúng tôi đã thử một vài đổi mới, như quý vị đã thấy. Một số độc giả tỏ ra đồng tình, một số lại muốn giữ hình thức cũ. In báo trên giấy trắng thì hầu như ai cũng thấy là sáng sủa đẹp mắt hơn, nhưng cũng có người bảo: đó là giấy in sách, cùng lắm là các đặc san, chứ đã là báo đúng nghĩa thì phải in trên giấy báo. Riêng Tòa báo thì khi in giấy trắng, đã phải đương đầu với một phí tổn tăng vọt bất ngờ là giá bưu điện, vì giấy trắng nặng hơn giấy báo gấp bội. Nếu tìm thấy một loại giấy trắng nào mà trọng lượng vừa phải thì chúng tôi nghĩ dùng giấy trắng vẫn có nhiều ưu điểm, nhất là khi muốn in màu. Về cách trình bày mới mẻ thì rõ ràng là đẹp mắt, nhưng nhiều vị đã quen và yêu thích những gì đã thành nếp mười mấy năm qua, lại không muốn cách tân thái quá. Có vị đã phát biểu: Hình thức phải đi với nội dung. Tân kỳ quá về hình thức thì lại không hợp với nề nếp đã có của Thế Kỷ 21.*

Tất cả ý kiến của quý vị đều rất quý giá cho chúng tôi. Thế Kỷ 21 đang tổng hợp ý kiến, tiếp tục tìm tòi để có một nội dung và hình thức hòa hợp với nhau, và ở một trình độ ngày càng cao hơn.

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

La Trung Chanh MD – Tran Huynh Minh CA – Ton Nu Thu Nga CA – Tran Van Phe MN – Ngoc Tu H Vu MA – Bui Thi Ngoc Nga CA – Tu Van Dat MN – Lib: * Bergen Offentlige Bibli NORWAY * Deichmanske Bibliotek NORWAY * Fredrikstad Bibliotek NORWAY * Melhus Bibliotek NORWAY * Odense Banegaard Cent DENMARK (start Jan 2004) – Le Thi Tham CA – VH: Bui Ngoc To CA – Nguyen The Vien WA – Phuong Quoc Phi JAPAN – Le Tien Dat CA - LIB: Milpitas Comm CA – Tran Duc Chi CANADA – Tran H Dinh CA – Tran T Ngoc Dung CA – Chu Xuan Vien VA - LIB: * The Library (Menzies) AUSTRALIA * Anaheim Public Tech * Los Angeles Public Lib * Chinatown Branch Lib * Canoga Park Br Lib * Lincoln Hgts BR * Pomona Public Libr * South Branch Library * Columbia Br Lib – Huynh Van Ly GERMANY – Dao Duc Ky CA – Bui Thi Ngoc Loan GERMANY - Resource Services Serials FL – Luu Dong Hai CA – Nguyen Duy NV – Tran Ngoc My CA – Nguyen Di FRANCE – Duong Minh Chau CANADA – Tu Xuan CT – Nguyen Thanh Nam CA – To Van Minh CA – Bui Quyen CA – Phan Lac Tiep CA – Vu Thi Nghia CA – Luu Cam Ngan Ha DE – Dinh Van Minh TX – Le Thuy Van CA – Vo Doan Nhan CA – Tran Thao OH – Nguyen Ngoc Hoang GREECE - Dieu Q Thieu IN – Doan The Hoang NE – Hoang Xuan Thieu CA – Vo Van Dieu KS – Nguyen Hao CA – Bui Van Phu CA – Tran Thi Hang CA – Nguyen N Lam IL – Nguyen Dinh Khanh KS – Pham Tu Thien TX – Do Anh Tai CA – Tran Hai Tan CA – Nguyen Thi Dieu Thu CA – Duong T. Dzung MD – Dang Dong My, Canada – Nguyen Ba, SD CA – Nguyen Ngoc Kim PA – Tran Ngoc Du, TX.

ĐỘC GIẢ MỚI

Do Thi Nhung TX – Swets Blackwell Inc PA – Nguyen Quoc Tri MD – Salem Public Lib OR – Vinh Francis NORWAY.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Bui Thi Ngoc Nga CA – Le Xuan Chinh VA – Tran D Quang MA – Ba Ton That Trach France.

MỸ THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC Ở IRAQ

NGÔ NHÂN DỤNG

Giữa năm 2002 chính phủ Mỹ bắt đầu dự thảo kế hoạch đánh Iraq. Bộ Ngoại giao Mỹ mời 16 nhóm người Iraq lưu vong họp bàn một "Dự án Iraq Tương lai." Trong khi đó Tổng thống Bush trao việc tấn công và bình định Iraq cho bộ Quốc phòng, người đứng đầu là Thứ trưởng Doglas J. Feith. Họ thành lập một Văn phòng Tái thiết và Viện trợ Nhân đạo cho Iraq, do tướng hồi hưu Jay Garner chỉ huy. Bộ Quốc phòng không muốn bàn tới những dự án do Bộ Ngoại giao nghiên cứu và đề nghị. Ông Garner có kinh nghiệm giúp người Kurd ở phía Bắc Iraq giải quyết các vấn đề dân tị nạn trong thời chiến tranh Kuwait và Iraq năm 1991, cho nên trong chức vụ mới ông cũng chú tâm đến vấn đề này. Các vị chỉ huy bộ Quốc phòng Mỹ quan niệm sau khi lật đổ ông Saddam Hussein thì trao quyền cho những người Iraq lưu vong, đứng đầu là ông Hamed Chalabi, một chủ ngân hàng đã bị toà án kết tội lạm dụng tiền bạc ở Jordan. Họ huấn luyện 700 binh sĩ gồm những người lưu vong cho ông Chalabi, và đem về Baghdad ngay sau khi chiếm được thủ đô Iraq. Nhưng một tháng sau thì họ phải giải tán đám quân này. Và ông Tướng Garner được thay thế bằng ông Đại sứ Paul Bremer, vẫn trực thuộc bộ Quốc phòng. Năm tháng sau đó, trước tình hình quân sự ngày thêm rắc rối vì chiến tranh du kích, chính phủ Mỹ đã thay đổi lần nữa, đặt nhiệm vụ phối hợp chiến dịch Iraq dưới quyền bà Condoleezaa Rice, cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống George W. Bush. Và một tháng sau đó thì ông Bremer được triệu tập bất ngờ về Washington để thay đổi hẳn lịch trình chuyển giao quyền hành cho người Iraq.

Việc Mỹ chuẩn bị giai đoạn hậu chiến ở Iraq được ký giả George Packer mô tả bằng một ẩn dụ, trong tuần báo *New Yorker* số giữa tháng Mười Một. Ông theo một đại đội quân Mỹ thuộc tiểu đoàn 2 lữ đoàn bộ binh số 6, do đại úy John Prior chỉ huy. Có thời gian đại đội này được lệnh bảo vệ vùng phía bắc Baghdad, nơi có sở thú, trong một tháng. Sở thú cũng là một biểu tượng cho chế độ tàn bạo của đảng Baath và ông Saddam Hussein. Các con thú được nhốt trong chuồng chật hẹp và không có một dấu vết nào gọi là thiên nhiên. Đó là một "nhà tù nhốt thú vật" chứ không phải là sở thú, theo nhận xét của đại úy Prior.

Vào tháng Bẩy năm nay ông Giám quốc Bremer muốn chứng tỏ Baghdad đã trở lại đời sống bình thường, cho tân trang sở thú để dân chúng vào chơi. Sau khi tốn nửa triệu mỹ kim, Sở thú được tái khai trương rầm rộ, báo chí khắp thế giới loan tin. Nhưng sau đó một tháng, ký giả Packer trở lại thì không còn người nào đến coi sở thú. Vì không ai muốn mang gia đình tới đó, khi họ phải đi qua quá nhiều trạm gác nghiêm cẩn của binh sĩ Mỹ. Vào tháng Chín, khi đại đội của Đại úy Prior đã đi nơi khác, một toán lính Mỹ đã đến thăm chuồng cọp. Một anh lính say rượu đã đưa miếng thịt cho con cọp ăn, sau khi bàn tay anh biến mất trong miệng cọp người bạn phải bắn con cọp chết để cứu. Packer kết luận: Sở Thú Baghdad có vẻ kết hợp được tính chất tàn bạo của chế độ cũ với vài chuyện ngu dốt và bất cẩn của chế độ mới!

Trong khi các chính trị gia đảng Dân Chủ đang chỉ trích chính phủ Bush là lầm lẫn và bất lực trong việc bình định Iraq thì Tổng thống Bush đã đột ngột bay sang Baghdad trong một chuyến bay bí mật và nhanh chóng,để thăm binh sĩ Mỹ đang đồn trú nhân dịp lễ Tạ Ơn ở Mỹ, vào cuối tháng Mười Một.

Chuyến bay bất ngờ

Ngày 26 tháng Mười năm 1966 Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson bất ngờ phá ngang chuyến công du ở Á châu, bay thẳng đến căn cứ quân sự Mỹ ở Vịnh Cam Ranh thăm binh sĩ Mỹ. Ông chỉ cho đoàn tùy tùng biết quyết định đó vào ngày hôm trước. Ông lưu lại trên đất Việt Nam 2 giờ 30 phút, cũng giống Tổng thống George W. Bush bất ngờ ghé thăm quân đội Mỹ ở Baghdad, thủ đô Iraq trong tháng qua. Nhưng trong lịch sử Mỹ, vị tổng thống đi thăm chiến địa bất ngờ và mạo hiểm nhất phải kể là ông Abraham Lincoln vào cuối cuộc nội chiến Nam Bắc. Lúc đó quân đội miền Nam đang thất thế, thủ đô của miền Nam là Richmond, tiểu bang Virginia đã bị quân miền

Bắc chiếm, vị tổng thống Liên hiệp miền Nam là ông Jefferson Davis mới rời bỏ thủ đô được hai ngày. Ngày 4 tháng Tư năm 1865 ông Lincoln đến Richmond khi thành phố vẫn còn những đám cháy vì chiến trận chưa tàn, quân miền Nam và gián điệp của họ vẫn còn quanh quẩn. Hai tuần lễ sau đó thì ông Lincoln bị ám sát.

Năm nay Tổng thống Bush đi Baghdad để khích lệ tinh thần binh sĩ nhưng cũng nhắm gửi một thông điệp cho dân chúng Mỹ và dân Iraq biết quyết tâm của chính phủ Mỹ trong chiến trường Iraq. Chuyến đi phải nói là mạo hiểm, được chuẩn bị trong sáu tuần lễ nhưng được giữ bí mật đối với ngay cả vợ con và song thân ông Bush cũng như Phó Tổng thống Cheney, các vị Bộ trưởng Quốc phòng và Ngoại giao và Cố vấn an ninh quốc gia Condoleezaa Rice (Bà Rice sau đó đã tháp tùng ông Bush.) Họ chỉ biết vào ngày chót, riêng bà Laura Bush được chồng tiết lộ vài ngày trước đó.

Cuộc thăm viếng Lễ Tạ Ơn tiêu biểu cho cá tính ông Bush. Ông được nhiều người Mỹ yêu thích vì tính chất con người của ông, tuy hiện nay nhiều người không ủng hộ chính sách của ông đối với Iraq. Theo một cuộc nghiên cứu dư luận vào tháng 11, 2003 trước chuyến đi Baghdad, chỉ có 45% dân Mỹ ủng hộ đường lối của chính phủ ở Iraq, còn 51% chống đối. Vào tháng Tư năm nay có tới 77% dân Mỹ coi việc tấn công Iraq là nên làm, nay chỉ còn 48% nghĩ như vậy. So sánh với thân phụ ông, cựu Tổng thống George Bush, ta thấy vào tháng 11 năm 1991 ông bố được 51% dân chúng hoan hô, với 39% chê; còn vào tháng 11 năm 2003 trước khi ông Bush đi Baghdad ông cũng được 51% ủng hộ mà có tới 43% không ủng hộ. Chuyến thăm viếng quân đội lần trước của ông Bush, ngày 1 tháng 5, ông đáp máy bay xuống chiếc hàng không mẫu hạm Abraham Lincoln, đứng trước tấm biểu ngữ "Nhiệm vụ hoàn tất," và tuyên bố các trận chiến quan trọng đã chấm dứt. Cho tới hết tháng 11 đã có 436 quân nhân Mỹ thiệt mạng ở Iraq, trong số đó 298 người chết sau ngày 1 tháng 5.

Nhưng đối với người Iraq thì họ nghĩ sao? Rất nhiều người Iraq than rằng ông Bush bay đến xứ họ chỉ để thăm quân lính của ông và vận động tranh cử cho năm tới, không để ra một chút thời giờ nào gặp những người Iraq bình thường. "Ông ta đã dùng thủ đô Iraq như một nơi vận động tranh cử," một thanh niên Iraq nói. Ngày hôm sau, Thứ Sáu là ngày lễ cuối tuần trong đạo Islam, dân Iraq tới các giáo đường Hồi Giáo được nghe các giáo sĩ, phái Sun Ni cũng như phái Si A chỉ trích chuyến thăm viếng của Tổng thống Bush. Người Mỹ coi chuyến đi là một hành động can đảm, nhiều người Iraq lại nhìn thấy là nhút nhát.

Tổng thống Johnson còn đi thăm Vịnh Cam Ranh lần nữa vào năm 1967 để gắn huy chương cho các quân nhân Mỹ và chứng tỏ quyết tâm của ông theo đuổi một cuộc chiến đang bị nhiều người Mỹ phản đối. Nhưng năm sau thì ông phải tuyên bố không ra tranh cử nữa.

Mỹ chuyển hướng

Mấy tháng nay chính phủ Bush đã nhắc lại nhiều lần rằng: Iraq khác Việt Nam. Ý nói: Mỹ không thể sa lầy ở Iraq được. Ký giả Jules Witcover trên nhật báo *Sun* ở Baltimore công nhận Iraq khác Việt Nam ở nhiều điểm, trong đó ông thấy hai điều này mà chính phủ Mỹ không muốn nhắc tới: Thứ nhất: Quân Mỹ tới Việt Nam do lời yêu cầu của một chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, ở Iraq thì không có chính phủ nào mời Mỹ tới cả. Thứ nhì: Miền Nam Việt Nam đã bị quân đội miền Bắc từ ngoài tấn công, cho nên mới phải cầu cứu Mỹ; còn ở Iraq không có nước nào tấn công Iraq trước khi quân Mỹ đến.

Quả thật, Iraq khác Việt Nam nhiều lắm. Khi quân Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng, chính phủ Johnson giải thích với dân chúng là để bảo vệ một "tiền đồn" ngăn cản làn sóng cộng sản đang lan tràn ở Á châu. Đó là một đề tài được nhiều chính phủ Mỹ nhắc đi nhắc lại nhiều lần; ở Hàn quốc, ở Phi Luật Tân, vân vân. Cho nên dân Mỹ không thắc mắc gì cho đến khi họ phát chán vì chính phủ Mỹ không biết điều khiển cuộc chiến mà lại không nói hết sự thật, họ mới bắt đầu chống chiến tranh.

Ở Iraq thì khác. Tại sao nước Mỹ phải tấn công Iraq? Lúc đầu chính phủ Mỹ nhân vụ 11 tháng 9, tuyên bố chống khủng bố Hồi Giáo quá khích và đặt chính quyền Taliban ở Afghanistan với chính quyền Hussein ở Iraq vào trong một liên minh. Nhưng về sau chính ông Bush công nhận là Hussein không liên hệ gì với nhóm khủng bố al Qaeda cả.

Trước khi đánh Iraq, Tổng thống Bush đưa ra một lý do khác: Phải đánh Iraq vì chế độ Saddam Hussein đang chế những vũ khí hủy diệt tập thể, một đe dọa trực tiếp cho nước Mỹ cũng như vùng Trung Đông. Mỹ còn biện minh để tấn công mà không chờ Liên Hiệp Quốc cho phép.

Nhưng lý do thứ hai này đến bây giờ cũng không còn được chính phủ Bush nhắc đến nữa. Vì các thanh tra của Mỹ sáu bẩy tháng rồi vẫn

không thấy dấu vết vũ khí hủy diệt tập thể ở Iraq. Gần đây có những nhà khoa học vũ khí của Iraq thú nhận họ đã từng nói dối ông Saddam Husseinsein về khả năng chế bom nguyên tử của chính phủ Iraq!

Tổng thống Bush lại đưa ra lý do mới khiến nước Mỹ phải đánh Iraq. Ông nói, cuộc tấn công của Mỹ chỉ là một bước trong sứ mạng lâu dài của nước Mỹ; là xây dựng các chế độ dân chủ tự do trên thế giới, bắt đầu với vùng Trung Đông. Tất nhiên ai cũng đồng ý mục tiêu xây dựng dân chủ rất cao cả, nhưng chúng ta phải chờ coi dân chúng Mỹ có tin việc tấn công rồi chiếm đóng Iraq là cần thiết và ích lợi để tiến tới mục tiêu đó hay không. Ông Bush bảo: "Nếu nước Mỹ thất bại không xây dựng được một xứ Iraq dân chủ thì sẽ khiến các tay khủng bố trên thế giới càng mạnh bạo hơn, sẽ gia tăng mối nguy hiểm cho người dân Mỹ, và làm mất niềm hy vọng của hàng triệu người dân trong vùng." Như vậy là ông Bush đã đi đủ một vòng: Từ chống khủng bố, qua việc tìm kiếm vũ khí hủy diệt tập thể, đến xây dựng chế độ dân chủ cho nhân loại, rồi lại trở về chuyện chống khủng bố.

Nhưng chính phủ Mỹ muốn xây dựng chế độ dân chủ cho 22 triệu người Iraq như thế nào?

Câu hỏi thứ nhất là thời gian, với hai yếu tố quyết định. Một là nghị quyết của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc mà Mỹ đã vận động thông qua, trong đó yêu cầu chính phủ Mỹ công bố lộ trình thành lập một cơ cấu chính quyền của người Iraq trước ngày 15 tháng 12 năm 2003. Yếu tố thứ hai là cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ trong một năm nữa. Tổng thống Bush mong trước ngày bầu cử sẽ có các biến cố đánh dấu sự thành công của Mỹ ở Iraq. Nếu độ tháng Bẩy nước Iraq có hiến pháp mới, tin tức đó sẽ làm lu mờ đại hội chọn ứng cử viên tổng thống của đảng Dân Chủ. Chừng tháng Chín, cần tổ chức được bầu cử ở Iraq, để đến khi đại hội đảng Cộng Hòa họp (Ở ngay New York, cho dân chúng khỏi quên thành tích chống khủng bố của tổng thống) thì đích thân Tổng thống Bush có thể báo tin mừng cho dân Mỹ nghe!

Với những giới hạn thời gian đó, chính quyền Mỹ mong chuyển giao quyền hành cho người Iraq càng sớm càng tốt. Hơn một tháng trước, khi Pháp, Nga, Đức yêu cầu như vậy thì chính quyền Mỹ nhất định không chịu. Họ bảo rằng Mỹ không thể chuyển giao quyền hành cho Hội đồng chính quyền do quân Mỹ lập nên được, vì nhóm người đó không phải do dân Iraq bầu lên. Bây giờ thì chính người Mỹ muốn đi tới chuyển giao quyền hành thật nhanh, để ông Bremer sẽ được phong nhậm làm đại sứ Mỹ ở Baghdad, giống như ông Bunker ở Việt Nam trước đây.

Nhưng, còn câu hỏi nữa phải trả lời. Chuyển giao quyền hành như thế nào? Nhân viên trong bộ máy cai trị của giám quốc Bremer đã chỉ trích các người Iraq trong Hội đồng chính quyền lâm thời, rằng họ có khi không chịu đi họp, rằng nhiều người ở ngoại quốc về nhưng vợ con vẫn ở London, và họ không lo việc chung mà mạnh ai nấy lo quyền lợi của mình. Ông Hoshyar Zerabi, ngoại trưởng trong chính quyền lâm thời Iraq thì lại công khai chỉ trích "những vụ bất đồng" trong nội bộ chính phủ Mỹ gây trở ngại cho việc bình định Iraq.

Lúc đầu chính phủ Mỹ định triệu tập các "nhân sĩ" từ các địa phương về Baghdad để bầu một chính phủ lâm thơi. Nhưng một lãnh tụ phái Si A, Ayatollah Sistani đã phản đối, vì từ đầu ông vẫn đòi hỏi hiến pháp phải do một quốc hội lập hiến do dân bầu lên; và chính phủ Iraq phải do người dân bỏ phiếu chọn. Phái Si A sẽ được lợi hơn, vì trong các cuộc bầu cử người theo phái này gồm 65 phần trăm dân Iraq sẽ chiếm đa số. Nhưng nếu phái Si A được lợi thì phái Sun Ni sẽ tẩy chay không tham dự, và người Kurd cũng lo bị người Á Rập lấn áp.

Cuộc nghiên cứu mới công bố của CIA cho thấy uy tín của quân Mỹ và chính phủ Mỹ đã xuống rất thấp đối với dân Iraq. Đem súng đạn tới dậy chế độ dân chủ cho người dân một xứ, đó đã là một điều khó. Dậy chính trị cho người ta mà lòng người ta không kính phục, lại càng khó hơn.

Iraq hóa chiến tranh

Trong lúc ông Giám quốc Paul Bremer bay về Washington nhận chỉ thị về chính sách mới ở Iraq, quân đội Mỹ cũng thay đổi chiến thuật đối phó với các đám du kích chống đối. Họ mở một chiến dịch tên là Búa Sắt, và hạ búa đánh tới tấp. Hai mặt quân sự và chính trị trong chính sách mới của chính phủ Mỹ có thể hỗ trợ cho nhau. Một mặt, chính quyền sẽ được chuyển giao sớm cho người Iraq để thu phục nhân tâm, khiến cho các nhóm du kích chống Mỹ khó tuyển mộ thêm người. Mặt khác, biểu dương hỏa lực mạnh mẽ giống như thời còn đang chiến tranh, để dân Iraq vững tin vào quân đội Mỹ mà không lo sợ những thành phần chống Mỹ sẽ thắng, sẽ trừng phạt các người cộng tác.

Trên lý thuyết, đây là một chính sách chắc

thắng. Nhưng trên thực tế, có một vấn đề. Thời sẽ gian đứng về phía Mỹ hay phía chống Mỹ?

Hiện nay, theo ước lượng của bộ tham mưu quân sự Mỹ, chỉ có khoảng năm ngàn quân du kích chống Mỹ ở Iraq; so với 130 ngàn quân Mỹ và 25 ngàn quân các nước khác. Ngoài ra, còn có 131,000 người trong "lực lượng an ninh" phụ trợ người Iraq, sang năm sẽ tăng lên thành 200,000. Số quân Iraq phụ dịch này được tăng cường với tốc độ quá nhanh, không biết khả năng và lòng trung thành ra sao.

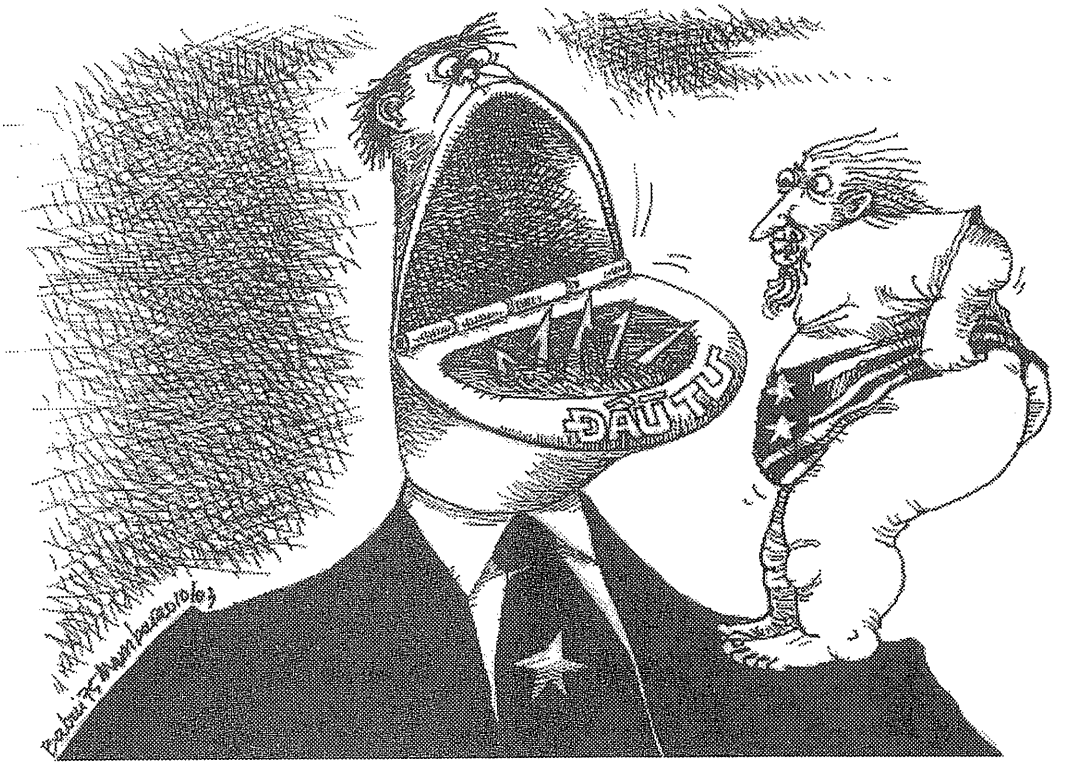

Nhưng người Mỹ cũng không biết quân du kích gồm những loại người nào. Chính phủ Bush thì rất muốn mô tả mấy ngàn quân du kích đó là do tổ chức al Qaeda huấn luyện đưa vào Iraq, sau khi Hussein đổ, để chứng tỏ đánh Iraq là phù hợp với chiến tranh chống khủng bố toàn cầu. Nhưng giới chỉ huy quân sự Mỹ tại chỗ không thấy chứng cớ nào, ngoài chiến thuật lái xe bom tự sát giống "dấu tay" của al Qaeda. Chiến thuật lái xe đầy chất nổ vào một tòa nhà thì đã được quân du kích ở Liban dùng làm chết mấy trăm Thủy quân Lục chiến Mỹ ở Beirut từ năm 1983. Hiện nay chiến thuật này cũng được đám du kích Con Cọp của dân Tamil ở Sri Lanka sử dụng để chống quân chính phủ. Cho nên cũng không chắc đó là dấu hiệu của nhóm al Qaeda. Liệu quân Mỹ có thể tiêu diệt các du kích nhanh hơn tốc độ bổ sung hàng ngũ của họ không, điều này chính ông Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld cũng thú nhận là không biết. Nhưng một điều chắc chắn là những toán du kích Iraq hiện nay đánh rất chắc chứ không tấn công bừa bãi nữa. Họ lại nhắm cùng những mục tiêu như nhau: đánh vào quân Mỹ khó thì họ tấn công các mục tiêu khác. Cho tới cuối tháng 11, ngoài con số 436 quân nhân Mỹ đã có 18 lính Ý, 7 sĩ quan tình báo Tây Ban Nha, 2 người Nhật, 2 người Nam Hàn, một người Colombia, và nhiều người Thổ Nhĩ Kỳ bị giết.

Các đám du kích Iraq có thể chờ đợi, chờ rất lâu cũng được vì họ đang ở xứ họ. Họ có nhu cầu phải đánh bao nhiêu trận, giết bao nhiêu người trong một tháng hay không? Họ có cần đuổi người Mỹ đi khỏi xứ trong một năm hay ba năm không? Bản báo cáo của CIA về lòng dân Iraq nói rằng mục tiêu của các nhóm du kích là chờ đợi, chờ cho đến khi nào quân Mỹ rút đi họ cũng chờ được. Từ ngày 1 tháng 5, là ngày Tổng thống Bush tuyên bố khải hoàn đến nay, đã có gần 190 quân Mỹ bị sát hại, không kể những người chết vì lý do khác. Trước ngày đó, Mỹ chỉ thiệt hại 122 người do chiến tranh mà thôi. Bản báo cáo của CIA nói rằng nếu quân Mỹ giết hay bắt được Saddam Hussein bây giờ, chắc tình hình cũng không thay

đổi.

Một đạo quân chinh phục phải làm cho người dân sợ và nếu có thể thì tin. Và phải đạt được một hoặc cả hai mục tiêu đó ngay từ đầu, càng sớm càng tốt. Chính phủ Mỹ và quân đội Mỹ có thể đã đạt được cả hai, nhưng đã để lỡ một thời gian quá dài, bây giờ ngày càng khó. Cuộc nghiên cứu của CIA cho biết đa số dân Iraq không tin người Mỹ đến xứ họ vì thiện chí; họ cho lý do chính là dầu hỏa. Sự thay đổi chính sách của người Mỹ từ khi chiếm đóng Iraq trong mấy tháng qua lại cho thấy chính phủ Mỹ đường lối bất nhất và không có sách lược lâu dài. Đấy không phải là một cách chinh phục niềm tin và lòng kính trọng của dân Á rập. Cuộc viếng thăm chớp nhoáng quân sĩ Mỹ ở phi trường Baghdad của Tổng thống Bush càng khiến cho dân Iraq thấy là ông Bush nhát. Mà dân Á rập chỉ kính trọng nhưng "người hùng." Về mặt quân sự, các nhóm du kích không cần tiêu diệt quân Mỹ, mà chỉ cần chứng tỏ cho dân Iraq thấy quân Mỹ không tiêu diệt được họ. Họ cũng không cần thuyết phục dân Iraq giúp họ tái lập chế độ Hussein, mà chỉ cần đe dọa khiến dân không dám giúp quân Mỹ là đủ.

Các toán du kích chống Mỹ có chỉ huy thống nhất hay không? Không biết họ là ai, cho nên cũng không thể giả thiết là họ có một bộ chỉ huy, có phối hợp với nhau. Vũ khí thì ở Iraq còn nhiều lắm. Hai tháng trước, ở Baghdad giá một trái lựu đạn chỉ có 10 xen (xu Mỹ), đến tháng 11 giá tăng lên gần 3 đô la Mỹ, không phải vì lạm phát mà vì số cung có giới hạn mà số cầu vẫn gia tăng. Một người Iraq tìm đến một sĩ quan Mỹ mặc cả: Tôi sẽ chỉ cho ông một kho chứa hỏa tiễn chống xe tăng, ông chịu giá bao nhiêu? Một ngàn đô la? Năm trăm đô la?

Nhiều người có động cơ chống Mỹ quá. Những quân cảm tử đã từng theo Hussein, bây giờ không cần Hussein bảo, họ cũng có thể chống Mỹ vì họ không có việc gì khác để làm. Nhiều người đi tìm giết người Mỹ để trả thù cho anh, em, con hay người trong cùng bộ tộc đã bị quân Mỹ giết. Đây là một xứ còn theo văn hóa bộ tộc. Người theo phái Sun Ni ghét Mỹ vì họ mất các độc quyền trong chế độ cũ. Người Shi A cũng có người ghét Mỹ vì Mỹ không chịu trao thêm quyền cho họ. Quân du kích đã tập trung các vụ tấn công trong vùng "tam giác Sun ni" phía tây bắc Baghdad. Nhưng gần đây họ đã tấn công quân Anh, quân Ý và Tây Ban Nha ở trong vùng người Shi A sống. Có ai chỉ định các mục tiêu mới đó hay không? Không biết.

Những cuộc tấn công vào các khu dân sự, như trụ sở Liên Hiệp Quốc, Hội Hồng Thập tự, các tòa đại sứ Jordan và Thổ Nhĩ Kỳ, rồi thường dân Nhật, Hàn quốc, cho thấy các toán du kích chủ mưu có tính toán. Họ muốn nhắm vào các tổ chức quốc tế và các nước đồng minh của Mỹ. Mục tiêu: Xin quý quốc hãy rời bỏ Iraq! Chính phủ Nhật đã phản ứng; sau khi 18 quân Ý chết, Tokyo đã quyết định hoãn chưa gửi quân sang Iraq. Nam Hàn cũng quyết định sẽ chỉ gửi sang 3,000 mặc dù chính phủ Mỹ yêu cầu 10,000. Quân du kích trong khi chờ đợi họ làm nản lòng dân các nước đang ủng hộ Mỹ. Vào tháng Tư vừa qua, có 64% dân Anh ủng hộ cuộc chiến, chỉ có 24% chống. Gần đây, số chống là 49% và số ủng hộ xuống 37%. Dân Ba Lan, nước đã gửi 2,300 quân sang Iraq giúp Mỹ, chỉ có 38% ủng hộ việc tham chiến. Chính phủ Tây Ban Nha đã ra lệnh rút bớt nhân viên về nước.

Nhưng còn Liên Hiệp Quốc và Hội Hồng Thập tự thì sao? Họ đã rút nhân viên khỏi Iraq, khiến nhiều tổ chức từ thiện khác cũng rút đi.

Báo chí ở Mỹ thường nghĩ rằng khi quân du kích đánh vào các tổ chức dân sự và từ thiện đang tới để giúp dân Iraq thì chính người dân Iraq sẽ chống lại. Nhưng ở Iraq thì từ năm 1991 đến nay, các nghị quyết cấm vận của Liên Hiệp Quốc là nguyên nhân khiến dân chúng thiếu thực phẩm và thuốc men, chính phủ Hussein luôn luôn giải thích với dân chúng điều đó. Còn đối với nhiều người Á rập riêng dấu hiệu chữ thập đã nhuốm mầu sắc tôn giáo đối nghịch với họ rồi. Ở các xứ Hồi Giáo không có hội Chữ thập đỏ, mà chỉ có hội Lưỡi Liềm đỏ, lưỡi liềm là biểu tượng của Hồi Giáo.

Muốn thắng chiến lược chờ đợi của quân du kích, chính phủ Mỹ phải chứng tỏ mình cũng kiên nhẫn, có thể chờ đợi lâu hơn bên địch. Tài nguyên của nước Mỹ có đủ để kéo dài cuộc chiếm đóng hàng chục năm nữa. Người Mỹ không có ý chiếm thuộc địa, họ sẽ chứng tỏ rằng họ sẵn sàng trao quyền hành cho một chính phủ Iraq càng sớm càng tốt. Họ có đủ hỏa lực để trả đũa quân du kích mỗi khi bị tấn công.

Chỉ có một điều khó đối với chính phủ Mỹ, là họ muốn kết quả gấp, làm sao có kết quả trong vòng một năm, trước ngày bầu cử ở Mỹ. Đây là một cuộc chiến trường kỳ, nhưng chính phủ Mỹ cần kết quả sớm. Và đó có thể là yếu tố làm cho nước Mỹ thất bại. Chính phủ Mỹ có thể sẽ đưa ra

một chính quyền dân sự Iraq rất sớm, nhưng không có thời giờ sửa soạn cho chính quyền đó đoàn kết được mọi phe phái và thu phục lòng dân. Chính phủ Mỹ có thể dùng các biện pháp quân sự Búa Sắt mạnh mẽ quá, khiến số tổn thất nhân mạng cho thường dân Iraq tăng lên. Cứ như vậy, về chiến thuật có thể thành công nhưng các mục tiêu chiến lược sẽ không đạt được.

Nhưng có khi chính phủ Mỹ nghĩ rằng chỉ cần thắng về chiến thuật cũng đủ thỏa mãn rồi. Như thời 1970 đến 1972, cố Tổng thống Nixon hô hào kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh. Cổ động, tuyên bố, rất rầm rộ, nhưng thiếu ngân sách, không cho cả thời gian để thực hiện. Cuối cùng cả chiến dịch đó chỉ che đậy một kế hoạch khác, quan trọng hơn, là rút quân về trong trật tự. Đó mới là mục tiêu thật. Tuy kế hoạch Việt Nam hóa thất bại, nhưng ông Nixon thành công. Năm 1972 ông tái đắc cử vẻ vang.

Kế hoạch Iraq hóa chiến tranh cũng có thể mang lại tác dụng đó. Nhưng khác Việt Nam ở một điểm, là nếu ông Bush sang năm đắc cử thì sau đó chắc ông sẽ không chủ trương bỏ chạy như các ông Nixon và Kissinger ở Việt Nam.

Xây dựng xứ Iraq Dân Chủ

Trước khi người Anh tới Iraq vào đầu thế kỷ 20, miền đất này thuộc đế quốc Ottoman suốt 400 năm. Thời đó không có nước nào tên là Iraq, chỉ có ba "tỉnh" đặt dưới quyền cai trị của đế quốc mà trung tâm nằm ở Thổ Nhĩ Kỳ. Vùng nằm giữa hai con sông Euphrates và Tigris vốn là một ngã tư quốc tế, Baghdad từng đóng vai thủ đô của nhiều đế quốc từ ngàn năm trước, từ đế quốc Á rập, Ba Tư, Mông Cổ, đến Thổ Nhĩ Kỳ. Cho nên nếu người dân ở Baghdad tự nhiên mang một tấm lòng tự hào thì cũng hiểu được, vì họ là dân miền đất có gốc văn hiến! Vào cuối trận đại chiến thứ nhất 1914 – 18, người Anh muốn phá hậu cứ của đế quốc Ottoman nên đã xúi dục dân Á rập nổi lên, với lời hứa hẹn sẽ giúp họ thành lập một quốc gia độc lập. Nhưng sau đó các nước thắng trận chia vùng này cho các đế quốc Pháp, Anh, và người Anh lãnh miền đất nằm giữa hai con sông – Mesopotamia. Từ năm 1920 họ gom ba tỉnh lại thành một nước đặt tên là Iraq, không cần biết đến trong nước này có những chia rẽ về chủng tộc và tôn giáo.

Năm 1918, toàn quyền Arnold Wilson do chính phủ Anh bổ nhiệm đã chủ trương giống như ông Paul Bremer, Giám quốc người Mỹ bây giờ. Ông cai trị trực tiếp ba tỉnh của Iraq. Nhưng người phụ tá của ông, bà Gertrude Bell khuyến cáo ông nên trao quyền cho người Á rập địa phương, không nên trực tiếp cai trị. Bà viết vào đầu năm 1920: ".. chúng ta không nên khép người Á rập vào trong cái khuôn của chúng ta, nếu không thì trong vòng một năm, hay ngắn hơn, chúng ta sẽ bị họ đẩy ra." Toàn quyền Wilson không nghe. Quả nhiên, sau đó dân Á rập nổi loạn, 500 binh sĩ Anh và lính thuộc địa của họ tử trận. Năm 1921, chính phủ Anh chuyển giao quyền hành cho người Á rập, và họ chọn một hoàng thân nhập cảng từ Á rập Sau đi sang trị vì, đó là vua Faisal I. Hiện nay số quân nhân Mỹ và đồng minh bị chết cũng khoảng 200 người. Tháng Sáu năm tới, chính quyền lâm thời của Mỹ cũng sẽ trao quyền hành cho một chính phủ người Iraq giống như vậy.

Nhưng chính phủ mới của Iraq sẽ ra sao? Theo dự án của Tổng thống George W. Bush thì tháng Năm sang năm Mỹ sẽ trao quyền cho một chính phủ Iraq mới, rồi tới năm 2005 Iraq sẽ trở thành một quốc gia dân chủ để làm kiểu mẫu cho các nước Á rập và Hồi Giáo trong vùng. Có thực hiện được sứ mạng khai hóa đó mới bõ công đem quân Mỹ sang lật đổ ông Saddam Hussein và chiếm đóng xứ này.

Nhưng nếu mục tiêu cao thượng của ông Bush là xây dựng một chế độ dân chủ làm mẫu cho người Á rập vùng Trung Đông, thì đáng lẽ ông không nên chọn Iraq làm nơi thí nghiệm. Những quốc gia thân Mỹ, như Jordan, Ai Cập, và Thổ Nhĩ Kỳ có thể dân chủ hóa làm mẫu dễ dàng và ít tốn kém hơn. Chắc chắn không tốn đến 87 tỷ mỹ kim. Xứ Iraq ngược lại, là một nơi rất khó biến thành một quốc gia dân chủ để làm mẫu.

Trước khi lên đường sang Anh quốc, Tổng thống Bush nói với David Frost, đài BBC rằng "Tôi nghĩ dân Iraq dư khả năng điều khiển công việc xứ sở của họ." Trong câu nói khen ngợi đó, giả thiết có một "xứ sở" của dân Iraq. Nhưng Iraq là một sản phẩm chính trị nhân tạo. Ghép ba tỉnh của đế quốc Ottoman cũ vào với nhau là một việc gượng ép. Người Anh đã từ chối không thỏa mãn khát vọng lập quốc của dân tộc Kurd, bắt một số người Kurd theo Hồi Giáo phái Sun Ni phải làm dân xứ Iraq, còn những người Kurd khác làm dân Thổ Nhĩ Kỳ hay dân Iran, đó là một việc làm thất nhân tâm. Còn lại, những người Á rập ở Iraq cũng chia ra hai nhóm, nhóm thiểu số theo phái Sun Ni trong Hồi Giáo nhưng họ có trình độ phát triển cao hơn và tập trung ở gần các đô thị lớn. Nhóm

đa số theo phái Si A ở phía Nam và phát triển chậm hơn. Người Sun Ni, thuộc giáo phái lớn trong toàn thể những người theo đạo Islam, vẫn coi thường người theo phái Si A như bọn "phản đồ." Người Sun Ni ở gần trung tâm chính quyền từ thời các đế quốc, vẫn tự cho họ là giới quý tộc ở miền Lưỡng Hà này. Những nhóm dân theo phái Si A ở Nam Iraq và ở Iran vẫn bị bao vây như các ốc đảo giữa một sa mạc người theo phái Sun Ni.

Ba khối người: người Kurd, người Á rập Sun Ni và Á rập Si A đã được người Anh ghép lại thành nước Iraq từ hơn 80 năm trước. Bây giờ người Mỹ đến lãnh, và tính biến ba nhóm dân này thành một "quốc gia hàng mẫu" về chế độ dân chủ. Quả là một công trình khó khăn.

Trong số 22 quốc gia Á rập chưa có nước nào theo chế độ dân chủ thật sự, trong đó nhiều quốc gia thuần chủng và cùng theo phái Sun Ni. Ngoại trưởng Colin L. Powell mới nói rằng trong 1 tỷ 300 triệu người Hồi Giáo đa số đang sống trong các nước dân chủ hay trên đường dân chủ hóa. Ông nêu tên những nước như Jordan, Oman, Qatar, Yemen. Nhưng nếu đó là những nước dân chủ thì định nghĩa chế độ dân chủ hơi dễ dàng quá! Các nước trên đều nhỏ, dễ tổ chức, và họ không chứa những mầm mống chia rẽ nội bộ như xứ Iraq, cho nên dễ dân chủ hóa hơn nhiều. Còn muốn kết hợp ba khối dân Kurd, Sun Ni, Si A lại với nhau, từ đầu tới giờ vẫn phải có một chính quyền độc đoán từ Baghdad khép tất cả vào vòng kỷ luật của một chế độ tàn bạo. Các chế độ của người Iraq, từ các vua Faisal, Tướng Kassim đến Hussein đều độc tài và sử dụng thiểu số người theo phái Sun Ni để thống trị người Kurd và người Si A. Bây giờ yêu cầu họ sống chung trong một quốc gia, theo một hiến pháp và luật pháp dân chủ, không biết đến bao giờ mới thực hiện được điều đó.

Một thí dụ trước mắt là xứ Afghanistan, đó là một quốc gia thành lập từ thế kỷ 19 và đã nhiều lần tranh đấu dành độc lập nên dễ đoàn kết với nhau hơn. Quân đội Nato ở Afghanistan cũng có thiện chí thành lập một quốc gia dân chủ, với chính quyền trung ương ở Kabul. Nhưng cho tới nay, chính quyền của Tổng thống Karzai chỉ cai trị vùng chung quanh thủ đô, ngoài ra là các vùng của các lãnh chúa hoàn toàn không theo lệnh chính phủ trung ương. Các toán du kích Taliban lại đang tái hoạt động, mà chính phủ Pakistan thì không nỗ lực thanh toán các tàn quân Taliban cũng như không tích cực tìm bắt ông Osama bin Laden. Vì nếu việc đó làm xong thì Mỹ sẽ không cần đến Pakistan nữa. Viễn tượng một quốc gia dân chủ ở Afghanistan còn xa vời.

Vậy các chính phủ Anh và Mỹ nên làm gì ở Iraq? Trước hết, muốn ba khối dân xung đột từ nhiều thế kỷ sống chung trong một nước dân chủ, hãy tập cho họ sống dân chủ riêng từng nhóm một. Người Kurd đã tự trị từ năm 1991 đến nay, nhờ được Mỹ bảo vệ để chống lại Saddam Hussein. Người Sun Ni và người Si A nên tổ chức chính quyền riêng rẽ, giống như các tiểu bang. Ba khối người đó nên tổ chức bầu cử tự do để làm quen với thể thức chính trị mới. Sau đó, mới nên nối kết họ lại thành một quốc gia Iraq thật.

Người Mỹ với người Anh và Pháp đã thí nghiệm đường lối này ở Đức sau đại chiến thứ hai. Quân đội chiếm đóng đã cho tổ chức bầu cử tự do ở các làng, các thành phố, các tiểu bang. Sau đó đợi tới lúc chín mùi mới thành lập một liên bang Cộng Hòa Đức. Nước Đức thuần nhất và có trình độ giáo dục cao, đời sống kinh tế cao hơn dân Iraq bây giờ, nhưng đến tháng Năm năm 1949 mới có Cộng Hòa liên bang Đức. Chắc nước Iraq còn phải chờ nhiều năm hơn, và nước Iraq Dân Chủ thì còn chờ lâu hơn nữa.

Việc thành lập một quốc gia, một nước dân chủ, là một kế hoạch kéo dài hàng thế hệ. Không nên đặt ra trong khuôn khổ một mùa tranh cử ở nước Mỹ.

Trong khi chiến trường Iraq còn dai dẳng thì mặt trận khủng bố quốc tế đã lan sang các nước khác, như Á rập Sau Đi và Thổ Nhĩ Kỳ, với những vụ đặt bom nổ giống như ở vùng Palestine. Và chiến tranh Iraq đã gia tăng số thanh niên Á rập và Hồi Giáo chống Mỹ khắp thế giới, giúp cho các tổ chức khủng bố tuyển mộ quân dễ dàng hơn. Cuộc chiến Iraq lại khiến chính phủ Mỹ giảm bớt sự chú ý và tài nguyên cho xứ Afghanistan. Từ khi được Mỹ giải phóng, số thuốc phiện do Afghanistan sản xuất đã tăng lên 36 lần hơn thời chính phủ Taliban cai trị, vì các lãnh chúa địa phương đều kiếm lợi nhờ bọn buôn ma túy. Nếu bây giờ quân Mỹ bắt được ông Hussein, ông Omar lãnh tụ Taliban và ông Osama bin Laden thì liệu tình hình có thay đổi hay không? Những toán du kích và khủng bố chắc vẫn tiếp tục hoạt động và trong mấy năm sẽ có những thủ lãnh mới xuất hiện.

Cho đến khi nào vấn đề tranh chấp giữa người Palestine và người Do Thái ở Israel được giải quyết, một nước Palestine độc lập thành hình, thì mối hận của người Á rập đối với chính phủ Mỹ và nước Israel mới giảm bớt được.

ĐẰNG SAU CƠN "SỐT" VÀNG TÁI PHÁT
VÀ ĐỢT SÓNG NGẦM CỦA TIỀN YUAN

PHẠM ĐỖ CHÍ & QUANG DIỆU
(Vientiane 16/11/2003)

Thời sự tài chính thế giới tuần qua lại đang xôn xao với giá vàng trở lại cơn sốt, vượt các mức kỷ lục cũ trong 10 năm qua và đến gần mức 400 USD/ounce, sau khi đã tạm im lắng vài tuần sau kỳ họp vào ngày 4-5 tháng 9 của các bộ trưởng tài chính của khối APEC tại Phuket, Thái Lan. Chúng tôi đã có dịp bàn đến những lý do kinh tế "căn bản" trong một bài trước đây phân tích vài lý do khiến vàng có thể tăng giá trở lại và vượt mức "tâm lý" quan trọng là 400 USD. Chúng tôi cũng nói đến áp lực từ khối Âu Mỹ, nhất là phía Hoa Kỳ, muốn đồng nhân dân tệ (yuan) của Trung Quốc (TQ) lên giá để làm giảm bớt mức xuất khẩu khổng lồ của TQ trên thế giới nhất là sang Hoa Kỳ, hầu làm giảm mức thua lỗ của cán cân vãng lai Mỹ và là biện pháp để làm dịu bớt căng thẳng chính trị Mỹ-TQ do nạn thất nghiệp Hoa Kỳ vẫn ở mức cao. Vì giới công nhân Mỹ cho rằng họ mất hoặc không có việc trong các ngành công nghệ do bởi hàng TQ rẻ với tỷ giá thấp của tiền yuan đã "xâm lăng" thị trường Mỹ quá nhiều.

Trong bài này chúng tôi sẽ trở lại các vấn đề trên và thêm vào vài phân tích mới để nhận định giá vàng có thể tiếp tục tăng trong vài tháng tới lên trên mức 400USD, và riêng ở VN cơn sốt quen thuộc sẽ có thể bị nặng thêm lúc qua mức "tâm lý" 7,5 triệu DVN/một cây vàng nếu nhu cầu tích trữ vàng như tài sản lên cao trong dân chúng và nhất là lúc có thêm các tay có "máu" lại nhảy vào đầu cơ.

Giá vàng tăng: các phân tích "căn bản" và "kỹ thuật" cùng gây áp lực?

Trong các phân tích chuyên môn về giá cả hàng hóa hay của các cổ phần trên các thị trường chứng khoán quốc tế, có hai lối phân tích được dùng thường xuyên: phân tích căn bản ("fundamental analysis") dựa trên các lực cung cầu để giải thích giá lên hay xuống; và phân tích "kỹ thuật" ("technical analysis") hay còn gọi là phân tích bằng đồ thị ("chart analysis") dùng đến cả tỷ trọng của mức cung cầu để giải thích giá cả lên xuống mạnh hay yếu. Thí dụ, lúc giá đang tăng do cầu nhiều hơn cung, phân tích kỹ thuật xem cả nếu số lượng hàng ("quantity") mua bán cũng lên cao và sẽ dẫn đến kết luận giá còn tăng nữa và sẽ có khả năng tăng nhanh hơn tốc độ bình thường chỉ do cung cầu. Điều này có thể làm dễ hiểu hơn với thí dụ mới đây lúc giá vàng tăng, ngoài chuyện mua bán do nhu cầu bình thường như sản xuất hàng nữ trang hay công nghệ, nếu có các yếu tố đầu cơ lớn thêm vào thì số

lượng vàng trao đổi cũng tăng vọt trên hình vẽ mua bán.

Giá vàng trên thị trường thế giới 60 ngày qua 16/9-15/11/2003, cao nhất 396,7 USD/ounce ngày 14/11 và thấp nhất 370,2 USD/ounce ngày 13/10

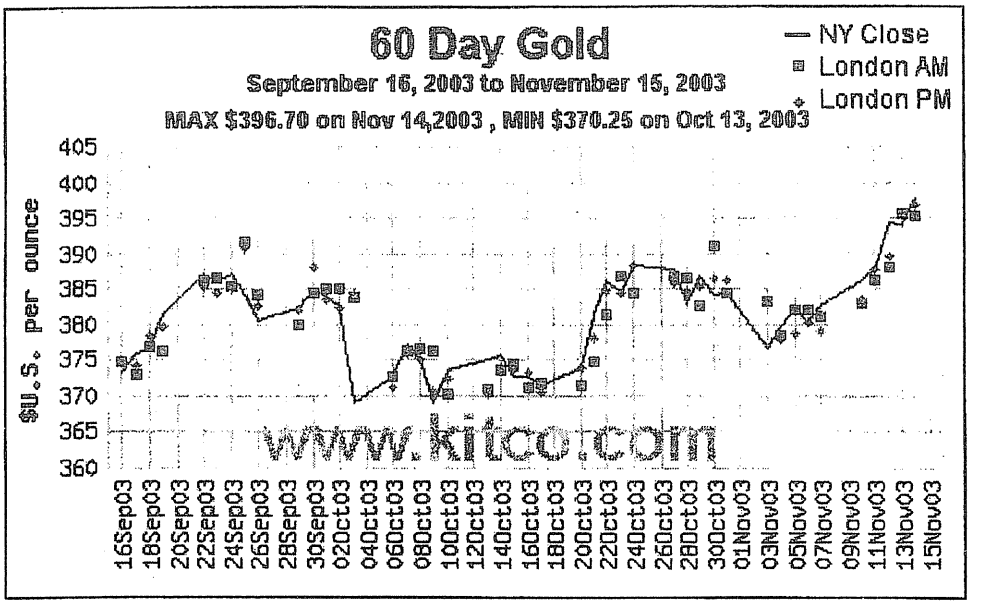

Nguồn: http://finance.yahoo.com

Trở lại phân tích căn bản, giá vàng vài tuần qua sau những phân tích của Quĩ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tiếp tục cho thấy vì thất thu lớn trong cán cân vãng lai, đồng đô la Hoa Kỳ sẽ còn tiếp tục yếu dần dù trong vài tuần qua có lúc đô la đã vụt trở lại mạnh trong ít ngày (đây là yếu tố căn bản cần ghi nhớ: không bao giờ giá sẽ chỉ đi một chiều theo đường thẳng mà theo hình "zic zac" lên xuống trong ngắn hạn dù đang theo "đường lên" trong lâu dài do các tay mua bán thường xuyên "lấy lời" ("profit taking") ngắn hạn). Và nếu ngân sách Hoa kỳ cứ tiếp tục thất thu khổng lồ trong năm bầu cử TT Mỹ và Cục Dự trữ Liên bang (Fed) phải tiếp tục giữ lãi suất ở mức thấp như hiện nay, giá vàng sẽ còn "sức" lên cao. Ngoài ra do áp lực rất mạnh của Hoa Kỳ sau kỳ họp thượng đỉnh APEC, nhu cầu mua tiền yuan của thị trường bán chính thức càng lên cao vì ai cũng nghĩ sau cùng tiền TQ sẽ phải lên giá, và các ngân hàng nhà nước, nhất là ở Á châu, đang mua thêm vàng để thay thế đồng đô la trong khối dự trữ ngoại tệ của họ.

Đồng nhân dân tệ (YUAN) được định giá quá thấp?

Chừng nào Trung Quốc vẫn còn duy trì kiểm soát dòng chảy ra của vốn, dư thừa cả tài khoản vãng lai và tài khoản vốn và dự trữ ngoại hối lớn chứng tỏ giá trị của đồng tiền Nhân dân tệ được định giá rất thấp. Viện Brookings của Mỹ nhận định đồng NDT bị đánh giá thấp hơn giá trị thực khoảng 15-25%. Nghiên cứu của Viện Brookings cho rằng nếu đồng nhân dân tệ được đánh giá đúng, tức tăng giá trị lên 15-25% so với hiện nay, sẽ giúp cán cân thanh toán chung của Trung Quốc được cân bằng hoặc sẽ góp phần làm giảm những mất cân bằng trong thanh toán quốc tế, đặc biệt là giảm thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ ở mức "có thể chấp nhận" nhất. Theo dự đoán của một số chuyên gia quốc tế, có thể Trung Quốc sẽ chấp nhận thay đổi tỷ giá từ từ theo ba giai đoạn: (i) tăng biên độ giao động; (ii) cho tỷ giá tiền NDT tăng từ 5-10% trong đợt đầu và (iii) để đồng NDT trượt giá sau đó sẽ giao động theo mức cung cầu thị trường.

Còn về phía phân tích kỹ thuật theo đồ thị, khi giá vàng vượt mức "rào cản" ("resistance level") là 385 USD/ounce với số lượng vàng mua bán rất lớn mỗi ngày, các nhà phân tích đã tiên đoán khá chính xác là giá sẽ tăng vọt lên gần mức 400 USD. Đây mới là rào cản quan trọng về cả mặt tâm lý, và giá sẽ còn biến động "zic zac" trong nhiều ngày do nhiều người muốn lấy lời ngắn hạn, trước khi giá có thể vượt mạnh qua mức này. Tóm lại sẽ còn rất nhiều sôi nổi trong thị trường nóng này trên thế giới trong vài tháng tới, và tại Việt Nam có lẽ sẽ làm nhiều giới chuyên môn hay kinh doanh để ý hơn, và cơn sốt vàng có thể làm tạm quên cơn sốt đất cho các tay có 'máu'. Nhưng cần lưu ý rằng trong bất cứ "cuộc chơi" nào cũng có tay bị sạt nghiệp vì tính toán sai hay nhất là thiếu "Nàng May Mắn" ("Lady Luck").

CHUYẾN VIẾNG THĂM MỸ CỦA TƯỚNG TRÀ
CÓ CẢI THIỆN QUAN HỆ VIỆT-MỸ?

XUÂN QUANG

Từ ngày 10 đến ngày 14 tháng 11, 2003, Bộ trưởng Quốc phòng của Việt Nam, tướng Phạm Văn Trà đã thăm Mỹ và trở thành quan chức quân sự cao cấp nhất của VN đến thăm Mỹ kể từ khi cuộc chiến VN kết thúc cách đây 28 năm. Đây cũng là chuyến thăm đáp lễ chuyến viếng thăm VN vào năm 2000 của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ W. Cohen dưới thời chính quyền Bill Clinton.

Trong chuyến thăm kéo dài bốn ngày tại Mỹ, tướng Trà đã gặp Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Donal Rumsfeld để thảo luận việc thúc đẩy quan hệ quân sự giữa hai nước vốn trước đây là thù địch. Hai bên còn thảo luận về vấn đề tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh (POW/MIA), các hoạt động rà phá bom mìn tại một số địa phuong ở VN cũng như vấn đề chất độc da cam. Nhân dịp này, tướng Trà đã hội đàm với Ngoại trưởng Colin Powell và một phụ tá của bà cố vấn Condoleezza Rice vì hai bên cùng có mối quan tâm chung về "chống khủng bố và vấn đề an ninh khu vực."

Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Donald Rumsfeld đón tiếp Phạm Văn Trà tại Ngũ Giác Đài

Dư luận báo chí nói chung đều nhận định chuyến thăm của tướng Trà là dấu hiệu cho thấy quan hệ Việt-Mỹ đang được cải thiện. Trong lịch sử quan hệ Việt-Mỹ, từ thời TT Bush cha, phía Mỹ đã bắt đầu tiếp xúc với VN để tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích (MIA). Sau đó dưới thời TT Clinton, Mỹ đã giải toả cấm vận đối với VN vào năm 1994 và năm sau lập bang giao với Hà Nội. Cuối nam 2000, TT Clinton đã chính thức công du VN. Với thời gian, Mỹ và VN đã phát triển các quan hệ từ chính trị, kinh tế, xã hội.

Về chuyến thăm của tướng Trà, phát ngôn viên của Bộ Quốc phòng Mỹ cho biết : "Tại cuộc gặp gỡ, hai bên đã thảo luận về vấn đề an ninh khu vực và thế giới. Bộ trưởng Rumsfeld nhấn mạnh tới tầm quan trọng của sự hợp tác từ phía Việt Nam trong quá trình tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh."

Trong khi đó người phát ngôn Bộ Ngoại giao VN Lê Dũng cho biết, chuyến thăm của Bộ trưởng Trà nhằm tăng cường hiểu biết giữa quân đội hai nước, góp phần phát triển quan hệ Việt - Mỹ trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thng nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Trước khi gặp BT quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld, tướng Trà đã gặp Ngoại trưởng Colin Powell. Trong cuộc họp này, tướng Trà đã phản ứng mạnh mẽ về dự án đạo luật tự do tôn giáo và nhân quyền mà ngày 19/11 vừa qua đã được Quốc Hội Mỹ đã thông qua. Theo phụ tá ngoại trưởng

đặc trách Á châu, ông James Kelly thì phía Mỹ đã nói với phía VN rằng nếu vấn đề này được cải tiến tốt tại VN thì phía VN không có gì phải lo ngại.

Theo một nhân vật tại bộ ngoại giao Mỹ thì chương trình nghi lễ tiếp đón tướng Trà tại thủ đô Washington đã phải thay đổi vào phút chót vì các áp lực phản đối từ phiá cộng đồng người Mỹ gốc Việt, và áp lực từ phía một số dân biểu và nghị sĩ Quốc Hội Mỹ thuộc cả hai Đảng dang mạnh mẽ chỉ trích chính sách đàn áp tôn giáo và nhân quyền tại VN. Một nguồn tin cho biết là lẽ ra bà Condoleeza Rice, cố vấn An ninh của TT Bush sẽ đích thân tiếp và thảo luận một số vấn đề về các lãnh vực an ninh và các vấn đề đặc biệt khác giữa Mỹ và VN, nhưng do phản ứng của các dân biểu và thủ lãnh hai đảng Cộng hòa và Dân chủ tại Quốc hội đã buộc bà phải hủy bỏ cuộc tiếp đón. Tuy nhiên, một phụ tá an ninh của bà Rice là ông Stephen Hadley đã tiếp phái đoàn này. Theo tin của hãng thông tấn Reuter, nghi lễ tiếp đón đoàn đã giảm tối thiểu một phần là do yêu cầu từ phía Hà Nội. Có tin nói rằng yêu cầu này là do áp lực của phe thân Trung Quốc trong Bộ Chính trị và Trung ương của ĐCS VN.

Mục đích chuyến đi của tướng Trà

Các vấn đề mà tướng Trà đã trao đổi với ông Rumsfeld, Ngoại trưởng Powell hay phụ tá của bà Rice là những vấn đề đã được bàn từ nhiều năm nay. Vấn đề MIA đã được giải quyết tốt từ lâu, không cần đến ông BT quốc phòng VN phải qua Mỹ để có thể bàn về các vấn đề này. Về việc VN yêu cầu bồi thường cho các nạn nhân bị nhiễm chất độc màu da cam thì một nhân vật thuộc bộ ngoại giao Mỹ cho hay "chuyến đi của tướng Trà đến Lầu Năm Góc coi như không thành công." Theo nhân vật này, tướng Trả đòi Mỹ phải bồi thường chiến tranh và trả tiền cấp dưỡng suốt đời cho 170,000 nạn nhân chất độc da cam nhưng phía Mỹ trả lời rằng lập trường của Mỹ lâu nay là không có vấn đề bồi thường chiến tranh. Riêng con số nạn nhân chất độc da cam lâu nay phía VN đưa ra là 150,000 người, nay con số đưa ra là 170,000. Sự thay đổi đột ngột này cần xem lại.

Những vấn đề trên đã được các cấp chuyên viên của hai nước bàn thảo nhiều lần trong gần hai thập niên qua. Nói tóm lại, những vấn đề này không cần đến một ông BT quốc phòng, ủy viên BCT mới bàn được. Như vậy chuyến đi của tướng Trà có ý nghĩa khác. Đó là dấu hiệu về một sự bình thường hóa trọn vẹn trong các quan hệ Việt-Mỹ? Đây là một giai đoạn mới tiến từ bình thường hóa về ngoại giao sang đến kinh tế và nay đến quân sự.

Thật vậy, các khó khăn như MIA và kinh tế đã được giải quyết qua việc phía VN giúp tìm MIA và việc ký hiệp định thương mại Việt-Mỹ và nay Mỹ là bạn hàng lớn nhất của VN với thương mại hai bên lên đến $3.4 tỷ trong 8 tháng đầu năm 2003.

Sự xích lại hay bình thường quan hệ Việt-Mỹ có thể làm thay đổi thế cờ về chính trị và quân sự tại ĐNA. Vấn đề này phải đặt trong mối quan hệ tay ba Việt-Trung-Mỹ mới phân tích và đánh giá khách quan được.

Quan hệ Việt - Trung

Mặc dù VN và TQ đã giao tranh với nhau vào năm 1979, nhưng Hiệp ước Việt - Trung năm 1999 đã bình thường hóa quan hệ hai bên. Từ đó trở đi, VN ngày càng lệ thuộc nhiều hơn vào TQ và đi đến nhượng bộ một phần lãnh thổ VN cho TQ. Việc này thể hiện trong Hiệp ước quy định ranh giới được QH phê chuẩn năm 2000.

Suốt từ 1986 đến 2001 cho đến nay người ta đã thấy áp lực ngày càng rõ ràng của phe thân TQ trong Bộ Chính trị và Trung ương Đảng. Trong việc chuẩn bị cho ĐHĐ kỳ 8 đã có nhiều tranh chấp giữa phe "cởi mở" và phe "bảo thủ thân TQ" qua các tranh cãi về bức thơ của cựu TT Võ Văn Kiệt vào cuối 1995. Ngoài ra cựu ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch đã bị mất chức vì áp lực của TQ.

VN đã phải "nhường" cho TQ ký trước Hiệp định thương mại Mỹ-Trung và đến năm 2001 VN mới ký Hiệp định thương mại Việt - Mỹ. Trong thời kỳ trước ĐHĐ kỳ 9, Tổng bí thư ĐCSVN Lê Khả Phiêu đã nhượng bộ một phần lãnh hải và lãnh thổ VN cho TQ ký vào cuối năm 1999 và 2000.

Gần đây, khi có tranh chấp hải phận và VN đã bắt một số dân đánh cá TQ xâm phạm hải phận VN, Phó TT Nguyễn Tấn Dũng đã phải công du TQ để dàn xếp việc này.

Tác động của TQ vào sự phát triển của VN ngày càng tăng. Nếu ta phân tích bài tham luận của TS Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên BCT và chủ tịch hội đồng lý luận trung ương về "Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - kinh nghiệm TQ và kinh nghiệm VN" đọc tại một cuộc hội thảo ở Bắc kinh trong hai ngày 8-9/ 2003 sẽ thấy ảnh

hưởng của TQ như thế nào.

Nói chung, ĐCSVN rất thận trọng trong quan hệ Việt -Trung và thực tế đã luôn phải chịu lép vế.

Quan hệ Mỹ - Trung

TQ muốn buôn bán với Mỹ, nước mà TQ có thặng dư thương mại có thể lên đến $ 120 tỷ, để có thể tăng trưởng kinh tế và muốn được công nhận như là cường quốc. TQ muốn tạo dựng cho mình vị thế một cường quốc ở Á châu và tất cả các việc họ làm cũng nhằm mục đích này - Thế vận Hội Bắc Kinh năm 2004, thao dượt hải quân với Pakistan tại Ấn độ dương... cho thấy là họ có tinh thần trách nhiệm và đã trấn an các nước Á châu qua việc ký hiệp định bất tương xâm với ASEAN. Thật vậy từ 1991 đến nay, TQ đã giải quyết các tranh chấp với Nga, VN, Kazakhstan, Kyrgyzstan và Lào. TQ cũng cố gắng giải quyết tranh chấp với Ấn độ và tại LHQ đã có thái độ rất ôn hoà. TQ đã lợi dụng khi Mỹ bị ám ảnh về khủng bố, chiến tranh ở Afghanistan và Iraq để xây dựng nền móng của sự bành trướng gây ảnh hưởng kinh tế và chính trị tại Á châu.

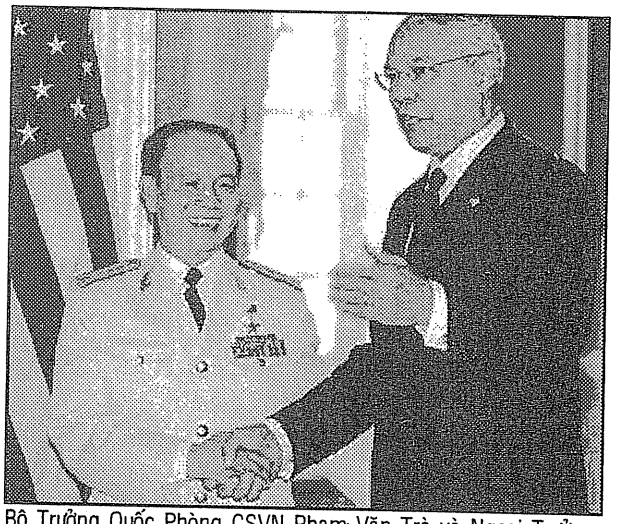

Bộ Trưởng Quốc Phòng CSVN Phạm Văn Trà và Ngoại Trưởng Hoa Kỳ Colin Powel

Năm 1994, TQ đã cố xích lại gần ASEAN nhưng bị nghi ngờ vì những đòi hỏi về Trường Sa và thái độ đối với Đài Loan. Tuy nhiên, đến năm 2000, TQ đã bày tỏ mong muốn ký hiệp định tự do thương mại với ASEAN và năm 2003, TQ đã ký tại Bali một hiệp ước thân thiện và hợp tác với ASEAN.

Nhưng TQ cũng muốn có thời gian để hiện đại hóa quân đội, cột trụ thứ tư trong công cuộc hiện đại hóa đất nước mà Đặng Tiểu Bình đã nêu lên. Theo Bộ Quốc phòng Mỹ thì BT quốc phòng TQ Tào Cường Xuyên trong chuyến thăm Mỹ vừa qua đã bàn với Mỹ về việc hợp tác chống khủng bố và cuộc khủng hoảng hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên. Đây là chuyến viếng thăm đầu tiên của một BT quốc phòng TQ từ 1996 và cấp cao nhất từ khi máy bay Mỹ và TQ đụng nhau vào năm 2001.

Tại Á châu, TQ đã nhập hàng tỷ đôla vũ khí mỗi năm để hiện đại hóa quân đội và hiện nay TQ là nước nhập khẩu nhiều vũ khí nhất thế giới. Quân đội TQ đang chuyên nghiệp hoá, và hơn 200.000 quân nhân sẽ được giải ngũ. Theo các chuyên gia thì TQ đã hiểu là chiến tranh "nhân dân" không còn hợp thời nữa, cuộc chiến vùng Vịnh cho thấy là quân đội TQ lạc hậu chừng nào. Để hiện đại hóa quân đội, TQ đã tăng ngân sách quốc phòng thêm 10% lên đến $ 20 tỷ.

Những năm gần đây hải quân (HQ) TQ đã hiện đại hoá mau chóng và gần đây HQ TQ đã thao diễn với HQ Pakistan ở Ấn Độ Dương và với HQ Ấn Độ ở Thái Bình Dương, ngoài khơi Thượng Hải, trong vùng biển phía Bắc Đài Loan và phía Nam đảo Okinawa của Nhật Bản, một vùng biển được coi là của Mỹ. Gần đây vào đầu tháng 11, một tàu ngầm TQ (diesel trọng tải 2,300T) đã xuyên qua eo biển Osumi giữa đảo Kyushu và Tanegashima ở phía Nam Nhật mà không bị hải quân Nhật tìm thấy. Việc này cho thấy khả năng ngày càng mạnh của HQ TQ. TQ cũng củng cố các quan hệ kinh tế với Ấn, mở đường bộ TQ-Ấn qua ngã Hy-mã-lạp-sơn. TQ cũng đã hợp tác với Myanmar để xây quân cảng ở phía Ân Độ Dương và hiện nay có khả năng đe dọa các quần đảo Trường Sa, một vùng còn nhiều tranh chấp với VN. Hơn nữa, HQ TQ còn có thể đe dọa các đường biển vì các tàu dầu tiếp tế cho Nhật hay Nam Hàn đều qua eo biển giữa VN và Philippines.

Vì vậy sự hiện diện của HQ Mỹ tạo một thế cân bằng trong khu vực ĐNA và Biển Đông. Từ thời Chiến tranh lạnh với Mỹ, TQ vẫn được coi là một đối thủ lâu dài tại Á châu.

Hiện tại quan hệ Mỹ-Trung được coi là tốt đẹp và TQ đang giúp Mỹ giải quyết "quả bom nổ chậm" Bắc Hàn. Điểm bất đồng giữa Mỹ-TQ là vấn đề Đài Loan. Mỹ vẫn đồng ý bán vũ khí cho

Đài Loan (ĐL), vẫn chấp thuận cho Tổng thống Đài Loan Trần Thủy Biển ghé Mỹ trên đường công du qua các nước Trung và Mỹ Latinh và Ngoại trưởng Powell còn bắt tay TT Đài Loan. Tuy nhiên, hiện nay sự bất đồng này không quá gay gắt.

Theo báo chí Mỹ thì tướng thuỷ quân lục chiến, Phó TTM liên quân Peter Pace đã được bộ Quốc phòng ủy nhiệm tiến hành khảo cứu việc tái bố trí quân đội Mỹ trên toàn thế giới nhờ những tiến bộ về khoa học, kỹ thuật và điện tử. Trong chính sách quốc phòng mới thì Mỹ sẽ dùng hỏa lực và không quân để chiến thắng mau chóng, tránh tình trạng phải đóng nhiều quân như trường hợp đóng quân tại Đức hay Nam Hàn trong chiến tranh lạnh.

Vì vậy, việc đồn trú của quân đội Mỹ nay đã đổi nhiều tại Á châu. Hiện nay Mỹ đang thương thuyết việc bố trí lại quân đội ở Nam Hàn, Nhật Bản và ngoài Nhật và Nam Hàn, các tàu chiến Mỹ còn có thể ghé Manila và Singapore, không kể các căn cứ ở Nhật, như Okinawa hay Nam Hàn. Trong đất liền thì Mỹ có quân ở Afghanistan và các nước Trung Á, gần như bao vây TQ.

Hiện giờ Mỹ có quan hệ tốt với TQ, nhưng họ cũng đã có một thái độ dè dặt về quân sự và chiến lược.

Quan hệ Mỹ - Việt

VN đã bình thường hoá quan hệ với Mỹ vào năm 1995, sau 20 năm gián đoạn (với Nam Việt Nam). Quá trình bình thường hóa diễn ra trên nhiều lĩnh vực và mới nhất là bình thường hóa về kinh tế. Nay Mỹ là bạn hàng lớn nhất của VN.

Sau chuyến đi của tướng Trà và cuộc viếng thăm Sài Gòn của chiến hạm Vandegrift thì vấn đề quan hệ quân sự sẽ có gì mới không?

VN muốn làm ăn với Mỹ (thương mại giữa hai bên là $ 3.4 tỷ trong 8 tháng năm 2003) nhưng cũng muốn gởi một thông điệp về quốc phòng cho phía TQ. VN biết là TQ đã tăng cường hải quân trong vùng Biển Đông và VN cũng biết là ở Á châu chỉ có HQ Mỹ và HQ Nhật có thể kìm chân TQ. Do đó VN sẽ thử làm hòa với Mỹ và Nhật. Nhưng VN cũng không dại dột khiêu khích TQ mà nói một cách trắng trợn là họ thiên về Mỹ hay Nhật. VN vẫn còn nhớ hiệp định quốc phòng ký với Liên xô trước đây gây ra sự thù hận của TQ dẫn đến việc TQ "dạy cho VN một bài học" - cuộc chiến tranh biên giới năm 1979.

Nhưng ít lâu nay VN đã gởi các quan sát viên đến dự các cuộc thao diễn quân sự tại Thái Lan mang tên "Gold Cobra" (Hổ mang vàng), trong đó có quân đội Thái, Singapore và Mỹ. VN đã gởi quan sát viên không phải vì chính sách đã thay đổi mà vì TQ cũng có mặt tại đó.

Theo các thông tin từ phía Nga thì tướng Trà và ông Rumsfeld có nói về vấn đề cảng Cam Ranh, nơi VN có thể cho các tàu hải quân Mỹ ghé hay đồn trú.

Tuy nhiên, về phía Mỹ, nay chính quyền Bush rất khác chính quyền Clinton trước đây. Họ cũng đang cho xét lại chính sách quân sự toàn cầu của mình và do đó việc Cam Ranh không còn quan trọng như trước.

Hơn nữa chính phủ và QH Mỹ vẫn còn nhiều vấn đề với VN như vấn đề nhân quyền, vấn đề tự do tôn giáo cũng như việc giam giữ những người chống đối một cách hoà bình.

Cách đây không lâu, một nhà ngoại giao Mỹ trong cuộc trả lời phỏng vấn BBC đã khẳng định rằng đối với VN, Mỹ muốn cải thiện quan hệ một cách "từ từ và chắc chắn."

Kết luận

Vậy trong quan hệ tay ba Việt-Trung-Mỹ thì VN chỉ có thể nâng cấp phần nào quan hệ Việt-Mỹ để đi tới việc bỏ cấm vận quân sự cho phép mua các phụ tùng thay thế cho quân cụ để lại từ thập niên 70.

Phía Mỹ thì chính quyền Bush chắc sẽ không gấp trong việc cải thiện quan hệ với VN. Phía VN đã hiểu phần nào cái gì là lợi cho họ: là đàn em XHCN của TQ hay là có chính sách độc lập với TQ bằng cách đi thẳng với các nước mạnh để không bị TQ ép.

Về kinh tế VN đang bị sức ép để hội nhập, cạnh tranh với các nước ASEAN (đa số thân Mỹ) và hợp tác với họ để chống lại sức ép kinh tế của TQ và về chiến lược thân thiện với cường quốc duy nhất trên thế giới để cân bằng phần nào áp lực quân sự của TQ.

Tóm lại, VN hiện đang đứng trước những thách thức lớn khi mà sức ép hội nhập ngày càng cao và có một chính sách ngoại giao chính trị không bị ảnh hưởng TQ. Người ta cho là 1/3 BCT thiên về TQ và phần còn lại muốn thay đổi. Liệu chuyến đi của tướng Trà có là một dấu hiệu cho thấy BCT và nhà cầm quyền cởi mở hơn, lo cho lợi ích VN nhiều hơn, hay là cũng chỉ vì ưu tiên cho sự tồn tại độc quyền của đảng Cộng sản mà vẫn chịu một bề lép vế với Trung Quốc, nhất nhất trong hành động nào cũng vừa làm vừa sợ?

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:
MỘT NĂM TRƯỚC BẦU-CỬ TỔNG-THỐNG MỸ

CỔ LŨY

Tháng Mười-một năm tới bầu-cử tổng-thống Mỹ sẽ diễn ra với bao nhiêu hy-vọng và lo-sợ quanh khắp nước Mỹ và thế-giới. Dù có lý-luận thế nào người ta không thể phủ-nhận tầm quan-trọng của cuộc bầu-cử này. Sau bốn-mươi năm Chiến-tranh Lạnh đế-quốc Nga Xô-viết đã tan-rã; trên thế-giới chỉ còn một nước mà chính giới thức-giả bảo-thủ Mỹ cũng gọi là đế-quốc Hoa-Kỳ (một "Pax Americana," tên đặt bởi Giáo-sư Ronald Steel gần bốn thập-niên trước để mô-tả đế-quốc Mỹ đồng-hóa toàn-cầu, to lớn gấp bội đế-quốc La-Mã "Pax Romana" ngày xưa và cả đế-quốc Anh "Pax Britanica" trong thế-kỷ 19), với sức mạnh bao-trùm về quân-sự, kinh-tế, chính-trị và văn-hóa—và, đây là lần đầu tiên trong lịch-cử thế-giới, hoàn-toàn không có đối-thủ. Lần đầu tiên trong lịch-sử nhân-loại Tổng-thống Mỹ đương nhiên trở thành người có quyền-uy hơn bất cứ ai trên mặt trái đất. Tổng-thống Mỹ là ai và sử-dụng quyền-uy này như thế nào là mối bận tâm của cả thế-giới.

Sau cuộc tấn-công khủng-bố vào Nữu-Ước và Ngũ-giác-đài ngày 11 tháng Chín năm 2001, tổng-thống George W. Bush, thường tự xưng là người "bảo-thủ nhân-ái" ("compassionate conservative," trong ngôn-ngữ chính-trị Mỹ có nghĩa là một người bảo-thủ ủng-hộ quyền-lợi của giới giầu-có, giới thương-mại lớn, mạnh về quốc-phòng và thiên về tôn-giáo cũng như bảo-thủ về mặt xã-hội—nhưng cũng biết nghĩ đến giới trung-lưu và nghèo-khó) biến thành người tân-bảo-thủ (neo-conservative) hung-hăng hiếu-chiến. Sau cuộc tấn-công "chống khủng-bố" vào A-Phú-Hãn (Afghanistan), rồi đến xâm-lăng Iraq không có đồng-ý của Liên-Hiệp-Quốc và những đe-dọa "thay đổi chế-độ" nhằm vào Bắc-Hàn và Ba-Tư (Iran) và Syria, cả thế-giới lên tiếng phản-đối thái-độ và chính-sách kể cả đơn-phương hành-động (unilateralism) coi thường công-pháp quốc-tế và khuôn cách ngoại-giao của chính-quyền Bush.

Cùng với ngọn triều lo-sợ và căm-hận khủng-bố trong dân-chúng Mỹ chính-quyền Bush gia-tăng những biện-pháp cứng-rắn về mặt đối ngoại, hạn-chế cũng như vi-phạm những quyền tự-do căn-bản có hiến-pháp bảo-vệ cho người sống trên đất Mỹ, và thi-hành những chính-sách kinh-tế cực-kỳ bảo-thủ. Trong hai năm sau khủng-bố đa-số người Mỹ (có khi lên đến bảy-mươi phần trăm) ủng-hộ những biện-pháp và chính-sách này, tạm quên đi những khó-khăn kinh-tế mỗi ngày một gia-tăng. Nhưng gần đây, từ giữa tháng Bảy và hơn một năm trước bầu-cử tổng-thống, những nứt-rạn bắt đầu đe-dọa chính-quyền Bush. Cuối tháng Chín một thăm-dò dư-luận dân-chúng đáng tin-cậy do công-ty truyền hình CNN (Cable News Network), nhật-báo USA Today và viện nghiên-cứu dư-luận quần chúng Gallup cho thấy mức ủng-hộ ông Bush chỉ còn năm-mươi phần trăm, mức thấp nhất từ khi ông Bush đắc-cử tổng-thống năm 2000. Năm cuộc thăm-dò dư-luận khác mới đây cũng cho thấy mức ủng-hộ chính-quyền nằm giữa 49 đến 55 phần trăm. Thăm-dò dư-luận đặt ông Bush cạnh một ứng-viên Dân-chủ đối-lập (hiện có chín người chính), hoặc hỏi dân có bầu cho ông Bush một nhiệm-kỳ nữa, đều cho thấy kết-quả một nửa phản-đối, một nửa ủng-hộ. Giống như trong cuộc bầu-cử năm 2000, dân-chúng Mỹ hiện nay chia làm hai khối tương-đương nhưng khác-biệt hẳn nhau—và bầu-cử năm tới lại mang đến bao nhiêu hy-vọng cũng như lo-sợ cho tất-cả mọi người.

CỔ-LŨY

Ngày 1 tháng Năm năm 2003, khi tổng thống George Bush trong bộ đồ bay và ngồi ghế sau của một chiến đấu cơ đáp xuống hàng không mẫu hạm *Abraham Lincoln* ngoài khơi thành phố San Diego ở California, trong một dàn cảnh chính trị khai thác chiến thắng quân sự ở Iraq, có đến gần ba phần tư dân chúng Mỹ hân hoan ủng hộ tổng thống. Phe Dân chủ đối lập rất là lo lắng đau khổ vì biết rằng hình ảnh này sẽ được lập đi lập lại nhiều lần trong những vận động tranh cử tổng thống năm 2004 mà chắc chắn ông Bush sẽ thắng một cách vẻ

vang. Không đầy hai tháng sau đó, những khó khăn quân sự và chính trị của Hoa-Kỳ ở Iraq bắt đầu và cùng những khó khăn chính trị và kinh tế trong nước đẩy nhiều người đến chỗ nghĩ rằng có lẽ ông Bush sẽ không muốn nhắc nhở đến hình ảnh nói trên trong kỳ bầu cử năm tới.

Tuy nhiên, nhìn một cách nghiêm trang hơn là hình ảnh dàn cảnh cho khán giả vô tuyến truyền hình nhiều người đặt câu hỏi liệu ông Bush có thành công trong cuộc bầu cử cách đây một năm nhìn theo chiều hướng chính trị và kinh tế hiện nay? Ông Patrick Buchanan, chủ biên tập san *The American Conservative* (Người Mỹ Bảo-Thủ) và cũng là một ứng viên tổng thống nhiều lần với chủ trương cực hữu, đưa ra một số giả thiết tháng Chín vừa qua. Theo ông muốn thắng cử phe Dân chủ phải giữ được đa số phiếu ủng hộ của người da đen và da nâu (người Mỹ gốc La-tinh, Latino hay Hispanic) như kỳ bầu cử năm 2000, hoặc nắm được phần phiếu da trắng mà ông Bush đã nắm cũng trong kỳ bầu cử này. Làm thế nào để đạt một trong hai mục tiêu trên?

Thứ nhất, phe Dân chủ phải ngăn chặn ứng cử viên đảng Xanh (Green Party, nói chung chú trọng những vấn đề môi sinh và công bằng xã hội, chống tư bản toàn cầu hóa kinh tế thế giới—gần với cánh tả của đảng Dân chủ) ,như ông Ralph Nader kỳ bầu cử năm 2000 chia mất hơn ba triệu phiếu của ứng cử viên Dân chủ Al Gore. Cũng trong chiều hướng trên, phe Dân chủ phải trông đợi một ứng cử viên bảo thủ thứ nhì, cũng thuộc hoặc ngoài đảng Cộng hòa, nhằm chia bớt phiếu của ông Bush (giống như thống đốc bảo thủ George Wallace chia bớt phiếu của tổng thống Richard Nixon năm 1968 khiến ông Nixon, dù thắng cử cũng vất vả ghê gớm; hoặc, như tỉ phú Ross Perot năm 1992 chia phiếu của ông Bush bố, đã đưa đến tám năm Dân chủ với tổng thống Bill Clinton vừa qua).

Thứ hai, phe Dân chủ có thể khai thác những khó khăn lớn lao của chính quyền Bush về mặt kinh tế với ba triệu người thất nghiệp trong lãnh vực tư và gần năm trăm tỉ thâm thủng ngân sách quốc gia từ khi ông Bush lên làm tổng thống. Những khó khăn kinh tế thường quyết định chọn lựa của người đi bầu: dân chúng Mỹ cũng như cử tri nhiều nơi khác bầu theo hầu bao đầy hay vơi, chứ không dựa vào những hô hào ái quốc hoặc ý thức hệ to lớn xa xôi.

Thứ ba, những khó khăn chính trị và quân sự ở Iraq và Afghanistan có thể biến những lợi thế, tưởng như vĩ đại của chính quyền Bush, thành những nhược điểm lớn lao —như trong chuyện ngụ ngôn giáo khoa thư. Kèm theo đây là một số những xì-căng-đan bắt đầu tụ gió thành bão từ giữa tháng Bảy liên quan đến nhiều nghi vấn về vũ khí có tầm sát hại lớn (Weapon of Mass Destruction, WMD) ở Iraq, liên hệ giữa Saddam Hussein và khủng bố trước chiến tranh, dân chủ ở Iraq hậu chiến và Trung-Đông nói chung, và nặng hơn nữa là xì-căng-đan tình báo Mỹ có liên hệ trực tiếp với tòa Bạch-ốc và chính sách bất nhất ở Iraq.

I. BẢO-THỦ VÀ TÂN-BẢO-THỦ

Hiện nay, trước bầu cử sơ bộ để chọn ứng cử viên đại diện đảng chính thức ra tranh cử tổng thống với đảng Cộng-hòa, đảng Dân-chủ có đến chín ứng viên sơ bộ. Con số này cho thấy những chia rẽ trong đảng nhưng đồng thời cũng cho thấy ý muốn quyết liệt của đảng viên Dân-chủ nhằm đẩy tổng thống Bush ra khỏi tòa Bạch-ốc mà nhiều người nghĩ rằng ông đã chiếm một cách "bất hợp pháp" năm 2000 —sau những nhập nhằng về đếm phiếu ở tiểu bang Florida, nơi em ông làm thống đốc, và sau quyết định "bất công" của Tối-cao Pháp-viện bị xem là có đa số bảo thủ nghiêng về ông Bush (ứng viên Dân-chủ Al Gore nắm đa số phiếu toàn quốc, hơn nửa triệu phiếu, nhưng thua vài trăm phiếu ở Florida và bị mất số phiếu cử tri đoàn ở đây). Có lẽ hơn một nửa ứng viên Dân-chủ sẽ rút lui trước kỳ bầu sơ bộ, để lại bốn người có hy vọng nhất. Tổng thống Bush có lợi thế rất nhiều vì ông là ứng viên độc nhất của đảng Cộng-hòa (không tốn thì giờ và tiền bạc vì không có đối thủ sơ bộ) không phải chia phiếu với người cùng đảng cạnh tranh và nhất là không phải chia tiền ủng hộ.

A. Khác biệt như thế nào?

Tuy không có người cùng đảng Cộng-hòa thách đố, đây không có nghĩa là ông Bush được ủng hộ hoàn toàn của đảng viên Cộng-hòa: phe Cộng-hòa không phải là một khối đồng nhất như nhiều người nghĩ .

Theo ông Patrick Buchanan, một người bảo thủ thuần túy, ông Bush đã đi từ người bảo thủ với mỗi chủ trương giảm thuế tối đa cho giới thương nghiệp lớn khi ra ứng cử tổng thống năm 2000 tới một người tân bảo thủ cực đoan sau tấn công 11 tháng Chín. Sau vụ tấn công ông Bush bị ảnh hưởng mạnh mẽ của những nhân vật tân bảo thủ trong chính quyền như phó tổng thống Dick

Cheney với đồng lý văn phòng Lewis Libby, tổng trưởng và thứ trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và Paul Wolfowitz, và nhân vật quốc phòng thứ ba Douglas Feith, phụ tá cố vấn an ninh quốc gia Steve Hadley, người của ông Cheney, và nhất là Karl Rove, cố vấn chiến lược và kiến trúc sư sự nghiệp chính trị của ông Bush từ thời thống đốc ở Texas. Ngoài chính quyền còn có cố vấn Richard Perle thuộc Defense Policy Board thân Do-Thái, và một số lãnh tụ tôn giáo Tin lành liên hệ chặt chẽ với ông Bush từ thời ông Bush bố ứng cử phó và rồi tổng thống thời thập niên 1980 và 1990. Người bảo thủ rất bảo thủ về tiền bạc, chi tiêu và ngân sách nhưng ông Bush đang đẩy ngân sách quốc gia tới chỗ thâm thủng gần năm trăm tỉ với những giảm thuế lớn lao cho người giầu có và giới thương nghiệp lớn cùng lúc với những chi phí quá mức về quốc phòng (hơn bốn trăm tỉ) — mặc dù Hoa-Kỳ là đại siêu cường độc nhất trên thế giới không có một đối thủ đe dọa như thời Chiến-tranh Lạnh trước đây. Người bảo thủ than phiền rằng ông Bush vi phạm nguyên tắc bảo thủ chống lại mở rộng quyền lực chính quyền liên bang (gia tăng nhân viên, sở, bộ liên bang đe dọa quyền của tiểu bang và địa phương), và vi phạm chính sách bảo thủ hạn chế những dễ dãi cởi mở với di dân từ bên ngoài vào Hoa-Kỳ. Về mặt xã hội họ than phiền ông Bush không ủng hộ mạnh mẽ giới sản xuất và người bán cũng như người mua súng đạn, và thiếu cứng rắn với giới đồng tính luyến ái cũng như nâng đỡ người da đen bị kỳ thị chủng tộc. Về mặt kinh tế, người bảo thủ không bằng lòng tự do buôn bán quá mức đã giết chết một phần tám công ăn việc làm trong các nhà máy Mỹ và đưa công ăn việc làm này qua Trung-Hoa chẳng hạn. Và dĩ nhiên họ không bằng lòng "sa lầy" chính trị và quân sự ở Iraq.

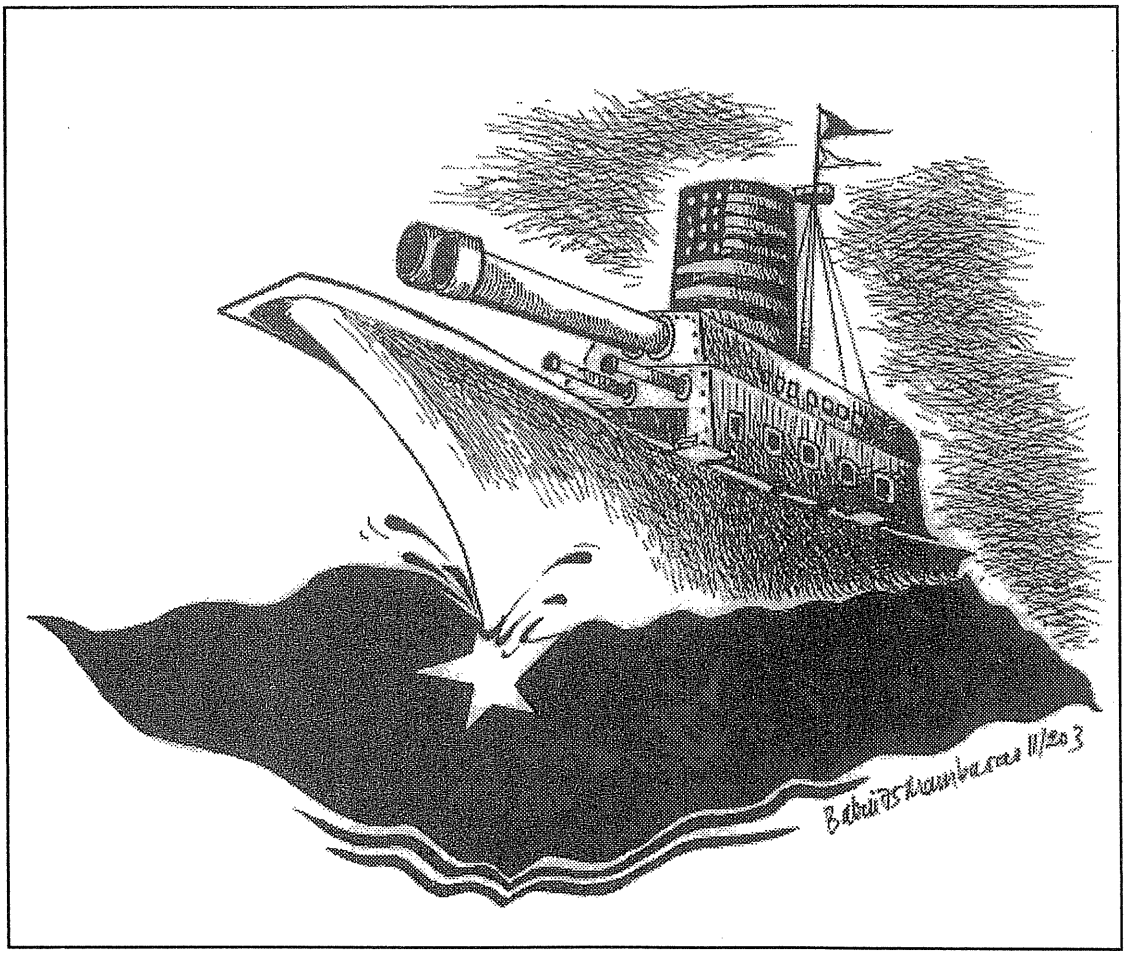

B. Khác biệt và chỉ trích

Một nhà trí thức bảo thủ khác và nguyên là

Đại diện Thương mại Quốc tế trong chính quyền Ronald Reagan thập niên 1980, (một "thần tượng" của giới bảo thủ Mỹ, và của ông Bush trước 11 tháng Chín) ông Clyde Prestowitz trong quyển *Rogue Nation, American Unilateralism and the Failure of Good Intentions* (Basic Books, 2003) lên tiếng chống đối hầu hết mọi chính sách của chính quyền Bush, chẳng khác gì mấy những chống đối thường thấy trên tập san bảo thủ tiêu biểu ở Hoa-Kỳ, tờ *The Nation.* Theo ông, người bảo thủ truyền thống luôn luôn cẩn trọng quân bằng ngân sách quốc gia và kêu gọi dân chúng thi hành những bổn phận công dân, chứ không phải hô hào dân chúng đi mua sắm ào ạt để giúp phát triển kinh tế như ông Bush. Yếu tố căn bản của bảo thủ là đòi hỏi hạn chế quyền lực nhà nước—một chính quyền biết tôn trọng những quyền tự do căn bản và lâu đời, sự tách biệt giữa tôn giáo với nhà nước, một chính quyền không rơi vào những phiêu lưu đế quốc. Ông Prestowitz nghĩ rằng chính quyền Bush vi phạm tất cả những căn bản trên dù ông tin rằng thế giới ngày nay tốt đẹp hơn nhờ Hoa-Kỳ giúp đỡ kinh tế Tây-Âu sau Thế chiến và chiến thắng trong Chiến-tranh Lạnh. Ông lập luận rằng những chính quyền bảo thủ trước đây định nghĩa quyền lợi quốc gia một cách rộng rãi hơn. Những nhà chính trị và ngoại giao lỗi lạc như Dean Acheson và George Marshall nhìn thấy được nhu cầu giúp tái thiết và phát triển đồng minh của Hoa-Kỳ và không cố đạt quyền lợi tối đa cho một mình Hoa-Kỳ. Giới lãnh đạo trước đây hiểu được tầm quan trọng trong việc hợp tác với đồng minh chứ không lên mặt kẻ cả đơn phương quyết định mọi chuyện.

Vấn đề lớn nhất của chính quyền Bush tân bảo thủ là thái độ xem nước Hoa-Kỳ là một "ngoại lệ" (American exceptionalism) khác hẳn những đế quốc trước đây, với một ý thức đạo đức cao hơn hẳn mọi nước khác trên thế giới —và do đó không thể nào sai lầm được— và hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội Mỹ phải là khuôn mẫu cho cả thế giới. Ông Prestowitz xem đây là một sai lầm quan trọng; ông nghĩ rằng người nước khác như ở Âu châu, hết lòng với dân chủ, công bằng về kinh tế và xã hội có lẽ đi đến gần mức lý tưởng hơn là người Mỹ. Ví dụ thấy rõ là không ở một nước tiền tiến nào mà mức chênh lệch bất công giữa người giầu và nghèo có thể thấy rõ rệt hơn nước Mỹ. Về mặt ngoại giao ông Prestowitz than phiền chính quyền tân bảo thủ phá bỏ những cung cách cư xử quốc tế mà những chính quyền Mỹ trước đây đã tốn công vun xới, những vi phạm hay ngăn chặn nỗ lực quốc tế chống lại sự lan tràn của vũ khí hạch nhân và buôn bán vũ khí thông thường, cùng nỗ lực đứng ngoài hay lên trên Tòa-án Hình-sự Quốc-tế (International Criminal Court, có nhiệm vụ xử tội những lãnh tụ chính trị, quân sự vi phạm nhân quyền, như tướng Augusto Pinochet độc tài khát máu có Mỹ ủng hộ ở Chile trước đây) . Ông Prestowitz nhận xét rằng những người tân bảo thủ thật sự là người quá khích gây xung đột đổ vỡ với bạn bè và đồng minh của Hoa-Kỳ ở khắp nơi. Ông đưa ra thí dụ những hành động và phát ngôn đao to búa lớn của những nhân vật chính quyền như Cheney, Rumsfeld, Wolfowitz và cả ông Bush đã làm đồng minh khó chịu và khiến thế giới lo sợ Hoa-Kỳ hơn là lo sợ Saddam Hussein, Bin Laden hay Kim Jong Il ở Bắc-Hàn. Theo ông Hoa-Kỳ không còn được xem như một công dân tốt trên thế giới và đã thành một ứng viên đi vào danh sách những nước "côn đồ" không tuân theo các cung cách nguyên tắc quốc tế (rogue nations).

C. Độc tôn thiên hạ?

Những nhận xét trên cũng không khác mấy những phân tích của ông George F. Will, một nhà trí thức và bỉnh bút với danh tiếng và ảnh hưởng lớn lao trong giới bảo thủ Mỹ. Ông Will xác nhận những người tân bảo thủ dễ rơi vào lý luận vòng vo và xác quyết sai lầm. Ví dụ như thủ tướng Anh Tony Blair diễn thuyết lấy lòng quốc hội Mỹ và ông Bush với lý luận rằng người "bình thường" chọn tự do, dân chủ và thượng tôn pháp luật bởi vì những người không chọn lựa những thứ trên là người không bình thường. Nhưng đa số người trên thế giới không chọn lựa những thứ này —kể cả một số người đang mở rộng chiến tranh du kích chống đối Hoa-Kỳ ở Iraq. Ông Bush cũng lập lại lý luận của ông Blair : "Có một hệ thống giá trị [value system] mà chúng ta tuân theo và không thể thỏa nhượng được. Và nếu hệ thống giá trị này thích hợp với chúng ta, nó cũng thích hợp với những người nước khác." Rõ ràng là không phải ai cũng thơ thới hân hoan với hệ thống giá trị Mỹ nặng về thực tiễn và vật chất, và nhất là không phải xã hội nào cũng có những điều kiện tiên quyết hay những định chế cần thiết để đi tới một xã hội như xã hội Mỹ—chưa nói đến chuyện xã hội Mỹ có phải là cái đáng theo đáng bắt chước không.

Theo ông Will ông Bush và Blair và vô số người tân bảo thủ khác tin rằng những mục tiêu "đạo

đức" trong chính trị là những gì có thể áp dụng ở khắp mọi nơi. Nếu đúng như hai người này nói, những khác biệt văn hóa chủng tộc đều không có nghĩa lý gì cả hoặc không thành vấn đề dưới bàn tay mầu nhiệm —hay lông lá— của những người da trắng siêu quần. Ông Will xác nhận những suy nghĩ như trên đều sai lầm và đi ngược hẳn những suy nghĩ bảo thủ về khác biệt văn hóa và hoàn cảnh chính trị. Ngạc nhiên thay, những lập luận suy nghĩ của người tân bảo thủ hiện nay không khác gì mấy những phân tích và kết luận về một nước Hoa-Kỳ thực dân đế quốc sau Thế chiến II trong tập sách mỏng nhưng có ảnh hưởng lớn lao trong giới trí thức Mỹ và thế giới, *The Arrogance of Power* (tạm dịch là Kiêu-căng vì Quyền-lực) của cố nghị-sĩ Dân chủ William Fulbright viết cách đây hơn bốn thập niên, mô tả một nước Mỹ giầu mạnh nhất thế giới lấy mình làm tiêu chuẩn cho cuộc đời và bắt mọi người phải theo mình, giống mình —và ngạc nhiên cũng như tức giận vì nhiều người nhiều nơi không muốn giống Mỹ, thích Mỹ hay theo Mỹ!

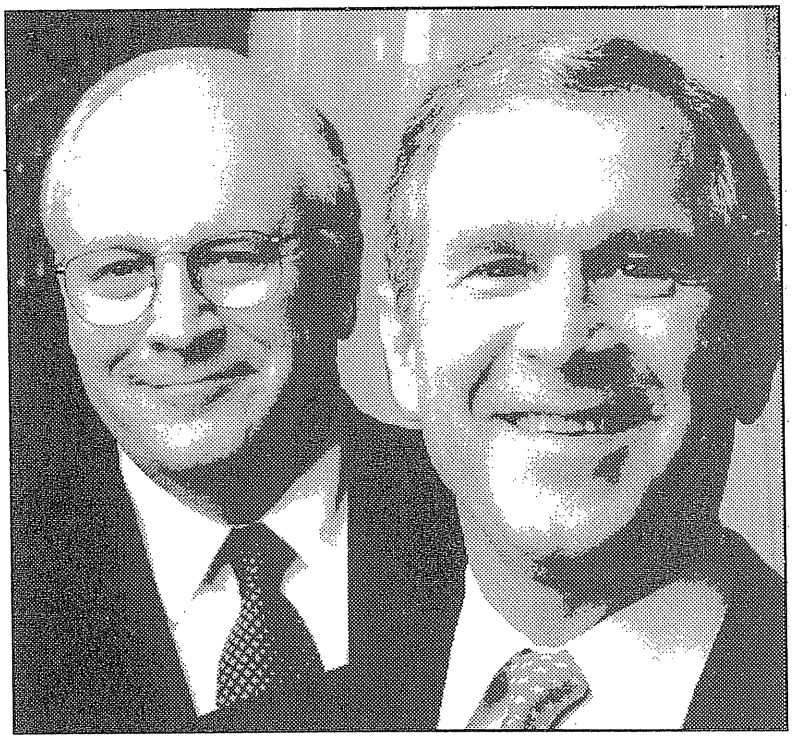

Phó Tổng Thống Cheney và Tổng Thống Bush

II. NHỮNG KHÓ-KHĂN VỀ KINH-TẾ

Chính quyền Bush gập khó khăn nhiều nhất trong lãnh vực kinh tế. Những khó khăn về chính trị đưa mức ủng hộ của dân chúng về mức năm-mươi phần trăm hay thấp hơn; những khó khăn về kinh tế cho thấy mức ủng hộ nằm xa dưới mức bốn-mươi phần trăm. Trị giá đồng đô-la Mỹ đi xuống đều đặn trên thị trường hối đoái quốc tế , một chỉ số cho thấy tổng thống Mỹ hoặc chính quyền đang trải qua khủng hoảng về tin tưởng trong dân chúng Mỹ và thế giới. Nếu đồng đô-la suy sụp hoàn toàn —một giả thiết không chắc chắn lắm— thị trường chứng khoán và kinh tế Mỹ sẽ bị ảnh hưởng mạnh mẽ. Hiện nay dân chúng Mỹ lo ngại nhiều nhất về công ăn việc làm với con số thất nghiệp gia tăng trong những ngành sản xuất tư nhân, và mức gia tăng về phí tổn y tế và giá cả thuốc men cộng với con số người Mỹ không có hoặc không mua nổi bảo hiểm sức khỏe cho gia đình hoặc cá nhân.

A. Những con số đáng lo ngại

Cuối tháng Chín, sắp sửa bắt đầu bước qua tài khóa liên bang trong tháng Mười, lợi tức đồng niên của người trung lưu Mỹ giảm xuống năm trăm đô-la, và con số người ở mức nghèo khó (theo tiêu chuẩn gia đình bốn người có lợi tức thấp hơn 18,244 đô-la một năm) gia tăng lên thêm gần hai triệu người, theo Sở Kiểm-kê Dân-số (Census Bureau). Đây là năm thứ nhì trong hai năm liên tiếp Sở Kiểm-kê cho thấy những con số bi quan này, sau gần một thập niên phát triển kinh tế đều đặn dưới thời tổng thống Dân-chủ Bill Clinton. Mức gia tăng con số những người sống trong nghèo khó phản ánh hậu quả của những khó khăn kinh tế, bắt đầu với nhiệm kỳ của tổng thống Bush năm 2001, đã lan tới các nhóm dân có lợi tức thấp. Trong khi chính quyền báo cáo mức phát triển kinh tế Mỹ gia tăng ở mức 3.3 phần trăm, cao hơn mức dự đoán 3.1 và nhanh hơn mùa thu năm ngoái, giới chủ nhân lãnh vực tư vẫn tiếp tục sa thải công nhân ở mức độ cao. So với năm 2000 đã có đến ba triệu người thất nghiệp trong lãnh vực tư nhân. Lợi tức của gia đình trung lưu nằm ở mức 42,409 đô-la, tính

ra hụt mất 3.3 phần trăm so với lợi tức hai năm trước. Theo giáo kinh tế Timothy Smeed, thuộc viện đại học Syracue, Nữu-Ước, tình hình không sáng sủa lắm, "Những con số thống kê năm nay sẽ còn tệ hơn năm ngoái nữa."

Những con số mới nhất về lợi tức và số người giai cấp nghèo khó là hung tin cho bất cứ tổng thống đương nhiệm nào. Nhưng những con số này đặc biệt không tốt lành cho ông Bush, vì những khó khăn này xảy ra nhiều ở các tiểu bang đông dân miền Trung-Tây (Midwest) mà ông từng gặp khó khăn trong kỳ bầu cử trước —đây là những tiểu bang ông từng thắng hoặc thua với một tỉ số phiếu rất hẹp. Theo ông Bill Schneider, một nhà phân tích kỳ cựu thuộc viện nghiên cứu bảo thủ American Enterprise Institute ở Hoa-Thịnh-Đốn, "Vấn đề lớn nhất của ông Bush ngay bây giờ là số công ăn việc làm bị mất trong các xí nghiệp, và con số công ăn việc làm này cho thấy những thiệt hại tập trung ngay vào trung tâm nước Mỹ."

Các viên chức chính phủ thuộc sở Kiểm-kê vội vàng đưa ra mười-lăm kiểu phân tích khác nhau về lợi tức và mười lối đo lường mức độ nghèo khó khác nhau, có lẽ để hứng đỡ những phê phán gắt gao của các ứng viên Dân-chủ nhằm vào kinh tế dưới thời ông Bush, nhưng tất cả những kiểu, lối này hình như đều hướng về một chiều: lợi tức đi xuống và mức nghèo khó đi lên. Một phát giác hơi lạ nhưng cũng không có lợi cho ông Bush là mức độ nghèo khó trong nhóm người da trắng — đa số bầu cho ông Bush hay các ứng viên Cộng-hòa nói chung— đã gia tăng nhanh hơn nhóm da đen, da nâu và người gốc Á châu da vàng. Và lợi tức của người thiểu số da mầu (gồm ba nhóm nói trên) cũng thay đổi ít hơn nhóm da trắng. Theo ông Gary Burtless, một kinh tế gia thuộc viện nghiên cứu độc lập Brookings Istitution, "Không ai có thể tô mầu hồng lên bức tranh kinh tế u ám, khi lợi tức của người dân cứ suy giảm đều đặn."

B. Những phân tích đáng lo ngại

Bước vào năm trước bầu cử ông Bush phải đương đầu với mặt kinh tế khó khăn như đi trên nước ngược. Điều này cũng dễ hiểu vì những khuynh hướng kinh tế dân chúng chú ý đến nhiều nhất là những gì trực tiếp ảnh hưởng đến người Mỹ trung bình: công ăn việc làm, lương bổng và những phúc lợi đi với công ăn việc làm —nhất là bảo hiểm sức khỏe. Ông Glen Bolger, một nhà đầu phiếu phe Cộng-hòa,xác nhận, "Người ta đi làm để có đồng lương khả dĩ và những phúc lợi phụ tùng. Tổng sản lượng nội địa, mức sản xuất cao hoặc thâm thủng ngoại thương đều không có mấy ý nghĩa với dân chúng nếu họ không có công ăn việc làm." Tin mừng cho chính quyền là trong tháng Chín, sau tám tuần liên tiếp với số công ăn việc làm biến mất đều đặn, đã có năm-mươi-bẩy ngàn người kiếm được việc; trong tháng Mười, số người kiếm được việc tăng gấp đôi mức dự đoán. Nhưng các nhà kinh tế học và thống kê đều nói cần phải thêm từ một trăm ngàn đến một trăm năm-mươi ngàn công ăn việc làm mỗi tháng để đối phó với mức thất nghiệp hiện nay —từ nay cho đến bầu cử năm tới để giúp chính quyền Bush dễ thở hơn về mặt kinh tế. Về những con số trên, cũng cần phải ghi nhận là số người báo cáo thất nghiệp có thể đi xuống vì người thất nghiệp không báo cáo cho chính phủ nữa khi đã hết thời hạn hưởng phụ cấp thất nghiệp, hoặc không ghi danh tìm việc nữa vì không có hy vọng kiếm được việc, hoặc tự mình tạo việc cho mình (self-employed, không có nghĩa là có việc tạo ra lợi tức). Theo sở Kiểm-kê, hơn một triệu người Mỹ không có bảo hiểm y tế năm 2002 so với năm 2001, và con số tổng cộng số người không có bảo hiểm y tế năm nay đã lên tới mức bốn-mươi-ba triệu —đa số là người lớn tuổi có gia đình và con cái. Trong khi mức phát triển kinh tế có gia tăng, nhiều người không chắc mức gia tăng sẽ tiếp tục đều đặn để triển vọng công ăn việc làm có thể sáng sủa hơn. Ông Thomas Mann, một nhà khoa học chính trị thuộc Brookings Istitution nói trên, nhận xét: "Tình hình kinh tế là bối cảnh rộng lớn chi phối bầu cử tổng thống. Đối với người đi bầu chính sách kinh tế không gây được chú ý bằng câu hỏi căn bản, 'Người dân có khá hơn dưới tổng thống đương nhiệm, hay tệ hơn?'" Và theo chiều hướng này ông Bush có nhiều lý do đáng lo âu về mặt kinh tế.

Tổng thống Bush từ lúc nhậm chức tới nay không được điểm cao về kinh tế mặc dù ông xác định rất rõ, và theo đuổi ráo riết, một chính sách kinh tế độc nhất: cắt giảm thuế má cho người giầu có và giới thương nghiệp lớn. Những thăm dò dư luận dân chúng cho thấy mức ủng hộ ông Bush về mặt kinh tế lên cao nhất với bẩy-mươi phần trăm ngay sau khủng bố ngày 11 tháng Chín, 2001; sau đó mức ủng hộ đi xuống đều đặn trong hầu hết các thăm dò dư luận Hoa-Kỳ. Giữa tháng Chín vừa qua mức ủng hộ xuống còn bốn-mươi-lăm phần trăm; một tháng sau đó mức này tụt hơn năm phần trăm nữa. Theo các nhà phân tích kinh tế những con số này có thể không phản ánh

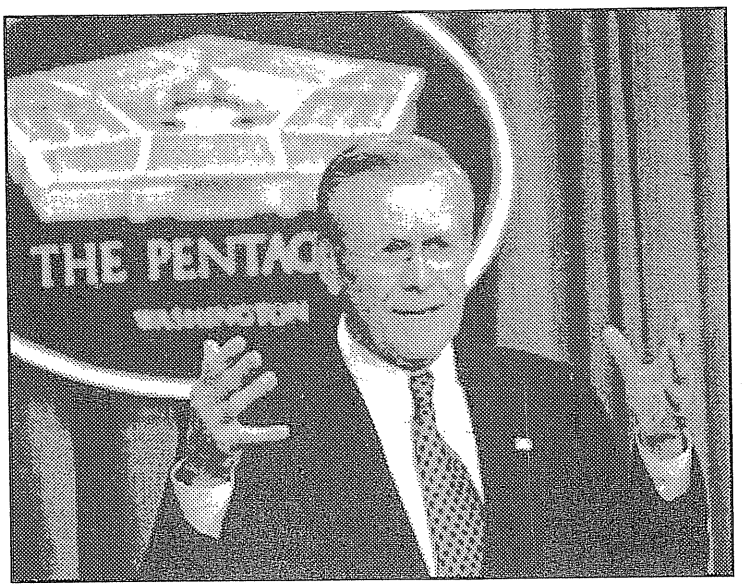

Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Donald Rumsfeld

những chiều hướng đáng kể. Nhưng kết hợp giữa những con số đi xuống đều đặn, và tình hình kinh tế không có những tiến triển mà người đi bầu trông đợi, là lợi điểm cho những ứng cử viên đối lập. Khi giới chuyên môn kinh tế xác nhận rằng số ba triệu người thất nghiệp khó mà kiếm được công việc từ nay cho đến ngày bầu cử năm tới, các ứng viên Dân-chủ dễ mạnh miệng chỉ trích tổng thống đương nhiệm. Ba ứng cử viên Dân-chủ sáng chói nhất hiện nay, nguyên thống đốc Vermont bác sĩ Howard Dean, nghị sĩ John Kerry (Massachusetts) và tướng bốn sao đã hưu trí Wesley Clark không tiếc lời nhấn mạnh ông Bush là tổng thống thứ nhì sau ông Herbert Hoover đang sửa soạn tái cử với thành tích số người thất nghiệp lên cao ngay trong nhiệm kỳ đầu; họ cũng đủ tự tín công khai đòi ông Bush phải bỏ việc giảm thuế cho giới giầu có và thương nghiệp lớn để lấy tiền dành cho chiến tranh Iraq hay giúp dân chúng có bảo hiểm y tế. Phía Dân-chủ chưa đưa ra đề nghị hay biện pháp nào nếu kinh tế đi xuống nữa, nhưng ông Bush cũng chẳng còn cách giải quyết nào khác sau khi đã giảm thuế tối đa cho người giầu có và giới thương nghiệp lớn (với lý luận rằng hai giới này sẽ tạo ra công ăn việc làm cho mọi người) cùng với việc hạ giá lãi suất cho vay đến mức tối thiểu (với lập luận rằng việc này sẽ khuyến khích người hồ hởi đi vay để làm ăn và tạo ra công việc). Theo ông John Makin, một kinh tế gia có ảnh hưởng lớn thuộc viện nghiên cứu American Enterprise thân chính quyền, "Ta có thể hy vọng tình hình sẽ sáng sủa hơn, nhưng căn cứ trên những dữ kiện hiện nay thật khó màthấy tình hình sẽ khá hơn."

Giữa tháng Mười-một, Liên-đoàn Các nước Âu-châu (European Union, EU) đưa ra phản ứng kinh tế đập mạnh vào đòn kinh tế chính trị của chính quyền Bush. Nguyên từ tháng Ba năm 2002 ông Bush đánh thuế nhập cảng thép từ Âu châu sang Hoa-Kỳ đến ba-mươi phần trăm hơn mức bình thường với mục đích nâng đỡ kỹ nghệ và công nhân thép Mỹ đang sa sút ở các tiểu bang như Pennsylvania, Ohio và West Virginia—các tiểu bang đông dân mà ông Bush đã bị chật vật trong kỳ bầu cử năm 2000. Mới đây Tổ-chức Thương-vụ Quốc-tế (World Trade Organization, WTO) phán quyết rằng gia tăng thuế nhập cảng để bảo vệ kỹ nghệ nội địa vi phạm luật thương vụ quốc tế; EU tức khắc đòi hỏi ông Bush phải chấm dứt việc này trước ngày mười-lăm tháng Mười-hai năm nay, nếu không EU cũng sẽ gia tăng trả đũa một số hàng nhập từ Hoa-Kỳ —có lẽ cũng không phải là tình cờ mà những hàng (khoảng 2.2 tỉ đô-la) sẽ bị đe dọa tăng thuế nhập cảng vào Âu châu đều gồm sản phẩm từ các tiểu bang mà ông Bush cần phiếu nhiều nhất trong kỳ bầu cử tới, như cam quít, chanh từ Florida, xe mô-tô Hardley-Davidson từ Wisconsin, trái cây và rượu vang từ California, vân vân. Ông Bush bị đặt vào thế khó xử: nếu hạ mức thuế nhập cảng thép xuống như cũ, có lẽ ông sẽ mất phiếu ở ba tiểu bang thép nói trên vì mức thất nghiệp ở đây sẽ gia tăng tức khắc. Các nước sản xuất thép khác như Nhật, Trung-Hoa, Nam-Hàn, Na-Uy, Thụy-Sĩ và Tân-Tây-Lan cũng lên tiếng phản đối và đe dọa trả đũa. Đây cũng là mặt nổi của khuynh hướng ngầm mà giới truyền thông Mỹ ít nhắc nhở tới: ông Bush được giới lao động da trắng ít học ủng hộ khá cao, nhất là thái độ hùng hổ anh chị tấn công các nước mà chính những cử tri này chẳng biết ở đâu, hoặc các giống người hoàn toàn xa lạ khác biệt với họ; nhưng khi công ăn việc làm ở các nhà máy, xí nghiệp (manufacturing jobs) đi xuống như hiện nay, giới này bị ảnh hưởng mạnh và mức ủng hộ của họ cũng khó giữ được.

(Còn tiếp)

LIỆU CẢI TỔ KINH TẾ VÀ MỞ CỬA BUÔN BÁN VỚI THẾ GIỚI CÓ MANG LẠI TỰ DO VÀ DÂN CHỦ CHO VIỆT-NAM HAY KHÔNG?

NGUYỄN QUỐC KHẢI

LGT: *Bài này được thuyết trình tại University of Quebec ở Montreal tại buổi hội thảo vào ngày 1.11.2003 do nhóm Ngàn Thông tổ chức dưới sự bảo trợ của Làng Đại Học Việt-Nam (Montreal — Canada).*

Cách đây khoảng hơn hai năm, trong một buổi thuyết trình tại vùng Hoa-Thịnh-Đốn về đề tài Hiệp Định Thương Mại Việt-Mỹ, một vị trong giới trí thức phát biểu ý kiến chống đối quyết liệt hiệp định này mặc dù đại diện chính phủ của hai nước đã ký chấp thuận hiệp định tại Washington, DC khoảng hơn sáu tháng trước vào tháng 7, năm 2000. Vị này lập luận một cách giản dị rằng nếu để dân trong nước bị đói khổ, họ sẽ nổi dậy chống chế độ Cộng Sản độc tài. Như chúng ta biết, trong khoảng thời gian 1975-1990, dân Việt-Nam cực kỳ đói khổ, nhưng đã không có một cuộc nổi dậy lớn lao ở trong nước vì đói khổ cả. Thứ hai là những người chống Cộng Sản mạnh mẽ nhất hoặc đã chết trong tù hoặc đã dời bỏ quê hương ra đi gần hết. Trong các trại tù "cải tạo", Cộng Sản Việt-Nam (CSVN) để cho các tù nhân đói triền miên đồng thời bắt họ lao động để họ chết lần mòn hoặc không còn đủ sức chống đối vì lúc nào cũng bị dạ dầy hành hạ, không còn nghĩ đến cái gì khác. Tôi được nghe kể lại nhiều câu chuyện trốn ra khỏi trại tù, chứ không nghe ai nói về chuyện tù nhân nổi dậy chống lại lính gác tù một cách quy mô cả. Câu hỏi được nêu lên ở đây là nếu được no ấm, liệu người dân có đứng lên đòi nhân quyền và dân quyền hay không? Bài phân tích này sẽ cố gắng tìm một câu trả lời cho câu hỏi trên.

Khi còn là một nước Xã Hội Chủ Nghĩa thuần túy với nền kinh tế chỉ huy, Việt-Nam đã gia nhập tổ chức hợp tác kinh tế của khối Cộng Sản do Liên Bang Sô Viết lãnh đạo, thường được gọi là Cộng Đồng Kinh Tế Đông Âu hay còn gọi là COMECON (Council for Mutual Economic Assistance) vào năm 1978 do Nga Sô lãnh đạo. Tổ chức này tan vỡ vào cuối thập niên 80, cùng lúc với sự xụp đổ của các nước Cộng Sản Đông Âu. Sau khi chuyển từ nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường với chính sách "Đổi Mới" vào năm 1986 tới nay, Việt-Nam đã ký kết một số thương ước quốc tế mới. Quan trọng hơn cả là một số hiệp định thương mại với Liên Hiệp Âu Châu (European Union), Khu Vực Mậu Dịch Tự Do của các nước Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations Free Trade Area viết tắt là AFTA), và hiệp định thương mại Việt-Mỹ (U.S.-Vietnam Bilateral Trade Agreement viết tắt là USVN-BTA). Ngoài ra Việt-Nam mới bắt đầu thương thuyết một thỏa hiệp đầu tư với Nhật Bản và đang chuẩn bị gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới (World Trade Organization viết tắt là WTO). Chính sách Đổi Mới và những hiệp định thương mại quốc tế đòi hỏi Việt-Nam thi hành nhiều cải tổ kinh tế sâu rộng chưa từng thấy.

Đành rằng cải tổ kinh tế và mở cửa buôn bán với thế giới bên ngoài làm cho dân chúng được no ấm hơn nhưng liệu chính sách này sẽ có mang lại tự do và dân chủ cho đất nước hay không? Hiện nay có hai lý thuyết chính: (1) Cải tổ kinh tế sẽ đưa đến những cải tổ chính trị và đất nước sẽ có tự do dân chủ; (2) Cải tổ kinh tế sẽ chỉ củng cố thêm chế độ độc tài, đồng thời giúp Đảng CSVN tiếp tục kềm kẹp chính trị. Bài thuyết trình sẽ thảo luận về những lý thuyết này và sẽ nhấn mạnh về trường hợp Việt-Nam đồng thời so sánh với Trung Quốc.

Lý thuyết 1 - Cải tổ kinh tế sẽ đưa đến những cải tổ chính trị và đất nước sẽ có tự do dân chủ

Cả ba hiệp định thương mại với Hoa-Kỳ, Liên Hiệp Âu Châu và AFTA đều có tác dụng mạnh

đối với Việt-Nam không những về mặt kinh tế mà còn cả về mặt chính trị qua những đòi hỏi cải tổ kinh tế sâu rộng. Tại buổi lễ ký kết thương ước Việt-Mỹ tại Tòa Nhà Trắng vào tháng 7, 2000 Tổng Thống Bill Clinton đã tuyên bố rằng: "Hiệp định thương mại sẽ đem lại nhiều thay đổi tốt đẹp về tự do và nhân quyền cho nhân dân Việt-Nam, trong một nền kinh tế phồn thịnh hơn..." Bà cựu Đại Sứ Ngoại Thương của Hoa-Kỳ Charlene Barshesky từng tuyên bố: "Khi hoàn tất, hiệp định thương mại Việt-Mỹ sẽ vạch ra một đường hướng đưa tới sự cởi mở hơn, giảm bớt sự kiểm soát kinh tế của chính phủ, và cuối cùng làm cho người dân Việt-Nam được tự do hơn để kiếm việc làm và tự quyết định lấy tương lai của mình."

Những cuộc cải tổ kinh tế do thương ước Việt-Mỹ, Việt-Âu và AFTA đòi hỏi gián tiếp hay trực tiếp sẽ đem lại những kết quả sau đây: (1) Khu vực tư doanh sẽ mở rộng. Tư nhân sẽ được tự do làm ăn quy mô thay vì chỉ được buôn bán lặt vặt như từ 1986 đến cuối thập niên 90; khu vực kinh tế tư sẽ ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách quốc gia, trực tiếp hay gián tiếp. Như vậy, điều kiện này sẽ tạo ra một môi trường thích hợp cho nền dân chủ được phát triển . (2) Nhà nước không còn chiếm độc quyền làm kinh tế cho cả nước. Khu vực quốc doanh sẽ thâu hẹp tối đa. Đặc biệt Thương Ước Việt-Mỹ, với những điều khoản buộc giải tỏa nền kinh tế chỉ huy sẽ phân tán quyền lực hiện nay tập trung hết trong tay nhà nước. (3) Ngoại thương sẽ được bành trướng mạnh mẽ trái với một xã hội khép kín như Bắc Hàn và Cuba; (4) Khu vực đầu tư của nước ngoài sẽ mở rộng; (5) Kinh tế Việt-Nam sẽ phát triển và sẽ liên hệ trực tiếp đến kinh tế toàn cầu nhiều hơn. Hiện nay, khu vực nhà nước và sản xuất tập thể quá lớn, chiếm vào khoảng 48% tổng sản lượng nội địa, bao gồm trong đó là xí nghiệp quốc doanh chiếm khoảng 30%, sản xuất tập thể 9%, hành chánh, quốc phòng và chương trình an sinh của nhà nước 9% . Trong khi đó hai khu vực tư doanh và đầu tư nước ngoài lại quá nhỏ, chiếm khoảng 4% và 11%. Khu vực gia đình chiếm 33%. Một cuộc cải tổ kinh tế thiết yếu đòi hỏi bãi bỏ độc quyền làm kinh doanh của nhà nước trong nhiều lãnh vực sẽ đảo ngược được tình trạng này. Phát triển khu vực tư doanh và đầu tư nước ngoài, đồng thời thu hẹp khu vực nhà nước lại, từ 39% xuống còn 10% - 15%.

Các vấn đề thông tin, phân phối, di chuyển, cư trú, thuê mướn nhân công sẽ được bảo đảm tự do hơn chiếu theo các thương ước. Pháp luật sẽ phải minh bạch hơn, trước hết là luật thương mại và công pháp quốc tế. Với sự phát triển của công nghệ tin học, với báo chí, đài phát thanh, truyền hình, mạng lưới Internet được hoạt động ngay trong nước, chế độ kiểm duyệt báo chí, ngăn cản tin tức chuyển về từ nước ngoài sẽ trở thành vô cùng khó khăn. Với các đại học tư và ban giảng huấn ngoại quốc cùng với các trường học dân lập và số sinh viên xuất ngoại trở về, tư tưởng tự do tiến bộ sẽ phát triển trong giới trẻ tại Việt-Nam.

Các hiệp định thương mại Việt-Mỹ, Việt-Âu, và AFTA không có điều khoản nào nói về nhân quyền. Tuy nhiên hiệp định đòi hỏi các luật lệ thương mại phải minh bạch và thông tin trong lãnh vực kinh tế phải được tự do. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến quyền tự do báo chí. Một khi người dân đã có quyền tự do kinh tế, có một mức sống cao hơn, không còn phải lo miếng cơm manh áo hàng ngày thì không còn gì ngăn cản họ đòi hỏi được hưởng các quyền tự do ngoài phạm vi thuần túy kinh tế, nhất là khi người dân đã được tiếp xúc với những người thuộc các nước có chế độ tự do dân chủ, ngoại quốc cũng như người Việt khắp nơi trở về. Một đòi hỏi kế tiếp và tự nhiên của người dân trong nước sẽ là một chế độ tự do, dân chủ và tiến bộ theo đúng trào lưu văn minh của nhân loại. Tuy nhiên phải mất bao lâu mới thực hiện được ước vọng mãnh liệt đó, đến nay không ai có câu trả lời chắc chắn cả.

Dưới con mắt của những nhà lãnh đạo Hà-Nội thì đây là một phần trong diễn biến hòa bình mà họ lo ngại. Trước hết, họ chấp nhận cải tổ kinh tế vì không còn lựa chọn nào khác. Tiếp theo đó, họ chấp nhận đầu tư nước ngoài một cách giới hạn. Dần dần Việt-Nam nới rộng luật lệ đầu tư cho các công ty ngoại quốc xâm nhập thị trường gần như vào mọi khu vực, đồng thời cho đông đảo sinh viên du học các nước Tây Phương, đặc biệt là các nước nói tiếng Anh như Hoa-Kỳ, Úc Châu, và Canada. Sau cùng Việt-Nam thỏa thuận hội nhập vào kinh tế vùng và thế giới qua những thương ước quốc tế. Đến năm 2020 AFTA của ASEAN sẽ trở thành một cộng đồng kinh tế kiểu Liên Hiệp Âu Châu, không thuế quan, mọi hàng rào phi thuế quan cũng sẽ được bãi bỏ, theo một quyết định của hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 9 tại Bali, Indonesia vào tháng 10, 2003 vừa qua. Nói tóm lại, hàng hóa và người sẽ tự do lưu hành trong địa phận ASEAN

như Liên Hiệp Âu Châu hiện nay.

Những nhà lãnh đạo Hoa-Kỳ tiếp tục ca ngợi mậu dịch tự do như một cách để mở cửa biên giới của những nước độc tài, tạo cơ hội giao tiếp với thế giới văn minh bên ngoài. Cựu lãnh Tụ Đa Số Hạ Viện Dick Armey từng tuyên bố: "Tự do mậu dịch là một lực lật đổ và giải phóng vĩ đại." Tổng Thống George W. Bush khẳng định: "Nếu Internet xâm nhập vào Trung Quốc, ông thần tự do sẽ chui ra khỏi chai." Đi xa hơn thế Bộ Trưởng Ngoại Giao Colin Powell khẳng định: "Buôn bán với Trung Quốc không những là một chính sách thương mại tốt mà còn là một chính sách nhân quyền tốt." Những tư tưởng lạc quan như thế tiếp tục quyết định chính sách ngoại giao của Hoa-Kỳ đối với một số nước chọn lựa như Việt-Nam và Trung Quốc.

Dù thực tâm hoặc nhắm mắt tin vào những tư tưởng lạc quan như trên vì quyền lợi, giới kinh doanh Hoa-Kỳ qua những buổi họp của U.S. — Vietnam Trade Council và U.S. — ASEAN Business Council tỏ ra chống đối Dự Luật Nhân Quyền Việt-Nam vì dự luật này không cho phép dùng những nguồn tài trợ của Bộ Canh Nông Hoa-Kỳ, Exim Bank, và Overseas Private Investment Corporation (OPIC) để bao cấp những công ty Hoa-Kỳ buôn bán với Việt-Nam, như một biện pháp trừng phạt Việt-Nam. Giới kinh doanh Hoa-Kỳ cũng nhận thấy chính sách bất nhất của Hoa-Kỳ. Đối với những nước độc tài như Việt-Nam, Trung Quốc, và các nước sản xuất dầu hỏa ở Trung Đông, Hoa-Kỳ theo đuổi chính sách "giao kết xây dựng." Đối với Cuba và Miến Điện, Hoa Kỳ lại áp dụng cấm vận.

Bộ Ngoại Giao Hoa-Kỳ chưa chính thức công bố lập trường đối với Dự Luật Nhân Quyền Việt-Nam 2003, đã được Hạ Viện thông qua dưới hình thức một tu chính án của Dự Luật Ngân Sách Ngoại Giao cho Tài Khóa 2004-2005 (H.R. 1950) vào ngày tháng 7, 2003. Tuy nhiên, một cách không chính thức một vài viên chức cao cấp trong Bộ Ngoại Giao tỏ ý lo ngại vì Dự Luật Nhân Quyền Việt-Nam cho phép Hành Pháp Hoa-Kỳ cấm viện trợ thêm cho Việt-Nam, ngoại trừ các chương trình nhân đạo. Nếu chính quyền Hà-Nội vi phạm nhân quyền, chương trình tài trợ để huấn luyện Việt-Nam thi hành Hiệp Định Thương Mại Việt-Mỹ có thể sẽ bị ngưng. Dự kiến này nếu xẩy ra sẽ mâu thuẫn với một số điều mà Hoa-Kỳ đã cam kết khi ký Thương Ước Việt-Mỹ.

Một nhóm thiểu số nhưng có nhiều ảnh hưởng trong Lập Pháp Hoa-Kỳ không ủng hộ Dự Luật Nhân Quyền Việt-Nam như TNS John Kerry (Dân Chủ, Massachusetts) đã giải thích lập trường của ông vào đầu năm 2003 như sau: "Mặc dù đồng ý với mục tiêu của dự luật này, tôi không tin rằng việc thông qua dự luật là cách hiệu quả nhất để đẩy mạnh sự thay đổi ở Việt-Nam. Tôi đã chứng kiến tận mắt những tiến bộ do sự hợp tác giữa Việt-Nam và Hoa-Kỳ mang lại. Tôi tin rằng cách hiệu quả nhất để cải thiện nhân quyền là để Việt-Nam tiếp cận với ảnh hưởng bên ngoài." TNS Chuck Hagel (Cộng Hòa, Nebraska) trong buổi nói chuyện về bang giao giữa Hoa-Kỳ và Đông Minh Á Châu do Asia Society tổ chức vào cuối tháng 7, 2003 vừa qua cũng có một nhận định tương tự. Ông cho rằng còn lâu nhân quyền mới được tôn trọng ở Việt-Nam cũng như tại Trung Quốc. Nhân quyền là vấn đề quan trọng và tế nhị phải được cứu xét và đang được cứu xét. Nhưng Dự Luật Nhân Quyền Việt-Nam là một tiến trình đồ sộ và không hoàn hảo. TNS Hagel nói tiếp rằng tốt hơn là làm việc từ bên trong, gây áp lực với Việt-Nam và Hành Pháp. Ông cho rằng đây là cách làm thích hợp và có trách nhiệm.

Xét cho cùng qua những lời tuyên bố của họ, chính những nhà lập pháp Hoa-Kỳ dù không ủng hộ Dự Luật Nhân Quyền Việt-Nam cũng không tin rằng những cải tổ kinh tế và những thương ước quốc tế có thể tự động cải thiện tình trạng nhân quyền và đem lại tự do dân chủ cho Việt-Nam. Những nhà lập pháp Hoa-Kỳ này gián tiếp công nhận rằng áp lực quốc tế và vận động ở bên trong rất cần thiết trong tiến trình dân chủ hóa Việt-Nam.

Lý thuyết 2 - Cải tổ kinh tế nhưng tiếp tục kềm kẹp chính trị sẽ chỉ củng cố thêm chế độ độc tài

Kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt-Nam cũng như tại Trung Quốc không có gì khác hơn là một hỗn hợp của hai chính sách giải phóng kinh tế và kềm kẹp chính trị. Theo đó kinh tế dựa trên luật cung cầu được phép phát triển và khu vực quốc doanh giữ một vai trò chủ chốt. Dân và đảng viên được phép làm giầu, nhưng không được phép làm suy yếu quyền hành của đảng Cộng Sản. Khi thi hành những biện pháp cải tổ kinh tế tại hai quốc gia này, những nhà lãnh đạo của Hà-Nội và Bắc Kinh đều cho thực hiện những biện pháp trì hoãn hoặc ngăn ngừa những chuyển biến chính trị bất lợi cho chế độ

độc đảng. Nhà nước tiếp tục kiểm soát chặt chẽ đời sống chính trị của người dân. Về mặt kinh tế, nhà nước bãi bỏ những cơ chế chỉ huy như hợp tác xã và nông trường tập thể, giảm bớt cầm chừng số xí nghiệp quốc doanh bằng cách bán một số xí nghiệp này cho tư nhân mà phần lớn là đảng viên hoặc cựu nhân viên nhà nước, hoặc sát nhập những xí nghiệp thua lỗ vào những xí nghiệp tương đối thành công hơn, đồng thời cho những công ty này ít nhiều quyền tự trị. Nhà nước tiếp tục kiểm soát những khu vực quan trọng của nền kinh tế. Mặt khác, đầu tư nước ngoài được phép xâm nhập thị trường nội địa một cách giới hạn.

Các hiệp hội do nhà nước bảo trợ được thành lập để làm nhịp cầu liên lạc giữa nhà nước và các xí nghiệp. Những tổ chức phi chính phủ (non-governmental organizations viết tắt là NGO) đều phải được đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp của nhà nước. Đảng viên hay cán bộ thường nắm những chức vụ then chốt trong ban quản trị. Trên thực tế Việt-Nam không có NGO, mà chỉ có GS-NGO tức là government-supervised NGO. Nhà nước cấm đoán những giáo hội độc lập, những nghiệp đoàn tự do hoặc những tổ chức thật sự tự trị có thể cạnh tranh với nhà nước. Những hội đoàn này hoặc phải sát nhập vào với các tổ chức của nhà nước hoặc sẽ bị đàn áp. Do đó, một xã hội dân sự thật sự khó thành hình dù giới trung lưu ngày càng lớn mạnh khi kinh tế phát triển như nhiều nhà nghiên cứu hi vọng. Phần đông giới trung lưu mới này thân cận với đảng và nhà nước. Còn giới trung lưu cũ đã rời bỏ quê hương ra đi gần hết.

Để bảo đảm giới chuyên viên trí thức trong tương lai sẽ ủng hộ chế độ, nhà nước trước đây đặt những điều kiện khó khăn hoặc ngang nhiên cấm đoán con em của những người thuộc chế độ VNCH không cho hưởng những phương tiện giáo dục một cách bình đẳng với con em của "cách mạng." Thí dụ vào những năm đầu sau năm 1975, con em thuộc gia đình "ngụy" không được học

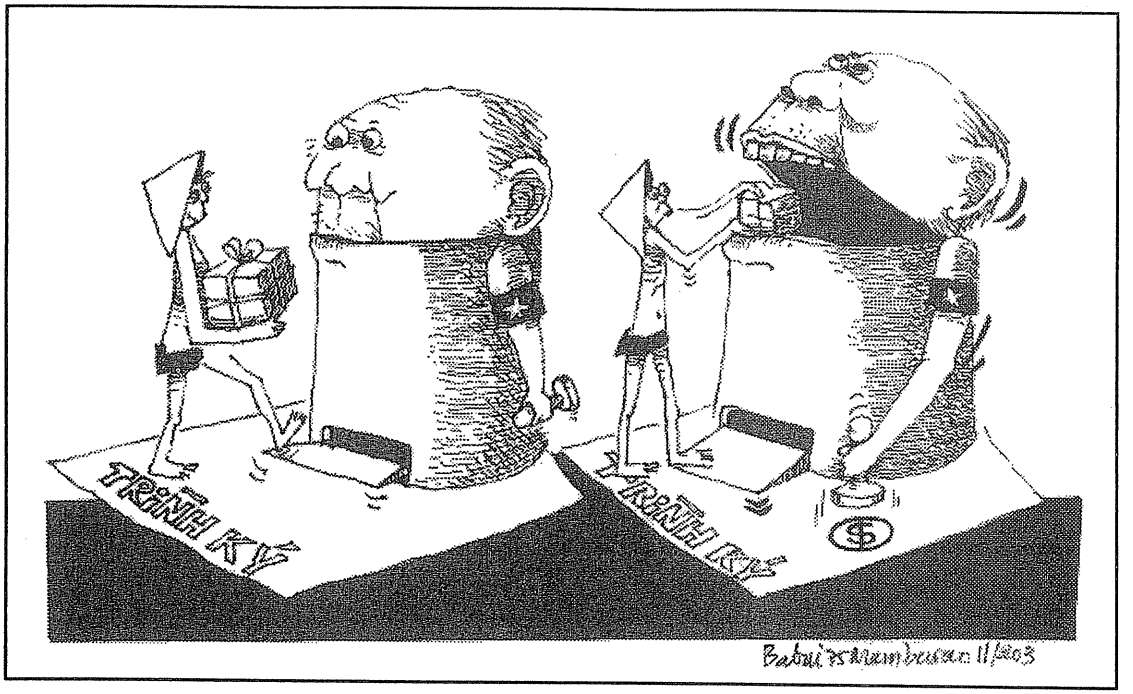

lên đại học. Dù đạt được điểm 30/30 trong ba môn thi những em này cũng không được nhận vào đại học. Trong khi đó con em "cách mạng" chỉ cần đạt được điểm 8/30 hoặc 9/30. Trên thực tế, dù không bị ngăn cấm, nhiều con em "ngụy" cũng không có phương tiện cắp sách đến trường hoặc vì gia đình phải đi vùng kinh tế mới, hoặc vì những người lớn bị giam ở trong các trại tù "cải tạo," gia đình đói khổ, con em "ngụy" phải ở nhà giúp mẹ và các chị làm đủ mọi việc để kiếm ăn. Sau khi bắt đầu chính sách "Đổi Mới," luật lệ mới được nới lỏng. Con em "ngụy" phải có điểm thật cao so với điểm của con em "cách mạng" mới được đi nhận vào đại học. Ngày nay, tình trạng kỳ thị trắng trợn đó không còn nữa. Nhưng lý lịch và quen biết vẫn là những yếu tố quan trọng trong việc xin việc làm hay học bổng du

học của nhà nước.

Nhằm bảo vệ chế độ độc tài, chính phủ Việt-Nam duy trì chủ trương cấm đoán tự do báo chí và thông tin trong nước. Trong khi Việt-Nam được tự do xuất cảng và phát hành sách báo phim ảnh và cung cấp dịch vụ truyền thanh và truyền hình ở hải ngoại, Hiệp Định Thương Mại Việt-Mỹ cho phép các công ty quốc doanh Việt-Nam tiếp tục giữ độc quyền nhập cảng sách, báo, tạp chí, tranh ảnh, lịch, và mọi loại ấn phẩm khác, phim ảnh, các dụng cụ thâu phát hình và âm thanh . Cũng theo Hiệp Định Thương Mại Việt-Mỹ, Việt-Nam có thể duy trì chế độ thẩm định cấp giấy phép đầu tư trong một số lãnh vực, trong đó có phát thanh, truyền hình, sản xuất, xuất bản và phân phối các sản phẩm văn hóa. Sự thỏa thuận này được ghi rõ trong những văn thư chính thức trao đổi giữa ông Bộ Trưởng Bộ Thương Mại Vũ Khoan và Đại Sứ Ngoại Thương Hoa-Kỳ Charlene Barshefky đề ngày 13.7.2000.

Nhà nước tiếp tục duy trì kiểm soát về đất đai và cả hệ thống tư pháp. Dân chỉ có quyền được sử dụng đất. Quyền tư hữu đất đai không được công nhận. Hầu hết các chức vụ quan trọng trong hệ thống tư pháp với các tòa án đều nằm trong tay các đảng viên Cộng Sản. GS Arthur Waldron, một chuyên viên về Trung Quốc của University of Pennsylvania nhận xét: "Quyền cá nhân hay quyền của nhà kinh doanh đều được bảo vệ không phải bởi các định chế nhưng bởi sự quen biết với những người có quyền lực trong tay." Ở tại Việt-Nam cũng như Trung Quốc, chế độ tư bản không dựa vào quyền tư hữu, hay pháp luật mà dựa vào sự quen biết với các giới chức chính quyền. Đây là một chế độ tư bản phe đảng (relation-based capitalism). Phần lớn lợi nhuận rơi vào tay các viên chức nhà nước. Ở Hoa-Kỳ các công ty tư tìm mọi cách ảnh hưởng các ứng cử viên, các chính trị gia, các cơ quan chính phủ. Trái lại, tại Việt-Nam hay Trung Quốc, nhà nước ảnh hưởng và áp đảo khu vực tư.

Trong vòng 10 năm kể từ khi chương trình Đổi Mới được chính thức công bố vào cuối năm 1986, Việt-Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng đáng kể. Tổng sản lượng nội địa tăng gấp đôi và tỉ lệ nghèo đói giảm xuống còn một nửa, từ 79% xuống còn 35%. Cuộc khủng hoảng kinh tế Á châu 1987-1988 đã làm cho tốc độ tăng trưởng chậm lại từ 9.5% vào năm 1995 xuống còn 4.8% vào năm 1999, sau đó từ từ phục hồi lại ở mức 7% vào năm 2002. Lợi tức trung bình tăng từ 200 Mỹ kim lên đến 450 Mỹ kim mỗi đầu người. Như vậy, chính sách kinh tế thị trường với định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa và sự hội nhập vào thị trường thế giới sau khoảng 15 năm, mặc dù chưa làm cho Việt-Nam ra khỏi danh sách những nước nghèo nhất thế giới của Liên Hiệp Quốc, đã giúp dân Việt-Nam không còn phải ăn bo bo nữa, nhưng đồng thời đã tạo ra một giai cấp trung lưu mới thân chế độ và sẵn sàng bảo vệ chế độ đã cho mình nhiều đặc quyền đặc lợi. Sau 1975, Hiến Pháp được sửa đổi tất cả ba lần. Lần sửa thứ nhất vào năm 1980 nhắm nêu cao mục tiêu của Đảng và nhà nước là củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xã hội hóa miền Nam, và tăng cường khả năng quốc phòng để chống lại Trung Quốc. Lần sửa thứ hai vào năm 1992 chính thức hóa nền kinh tế với nhiều hộ sản xuất. Ngoài hợp tác xã, doanh nghiệp nhà nước, còn có gia đình và xí nghiệp đầu tư ngoại quốc. Lần sửa chót vào năm 2001 thông qua chế độ kinh tế thị trường. Tuy nhiên cơ chế và cương lĩnh chính trị của Đảng CSVN vẫn không suy chuyển.

Trung Quốc thực hiện đổi mới kinh tế trước Việt-Nam 10 năm. Trung Quốc thi hành một số biện pháp cải tổ kinh tế táo bạo hơn, như cương quyết loại bỏ các doanh nghiệp nhà nước lỗ lã, bán những công ty còn lại cho tư nhân, chỉ giữ lại những công ty quan trọng cho an ninh quốc gia hoặc tư nhân không đủ khả năng bao thầu. Đặc biệt, quân đội bị tuyệt đối cấm không được làm kinh doanh. Trung Quốc quyết tâm theo đuổi chính sách kinh tế hướng ngoại / xuất cảng và mạnh mẽ diệt trừ tham nhũng. Nhờ vậy Trung Quốc được xếp hạng 66 trên 133 nước, khá hơn Việt-Nam theo phúc trình về tham nhũng của Transparency International cho năm 2003. Sau khi đổi mới kinh tế gần một thập niên, Trung Quốc vào năm 1988 đã ban hành Đạo Luật Cơ Hữu Ấn Định Việc Thành Lập và Điều Hành Các Ủy Ban Thôn Xã. Sau biến cố Thiên An Môn đạo luật này được ban hành lại vào năm 1991 và áp dụng trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Mục tiêu của chính sách là để củng cố lại hậu thuẫn của dân chúng tại nông thôn vì sau nhiều năm nắm chính quyền, nhiều cơ sở của Đảng CSTQ ở nông thôn bị tan rã. Việc Trung Quốc cho bầu cử ở cấp làng xóm, trong kế hoạch dân chủ hóa nông thôn mà họ gọi tắt là "Dân Chủ Cơ Cở," cho đến nay chỉ là một hình thức dân chủ giả tạo bởi vì các đảng viên Cộng Sản thường hướng dẫn dân làng bỏ phiếu cho những ứng cử viên thân tín . Tuy nhiên hãy

còn quá sớm để kết luận về ý đồ của giới lãnh đạo mới của Trung Quốc đối với chính sách dân chủ hóa nông thôn. Tân Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc (CSTQ) mới lên nắm quyền là ông Hồ Cẩm Đào, một lãnh tụ có khuynh hướng ủng hộ tiến trình dân chủ hóa và ủng hộ chính sách "Ba Đại Diện" của Giang Trạch Dân. Theo chính sách này, các doanh thương được phép gia nhập Đảng CSTQ.

Việt-Nam đã có những thay đổi ít nhiều về lãnh vực chính trị trong một năm qua. Đảng CSVN cho phép đảng viên và ngay cả quân đội được làm kinh doanh, nhưng doanh thương chưa được phép gia nhập Đảng. Ngày 7.7.2003 vừa qua Chính Phủ Việt-Nam đã ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã (nghị định số 79/2003/NDD-CP). Theo đó, nhân dân ở xã được trực tiếp bàn và quyết định năm loại công việc từ vệ sinh môi trường, xây dựng cơ sở hạ tầng đến soạn thảo hương ước. Quy chế Dân Chủ Xã xem ra giống như Quy Chế Dân Chủ Cơ Sở của Trung Quốc về hình thức. Người ta nghi ngờ rằng việc thi hành Quy chế Dân Chủ Xã cũng sẽ giống như ở bên Trung Quốc từ trước đến nay mà thôi. Trong khi Trung Quốc đã chuyển từ chế độ toàn trị (totalitarianism) qua chế độ độc tài (authoritarianism) và đang chuẩn bị chuyển qua chế độ dân chủ hiến trị (constitutionalism), Việt-Nam chỉ mới bước đi một bước, chuyển đổi qua chế độ độc tài và hiện đang dậm chân tại chỗ. Tương lai của Việt-Nam cũng không có gì đảm bảo sẽ khá hơn Trung Quốc về tốc độ và phạm vi của kế hoạch cải tổ chính trị nếu Việt-Nam ngả theo Trung Quốc và dập theo đúng khuôn mẫu cải tổ kinh tế và chính trị của Trung Quốc. Điều này đúng hay không tùy thuộc vào chính sách ngoại giao của Việt-Nam. Trong thời gian hai năm gần đây, có một vài dấu hiệu cho thấy Việt-Nam có nhiều hoạt động ngoại giao thân thiện với Hoa-Kỳ hơn. Một biến cố quan trọng và ý nghĩa là sự viếng thăm Hoa-Kỳ vào tháng 11, 2003 của Tướng Phạm Văn Trà, Tổng Trưởng Quốc Phòng của Việt-Nam.

Kinh nghiệm cho thấy kinh tế phát triển không chắc chắn và tự động đem lại tự do dân chủ, nhưng lại có những trường hợp giúp hợp pháp hóa và củng cố những chế độ độc tài trong đoản kỳ. Ngược lại, lịch sử cũng đã chứng minh rằng kinh tế khủng hoảng sẽ không đủ để làm nhiều chế độ độc tài xụp đổ, mặc dù có làm cho những chế độ này yếu đi . Một số trường hợp ngoại lệ còn rõ rệt trong trí nhớ mọi người là Nga Sô và Đông Âu. Yếu tố kinh tế đã ảnh hưởng mạnh mẽ vào sự chuyển đổi của các nước cựu Cộng Sản này qua thể chế dân chủ vào cuối thập niên 80 nhưng không phải là vì kinh tế phát triển mà vì kinh tế kiệt quệ.

Một số những nhà lập pháp Hoa-Kỳ đã lên án rằng Hoa-Kỳ buôn bán với Việt-Nam và Trung Quốc, xử dụng những chương trình bao cấp của Bộ Canh Nông, Exim Bank, và OPIC để củng cố chế độ độc tài tại hai quốc gia này mà không đưa đến một tiến bộ nào về hai lãnh vực dân chủ và nhân quyền. Nhân dịp Hạ Viện Hoa-Kỳ chấp thuận Dự Luật Ngân Sách Ngoại Giao bao gồm một số điều khoản về nhân quyền Việt-Nam với số phiếu 382-42 vào tháng 8, 2003 vừa qua, DB Christ Smith (Cộng Hòa, New Jersey) tuyên bố: "Dự Luật Ngân Sách Ngoại Giao cho Tài Khóa 2004-2005 là một công bố chính thức về mục tiêu nhân quyền và sự cam kết của Hoa-Kỳ muốn giúp đỡ những dân tộc trên toàn thế giới đang là nạn nhân của áp bức và tàn bạo. Nhân quyền phải là lý tưởng chính và mục tiêu của chính sách ngoại giao của chúng ta, đặc biệt là nếu chúng ta trông đợi những quốc gia khác tôn trọng quyền căn bản của chính công dân của họ."

DB Ed. Royce (Cộng Hòa, California), tác giả của Dự Luật Tự Do Thông Tin, nhân buổi điều trần của Quốc Hội Hoa-Kỳ về Nhân Quyền vào đầu tháng 10, 2003 tuyên bố: "Việt-Nam còn lâu mới đạt được tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền, tự do ngôn luận, và tự do báo chí. Chế độ độc tài ở Việt-Nam biết rằng tự do thông tin là một đe dọa cho lối cai trị thô bạo của chế độ - Do đó họ đã ngăn chặn các lối vào Internet. Càng ngày càng nhiều những thanh thiếu niên vào Internet để đọc tin tức về chính trị quốc tế và quốc nội, tôn giáo và kinh tế."

Giải pháp tổng hợp kinh tế và chính trị

Kinh nghiệm cho thấy chính sách cấm vận đã được các quốc gia xử dụng tối đa trong các thập niên trước đây đã không luôn luôn tỏ ra có hiệu quả trong việc đánh đổ các chế độ độc tài và áp bức trên thế giới. Thí dụ như trường hợp Cuba, Bắc Hàn, Iraq, Việt-Nam (1975-1994) và Miến Điện. Ngày nay, các cường quốc chủ trương bình thường hóa liên hệ ngoại giao và thương mại với các chế độ độc tài như trường hợp Hoa-Kỳ với Việt-Nam. Chính sách này đã mang lại cho những người dân ở dưới chế độ độc tài áp bức một đời

sống kinh tế dễ thở hơn so với thời kỳ cấm vận. Nhưng theo David Hendrickson "cả hai chính sách cấm vận và bình thường hóa thương mại đều không có một liên hệ vững chắc và trực tiếp đối với vấn đề dân chủ hóa." Jorge I. Dominguez cũng có một lập luận tương tự: "không thể tiên đoán chắc chắn và dễ dàng được sự liên hệ giữa thị trường và dân chủ." David D. Finley cho thấy một điều chắc chắn là "không có dân chủ nếu không có kinh tế tự do. Kinh tế tự do có thể đưa đến dân chủ" nhưng không gì đảm bảo là chắc chắn cả. Nhà bình luận Nguyễn Cao Quyền nói một cách khác rằng "kinh tế thị trường là một điều kiện cần nhưng không đủ cho sự phát huy nền dân chủ."

Những cuộc khảo cứu công phu và sâu rộng đã cho thấy rằng cải thiện mức sống của các nước sẽ đem lại tự do và dân chủ trong trường kỳ. Trong các thập niên 1980 và 1990, trào lưu dân chủ hóa nổi dậy khắp nơi trên thế giới. Nhiều quốc gia biến đổi từ chế độ độc tài qua chế độ dân chủ theo một trong ba khuynh hướng sau đây: (1) Thay đổi thể chế chính trị trước, cải tổ kinh tế sau. Đó là trường hợp của các nước Đông Âu, Nga Sô, và nhiều nước Châu Mỹ Latin; (2) Cải tổ chính trị và kinh tế hỗn hợp như trường hợp Singapore và Indonesia; và (3) Cải tổ kinh tế trước, thay đổi thể chế chính trị sau. Đây là trường hợp của Đại Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Mexico, Chile và cũng rất có thể của Trung Quốc và Việt-Nam. Do đó không có một lộ trình độc nhất nào để cho mọi dân tộc phải theo để dân chủ hóa quốc gia của mình cả. Tiến trình dân chủ ở mỗi quốc gia thay đổi tùy theo hoàn cảnh đặc thù của mỗi nước về mọi phương diện, đặc biệt là chính trị, kinh tế, văn hóa, và giáo dục. Nhưng trong mọi trường hợp cả bốn yếu tố sau đây đều cần thiết: (1) Mức sống được cải thiện đáng kể; (2) Áp lực chính trị từ trong nội bộ; (3) Áp lực quốc tế; và (4) Thời gian.

Chế độ Cộng Sản độc tài ở Đông Âu do Nga Sô áp đặt, do đó đã đổ vỡ nhanh chóng. Trái lại, chế độ độc tài ở Việt-Nam cũng như ở Trung Quốc tồn tại lâu vì một vài lý do. Thứ nhất là những chế độ này dù dựa vào chủ thuyết ngoại lai nhưng do chính những người bản xứ trực tiếp xây dựng lên. Những lãnh tụ này tự cho rằng công lao dành độc lập cho đất nước là hoàn toàn của họ. Ngoài ra, chịu ảnh hưởng của nho giáo, chấp nhận quan niệm "trung quân ái quốc," người dân Việt-Nam dễ dàng cúi đầu chịu đựng trước bạo lực để được xem là "trung với đảng, hiếu với dân." Mặc dù lý tưởng cách mạng của họ đã hoàn toàn tiêu tan, giai cấp "thống trị" hiện nay ở Việt-Nam có nhu cầu cấu kết lẫn nhau không vì lý tưởng mà vì quyền lợi.

Trong trường hợp có tự do kinh tế, dân chủ sẽ phát triển với ba điều kiện: (1) Quyền tự do được bảo đảm bởi hiến pháp và môi trường chính trị; (2) Nền kinh tế thị trường đem lại sự thịnh vượng; (3) Không có liên minh mạnh mẽ của quần chúng chống lại phong trào dân chủ hóa. Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt-Nam thỏa mãn điều kiện (1) trên lý thuyết, nhưng trên thực tế nhà nước không thi hành. Ba thương ước Việt-Mỹ, Việt-Âu và AFTA sẽ mở rộng thị trường và cho phép người dân có quyền tự do làm ăn buôn bán dễ dàng hơn. Kinh tế sẽ phồn thịnh hơn so với thời kỳ chỉ huy. Mặt khác, số công ty quốc doanh sẽ phải giảm thiểu tối đa hoặc sẽ phá sản.

Tại Việt-Nam, không có phong trào của quần chúng tranh đấu cho tự do dân chủ. Trái lại quần chúng mong muốn có một xã hội công bằng, no ấm, tự do, và dân chủ. Mặc dù đòi hỏi tự do dân chủ chưa trở thành một phong trào rộng lớn, nhưng đã có những chiến sĩ dân chủ với những thành tích cách mạng không ai có thể chối cãi được, đã lên tiếng kêu gọi cải tổ chính trị, xóa bỏ chế độ độc tài vì đây chính là nguyên nhân của tham nhũng và bất công trong xã hội hiện tại. Do đó, Việt-Nam có cơ hội dân chủ hóa. Cơ hội đó đến sớm hay muộn tùy thuộc công sức bỏ vào nhiều hay ít của những người dân ở trong nước, những đảng viên và những nhân vật lãnh đạo cấp tiến trong đảng Cộng Sản và sự hiểu biết của cấp lãnh đạo Hà-Nội, sự hữu hiệu của phong trào yểm trợ của người Việt ở hải ngoại và những áp lực mạnh mẽ của quốc tế.

Các chế độ độc tài và tình trạng chậm tiến là những môi trường rất thích hợp cho tham nhũng và bất công xã hội sinh sôi nẩy nở như người ta đã từng thấy ở Nam Dương, Phi Luật-Tân, Thái Lan trước đây và ở Việt-Nam, Trung Quốc và Miến Điện hiện nay. Các quốc gia này thiếu hẳn một cơ chế và hệ thống luật pháp phân minh để kiểm soát chính phủ. Trong hoàn cảnh như vậy, chính sách nhà nước làm ra không nhất thiết phục vụ quyền lợi chung của toàn dân, mà thường lại phục vụ gia đình, họ hàng, phe nhóm, đảng phái thân thuộc. Tài nguyên không được sử dụng hữu hiệu. Do đó hiển nhiên kinh tế không thể phát

triển toàn diện và mau chóng được trong một chế độ độc tài.

Từ ngày tái lập bang giao với Việt-Nam đến nay Hoa-Kỳ áp dụng chính sách buông thả đối với Việt-Nam và cả Trung Quốc. Hoa-Kỳ, đặc biệt dưới thời Tổng Thống Clinton, hoàn toàn trông chờ vào phép lạ của những cải tổ kinh tế và hiệp định thương mại quốc tế để có những thay đổi chính trị. Kinh nghiệm cho thấy chính sách buông thả này không có hiệu lực. Ít nhất là trong hoàn cảnh như hiện nay. Người ta không thấy một thay đổi căn bản nào trong một tương lai gần, ngoại trừ có những biến cố đột xuất. Lịch sử cho thấy Việt-Nam chỉ thay đổi khi có áp lực từ bên ngoài hoặc từ quần chúng trong nước. Việt-Nam bắt buộc phải chính thức hóa việc cho phép nông dân tự canh tác lúa gạo vào năm 1981 bằng một Chỉ Thị số 100, vì dân quá đói khổ, xé rào, bỏ hợp tác xã, sản xuất lén lút riêng cho gia đình. Quyết Định số 10 ban hành vào năm 1988 bởi Bộ Chính Trị giao khoán một số lớn việc canh tác cho nông dân và mặc nhiên bãi bỏ kế hoạch sản xuất chỉ huy và công nhận nền kinh tế sản xuất gia đình. Vào tháng 9, năm 1989 Việt-Nam phải rút quân ra khỏi Kampuchea sau khi các nước Cộng Sản Đông Âu sụp đổ và ngưng viện trợ cho Việt-Nam. Hai năm sau, Viện trợ của Nga Sô cho Việt-Nam cũng chấm dứt. Còn viện trợ của Tây Phương đã bị ngưng hoàn toàn từ ngày quân CSVN tràn vào Kampuchea vào cuối năm 1978.

Chính sách cải tổ cầm chừng của Việt-Nam không phải là không có những hậu quả nghiêm trọng. Thứ nhất là nạn tham nhũng đã và đang tiếp tục gây ra những bất công xã hội và bất mãn nghiêm trọng trong quần chúng và ngay trong giai cấp được hưởng nhiều ơn huệ của "cách mạng" mà nhà nước cũng đã thấy rất rõ. Theo phúc trình 2003 của Transparency International, Việt-Nam bị xếp hạng thứ 100 trong số 133 quốc gia về nạn tham nhũng và là một trong những nước có tình trạng tồi tệ nhất ở Á châu cùng với Miến Điện và Nam Dương. Những người gốc Việt ở nước ngoài về Việt-Nam làm việc với các cơ quan ngoại quốc thường bị làm khó dễ và bị đòi phải chia 10%-15% tiền lương cho những công an, cán bộ hoặc viên chức nhà nước mà họ phải liên hệ. Nạn tham nhũng lan tràn cả ra nước ngoài. Đáng chú ý là ở Đông Âu và Liên Bang Nga nơi có nhiều người Việt cư ngụ dưới diện xuất khẩu lao động hoặc di dân bất hợp pháp. Vì không muốn bị tống-xuất về nước, họ bị công-an gửi từ Việt-Nam qua điều tra lợi-dụng cơ-hội làm tiền. Mỗi người muốn xin ở lại phải mất từ 600 Euro đến 5,000 Euro tùy theo sự việc. Nhưng phần đông tiền mất tật mang vì những giấy tờ do công-an CSVN cấp không có tư-cách pháp-lý.

Thứ hai là sự chênh lệch về lợi tức giữa nông thôn và thành thị ngày một lớn hơn. Theo số liệu của Tổng Cục Thống Kê Việt-Nam, thu nhập bình quân đầu người của nông thôn thấp hơn 3.7 lần thành thị và dưới cả mức thu nhập trung bình của dân nghèo trên thế giới (1 Mỹ kim mỗi ngày). Trên thực tế mức chênh lệch này là 1 so với 10. Khoảng 40% dân ở nông thôn tương đương với 24 triệu người hiện vẫn sống trong nghèo đói. Thứ ba là nạn thất nghiệp gia tăng mà những cuộc cải tổ cầm chừng hiện nay không thể giải quyết được. Cả những sinh viên tốt nghiệp ở nước ngoài về cũng không kiếm được việc làm nếu không quen biết. Mỗi năm có thêm 1.4 triệu người trẻ cần việc làm. Với độ tăng trưởng 7% / năm, nền kinh tế chỉ tạo thêm được khoảng 300,000 việc làm mỗi năm. Số đông chuyên viên tốt nghiệp đại học ở trong nước và ngoại quốc không được xử dụng đúng khả năng. Các báo Tiền Phong, Tuổi Trẻ và Lao Động mới đây trích dẫn một báo cáo của nhà nước cho rằng từ năm 2001 đến nay đã tạo thêm được 4.3 triệu việc làm mới . Con số này cần được kiểm chứng lại.

Những điều kiện mô tả ở trên là những nhân tố trực tiếp sẽ giúp cho chế độ tự do và dân chủ phát triển trong dài hạn, tự do báo chí và nhân quyền được tôn trọng, tệ nạn tham nhũng sẽ có điều kiện bị giảm thiểu tối đa và nền kinh tế mới có thể phát triển toàn diện với hết tiềm năng sẵn có. Để cho tiến trình dân chủ hóa ở Việt-Nam đi nhanh hơn, những người dân chủ ở trong nước và hải ngoại cần phải chủ động. Lawrence F. Kaplan nói: "Dân chủ là một lựa chọn chính trị, một hành động quyết chí. Phải có người tạo dựng ra dân chủ, chứ không thể trông chờ vào sự việc." Ở Nga Sô có Mikhail Gorbachev. Ở Tây Ban Nha có Juan Carlos. Ở Tiệp Khắc có Vaclav Havel. Ở Nam Phi có Nelson Mandela và Desmond Tutu. Ở Phi Luật Tân có Corazon Aquino. Việt-Nam có nhiều chiến sĩ dân chủ, nhưng chưa xuất hiện một Mikhail Gorbachev. Như vậy Việt-Nam sẽ cần một thời gian dài hơn để đi tới dân chủ.

Có những trường hợp phong trào dân chủ không do một người mà do một đoàn thể như African National Congress tại Nam Phi và Solidarity tại Ba Lan. Áp lực quốc tế đã giúp Nam Phi và Ba

Lan dành độc lập và xây dựng chế độ dân chủ. Đài Loan, Phi Luật Tân, Đại Hàn có dân chủ nhờ áp lực và trợ giúp của Hoa-Kỳ. Đức và Nhật Bản từ bỏ chế độ độc tài phát xít không phải vì kinh tế tư bản mà vì sắp đặt và hỗ trợ của đồng minh sau Thế Chiến thứ II. Việt-Nam đã có một số phong trào dân chủ nổi lên nhưng bị nhà nước kềm chế. Việt-Nam hơn ai hết cần hỗ trợ mạnh mẽ của quốc tế mà cộng đồng người Việt ở hải ngoại sẽ có thể đóng một vai trò rất lớn.

Kết luận

Kinh tế gia đoạt giải Nobel người Ấn Độ Amartya Sen nghiên cứu về nghèo đói và dân chủ đã đưa ra một lời tuyên bố nổi tiếng: "Không bao giờ có một nạn đói nào đáng kể xẩy ra ở một nước độc lập, dân chủ và có tự do báo chí." Nhân loại đã chứng kiến nhiều nạn đói khủng khiếp, nhưng hầu hết xẩy ra dưới những chế độ độc tài: (1) Ireland (1845-1850) dưới sự đô hộ độc đoán của người Anh. Hậu quả: 1 triệu người Ái Nhĩ Lan chết và 2 triệu người di dân qua Mỹ châu; (2) Nga Sô (1921) dưới chế độ Cộng Sản và hạn hán. Hậu quả: 5.1 triệu người chết; (3) Ukraine (1932-1933) do kế hoạch nông trường tập thể của Cộng Sản Liên Sô. Hậu quả: 7-10 triệu người chết; (4) Ethiopia (1984-1985) dưới chế độ Cộng Sản và hạn hán. Hậu quả: 8 triệu người chết; (5) India: liên tục trong thời gian người Anh chiếm đóng cho tới khi Ấn Độ được độc lập vào năm 1947; (6) Trung Quốc (1958-1961) do kế hoạch "Bước Nhẩy Vọt." Hậu quả: 30 triệu người chết; (7) Somalia (1992) dưới chế độ độc tài. Hậu quả: 1.5 triệu người chết đói; (8) Bắc Hàn (1996 đến nay) dưới chế độ Cộng Sản.

Riêng tại Việt-Nam nạn đói xẩy ra hai lần kể từ Đệ Nhị Thế Chiến đến nay : (1) 1945: Việt-Nam dưới sự đô hộ tàn bạo và độc tài của quân phiệt Nhật và thực dân Pháp. Hậu quả: 1 triệu người chết; (2) 1975-1986: Việt-Nam trong thời kỳ kinh tế xã hội chủ nghĩa. Kết quả: nạn đói đe dọa từ Bắc vào Nam, trầm trọng hơn hết là những vùng núi xa xôi hẻo lánh. Nhà nước phải lên tiếng kêu gọi Liên Hiệp Quốc giúp thực phẩm và một triệu người vượt biên.

Vào đầu thập niên 40, cả thế giới chỉ có khoảng trên 10 nước thực sự có tự do dân chủ, tương đương với khoảng dưới 1% của tổng số các quốc gia. Ngày nay con số này đã lên tới 62% và đặc biệt là một số các nước cộng sản trước đây nay đã trở thành những nước tự do dân chủ nhất thế giới: Czech Republic, Estonia, Poland, Hungary, Slovakia, và Slovania. Phong trào dân chủ hóa lan rộng ra khắp thế giới, từ Bắc Mỹ và Tây Âu qua Trung và Nam Mỹ, Đông Âu, Á châu và Phi Châu. Khuynh hướng dân chủ đó sẽ tiếp tục bành trướng. Việt-Nam trước sau sẽ qua tiến trình đó. Nếu chủ tâm cải tổ thực sự kinh tế và chính trị sớm, Việt-Nam sẽ tiến nhanh và sẽ sớm thoát khỏi tình trạng thua kém và lạc hậu như hiện nay. Mong rằng sự kiện Trung Quốc thành công đưa phi hành gia Yang Liwei lên quỹ đạo vào ngày 15.10.2003 sẽ cảnh tỉnh những nhà lãnh đạo Hà-Nội, khiến họ đẩy mạnh sứ mạng canh tân xứ sở.

Với những cải tổ kinh tế ở Việt-Nam, nhà nước sẽ mất dần độc quyền về kinh tế. Sự suy giảm về quyền lực chính trị của nhà nước cũng sẽ là điều tự nhiên. Giai cấp trung lưu độc lập sẽ lớn mạnh. Các tổ chức bất vụ lợi và phi chính phủ, chính thức hoặc không chính thức, sẽ sinh sôi nẩy nở mỗi ngày mỗi nhiều hơn. Những biện pháp tinh vi của nhà nước để ngăn chặn khát vọng dân chủ chỉ làm trì hoãn chứ không thể triệt tiêu được tiến trình thay đổi chính trị trong trường kỳ. Nhưng trường kỳ là bao nhiêu năm thì không ai rõ. Có thể là 36 năm như một học giả của Stanford University tiên đoán cho trường hợp Trung Quốc. Theo đó tự do dân chủ sẽ đến với nước này chậm nhất vào năm 2015. Nếu giả thuyết đó cũng đúng cho Việt-Nam, đến năm 2023 Việt Nam sẽ có dân chủ, hoặc có thể sớm hơn nhiều vì những chuyển biến tại quốc gia láng giềng khổng lồ.

Tóm lại, để sớm thực hiện một chế độ có tự do dân chủ, dân giầu nước mạnh ở Việt-Nam, cải tổ kinh tế cần phải được đẩy mạnh và cùng một lúc áp lực quốc tế nhất là từ Hoa-Kỳ và các nước Tây Phương cần tiếp tục. Ngoài ra những người dân chủ trong và ngoài nước cần chủ động và hỗ trợ lẫn nhau trong các chiến dịch bài trừ tham nhũng, đòi hỏi công bằng xã hội, tự do tôn giáo, tự do thông tin báo chí, và dân quyền và nhân quyền. Những biện pháp thực tiễn và tích cực cần phải được những người dân chủ thực hiện trong các chiến dịch này. Kim chỉ nam cho mọi hành động là tinh thần phục vụ dân tộc và xây dựng đất nước, chứ không phải là hận thù và chia rẽ. Điều sau chót nhưng không phải kém quan trọng mà người dân Việt-Nam vẫn mong đợi để đất nước sớm có cơ hội vươn lên là sự khôn ngoan và sáng suốt của những người đang cầm vận mạng đất nước ở trong tay.

Từ thi ca hoài cổ đến sự ra đời của rừng cây mới:

THỬ BÀN VỀ VIỆC NHẬN ĐỊNH GIÁ TRỊ VĂN CHƯƠNG NGHỆ THUẬT TRONG THI CA DÂN TỘC Ở HẢI NGOẠI

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

Một sự gợi ý

Ngay từ thuở còn bé, tôi đã xúc động khi đọc truyện ngắn của Guy De Maupassant (GDM). Câu truyện đầu tiên tôi đọc là truyện một người phụ nữ mơ mộng, lấy chồng nghèo phải đi mượn một xâu chuỗi kim cương để dự một dạ hội của giới thượng lưu. Xâu chuỗi ấy đã làm thay đổi cả đời nàng. Trả cái giá thượng lưu.

Từ đó, cho đến khi khôn lớn, tôi tìm đọc GDM, và không bao giờ thất vọng. Đối với tôi, từng truyện ngắn lãng mạn của GDM là từng bài thơ xuôi rộng lớn về cuộc đời và tâm hồn con người.

Tuy nhiên, mãi cho đến ngày tôi 30 tuổi, tôi vẫn không hiểu rõ tại sao mình thích văn của GDM. Đọc văn ông, tôi rung động như đọc Gió Đầu Mùa của Thạch Lam. Thạch Lam là Việt Nam và GDM là Pháp. GDM không phải là TL, và đem so sánh giữa hai người đòi hỏi một sự thẩm định văn chương, nghệ thuật mà tôi không muốn làm, và chưa chắc đã đủ điều kiện để làm.

Vậy mà sự rung động trong tôi giống hệt nhau. Sự rung động đó từ đến từ đâu? Tôi tự hỏi.

Con đường của một độc giả như tôi có cần thiết là con đường của một nhà phê bình khoa học không? Hay chỉ là một sự lựa chọn cá nhân? Chọn lựa, để nói lên cái mình nghĩ.

Ở đây, tôi xin khẳng định, tôi làm một sự lựa chọn. Nhưng là một lựa chọn có lớp lang.

Điểm Thứ Nhất: Từ trào lưu thế giới cho đến đặc thù của tiếng Việt: tính chất bất tử của nghệ thuật và tâm hồn nghệ sĩ

Để minh chứng sự lựa chọn riêng tư nhưng có lớp lang của mình (như một khoa học gia), trước hết, tôi xin nói lên vài điều tổng quát về GMP và tâm thức nghệ sĩ.

Nếu GMP không viết truyện ngắn lãng mạn về tâm hồn con người, ông sẽ chết ngay từ đầu. Trên trường đời, rút cục thì GMP cũng chết, như ông đã chết. Chết vì bệnh điên, vì tuổi già. Chết sau khi trường phái lãng mạn trong văn ông biến thành những truyện ngắn có tính cách kinh khủng, gây sợ hãi như Stephen King ngày hôm nay của Mỹ. (nói về truyện kinh dị, thì so với King, GMP là bậc thầy. GMP là nghệ thuật, King là thương mại). Trong trường văn học, GMP không chết. Ông chết đi, nhưng rồi ông sống mãi trong nước Pháp, trong trào lưu văn chương thế giới, và trong tôi.

Artiste, theo tôi là những người phải chọn nghiệp dĩ vì họ muốn sống, và không muốn chết. (*Artiste* là những người ham sống hơn ai hết; đừng nên giảng đạo *vô vi* hoặc cái nhìn Lão tử với *artiste*! Artiste, như những chiến sĩ (warrior), đòi hỏi một sự dấn thân, cho dù có thể là sự dấn thân của chính vô vi đạo!) Nhưng nói cho đúng, sự lựa chọn của *artiste* chính ra KHÔNG là một sự lựa chọn nào hết. Nếu có sự lựa chọn, đã không gọi là NGHIỆP. Người Việt chúng ta gọi artiste là kiếp CON TẰM NHẢ TƠ. Nhả xong tơ, thì con tằm lăn ra chết. Nó có lựa chọn gì không, hay chỉ là con tằm trong vũ trụ? Tằm chết ĐỂ MÀ SỐNG, vì tác phẩm đã ra đời. Tằm sống SAU KHI CHẾT, cũng vì tác phẩm đã ra đời. Artiste đi vào con đường chết (nghèo khó, không cơm ăn, áo mặc, vân vân) để được cứu sống, được thở, vì nghệ thuật chỉ là nghệ thuật trường cữu nếu nó được cứu sống, và được thở). Sáng tác đối với *artiste* là chất liệu sống.

Tôi không nghĩ rằng những nhà thơ, với máu nghệ sĩ trong người, đích thực làm thơ để mang đi

bán. Tôi không nghĩ rằng có nhà thương mại làm video nào ở Little Saigon có thể "mua" được thơ để làm cho "show" của họ. Để làm thơ, người nghệ sĩ Việt Nam cũng chẳng cần đi học văn chương quốc tế để tìm hiểu xem GMP là ai.

Những cái gạch nối nhỏ nhoi ở cá tính nghệ sĩ không đủ. Phải có thêm cái gì nữa thì tôi mới dám làm cái việc ngông cuồng này. Đi từ GMP đến nhà thơ Việt Nam là một sự gợi ý. Ở điểm này, tôi muốn nói đến một vấn đề to lớn và bao quát hơn. Vấn đề thẩm định giá trị văn chương trong thi ca. Tôi muốn nói đến cây cao lớn mà tôi đã hình dung ra khi đọc thi ca Việt Nam trong cái nhìn văn hóa đặc thù.

Tôi cho rằng nhà thơ chân chính sẽ gieo mầm cho cây nếu họ biết yêu thương tiếng mẹ đẻ và biết lưu luyến cái kho tàng của mẹ.

Trong con người thi sĩ Việt Nam ngoài cá tính làm thơ, còn có đứa con của mẹ.

Vì cá tính nghệ sĩ trong lòng đứa con của mẹ, nhà thơ Việt Nam lưu luyến và thương cảm văn hóa tiếng Việt. Chung quy cũng chỉ vì tính chất chung của người nghệ sĩ là biết rung cảm, cộng thêm lòng yêu thương nguồn cội.

Điểm Thứ Hai – Giá trị thi ca và kho tàng văn hóa đặc thù của một dân tộc

Sự bất tử của Guy de Maupassant, cũng như sự bất tử của nàng Mona Lisa qua nét vẽ của Leonard de Vinci, nói lên cái bất tử của nghệ thuật. Nhưng làm thế nào cho nghệ thuật trở thành bất tử nếu không có sự thưởng ngoạn của độc giả?

Thi ca có giá trị, phải là thi ca mang tính chất nghệ thuật trường cữu.

Nhưng thế nào là nghệ thuật trường cữu?

Đó là nguồn gốc của sự rung động. Không nên tạo sự rung động ở độc giả, sẽ không có tiềm năng tạo nên nghệ thuật trường cữu. Và tác phẩm chỉ là "mua vui cũng được một vài trống canh." (Tác giả truyện Kiều trở thành bất tử vì dân tộc – một độc giả trường tồn- đã nuôi sống Truyện Kiều từ thế kỷ này qua thế kỷ khác).

Sự bất tử của Guy De Maupassant, VƯỢT RA NGOÀI phạm vi văn hóa đặc thù. Và vì thế ông gây ra được sự rung động trong tôi, một con bé Việt Nam, y hệt như cái rung động tạo ra bởi Thạch Lam qua những cành đào, những "mẹ Lê" khốn khó của đồng quê Việt Bắc, những mối tình chân chất thôn dã của truyện ngắn Thạch Lam.

Văn xuôi rất dễ vượt ra ngoài phạm vi văn hóa đặc thù để đi vào trào lưu thế giới. Ngược lại, thi ca, đòi hỏi âm điệu phụ thuộc hẳn vào cấu trúc của ngôn ngữ. Mà cấu trúc của ngôn ngữ thì luôn luôn NẰM TRONG văn hóa đặc thù của một dân tộc.

Điều đó có nghĩa rằng giá trị của thi ca luôn luôn NẰM TRONG LÒNG văn hóa, và phải được thẩm định qua cái nhìn của dân tộc tính.

Nếu điều đó đúng, thì tại sao Shakespeare, một người Anh, trở thành bất tử trong lòng thế giới?

Tôi xin trả lời câu hỏi do tôi tự đặt ra về Shakespeare như nêu ở trên:

Shakespeare bất tử vì:

1. Thơ của ông nói lên thân phận con người trong lòng vũ trụ: hỷ nộ ái ố lạc dục trong kiếp lưu đày. Sinh ra làm người rồi bị cuộc đời đầy đi trên sân khấu cuộc đời là một sự lưu đày chung của nhân sinh. Thân phận ấy không bị trói buộc trong văn hóa nước Anh hay tiếng mẹ đẻ của nhà thơ.

2. Khi nói lên thân phận con người, Shakespeare đem thi ca ra ngoài sự hạn chế của ngôn ngữ và văn hóa đặc thù dân tộc tính bằng cách nào? Một trong những cách ấy là việc *đem kịch tính vào thi ca*. Làm thơ để kể truyện. Thơ Shakespeare trở thành những vở kịch nói lên tình cảm và thân phận con người.

3. Kịch thơ là một bộ môn có tác động rộng lớn trong quần chúng ở thời Shakespeare sống, và liên tiếp trong những thế kỷ sau đó, vì nó bao gồm cả ba bộ môn nghệ thuật: THI (poetry), SÂN KHẤU (drama), và TIỂU THUYẾT (novel, *romance*, nói lên những cảnh ngộ sống của con người có thứ tự, có lớp lang, như truyện kể). "Kịch" có tác dụng đi vào lòng con người dễ dàng, vì mang khía cạnh giải trí (entertaitment) và tính chất lâm ly của sân khấu.

4. Theo thiển ý, Shakespeare bất tử vì một lý do nữa: ông may mắn sinh ra làm người Anh. Đế quốc Anh, trong cả mấy trăm năm, cường thịnh về kinh tế. Nữ hoàng Anh đem đội thuyền của mình đi chinh phục cả thế giới để gây tài nguyên, "sáng lập" nên phong trào "thực dân" (colonialism). Trong thế kỷ 19 và 20, phong trào "thực dân" có tính chất đi cướp của người, đi vơ vét tài nguyên bằng cách tiêu diệt văn hóa dân tộc, trở thành "vết nhơ" trong lịch sử nhân loại, làm cho những chiến sĩ nhân quyền trong thế giới tự do sau này phải cau mày, khiển trách. Tuy nhiên, theo tôi vì "vết nhơ" đó, vì đội thuyền xâm

lăng của nữ hoàng Anh mà tiếng Anh trở thành ngôn ngữ quốc tế, vô tình mà giúp đỡ chỗ đứng của Shakespeare trên văn đàn thế giới. Trái lại, Truyện Kiều của Nguyễn Du chúng ta, mặc dù là tổng hợp của thi ca bác học (poetry) và truyện kể đủ mọi khía cạnh xã hội và tâm lý (novel, *romance*), qua âm điệu lục bát là âm điệu văn chương truyền khẩu đặc thù dân tộc, thì chỉ nằm trong lòng dân tộc mà không đi vào trào lưu thế giới. Đó là vì Việt Nam không có đội thuyền đi toàn cầu, để tiếng Việt trở thành quốc tế như tiếng Anh. Cho nên văn hóa đặc thù dân tộc nhất là trong khối thứ ba (Third World), vô tình mà trở nên tiếng nói của kẻ bị trị, của người bị mệnh danh là "chậm tiến," thưởng ngoạn văn chương của nhà thơ "chậm tiến," chỉ vì ngôn ngữ đã trói buộc cái đẹp của thi ca?

Cả một cuộc đời tôi, trong cương vị một cá nhân đến từ một quốc gia nghèo, bị mang tiếng là "chậm tiến" (Việt Nam) tôi sống, thở trào lưu của một quốc gia lớn mạnh nhất của thế giới tự do (Hoa Kỳ), trong tất cả mọi phạm vi (luật học và văn học) tôi làm việc, với một tâm nguyện độc nhất: tôi muốn minh chứng rằng câu nói trên là một phản đề không đúng. Đối với tôi, và trong cá nhân tôi, không có sự phân biệt giữa luật sư Việt với luật sư Mỹ, giáo sư Việt với giáo sư Mỹ, nhà văn Việt với nhà văn Mỹ, thi sĩ Việt với thi sĩ Mỹ, ca sĩ Việt với ca sĩ Mỹ. Trong tôi chỉ có một người hành nghề luật, một nhà giáo, một người cầm bút và một người cất tiếng hát có sự cố gắng và lòng tự trọng. Không có sự phân biệt giữa người di dân nghèo với người bản xứ giàu sang trong phạm vi tài năng, tư tưởng, và lòng tự trọng. Cái khó là sự ràng buộc văn hóa đôi khi đã tạo nên hai tiêu chuẩn lớn. Đó là điều đáng tiếc cho môi trường di dân của chúng tôi.

Và vì thế, khi nói về thi ca Việt Nam, tôi muốn xét lại vấn đề phẩm định giá trị thi ca, bất kể cộng đồng

QUẢN THỤY HOÀI

Buồn Như Mưa

Em là con suối nhỏ,
chạy miên man từ ngọn núi cao,
ngọn suối em đã tình cờ gặp anh ở đó,
ta nương nhau và theo xuống biển xa...
khi gặp biển, em đã ngậm ngùi vì biết chung
quanh mình bao nhiêu chiếc thuyền
mà, chiếc thuyền nào cũng đầy hoa,
mà, thuyền nào cũng đầy anh
tại sao,
anh không phải là thượng đế,
em vẫn muốn làm tín đồ
tại sao
anh không phải là bạo chúa, em vẫn muốn làm
nô lệ.
và anh, anh vẫn là bên ấy, em vẫn ở bên này
đại dương nào ngàn đời
không gian nào gần như tiếng đêm
gần hơn khi anh gần nhất
tại sao, em vẫn không hiểu nổi chính mình
theo đuổi một giấc mơ vô vọng
ngay chính cả anh, cũng không hiểu nỗi anh
thì làm sao, cho tất cả tan biến đi
vào hư không
vào rừng, vào mưa
để anh lại đưa em về thành phố cũ
nép dưới những hàng hiên... tránh những giọt
nước mắt của trời
đã làm ướt mái tóc em,
mái tóc demi garcon
giống con trai nghịch ngợm và, anh đã từng lùa
tay vào tóc,
để tìm mùi hương nguyệt quế
mùi hoa lan rừng, mùi lá thông, mùi cỏ ướt...
có sao đâu em,
chỉ biết ta yêu nhau
nhiều như lá trên rừng, như mưa thành phố
hay lại buồn cho chính ta.

nhỏ, lớn. Muốn đem thi ca thoát khỏi thành kiến "chậm tiến," thì việc phẩm định giá trị thi ca phải được đặt lại đúng chỗ.

Đối với tôi, có hai cách nhìn về giá trị thi ca (có thể có nhiều cách khác nữa; đây chỉ là góc cạnh để nhìn:

1. Giá trị NGOÀI PHẠM VI dân tộc: Nhà thơ trở thành những chiến sĩ: mang âm điệu và hình ảnh vào lòng nhân loại, hoặc để ca tụng cái đẹp trường cữu, hoặc để nói lên thân phận con người không phụ thuộc vào văn hóa, hoặc để tranh đấu cho một lý tưởng nào đó, cho nhân loại nói chung.

2. Giá trị NẰM TRONG LÒNG dân tộc: Nhà thơ mang âm điệu và hình ảnh làm sống lại một trào lưu văn hóa, mà nếu không có nhà thơ, sẽ phải tan, sẽ mất đi, không còn dấu tích.

Không thể nói rằng Điều 2 KÉM giá trị hơn Điều 1, chỉ vì Điều 2 bị gò bó trong ngôn ngữ và phạm vi dân tộc tính. Tại sao? Đó là vì Điều 2 cũng có tầm vóc hoặc khả năng TRƯỜNG CỮU như Điều 1. Tuy nhiên, cái trường cữu của Điều 2 tùy thuộc vào cái sống còn của một DÂN TỘC. Dân tộc còn, văn hóa còn, thì thi ca trong lòng dân tộc vẫn còn. Mà muốn còn dân tộc, thì văn hóa qua thi ca phải được trường tồn.

Như vậy, thì trong trường hợp Điều 2, giữa thi ca và dân tộc, cái gì đi trước, cái đi theo sau? (Nói theo kiểu người Mỹ, *which one is the chicken, which one is the egg?* Con gà và cái trứng, cái gì đi trước, cái gì theo sau?)

Ngày hôm nay, nếu nước Anh biến mất trên bản đồ thế giới, Shakespeare vẫn còn mãi trong lòng nhân loại.

Nếu Little Saigon biến mất trong lòng nước Mỹ, chuyện gì sẽ xảy đến cho những cái gọi là "thi ca" tiếng Việt nếu những dòng thơ ấy không được phổ biến, cổ võ bởi chính quyền hay dân chúng hiện tại ở Việt Nam?

Điểm Thứ Ba: Cây ăn trái tươi đẹp ươm mầm từ ngôn ngữ cội nguồn. Cây ăn trái nằm trong lòng dân tộc

Người nghệ sĩ sống lưu vong có thể mang khuynh hướng hoài cổ vì họ luyến nhớ những gì đã bỏ mất (nostalgia). Theo *Carl Jung*, thì đấy là vết tích của tiềm thức tập thể (collective subsconsciousness). Đứa con của mẹ Việt Nam dĩ nhiên có khuynh hướng ôm cả 2000 năm vào tâm thức của mình.

Tôi không thể và không nên nhận định tính chất hoài cổ và hình ảnh bi-hùng-tráng này trong vũ trụ cổ điển bằng khuôn thước hay/dở, ăn khách/không ăn khách, quyến rũ/không quyến rũ.

Trái lại, tôi nhận định tiềm năng của tính chất hoài cổ, cái anh hùng tính này trong mắt nhìn một trào lưu văn hóa của dân tộc có thể đã bị mất đi, nhưng có thể được làm sống lại.

Khoảng nửa đầu thế kỷ 20, trong văn chương bác học tiếng Việt, nảy sinh ra một địa hạt "mới" gọi là "kịch thơ" (một thí dụ điển hình là "Bến Nước Ngũ Bồ" của Hoàng Công Khanh. "Bến Nước Ngũ Bồ" trong thời điểm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, phần đầu của thế kỷ 20, có tiềm năng khích động mạnh mẽ trong lòng dân tộc).

Ngoài giá trị đó, "Kịch Thơ" của Việt Nam còn có tiềm năng tổng hợp "Thi, Ca, Vũ, Nhạc, Kịch" –cái gạch nối mạnh mẽ giữa nghệ thuật văn chương (the lieterary art) và nghệ thuật sân khấu (the dramatic and performing arts). "Ngâm thơ" là hình thức "hát" dựa trên ngũ cung (pentatonic scale), nhưng lại có tiềm năng đẩy âm điệu ra khỏi bảy nốt nhạc của bát cung Tây phương (chromatic scale), một sự trầm bổng vô cùng xúc tích như quan họ Bắc Ninh, tiếng hò miền Nam, hay ca Huế. "Kịch Thơ" còn mang đầy căn bản kịch tính rất mạnh mẽ của nghệ thuật dân tộc, "chèo cổ" (có đầy đủ hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục, với cảnh trí, y trang, làm hấp dẫn người xem), cộng thêm cái mướt mát, khuôn thước của văn chương bác học qua thi ca sáng tác.

Theo tôi, tính hoài cổ và hình ảnh bi-hùng-tráng ẩn hiện trong thi ca dân tộc, cái trau chuốt ắt có của vần điệu, là căn bản chính của bộ môn kịch thơ.

Kịch thơ là một bộ môn của thế hệ đã đi qua.

Bộ môn ấy, có ngủ quên, vẫn đi theo trào lưu văn hóa dân tộc. Nếu sống lại thì còn, mà ngủ giấc nghìn năm thì mất luôn. Văn hóa, như một vị giáo sư Việt Nam đã nói, là cái gì còn lại của những gì đã mất.

Ai là những người có tiềm năng làm sống lại để trường tồn cho cái gì có thể mất đi?

Nếu câu hỏi đó được nêu lên cho bộ môn "Kịch Thơ," thì câu trả lời, đối với tôi, nằm ở tiềm năng những người con của mẹ mang khuynh hướng hoài cổ và tâm thức bi-hùng-tráng qua thi ca.

Người làm thơ trong vũ trụ hoài cổ là những người biết quý trọng âm điệu, chữ dùng và hình ảnh của những người đi trước. Tính chất hoài cổ và tâm thức bi-hùng-tráng mang triển vọng của một soạn giả kịch thơ có tầm vóc trong tương lai,

một soạn giả biết tôn trọng khuôn thước của thi ca lục bát, rất cần thiết cho "Kịch Thơ" là một bộ môn nghệ thuật thuần túy Việt Nam thoát thai từ âm điệu và sân khấu cổ. Tôi mường tượng trong dòng thơ hoài cổ sự ươm mầm của một kịch thơ dựa trên lịch sử hoặc tình tự dân tộc như "Bến Nước Ngũ Bồ" trong tình trạng dầu sôi lửa bỏng của một dân tộc nhược tiểu muốn thoát khỏi vòng nô lệ thực dân.

Đó là "cái cây" mà tôi muốn nói.

Cho cái cây ra mầm, ấp ủ cho lớn, cho khôn, tạo hương thơm trái ngọt và bóng mát, không phải chỉ là tâm huyết của nhà thơ, mà còn là ở sự thức tỉnh, mơ ước, lòng can đảm và sự khắc khoải về nguồn của độc giả.

Để tạo nên con thuyền nhỏ bé đi vào biển cả mênh mang, cái thoát thai, sự khai phóng, cho Điều 2 và Điều 1 của công việc phẩm định thi ca tiếng Việt như tôi mô tả ở trên, thì người làm thơ và độc giả cần bắt đầu từ một chỗ.

Cái đẹp trong lòng nhân loại, hoặc cái đẹp trong lòng dân tộc, phải bắt đầu từ một chỗ – cái đẹp.

Thơ bị hạn chế bởi tiếng nói của dân tộc, nhưng sân khấu kịch thì không. Đem sân khấu kịch để chuyển cho thi ca, là tạo cơ hội để Điều 2 trở thành Điều 1, và phải có cả hai điều thì mới tạo nên con thuyền ra biển.

Muốn cái cây khôn lớn, độc giả phải khôn lớn trước để lấy đất nuôi cây. Muốn tạo dựng con thuyền ra biển, phải có biển rộng, sông dài. Trong công trình nuôi lớn cái cây, trong công trình tạo dựng chiếc thuyền văn nghệ, độc giả và thi sĩ – ai là con gà, và ai là cái trứng? Ai là kẻ tiên phong? Ai là người đắc dụng?

Nếu trong tương lai, nhà thơ Việt Nam cầm bút để họa may làm sống lại một bộ môn văn nghệ của một dân tộc, thì đó là duyên nghiệp của nhà thơ. Thi ca bắt đầu từ sự rung động tình cảm. Chúng ta không thể cầm súng, cầm dao mà bắt thi sĩ viết kịch thơ, vì đó là cách giết thi sĩ, và giết luôn kịch thơ. Đó là thảm cảnh của một xã hội mất tự do.

Có hai cách làm mất tự do: 1) bằng gươm súng của độc tài hoặc 2) bằng mãnh lực đồng tiền của mại bản. Một xã hội tạo ra miếng ăn tinh thần chạy theo thương mại mà lại vỗ ngực cho mình là tác phong nghệ sĩ cũng nguy hiểm không kém gì gươm súng. Đó là một xã hội mất tự do, mất cái đẹp, vì nghệ sĩ thực thụ không còn tiếng nói, không còn chỗ đứng, không còn giới thưởng ngoạn.

Bài viết này chỉ là một sự gợi ý. Tính chất nghệ sĩ trong nhà thơ và tấm lòng của người con yêu mẹ, sẽ là những động lực tự nhiên thúc đẩy người làm thơ tạo ra những cây cao như tôi mơ ước.

Tuy nhiên, cái cây phải có đất sống và đó là lý do tại sao tâm thức của độc giả trở nên vô cùng quan trọng.

Công việc của độc giả và người làm thơ đôi khi phải là công việc có tính chất "Tần Thủy Hoàng" một chút. Đó là một công việc có tính chất giáo dục bản thân cũng như giáo dục quần chúng. Một sự liên đới giữa người làm thơ và người thưởng thức. Cả hai bên phải có can đảm "đốt rừng" thì mới có đất rộng tạo nên cây mới, cho dù đó là cây xanh nằm trên truyền thống cũ.

Tôi muốn nói đến công trình của cả một tập thể.

Nếu nay mai cộng đồng Việt Nam sáng tạo kịch thơ, thì tôi cho rằng đó là cuộc hành trình có tầm vóc.

Tôi là kẻ sống để mơ về một rừng cây cổ thụ. Những rừng cây bất tử.

Nếu độc giả chỉ yên tâm, thưởng thức những cuốn băng thương mại, những cuốn sách thương mại mà lại cho đó là tiếng nói của nghệ sĩ, thì sẽ không có rừng cây như tôi muốn nói. Và như thế, là độc giả chấp nhận sự "chậm tiến" đúng nghĩa nhất.

Trong xã hội đó, sẽ không có một sân khấu kịch thơ hoài cổ để chuyên chở tiếng nói thi ca hoài cổ cho những con người Việt Nam sống trong văn hóa lưu vong mơ về những cái gì đã mất hay sắp mất. Tinh thần hoài cổ và ý niệm anh hùng trong vũ trụ, ý niệm người mẹ người con trong lòng dân tộc, thiếu những tính chất tiềm tàng ấy thi ca hoài cổ có cũng bằng không.

Cho nên tôi viết đây là tiếng nói của một cá nhân nhỏ bé gửi cho cả một tập thể.

Tôi không lố lăng hay vô duyên đến độ tán dương Guy De Maupassant hay Shakespeare.

Tôi chỉ muốn nêu lên một khắc khoải mong chờ, bởi vì tôi hiểu cả tính nghệ sĩ và tâm tư nghệ sĩ dân tộc. Tôi hiểu vì sao có những nhà thơ hoài cổ và mơ hình ảnh một người hùng của thế hệ đi trước.

Bởi vì tôi, cũng như những nhà thơ hoài cổ, từ duyên nghiệp sinh ra, trót đã là những đứa con của mẹ.

DNN 2002

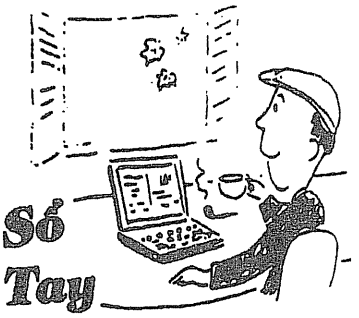

NGÔ NHÂN DỤNG

Tiền và Quyền

Tiêu chuẩn cưới vợ và kén chồng của giới trẻ Hà Nội thời gần đây là "Nhà mặt phố; Bố quan to." Vế thứ nhất bảo đảm lợi tức lâu dài. Vế thứ nhì cho biết đủ thế lực giữ được tài sản đó không sợ bị cướp mất. Tóm lại, là Tiền và Quyền lực.

Nhưng không phải cô dâu chú rể nào cũng hội đủ cả hai điều kiện đó. Được một điều kiện, hoặc là tiền, hoặc là quyền thì cũng tốt thôi, sau đó phối hợp tiền với quyền cũng được. Đám cưới lớn gần đây nhất trong thế giới cộng sản, kết hợp tiền với quyền là vụ con gái ông chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào lấy một nhà triệu phú (triệu mỹ kim, ước chừng 35 đến 60 triệu.) Cô dâu Hồ Hải Thanh, 33 tuổi, còn chú rể tên Tây Daniel Mao, 40 tuổi, dân Thượng Hải, tốt nghiệp cao học Đại học Stanford, California năm 1985. Ông Mao này từng làm việc cho một công ty đầu tư ở Mỹ, bây giờ làm chủ tịch công ty Sina, đứng hàng thứ 11 trong danh sách các công ty tin học lớn nhất Trung Quốc, có cổ phần bán trên thị trường chứng khoán Nasdaq ở Mỹ. Đám cưới diễn ra trong vòng bí mật, đến những cô bạn thân nhất của cô dâu cũng chỉ biết tin khi cô Hồ Hải Thanh gọi điện thoại về kể chuyện cô đang đi hưởng tuần trăng mật ở Mỹ. Ông Hồ Cẩm Đào nổi tiếng là người kín tiếng và không thích quảng cáo, đó cũng là bí quyết giúp ông lên tới địa vị thiên tử ngày nay. Nhớ xưa, cao tằng tổ của ông là Hồ Tôn Hiến, chỉ vì nổi danh sớm quá (đến ở Việt Nam cũng biết tên) nên bị hãm hại.

Trong xã hội nào cũng có những người ăn trên ngồi chốc, tiếng tây gọi là *élite*, những người nắm ít nhất một trong hai thứ, Quyền hoặc Tiền. Thời loài người còn chủ yếu sống bằng nông nghiệp, hai yếu tố đó thu vào một mối: những kẻ nắm quyền cũng làm chủ luôn cả ruộng đất, là cơ hội làm ra tiền. Họ dùng quyền để bảo vệ tài sản được tích lũy, dùng tiền để củng cố quyền lực. Các vua chúa thời phong kiến đều như vậy. Thời gần đây thì có các đảng độc tài, họ thu nắm độc quyền cả chính trị lẫn kinh tế trong tay một nhóm người. Bố làm bí thư, con làm quản đốc doanh nghiệp!

Những cuộc cải tổ theo kinh tế thị trường làm thay đổi cơ cấu độc quyền đó. Nhiều người vốn không thuộc giới cầm quyền nhưng nhờ kinh doanh trở nên giầu có, quyền lợi của giới có tiền có thể xung khắc với những người nắm quyền chính trị. Xung đột có lúc nổ lên làm cả thế giới phải chú ý, như vụ chính phủ Nga cho bắt giam Mikhail Khodorkovsky, nhà tỷ phú được coi là giầu nhất nước Nga bây giờ, chủ tịch công ty dầu lửa Yukos, một công ty phát triển nhanh chóng và đang tính sẽ hùn hạp với các công ty Mỹ như ExxonMobil, ChevronTexaco.

Vụ bắt giam ông Mikhail Khodorkovsky xảy ra tháng trước làm thị trường chứng khoán Nga tụt giảm. Tổng thống Nga Vladimir Putin phải họp các

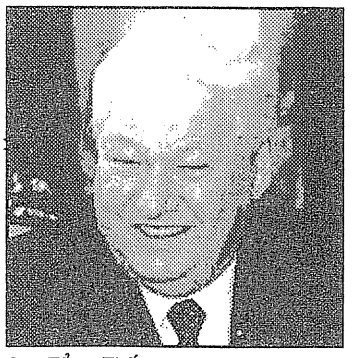
Cựu Tổng Thống Nga Boris Yeltsin

nhà tư bản trong nước lại trấn an, nói rằng việc bắt bớ là do văn phòng biện lý, không có hậu ý chính trị. Chánh văn phòng của ông Putin từ chức vì không đồng ý. Vị chánh văn phòng mới và thủ tướng Nga cũng lên tiếng là không đồng ý. Còn ông Mikhail Khodorkovsky, chính ông đã báo trước sẽ có ngày mình bị bắt. Từ mấy tháng trước, ông ta còn cắt tóc ngắn để chuẩn bị vào ngồi tù! Có một cuộc cạnh tranh thường trực giữa Quyền và Tiền trong xã hội Nga giao thời, hậu cộng sản và tiền tư bản.

Bắt đầu là từ lúc cựu Tổng thống Boris Yeltsin mở chương trình tư hữu hóa các đại công ty quốc doanh của Liên Xô cũ. Ông Yeltsin được dân Nga bầu lên làm tổng thống nhưng guồng máy kinh tế vẫn còn nằm trong tay các cán bộ cộng sản. Ông thực hiện chương trình tư hữu hóa cốt để chặt đứt những cái vòi của con bạch tuộc đó. Ông cũng tạo ra một thế lực mới, của giới những nhà tư bản mới. Họ trở thành những tay "tư bản quả đầu," là một lực lượng ủng hộ (và lũng đoạn chính quyền) của ông Yeltsin. Mặt khác, ông Yeltsin cũng giải tán bộ máy công an mật vụ KGB, chia làm hai cơ quan riêng giống như CIA và FBI ở Mỹ. Từ năm 1991 đến 1993 hơn một nửa nhân viên

KGB mất việc phải ra đi, tìm việc làm. Rất nhiều người đi làm tài xế, làm hộ vệ cho các nhà tư bản hoặc canh gác cho các gian hàng ngoài chợ trời mới mở. Đó là lúc giới có quyền ở Nga chịu thua giới có tiền.

Nhưng cả nước Nga ai cũng biết những vụ "tư nhân hóa" chụp giựt dưới thời Yeltsin đã bán rẻ tài sản quốc gia một cách phi lí. Nhiều người làm giầu nhanh chóng khi mua được các nhà máy, các mỏ dầu mỏ khí đốt, mà giá mua được ấn định một cách giả tạo, cốt bán cho nhanh. Các nhà tư bản quả đầu làm ăn khấm khá; mà ở một xứ đang chuyển từ cộng sản sang tư bản thì muốn làm ăn khấm khá phải luồn lách qua nhiều thứ luật lệ chưa có gì minh bạch. Dần dần, các nhà tư bản nắm gần hết quyền hành, vì họ nắm nhiều phương tiện truyền thông gây ảnh hưởng trên dư luận, và chính họ cung cấp tiền tranh cử cho ông Yeltsin. Đó là thời cực thịnh của giới có tiền.

Khi ông Vladimir Putin lên, ông đã mời các nhà tư bản lại để thông báo "luật chơi" mới. "Quý vị đã mua được các tài sản quốc gia theo giá Chợ Trời, nhưng đó cũng là lỗi lầm của chính quyền đã bán cho quý vị, các ông có thể cứ giữ lấy tài sản và làm ăn sinh lợi. Nhưng, không được dính đến chính trị, việc chính trị là của tôi!" Một sự phân công giữa Tiền và Quyền.

Mấy nhà tư bản không hiểu quyết tâm của Putin, đã sử dụng các phương tiện báo, đài bầy tỏ các ý kiến chính trị khác với điện Kremlin. Bình thường, đó là hiện tượng tự nhiên ở một xứ tự nhận là dân chủ. Nhưng nước Nga chưa phải là một xứ dân chủ bình thường. Giới có tiền và giới có quyền chưa biết phân công đúng cách! Khi các nhà tư bản làm quá, ông Putin đã dùng các thủ tục luật pháp tấn công. Ông Boris Berezovsky và ông Vladimir Gusinsky đều phải trốn ở lại nước ngoài, đó cũng là những người làm chủ các đài truyền hình và phát thanh lớn nhất. Còn lại những nhà tư bản khác chấp nhận "luật chơi" của Tổng thống Putin và tiếp tục lam giầu. Trừ nhà tỷ phú trẻ Mikhail Khodorkovsky.

Năm nay Mikhail Khodorkovsky mới 40 tuổi mà đã trở thành người giầu nhất nước Nga. Thời đi học, ông đã vận động để được bầu làm chủ tịch đoàn thanh niên cộng sản trong trường đại học - mặc dầu bố mẹ đều khuyên can: Mình là người gốc Do Thái, đừng tìm đường leo lên bằng chính trị! Nhưng Mikhail Khodorkovsky cũng là một người có lý tưởng và tin rằng nước Nga phải dân chủ hóa, nghĩa là phải có một xã hội công khai minh bạch, một xã hội công dân đủ mạnh mẽ, phong phú để làm đối trọng với quyền lực nhà nước. Vì vậy, trong thời gian qua ông đã cải tổ công ty Yukos, công khai hóa các tình trạng tài chánh của công ty. Muốn vậy, ông mướn các quản trị gia chuyên nghiệp người Mỹ, đóng những vai quan trọng như giám đốc điều hành và giám đốc tài chánh. Các hành động của Mikhail Khodorkovsky bắt đầu làm nóng mắt điện Kremlin từ lúc ông ủng hộ tiền bạc cho một số đảng đối lập và các ứng cử viên quốc hội Nga. Đến đây thì ông Putin, hay ít nhất những người nằm quyền chung quanh ông ta, thấy không thể chấp nhận được. Họ nắm Quyền. Họ chấp nhận cho những người như Mikhail Khodorkovsky nắm Tiền. Nhưng nếu bên Tiền tính lấn đất sang bên Quyền thì phải đá vào cẳng cho biết thân!

Cuộc tranh chấp giữa Quyền và Tiền trở nên căng thẳng dưới triều đại Vladimir Putin vì ông Putin đã quy tụ chung quanh rất nhiều nhân viên an ninh cũ, từ KGB đến các cơ quan cảnh sát, công an, an ninh quân đội. Những người mà tiếng Nga gọi là *siliviki*. Thời đại Yeltsin là lúc các *siliviki* bị thất thế. Ngày nay họ đang phục hồi địa vị, theo bà Olga Kryshtanoskaya, một nhà xã hội học đã nghiên cứu về cơ cấu chính quyền Nga. Theo cuốn sách mới in của bà thì vào thời Gorbachev chỉ có dưới 5% các nhân vật trọng yếu trong chính phủ là thuộc giới *siliviki*. Sang thời Yeltsin, giải tán KGB rồi nhưng số ghế dành cho các *siliviki* vẫn lên tới 33%. Đến thời Putin thì tới 58% các địa vị lớn trong chính phủ là các *siliviki*. Nước Nga có bẩy vị "Đại diện Tổng thống" ở các địa phương, thì năm vị hiện nay là giới làm "an ninh" cũ, *siliviki*. Mỗi vị đại diện đó có khoảng 1,500 nhân viên thì 70% số nhân viên đó đều liên hệ đến guồng máy an ninh!

Bà Kryshtanoskaya nói, "Các *siliviki* là một nhóm rất thuần nhất về quyền lợi xã hội cũng như trong não trạng. Họ nghĩ rằng họ có sứ mạng bảo vệ quyền lợi quốc gia và họ thấy phải phục hồi nước Nga để cho người nước ngoài phải phải sợ."

Sợ. Đó là động cơ tâm lý dễ hiểu nhất của những người thích quyền lực và quen sử dụng quyền lực. Còn những người quen sử dụng Tiền thì họ nhắm tác động vào lòng Tham. Ở một quốc gia tự do dân chủ thật thì người ta chấp nhận một cuộc xung đột thường xuyên giữa hai

giới, những người ham quyền và những kẻ ham tiền. Hai giới đó xung đột, tranh đấu để tạo nên một thế quân bình nếu trong xã hội có những "luật chơi" công khai, minh bạch, công bằng và thẳng thắn. Khi một giới tìm cách lấn át giới kia thì xã hội phải được báo động.

Vì vậy, giới trí thức và truyền thông ở Nga đã báo động về vụ bắt giam ông Mikhail Khodorkovsky. Còn dân chúng Nga thì khác. Họ nhìn thấy những người làm giầu nhanh chóng thì biết rằng chắc phải gian dối, cho nên có bị bắt họ cũng không thương. Trong vòng hai tuần sau khi ông Mikhail Khodorkovsky bị bắt, đảng Thống nhất Nga của Tổng thống Vladimir Putin đã được tăng thêm 4% dân ủng hộ.

Dân Nga vẫn còn sống trong não trạng nông dân, họ chưa quen luật chơi dân chủ. Nông dân thường ghét người giầu, vì trong một xã hội nông nghiệp thì nồi cơm chung có giới hạn, người này giầu thì sẽ có kẻ khác thiếu ăn — như trong các cuộc chơi zero-sum game, anh ăn, tôi thua. Trong xã hội công nghiệp hóa thì khác, cuộc chơi kinh tế không phải cứ có người này ăn thì kẻ khác phải thua, gọi là positive-sum game. Kinh tế nước Nga chưa phát triển đủ theo lối tư bản để người dân hiểu luật chơi mới đó. Mà hệ thống luật pháp cũng như não trạng xã hội chưa quen với cuộc chơi kinh tế thị trường và nếp sống dân chủ, tự do!

Cải tổ Medicare ở Mỹ

Chương trình Medicare do Tổng thống Johnson người Texas ký ban hành năm 1965, là bảo hiểm y tế cho các người đã làm việc ở Mỹ và đủ tuổi về hưu; những người vì bệnh, tật không thể đi làm được cũng được hưởng. Đảng Dân Chủ từ đó vẫn được coi là những người chủ trương Medicare và muốn bành trướng Medicare. Nhưng chương trình đó chưa bao giờ bảo hiểm tiền mua thuốc cho mọi người. Còn đảng Cộng Hòa vẫn chủ trương cần giảm bớt vai trò của Medicare, để các công ty tư nhân lo bảo hiểm y tế cho người về hưu. Luật cải tổ Medicare để trả tiền thuốc cho người thụ hưởng vẫn được đảng Dân Chủ đề cao từ năm sáu năm qua, nhưng dự định này đã từng bị đánh bại ở quốc hội, nơi đảng Cộng Hòa chiếm đa số.

Cả hai ứng cử viên tổng thống vào năm 2000 đều hứa hẹn sẽ giúp trả tiền thuốc cho các cụ về hưu hưởng Medicare. Và người đắc cử là Tổng thống Bush, cũng một người từ Texas như ông Johnson, năm nay đã thực hiện được điều đó, với sự thỏa hiệp của rất nhiều thế lực liên hệ tới Medicare. Một thỏa hiệp chính trị thế nào cũng làm nhiều người bất mãn. Vì vậy chúng ta thấy có những người có khuynh hướng rất khác biệt, chống đối nhau, nhưng cùng chống hoặc cùng ủng hộ dự luật Medicare mới này.

Phần lớn các cụ về hưu và người khuyết tật sẽ được hưởng trợ cấp tiền thuốc, nhưng muốn biết ai được hưởng bao nhiêu thì phải đọc rất kỹ, vì có nhiều người cũng không được hưởng gì mà phải đóng thêm tiền! Nếu các cụ khỏe mạnh, hiện giờ tiêu mỗi năm vài trăm bạc thuốc, thì chắc sẽ bị thiệt. Vì mỗi tháng vẫn phải đóng 35 đô la, 420 đô la một năm. Và nếu chi tiêu tiền thuốc hết 250 đô la thì đó là phần mà các cụ phải trả, chỉ khi nào tiêu trên 250 đô la thì nhà nước Medicare mới trả giúp ba phần tư. Nhưng số tiền trợ giúp đó sẽ chấm dứt khi chi phí thuốc men của các cụ lên trên 2250 đô la. Giữa khoảng 2250 đô la và 3,600 đô la, thuốc men tốn bao nhiêu các cụ tự trả lấy. Khi tổng số tiền các cụ trả lấy lên trên 3,600 đô la một năm thì những toa thuốc sau đó nhà nước lại trả cho quý vị tới 95% hoặc quý vị chỉ trả 5, 10 đô la mỗi toa thuốc. Ngoài ra, còn những trợ cấp cho người lợi tức rất thấp, và những cụ lợi tức cao trên 80,000 một năm thì phải đóng hàng tháng nhiều hơn, vân vân. Các biện pháp trên không thi hành cùng một lúc, sẽ áp dụng từ năm này qua năm khác. Riêng việc tính toán xem lúc nào, mỗi người được hưởng những gì, cũng đủ làm nhiều người phải uống thuốc nhức đầu rồi!

Ngoài các cụ ra, những ai khác cũng được lợi? Các công ty dược phẩm, các hãng bảo hiểm, các bác sĩ, các công ty cung cấp dịch vụ y tế, đều được hưởng ơn mưa móc. Ơn mưa móc đó là do ngân sách chính phủ Mỹ đem chi 400 tỷ mỹ kim trong mười năm tới, mà con số chắc sẽ còn cao hơn nữa vì các nhà lập pháp thường tính sai khi nói đến chi phí. Thí dụ, năm 1965 khi luật Medicare được ban hành người ta tính tới năm 1990 chi phí sẽ tới 37 tỷ. Nhưng đến năm đó số tiền chi là 67 tỷ. Và năm ngoái Medicare chi ra 200 tỷ mỹ kim! Cho nên đừng nhìn vào con số 400 tỷ mà yên tâm đi ngủ! Thế nào con số đó cũng lớn lên theo với thời gian. Ai sẽ gánh vác món tiền đó? Tất cả những người đóng thuế ở nước Mỹ! Đến năm 2029 nước Mỹ sẽ có 78 triệu người trên 65 tuổi, khi đó các thế hệ trẻ, bây

giờ mới sinh ra cho tới 36 tuổi vẫn còn đi làm, các bạn trẻ hãy lo đóng thuế!

Chính vì vậy mà khuynh hướng bảo thủ trong đảng Cộng Hòa cực lực chống lại dự luật thay đổi Medicare này. Vì đạo luật chính thức hóa một món tiền trợ cấp khổng lồ trong ngân sách quốc gia. Mà đảng Cộng Hòa xưa nay vẫn chống các chương trình trợ cấp luật định như vậy. Họ cũng thường tố cáo đảng Dân Chủ là những người chủ trương bành trướng các chương trình trợ cấp luật định! Ở đây ta thấy một điều trái nghịch trong chính trị nước Mỹ. Ông Bill Clinton, một tổng thống đảng Dân Chủ lại là người cải tổ hệ thống trợ cấp xã hội (wellfare) mà đảng Cộng Hòa vẫn yêu cầu hàng chục năm trước. Giờ đến lượt ông George W. Bush, đảng Cộng Hòa, ban hành luật cải tổ Medicare để gia tăng số tiền chính phủ phải trợ cấp! Cũng tương tự, đảng Cộng Hòa xưa nay vẫn chủ trương thu hẹp vai trò và ngân sách của chính phủ, nhất là ngân sách phải cân bằng. Nhưng chính ông Clinton đã thực hiện việc cân bằng ngân sách, và tiến tới thặng dư. Còn các vị Tổng thống Cộng Hòa trước ông như Tổng thống Reagan, và sau ông như Tổng thống George W. Bush, đều tăng số chi tiêu làm ngân sách khiếm hụt! Điều này không có nghĩa là các nhà chính trị đều nói một đằng làm một nẻo. Nhưng nó chỉ chứng tỏ rằng vai trò của các vị Tổng thống Mỹ cũng không có tính quyết định như người ta tưởng, họ nêu cao một chủ trương nào đó vì đa số dân Mỹ cũng muốn như vậy, nhưng sức họ làm được hay không còn tùy hoàn cảnh.

Các chính trị gia cả hai đảng, từ ông tổng thống đến các đại biểu quốc hội đều đã hứa hẹn sẽ trợ cấp tiền thuốc cho các cụ về hưu. Họ muốn thực hiện được điều đó trước kỳ bầu cử năm tới để còn đem khoe với các cử tri. Đó là nhu cầu lớn nhất đưa tới dự luật mới này.

Dự luật Medicare mới đã dành những món tiền khổng lồ cho các ngành liên quan đến sức khỏe: Các tổ chức bảo hiểm y tế được 14 tỷ, các nhà thương thôn quê được 25 tỷ, các công ty có bảo hiểm y tế cho nhân viên được giúp 86 tỷ, các bác sĩ đang bị đe dọa sẽ giảm tiền công 5% sẽ được bảo đảm tăng 1.5% mỗi năm, vân vân.

Các công ty sản xuất thuốc sợ nhất chương trình chính phủ trợ cấp tiền thuốc. Vì tổ chức quản trị Medicare mà trở thành một khách hàng mua thuốc vĩ đại, họ sẽ làm áp lực đòi giảm giá! Tiền lời các nhà sản xuất thuốc sẽ bớt đi! Nhưng họ đã vận động, đưa được vào trong dự luật một điều khoản bắt buộc cơ quan chính phủ không được mặc cả giá thuốc! Khi có tin dự luật Medicare sắp được Thượng viện thông qua, giá cổ phần các công ty sản xuất thuốc đã tăng vọt!

Cũng trên nhật báo *Wall Street* người ta tiên đoán là cách vận động của các hãng thuốc sẽ tạo phản ứng ngược! Thế nào trong năm tới trở đi các đại biểu đảng Dân Chủ cũng sẽ vận động thay đổi đạo luật Medicare mới để bãi bỏ những khoản "trợ cấp xã hội" cho các đại công ty!

Kinh tế lên, đô la vẫn xuống

Tin tức tháng qua cho thấy kinh tế Mỹ đang phục hồi thật. Quý thứ ba năm nay Tổng sản lượng Nội địa của Mỹ tăng với nhịp độ 8.2 phần trăm một năm sau khi được tính lại với các số liệu đầy đủ; cao hơn con số 7.2% đã ước tính trước đây và cao nhất trong vòng gần 20 năm. Lại thêm nhiều tin tức kinh tế phấn khởi về thị trường nhân dụng và số đơn đặt hàng gia tăng.

Tình hình kinh tế trong ba tháng Bẩy, Tám, Chín rất đẹp, một lý do là nhiều xí nghiệp đã đầu tư để hưởng những ưu đãi về thuế má nếu đầu tư trong năm nay. Một phần khác là người tiêu thụ ở Mỹ chi nhiều hơn, khi nhiều gia đình ở Mỹ đã nhận được tiền bớt thuế về khoản miễn trừ cho các người nuôi con vị thành niên. GDP đã tăng cũng nhờ số hàng xuất cảng của Mỹ gia tăng nhiều hơn hàng nhập cảng; mà một nguyên nhân là đồng đô la Mỹ xuống giá liên tiếp từ hơn nửa năm nay.

Đồng đô la Mỹ đã được chính phủ George W. Bush đẩy xuống thấp để kích thích hàng xuất cảng. Giá đô la xuống cũng vì cơ cấu nền kinh tế Mỹ hiện nay khiến cho trên thế giới bớt người muốn mua đô la.

Một lý do trong cơ cấu khiến đồng đô la xuống là vì cán cân thương mại của Mỹ khiếm hụt; nói chung là các món tiền ra tiền vào, gọi là cán cân chi phó của Mỹ khiếm hụt rất nhiều, số chênh lệch tới 550 tỷ mỹ kim. Mỹ cứ khiếm hụt trong cán cân thương mại hết năm này sang năm khác mà cứ thong dong xài đồ ngoại mãi là nhờ nhiều người ngoại quốc lại đem tiền vào nước Mỹ đầu tư.

Tình trạng đó cũng giống như một gia đình mua sắm quá trớn nhưng được bà con cho vay nợ! Các nước ở Á Đông như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc đều bán hàng cho Mỹ, quỹ dự trữ ngoại tệ tăng lên đều đều, hiện nay họ giữ 1,300 tỷ mỹ kim! Số tiền đó tất nhiên họ

không bỏ só cho nó lên men, mà đem một số lớn đầu tư, đi mua công trái của chính phủ Mỹ, hoặc trái phiếu của các công ty tài chánh an toàn nhất nước Mỹ! Tóm lại là nước Mỹ đã tiêu pha vung vẩy được bao nhiêu năm là vì đi vay nợ để chi tiêu!

Trong khi Mỹ thâm thủng 550 tỷ đô la một năm thì ở Âu châu cán cân thương mại thặng dư 22 tỷ. Trong tám tháng đầu năm 2003 trung bình mỗi tháng có 64 tỷ mỹ kim từ ngoài vào nước Mỹ đầu tư mua các chứng khoán. Nhưng trong tháng Chín vừa rồi con số tụt xuống chỉ còn hơn 4 tỷ đô la một chút! Cùng tháng đó, số tiền đầu tư vào các nước khu vực đồng euro lại tăng lên thành 9.2 tỷ đô la (8.2 tỷ euro.) Với những con số đó chúng ta hiểu tại sao đồng đô la lại xuống so với đồng euro.

Nhưng liệu đó có phải là điều đáng lo hay không? Nếu đồng đô la xuống mà xuống một cách từ từ, điều độ thì không sao, thị trường quốc tế sẽ tự điều chỉnh. Trong cơ cấu thị trường, khi giá đô la xuống thì hàng nhập cảng vào Mỹ sẽ phải bán với giá cao hơn trước, người Mỹ sẽ bớt mua hàng nhập cảng. Số khiếm hụt trong cán cân thương mại nhờ thế sẽ giảm, cho đến khi nào số khiếm hụt (tiền ra) thăng bằng với số ngoại quốc đầu tư (tiền vào) thì thôi. Nếu tiền ngoại quốc nhất định không đổ vào nước Mỹ nữa, thì người Mỹ bắt buộc phải tập thắt lưng buộc bụng, bán được bao nhiêu tiền thì đi mua bấy nhiêu, tức là cán cân thương mại sẽ thăng bằng.

Điều đáng lo là nếu việc điều chỉnh giá đô la không xẩy ra từ từ, chầm chậm. Nếu vì có nhiều người hốt hoảng đem bán đô la cùng một lúc, giá xuống nhanh quá, thì sẽ khủng hoảng. Nhưng biến cô gây khủng hoảng đó khó lòng xẩy ra. Nền kinh tế Mỹ quá lớn, những cơn biến động do các nhà đầu cơ gây ra chỉ như cơn gió nhẹ thổi trên mặt nước, không thể gây ra bão tố được. Nếu các chính phủ ở Âu châu và Á châu cùng đem bán các công trái của chính phủ Mỹ một lúc thì sẽ gây xáo động trong thị trường tài chánh Mỹ. Nhưng họ không dại. Hiện nay cả thế giới đang hy vọng kinh tế Mỹ lên để kéo thế giới cùng lên theo. Nếu kinh tế Mỹ bị xáo động là tất cả thế giới sẽ mang vạ theo. Những người có 1,300 tỷ mỹ kim trong túi, họ cũng muốn bảo vệ cho đồng tiền đó đừng mất giá cái rụp! Vì vậy, cả thế giới lại phải lo bảo vệ giá trị của đồng đô la Mỹ đừng cho nó mất hết giá trị.

Kinh tế chui và kinh tế luồn

Một bài nghiên cứu do đại diện Công ty Tài chánh Quốc tế (IFC) ở Việt Nam mới công bố cho biết lãnh vực "kinh tế chui" ở Việt Nam mỗi ngày một lan rộng. Và nhà nước cộng sản góp phần tạo ra sự bành trướng của "kinh tế chui" qua những luật lệ, thủ tục hành chánh nặng nề, rườm rà. Cơ quan IFC là một chi nhánh của Ngân hàng Thế giới, có bổn phận giúp phát triển lãnh vực kinh doanh tư nhân ở các nước chậm tiến. Trong bài báo cáo họ dùng những chữ lịch sự hơn chữ "chui," họ gọi đó là nền kinh tế không chính thức (unofficial,) hoặc là "không đúng thể thức" (informal.) Nhưng người Việt Nam hiểu ngay đó là "chui." Ngày xưa dân Hà Nội có cắt tóc chui, phở chui, bây giờ có cả kinh tế chui đang lớn phổng phao lên nữa.

Bài nghiên cứu của IFC được thực hiện chung với các cơ quan viện trợ Úc, trường đại học quốc gia Úc và nhiều cơ quan quốc tế khác, đã phỏng vấn 220 tổng giám đốc, giám đốc các công ty quốc doanh cũng như tư nhân. Do đó, những lời cảnh cáo của họ về kinh tế chui rất nên chú ý.

Đối với những người thiết tha mong dân Việt Nam có ngày mở mày mở mặt, kinh tế tiến bộ bằng các nước lân bang, thì hiện tượng "kinh tế chui" phồng lên rất có hại.

Bản báo cáo của IFC nhận xét rằng: "Các thủ tục và việc thi hành thủ tục có khuynh hướng khuyến khích người ta chui vì những ai thành công, phát triển và nổi lên thì bị trừng phạt." Nói rõ nghĩa hơn, ai thành công thì bị trù ếm, ai nổi tiếng còn bị trù nặng hơn. Cán bộ nhà nước chỉ cần áp dụng các luật lệ kinh tế phiền phức và lủng củng là đủ mánh khóe mè nheo, làm khổ các nhà kinh doanh rồi. Hậu quả của tình trạng đó, theo IFC, là "Các nhà kinh doanh tư sẽ dùng hầu hết thời giờ và tiền bạc để tìm cách che dấu sự thành công của mình không cho nhà nước biết, làm như vậy thì cũng bỏ mất nhiều cơ hội phát triển thêm." Từ xưa đến nay bao nhiêu người tài tuấn ở nước Việt Nam chỉ lo dùng đầu óc của mình vào việc "phấn đấu vào đoàn, vào đảng;" nay cũng nhiều người lo vận dụng trí tuệ để làm vừa ý các quan chức kinh tế. Bao nhiêu tài năng bị dùng phí uổng là như vậy!

Lãnh vực tư doanh ở Việt Nam hiện nay bé tí teo, chỉ sử dụng 3 phần trăm nhân lực và chiếm 8% tổng số sản xuất cả nước; khác với bên Trung Quốc lãnh vực tư chiếm 40% GDP. Tình trạng yếu ớt đó chính vì lãnh vực tư bị chèn ép. Bên cạnh

các tư doanh, lãnh vực quốc doanh là một ông khổng lồ dù chỉ làm bằng đất bùn. Các cán bộ kinh tế nhà nước lo đẻ ra công việc cho nhau, lo nuôi lẫn nhau, và nuôi bằng tiền của nhân dân. Các ngân hàng thương mại của nhà nước ưu tiên cho các xí nghiệp nhà nước vay. Các xí nghiệp quốc doanh cũng được ưu tiên quyền sử dụng đất đai, là thứ do nhà nước độc quyền kiểm soát. Các cán bộ quản lý của nhà nước được lên chức không phải vì tài cán mà quan trọng nhất là biết luồn cúi, nếu không được nuôi bằng chính sách thì đói!

Nếu họ chỉ lo nuôi nhau thôi thì còn đỡ. Vì các xí nghiệp tư có thể cạnh tranh với các xí nghiệp nhà nước mà không lo bị thua. Lại thêm nạn tham nhũng khiến cho các nhà kinh doanh vừa thêm chi phí vừa lo bất trắc. Nói đến cùng thì chướng ngại lớn nhất, tai họa chung cho tất cả quốc gia vẫn là chế độ độc tài đảng trị! Dưới chế độ cộng sản, có hai nền kinh tế, một là kinh tế tư chui, hai là kinh tế quốc doanh luồn!

Hiện nay các ngân hàng nhà nước nắm trong tay 70% tài sản các ngân hàng cả nước. Trong ba năm qua, tài sản các ngân hàng đã tăng gấp đôi, ước chừng hơn 17 tỷ mỹ kim, tức là một nửa Tổng sản lượng Nội địa của cả nước. Trong tháng Sáu năm nay, số tiền ký thác lên tới hơn 300 ngàn tỷ đồng, khoảng gần 21 tỷ mỹ kim. Hiện nay số "nợ xấu" có thể lên tới 70% tài sản các ngân hàng. Ở một thị trường lành mạnh thì những ngân hàng như vậy phải khai phá sản. Nhưng ở Việt Nam thì nhà nước sẽ cho thêm tiền để xóa bớt các khoản nợ xấu đi. Trong thời gian qua, Hà Nội đã đem hàng tỷ mỹ kim để chữa chạy cho các ngân hàng đáng lẽ phải phá sản. Còn trong nền kinh tế chui thì các ngân hàng ra sao? Nếu các ngân hàng tư nhân được phát triển ở Việt Nam thì họ có thể giúp cho hệ thống tài chánh lành mạnh hơn chăng? Chắc vì nhắm đến mục tiêu đó cho nên công ty IFC mới góp vốn cho một ngân hàng tư nhân ở Việt Nam, ACB tức Ngân hàng Thương mại Á châu, số vốn góp của IFC lên tới 8% số cổ phần của ACB. Nếu quý vị theo dõi tin tức thì biết vài tháng trước ngân hàng ACB đã bị các trương chủ "tấn công," họ tấp nập rủ nhau đến rút tiền, vì nghe tin ông Tổng giám đốc Phạm Văn Thiệt đã trốn ra nước ngoài rồi! May quá, cuối cùng ông Phạm Văn Thiệt xuất hiện leo lên đứng trên cái bàn giấy của ông cho mọi người trông thấy mặt, cuộc khủng hoảng mới nguội dần.

Cơn khủng hoảng ở ngân hàng ACB cho thấy ở Việt Nam thiếu một yếu tố rất quan trọng cho sự điều hành một nền kinh tế thị trường, đó là lòng tín nhiệm. Người dân không tin ở chế độ chính trị, cho nên càng không tin tưởng ở hệ thống tài chánh. Vì họ đã có kinh nghiệm đau thương. Ai mở ngân hàng? Toàn là con ông cháu cha chắt bà cụ cả! Từ 10 năm qua đã có tới 55 ngân hàng gọi là tư nhân mở ra, nhưng biết bao nhiêu ngân hàng chỉ lo chụp giựt! Vụ V.P. Bank trước đây sáu năm vẫn còn nóng hổi. Ngân hàng này tiếng là của tư nhân, nhưng cũng mắc bệnh giống hệt các ngân hàng nhà nước: Các món nợ không đòi được lên tới 80%! Ngân hàng kinh tế chui cũng không khá hơn các ngân hàng kinh tế luồn bao nhiêu!

Tại sao một ngân hàng tư lại đem tiền đi đổ sông Ngô, cho vay để không đòi được nợ? Rất giản dị, bởi vì họ cũng bắt chước các ngân hàng của đảng! Họ nhận tiền của người ký thác rồi đem cho thân bằng quyến thuộc vay, vợ lớn, con nhỏ vay, chẳng khác gì các cán bộ ngân hàng của đảng nuôi các xí nghiệp quốc doanh vậy! Nhà giột từ nóc giột xuống, đó là lý do tại sao các ngân hàng tư cũng dần dần mất hết tín nhiệm, đến nỗi chỉ có một tin đồn tung ra là người ta ào ào đi rút tiền!

Nhưng trong vụ VP Bank, có những tay giám đốc bị bắt, và nhiều người đứng tên vay nợ không trả cũng bị bắt. Còn trong các vụ nợ xấu của ngân hàng quốc doanh do đảng chỉ huy thì không ai bị bắt cả! Không lẽ Đảng lại đi bắt đảng viên tống giam chỉ vì không trả được nợ! Đảng còn nhiều món nợ khác, nếu nhân dân đứng dậy đòi cả thì tính làm sao!

Liệu công ty IFC còn tiếp tục đầu tư vào Việt Nam, giúp các nhà tư doanh Việt Nam cho đến bao giờ? Bản nghiên cứu của họ đã kêu gọi đảng Cộng Sản phải cho các ngân hàng và xí nghiệp tư ở Việt Nam được bình đẳng đối với các ngân hàng và xí nghiệp quốc doanh. Ở Trung Quốc người ta đã chuẩn bị ghi điều đó vào hiến pháp: Tôn trọng tài sản tư; đặt lãnh vực tư lên ngang hàng vớiclãnh vực công; ngân hàng quốc doanh cũng phải cứu xét các hồ sơ vay tiền theo tiêu chuẩn kinh tế, vân vân. Hy vọng là nếu Trung Quốc đã làm thế rồi thì sẽ tới ngày Cộng Sản Việt Nam cũng đi theo, dù chậm hơn mười năm! Trong khi chờ đợi thì toàn dân cứ thẳng tiến trên đường kinh tế chui trong khi Đảng vẫn bảo vệ khu vực kinh tế luồn!

KỸ NGHỆ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG: CẢI TIẾN HOẶC DẸP TIỆM

Thanh Thảo

Tuần rồi sau khi quá bực mình vì dịch vụ điện thoại di động cũ hay mất sóng, cắt ngang xương những cuộc đàm thoại quan trọng, Thanh Thảo đã chọn đổi điện thoại di động mới, kiểu nhỏ như một cái hộp quẹt lớn, gấp lại được, màu bạc tiện dụng và trông ngộ nghĩnh. Không phải Thanh Thảo có tính hay thay đổi như những cô cậu choai choai mới lớn mà chỉ vì cái điện thoại mới này được cho không khi người dùng ký hợp đồng sử dụng dịch vụ điện thoại tối thiểu một năm.

Không phải người tiêu thụ nào cũng thay điện thoại vì dịch vụ bất tiện. Ngày nay phần lớn người ta thay đổi điện thoại mới chẳng khác gì thay một bộ trang phục mới cho... hợp thời. Việc thay đổi điện thoại hoàn toàn vì kiểu mới, có nhiều trò chơi hơn hiện đang diễn ra khắp nơi từ Âu đến Á và trong mọi giới tiêu thụ, từ choai choai đến người trưởng thành, khiến nhiều công ty trong kỹ nghệ chế tạo điện thoại di động đành phải từ bỏ thương trường vì không thể cạnh tranh.

Muốn là kẻ thắng trong thương trường ngày nay những công ty kinh doanh cần nhìn xa thấy rộng, đoán trước được những trào lưu thịnh hành cho dù mình đang là công ty chiếm lãnh thị trường. Trường hợp cạnh tranh gắt gao của các công ty chế tạo điện thoại cầm tay (cellular or mobile phones) là bài học đáng giá.

Theo báo *The Wall Street Journal* số phát hành ngày 30 tháng 10, 2003, công ty Motorola Inc., công ty đang giữ một trong những vị thế hàng đầu của kỹ nghệ điện thoại di động, hiện đang gặp khó khăn vì không tiên đoán được thị hiếu của người tiêu thụ.

Từ thời kỹ nghệ điện thoại di động còn phôi thai, công ty Motorola, Inc. được coi là "Vua" của thị trường khi giới thiệu bán loại điện thoại cầm tay to bản và nặng bằng một viên gạch nung đỏ năm 1984. Giá bán của cái điện thoại "viên gạch" này đâu có rẻ, đến $4,000 Mỹ kim, ngoài ngân sách chi dùng của người viết và đa số độc giả. Vậy mà thời đó có nhiều người cũng chịu khó vác theo cái điện thoại nặng nề này, đi đâu cũng để ngênh ngang trên bàn ra vẻ ta đây có đủ khả năng chi tiền cho món đồ trang sức đắt giá.

Dĩ nhiên các công ty chế tạo điện thoại di động khác đâu có chịu thua dù trong cả hơn một thập niên các công ty này phải âm thầm tìm những phát minh mới khả dĩ lật được ngôi vị "Vua" của Motorola Inc.

Giữa thập niên 1990s công ty Nokia, bản doanh tận xứ Phần Lan (Finland) đã phát minh loại điện thoại phát sóng điện tử digital và tung ra thị trường loại điện thoại nhỏ hơn kiểu "viên gạch" nhiều lần và nhẹ nhàng, dễ mang theo hơn (có lẽ tại bên châu Âu bàn ghế trong các tiệm ăn đều được chế tạo nho nhỏ, nên thơ nên chủ nhân kiểu điện thoại "viên gạch" không có đủ chỗ để khoe món trang sức nghênh ngang trên bàn?).

Giới tiêu thụ hưởng ứng phát minh mới này nồng nhiệt đến độ năm 1998 công ty Nokia nghiễm nhiên trở thành công ty chế tạo điện thoại di động hàng đầu trên thế giới.

Motorola Inc. cũng tung ra thị trường nhiều kiểu điện thoại nhỏ hơn và cũng dùng kỹ thuật điện tử digital, nhưng vì chậm chân, công ty này không sao khôi phục ngôi vị cũ. Nhưng muốn giữ vị trí thứ nhì cũng chưa chắc đã dễ dàng khi Motorola Inc. ngày càng gặp phải nhiều đối thủ đáng gờm hơn.

Bốn năm sau đó, năm 2002, công ty Samsung Electronics Co. của Nam Hàn đã vượt trội lên

suýt qua mặt Motorola, Inc. trong ngôi vị thứ nhì của thế giới với những kiểu điện thoại di động có màn hình màu nhanh chóng được giới tiêu thụ khắp thế giới ưa chuộng. Lúc kiểu điện thoại này được tung ra thị trường có nhiều người đã chịu chi đến $500.00 Mỹ kim để mua cho bằng được kiểu mới nhất. Người mua điện thoại là những người trưởng thành có công ăn việc làm vững chắc và có tính thích kiểu lạ.

Nokia cũng trả đũa Samsung bằng kiểu riêng của mình. Còn Motorola Inc., khi biết đã vuột mất cơ hội bằng vàng đã bỏ thêm vốn đầu tư vào loại điện thoại màn hình màu để kịp bán trong dịp cuối năm từ tháng 10 năm 2002. Nhưng đến khi cả hai công ty Nokia và Motorola kịp sản xuất đủ điện thoại màn hình màu để bán, phần lớn người tiêu thụ đã lỡ ký hợp đồng dùng hoặc mua điện thoại của Samsung mất rồi.

Nhưng chỉ trong vòng một năm nay, cuối năm 2003, điện thoại của công ty Samsung lại bán chậm hẳn khi công ty Nokia tung ra một chiêu thức mới, giới thiệu loại điện thoại trang bị sẵn máy chụp hình điện tử thay vì màn hình thông thường. *Thời điểm là yếu tố chính định đoạt sự sống còn của thị trường điện thoại di động hiện nay.*

Nhờ vào sự trợ giúp của mạng lưới điện toán toàn cầu, thương trường thế giới ngày nay nhỏ đủ để những trào lưu thịnh hành tại một vài khu vực được nhanh chóng quảng bá đến những nơi khác. Kỹ nghệ điện thoại di động hiện nay không khác gì những kỹ nghệ điện tử lớn khác như máy điện toán hay kỹ nghệ chế tạo xe hơi. Chỉ khác áp lực của sự cạnh tranh!

Với giá trị khoảng $60 tỷ Mỹ kim, kỹ nghệ điện thoại di động hiện được các nhà phân tích thị trường cho là nơi có áp lực cạnh tranh nặng nề nhất. Nặng đến độ những kiểu điện thoại di động mới lạ được tung ra gần như hàng năm khiến các công ty không đủ vốn liếng và không chuyên ngành chẳng hạn như công ty Qualcomm Inc., bản doanh tại San Diego, California Hoa Kỳ đành phải chào thua, rút lui có trật tự. Qualcomm Inc. hiện nay chú tâm chế tạo những con bọ (chip) điện tử dùng trong các điện thoại cầm tay.

Khi óc hiếu kỳ của giới tiêu thụ còn được khích động, và thời điểm còn là tên gọi của cuộc chạy đua trong thị trường điện thoại di động, những công ty chế tạo điện thoại tiếp tục tung ra các kiểu mới hơn, hay hơn, nhỏ hơn với giá thành rẻ hơn... để thu lợi. Nhưng liệu số vốn đầu tư khổng lồ các công ty này bỏ ra có thu được lợi đáng kể không lại là chuyện khác.

Theo báo *Wall Street Journal*, thị trường điện thoại di động có máy hình gồm 65 triệu cái hiện đang mất giá. Giá bán sỉ của điện thoại di động có gắn máy chụp hình điện tử đã giảm 20% và được dự kiến sẽ giảm thêm 24% nữa trong năm 2004.

Mới đầu tháng 11 năm 2003 mà những người chuộng thay đổi điện thoại di động đã chán kiểu có máy chụp hình điện tử rồi. Nhiều người đã bắt đầu nhắc tới kiểu điện thoại có máy chụp hình kéo dài thêm được để tăng diện tích của màn hình. Bán với giá từ $200 đến $400 Mỹ kim, kiểu điện thoại mới này có tên gọi là "slide phone" được các tài tử dùng trong phim The Matrix remake và được công ty sản xuất Samsung giới thiệu là kiểu "Matrix Edition."

Viết xong bài này, lúc gọi báo cho tòa soạn mình đã gửi bài bằng thư điện tử, Thanh Thảo mới thấy cái điện thoại nhỏ xíu được cho không của mình tiện dụng chán.

Dĩ nhiên Thanh Thảo chỉ là thiểu số trong giới tiêu thụ toàn cầu vẫn còn nao nức muốn biết kiểu điện thoại mới nhất gồm có những trò chơi nào. Ngày nào thị hiếu của đại đa số người tiêu thụ còn thay đổi ngày đó chúng ta còn được dịp nhìn thấy đủ kiểu điện thoại di động mới. Biết đâu trong tương lai không có những kiểu điện thoại di động làm được một vài công việc giúp người chủ?

XÃ HỘI KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

Vào tháng 11, không muốn nhắc nhưng có lẽ ý tưởng phải mua sắm quà cáp nào vào dịp gia đình đoàn tụ lễ Tạ Ơn cuối tháng và mùa lễ hội cuối năm 2003 vương vấn trong tâm phần đông chúng ta.

Năm nay, dù số tiền phải chi dùng trong những dịp này không thay đổi, nhưng cách chúng ta trả tiền chi vào những việc trên khác trước khá nhiều.

Năm nay sẽ có rất nhiều người không cần mang theo tiền khi đi mua sắm. Nhưng không phải là trả bằng thẻ tín dụng, còn gọi là Credit card đâu (điều này xưa rồi, đâu có gì lạ!)

Thay vào đó, năm nay phương tiện thanh toán chi phí thông dụng nhất sẽ là trả bằng thẻ trừ tiền thẳng trong trương mục ngân hàng, tiếng Anh gọi là Debit card.

Theo tạp chí *BusinessWeek*, số phát hành ngày 17 tháng 11 năm 2003, trong năm 2003 số lần người tiêu thụ Mỹ dùng thẻ Debit card để trả thanh

toán đủ mọi thứ chi phí sẽ vào khoảng 16.5 tỉ lần; đó là không kể những lần họ rút tiền mặt tại các máy tự động của ngân hàng. Đây là mức tăng 22% so với năm ngoái và đánh dấu lần đầu tiên thẻ trừ tiền mặt thẳng từ trương mục ngân hàng (debit card) vượt trội thẻ tín dụng (credit card).

Theo dự kiến của những chuyên gia thuộc bản tin Nilson Report vào năm 2007 tổng số tiền người tiêu thụ chi trả bằng thẻ trừ tiền mặt trong trương mục ngân hàng sẽ lên đến $1,000 tỉ Mỹ kim (US$1 Trillion). Tính thành tỉ lệ, người dùng thẻ trừ tiền mặt sẽ tăng 130% so với chỉ có 49% tỉ lệ tăng của số người trả bằng thẻ tín dụng.

Số người chuộng dùng hình thức trả bằng thẻ trừ tiền mặt hiện chiếm phân nửa tổng số dịch vụ so với chỉ có 7% cách đây một thập kỷ, nhiều đến độ công ty Visa đã đổi tên gọi từ "công ty tín dụng" thành "công ty thanh toán hóa đơn."

Đối với người tiêu thụ thẻ trả tiền mặt hay thẻ tín dụng không khác gì nhau. Đa số chúng ta trả cùng một giá dù dùng thẻ nào chăng nữa cho dịch vụ hay món hàng nào đó. Điểm khác biệt có chăng chỉ là vấn đề tâm lý, bị trừ thẳng tiền từ trong trương mục ngân hàng khiến chúng ta cảm thấy xót ruột, ít có khuynh hướng "vung tay quá trán."

Thẻ trừ thẳng tiền trong trương mục ngân hàng dễ xin hơn thẻ tín dụng nhiều. Ai xin cũng được vì chúng ta không mượn tiền của ngân hàng nào cả, chỉ trả tiền của chính mình bằng hình thức dùng thẻ thay vì đưa "tiền tươi" cho thu ngân viên, thế thôi.

Nhưng điểm khác biệt giữa thẻ tín dụng, Credit card, và thẻ trả tiền mặt, tức Debit card hoặc Cash card đối với các công ty doanh thương rất đáng kể.

Chẳng hạn thẻ tín dụng Master Card hoặc Visa tính chi phí 3.5% cho mỗi thương vụ khi trả ngân phiếu cho các cửa hàng doanh nghiệp. Công ty American Express tính từ 4.5% đến 5% khoản tiền này (đó là lý do nhiều cửa hàng doanh nghiệp không nhận hình thức thanh toán hóa đơn bằng thẻ American Express).

Khi nhận hình thức trả bằng thẻ trừ thẳng tiền mặt trong trương mục của khách hàng, các công ty doanh thương yên tâm vì không những trọn số tiền không bị trừ chi phí thanh toán được chuyển thẳng vào trương mục của công ty mà còn tránh được nguy cơ thất thoát hoặc bị nhân viên ăn cắp nữa.

Ngược lại, nếu nhận hình thức trả bằng thẻ tín dụng, các công ty doanh thương phải chờ thư và ngân phiếu từ các ngân hàng tín dụng gửi về trong khoảng thời gian từ một đến hai tuần lễ. Số tiền gửi về sẽ ít hơn hóa đơn từ 3.5% đến 5% tùy theo hợp đồng thanh toán của ngân hàng tín dụng. Sau khi đưa ngân phiếu vào trương mục, các công ty doanh thương còn phải chờ thời gian vài ngày để các ngân phiếu này được ngân hàng trả. Đối với ngành doanh thương, thời gian chờ đợi này gây nhiều bất lợi.

Thêm vào đó, vấn đề trung thành của khách hàng cũng là lợi điểm đáng kể khiến các công ty doanh thương khuyến khích người tiêu thụ trả bằng thẻ trừ tiền mặt.

Trường hợp điển hình của công ty Cox Communications, Inc. cho thấy sau khi mời được 20% trong số 6.3 triệu khách hàng thanh toán hóa đơn hàng tháng bằng thẻ trừ tiền mặt, công ty không cần phải quảng cáo thêm mà những khách hàng này vẫn tự động trả tiếp đúng hạn kỳ trong những tháng sau đó.

Những công ty nhỏ hơn như Starbuck Coffee hoặc McDonald's hiện đang tung chiến dịch bán những thẻ trả tiền sẵn. Người tiêu thụ mang trong ví mỗi thẻ trị giá $20 Mỹ kim chẳng hạn. Mỗi khi mua một ly cà phê hay một phần ăn tại McDonald's thẻ sẽ bị trừ một số tiền cho đến khi thẻ không còn đủ tiền chi. Lúc đó người tiêu thụ lại bỏ thêm tiền cho đầy thẻ. Ngoài Starbuck và McDonald's, các công ty Pizza Hut và KFC hiện cũng đang thử nghiệm việc cấp thẻ trừ tiền mặt tại các thí điểm ở Chicago và Dallas.

Kế hoạch trả bằng thẻ trừ tiền mặt thành công đến độ các công ty tín dụng từ Visa, Master Card đến American Express hiện đang điều đình với 50 dãy tiệm thực phẩm lớn toàn quốc, tổng thương vụ trên $130 tỉ Mỹ kim hàng năm, để dành dịch vụ cung cấp thẻ cho khách hàng của các công ty doanh thương này.

Còn trong nhà, thẻ trừ thẳng tiền mặt hiện đã nhanh chóng thay chỗ ngân phiếu trong việc thanh toán hóa đơn hàng tháng từ tiền thuê nhà, chi phí ga, điện, nước và điện thoại. Năm 2003 cũng là năm đầu tiên đánh dấu sự việc thẻ trừ thẳng tiền mặt được dùng nhiều hơn ngân phiếu để chi trả khoảng $800 tỉ Mỹ kim trị giá hóa đơn gia dụng.

Với người tiêu thụ Mỹ, có lẽ việc ra đường phải mang theo một ít tiền phòng khi hữu sự hiện không còn cần thiết. Thẻ trả bằng cách trừ thẳng tiền trong trương mục hoặc thẻ có giới hạn một khoản tiền nào đó cho phép người tiêu thụ ngày

nay rời nhà không cần một xu dính túi. Xã hội Mỹ 2003 đã trở thành xã hội thật sự không cần dùng tiền mặt. Người tiêu thụ ngày nay chỉ cần phải mang theo túi xách tay hoặc ví lớn hơn để đủ chỗ chứa hàng chục loại thẻ nhựa khác nhau thôi!

CÓ NÊN CẤM BÁN RƯỢU TRÊN MẠNG LƯỚI ĐIỆN TOÁN KHÔNG?

Gần đến cuối tháng 11 hàng năm chúng ta lại có dịp suy tính chuẩn bị cho những dịp hội họp gia đình và bè bạn cuối năm. Một trong những thức giải khát (hay gây khát nước thêm?) trong các dịp này phải kể đến bia rượu.

Thời giờ eo hẹp khiến nhiều người nghĩ đến việc mua rượu bia qua mạng lưới điện toán toàn cầu. Theo họ, việc mua bia rượu từ các tiểu bang khác khắp nước trên mạng điện toán đơn giản và nhanh chóng chẳng khác việc mua quà cáp cho người thân bằng hình thức này bao nhiêu.

Nhưng việc mua bán bia rượu không giống những sản phẩm khác! Năm nay những nhà làm luật và cả hai phe chống và ủng hộ luật cấm bán rượu bia qua mạng lưới điện toán hiện đang tranh đấu gay go về yếu tố hợp pháp của vấn đề này.

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 24 tháng 11 năm 2003, vào ngày 22 tháng 10 vừa qua hai phe chống và ủng hộ luật cấm bán rượu bia qua mạng điện toán đã điều trần trước Quốc hội nhằm trình bày quan điểm của mình.

Cuộc tranh luận sôi nổi bao gồm một vị từng được đề cử vào chức chánh án Tòa Thượng Thẩm Liên Bang, ông Robert Bork với quan điểm ủng hộ luật cấm bán rượu bia qua ngả mạng điện toán. Theo ông Bork bán bia rượu qua mạng điện toán gây trở ngại cho việc kiểm soát và áp dụng luật pháp của các tiểu bang trong đó có vấn đề thuế mua bán thất thu, quyền lợi của những công ty trung gian phân phối bia rượu bị ảnh hưởng bất lợi và đặc biệt nhất là số tuổi của người mua.

Người tranh cãi với ông Bork cũng nổi tiếng không kém, ông Kenneth Starr, cựu Cố Vấn Độc Lập, nhân vật chính trong cuộc điều tra hồ sơ đầu tư tài chính White Water của cựu Tổng Thống Bill Clinton và Đệ Nhất Phu Nhân Hillary Rodham Clinton.

Ông Starr tranh luận chống lại luật cấm bán bia rượu qua mạng điện toán vì cho rằng việc áp dụng tự do mậu dịch giữa các tiểu bang qua hình thức mua bán bia rượu trực tiếp có lợi cho cả các đại công ty sản xuất lẫn giới tiêu thụ.

Hiện nay nhiều vụ kiện thuộc tám tiểu bang liên quan đến vấn đề này đã được trình lên Tòa Liên Bang. Vào tháng Tám năm nay sau khi luật cấm bán rượu trên mạng điện toán tại tiểu bang Michigan bị bác bỏ nhiều nhà quan sát tiên đoán vấn đề có lẽ sẽ được Tòa Thượng Thẩm Liên Bang cứu xét vào cuối năm nay.

Phía ủng hộ luật cấm bán bia rượu qua mạng điện toán cho biết nếu rượu được bán tự do dưới hình thức này các tiểu bang sẽ mất một số lợi tức đáng kể từ thuế đánh trên việc bán rượu. Trong thời điểm nhiều tiểu bang đang gặp thâm thủng ngân sách như hiện nay, có thêm bao nhiêu lợi tức từ nguồn nào cũng đáng quan tâm.

Những công ty độc quyền phân phối rượu bia cũng nêu lý do họ ủng hộ luật cấm bán bia rượu tự do vì họ dự kiến số tiền thất thu hàng năm lên đến trên $1 tỉ Mỹ kim.

Trường hợp một cậu 15 tuổi mua rượu Tequila trên mạng điện toán được dùng làm thí dụ vi phạm luật điển hình nếu như luật cấm bán rượu qua ngả điện toán bị bác bỏ.

Khi đi mua bia rượu tại các tiệm bán có giấy phép, người mua phải trình bằng lái xe để chứng minh trên tuổi tối thiểu được dùng bia rượu theo luật tiểu bang nếu được yêu cầu. Nhưng khi mua qua ngả điện toán, cậu bé 15 tuổi đã mạo nhận chi tiết cá nhân của cha mình để hoàn tất việc mua rượu Tequila, một loại rượu mạnh người dưới 21 tuổi không được mua theo luật tiểu bang California.

Phía ủng hộ tự do mậu dịch toàn liên bang cho rằng cho phép các công ty sản xuất bia rượu bán trên mạng điện toán giúp các công ty này mang sản phẩm đến những người tiêu thụ ở các nơi xa xôi hẻo lánh hoặc những nơi không có đại lý phân phối độc quyền.

Chưa ai đoán được quyết định của Tòa Thượng Thẩm Liên Bang về việc có nên cấm bán bia rượu qua mạng lưới điện toán hay không nhưng có lẽ vào cuối năm nay trong những bữa tiệc gia đình hay thân hữu, khi nâng ly chúc tụng nhau chúng ta không khỏi thoáng thắc mắc không biết nhân vật nổi tiếng Robert Bork và Kenneth Starr, hai người đang tranh cãi ủng hộ và chống luật cấm bán rượu qua ngả điện toán đang nâng ly chứa loại rượu bia nào? Và không biết họ có mua những thức uống này qua ngả điện toán hay không?

THƯ PARIS

TỪ NGUYÊN

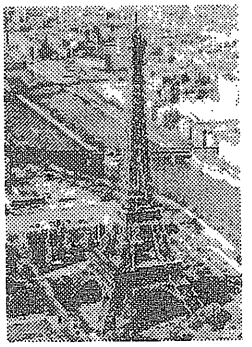

Sau Vụ Hạn Hán
KẾ HOẠCH TƯƠNG TRỢ

Jean-Pierre Raffarin, thủ tướng Pháp vừa công bố kế hoạch liên đới với người già, một kế hoạch tương trợ được lập nên sau khi vụ hạn hán khủng khiếp khiến cho gần 15 000 người lớn tuổi thiệt mạng. Kế hoạch đề nghị tăng cường thuốc men, tăng thêm chỗ để tiếp đón trong các nhà dưỡng lão, huấn luyện thêm nhân viên cũng như tăng thêm phòng dành cho bệnh nhân lớn tuổi trong các bệnh viện.

Tài trợ kế hoạch này, chính phủ đề nghị cả nước làm thêm một ngày, nghĩa là bỏ đi một ngày nghỉ. Nguyên tắc «bớt đi một ngày nghỉ» được đa số dân chúng hoan nghênh nhưng bỏ ngày nào thì đang còn là chuyện tranh cãi. Chuyện khó cho chính phủ này là không thể kéo dài cuộc tranh cãi mà phải lấy quyết định nghĩa là chấp nhận sự chống đối. Và đề nghị chính thức của thủ tướng Raffarin là :

- đối với công chức, bắt đầu từ năm 2005 bỏ ngày thứ hai trước đây là ngày nghỉ lễ Pentecôte,
- trong lãnh vực tư, xí nghiệp muốn chọn ngày nào cũng được, miễn nộp đủ tiền tương đương cho nhà nước là 0,3% trên tổng số lương bổng. Nhờ vậy, nhà nước sẽ thu được 9 tỉ euro trong bốn năm để tài trợ kế hoạch.

Giờ thì cũng chưa biết kế hoạch có được đem ra thi hành toàn vẹn như vậy hay không vì vừa công bố đã bị đối lập và nhiều phe phái chống đối. Kế hoạch còn phải được sự chấp thuận của quốc hội. Bình thường không sao vì chính phủ đang có đa số trong quốc hội, nhưng nay uy tín của thủ tướng Raffarin đã giảm sút. Tới độ tờ tuần báo *L'Express* đặt câu hỏi ở trang bìa : *Jean-Pierre Raffarin, la fin?*

Người lớn tiếng nhất là Francois Holland, cầm đầu đảng Xã hội. Trong mấy năm cầm quyền, đảng này không hề lo lắng chi cho người già, nay có chương trình cụ thể lại công kích kịch liệt. Chuyện như vậy thì cũng thường thôi.

Lo Sợ Cho Tương Lai

Trước những gì đã xảy ra, cứ bốn người già sống đang trên đất Pháp, ba người đã tỏ ý lo sợ cho tương lai. Nước Pháp có bốn triệu người trên 75 tuổi đang ở trong tình cảnh đó, theo cuộc thăm dò dư luận mới đây nhất của tổ chức CSA. Điều lo sợ nhất là không biết còn có thể tự mình lo liệu lấy cho mình được hay không. Thế cũng đã là khá, vì nhiều người cho rằng với tình hình này thì tất cả mọi người đều phải lo sợ !

Cũng cuộc thăm dò này cho biết : Không tự lo lấy được, 65% muốn ở lại trong nhà của mình hơn là ở nhà thân thuộc (em hay con, cháu) hay các nhà dưỡng lão. Nước Pháp đang có tới 600 000 người già đang sống trong các nhà dưỡng lão công lập hay do tư nhân quản trị. Và nay kế hoạch tương trợ dự tính lập thêm 10 000 phòng trong các nhà dưỡng lão !

Về phương diện tài chánh, lúc đó họ sống bằng tiền bảo hiểm (58%) hơn là trợ cấp của con cháu (46%) của chính phủ (42%) hay tiền dành dụm (38%), vẫn theo cuộc thăm dò dư luận này. Số dân Pháp trên 60 hiện nay chiếm 21% dân số nước Pháp, sẽ là 21 triệu năm 2035, nghĩa là chiếm 1/3 dân số. Đa số là các bà vì hiện nay, tuổi thọ cho các ông là 75,6 và các bà là 82,9.

NGƯỜI NGHÈO KHÓ
Chuyện bà Solange

Một trong những lớp người đang gặp khó khăn của xã hội này là người nghèo khó. «Người nghèo khó lúc này đa số là các bà,» lời của tổng thư ký hội Cứu trợ Công giáo (Secours Catholique) trong lúc công bố phúc trình hằng năm của hội. Ông cho biết trong năm 2002, hội đã cứu giúp 687 000 gia đình nghèo khó, con số này đã tăng thêm 2,3% so với năm 2001.

Đây là những người thất nghiệp không có lợi tức nào khác ngoài tiền trợ cấp của Quỹ Gia đình và đa số là đàn bà độc thân, ít học và có con nhỏ. Lợi tức trung bình mỗi tháng ít hơn 1 000 euro.

Một tờ báo trong tuần này trình bày trường hợp đặc biệt: trường hợp của bà Solange ở ngoại ô Paris sống với sáu đứa con một tháng 856 euro, tiền trợ cấp của Quỹ gia đình. Mỗi đầu tháng, bà đi với đứa con nhỏ nhất, hai tuổi, tới bưu điện để xem thử tiền đã được chuyển vào trương mục của bà chưa.

Khi biết chắc đã có tiền, bà sẽ rút ra 300 euro để trả 89 euro tiền nhà (phần còn lại do trợ cấp của nhà nước), mà vì không có chi phiếu, bà phải

mua *măng đa* với giá trả cho bưu điện là 5,70 euro. Với 200 euro còn lại, bà tới một siêu thị bán thức ăn thật hạ giá, để mua 10 kí lô đùi gà, 3 kí lô thịt bò thái nhỏ, một ít cánh gà, thịt cừu về chất đống trong tủ đá. Đó là lương thực cho bảy người, nhiều khi là tám người vì thằng con rể cũng thất nghiệp lâu lâu lại tạt qua nhà.

Mặc dù đông con nít, trong nhà không có Coca hay một thứ nước ngọt nào. Để tằn tiện thêm, bà Solange làm bánh mì lấy. Lâu lâu, bà đi tới cửa hàng của Secours Catholique nơi bán hàng với giả rẻ hơn ngoài 10%.

Ngoài chuyện ăn, tất cả những «nhu cầu» khác đối với gia đình này đều là thừa thãi. Không *piscine*, không *cinéma*. Ngày Noel, lại dựng cây thông bằng ni-lông được ai cho còn dùng cho tới nay, và đây là lúc khổ sở nhất vì không có tiền để mua sắm trong lúc mọi người chung quanh đua nhau sắm sửa. Không bao giờ có chuyện đi nghỉ hè.

Giải trí: một máy truyền hình nhỏ mà bà không đóng lệ phí. Thừa phát lại một lần tới đấm cửa rồi đi ra: trong nhà không có chi đáng giá để tịch thu phát mãi. Ngay cả máy truyền hình.

Trên truyền hình bà Solange có nghe thủ tướng nói lo lắng cho những gia đình túng quẫn (la France d'en bas) nhưng bà thấy mình vẫn không khá hơn kể từ khi có lời tuyên bố đó. «Nếu như nói là la France d'en bas là những người phải đếm từng xu nhỏ để mua bánh mì thì chính đó là trường hợp của chúng tôi. Đúng ra, không nên có những trường hợp đó nữa.»

Nếu như tiền trợ cấp chưa tới trương mục, bà sẽ đi mua hai ổ bánh mì *baguette* trong một siêu thị. Bánh mì bán ở đây chỉ có 38 xu trong khi ở tiệm bánh mì giá gấp đôi. Ngày hôm sau, bà lại cùng đứa con nhỏ xếp hàng trước quầy bưu điện.

Đó là chuyện được trình bày trên báo ngày hôm trước. Ngày hôm sau, 6.11, tờ báo dành hai cột để đăng tiếp chuyện liên quan tin này. Độc giả của tờ báo này đã tỏ tình liên đới với bà Solange : người thì hứa gởi chi phiếu, người thì hứa gởi áo quần tặng mấy đứa nhỏ, người hứa sẽ gởi lương thực. Người có lòng tốt không thiếu, mặc dù chưa chắc họ là giàu có.

RA-ĐA PHẠT XE

Ai cũng nói chính phủ cần tiền, muốn làm tiền nên tìm cách phạt xe. Nói vậy cũng có phần oan, vì chính phủ cũng muốn bớt tai nạn xe cộ, vì tai nạn xe cộ cũng gây tốn kém cho Quỹ xã hội ! Trong tuần qua, mười máy ra đa ghi tốc độ đã được khai trương tại một số địa điểm «chiến lược.»

Đây như là những tủ đứng bằng sắt chứa máy móc điện tử tân kỳ. Khi xe chạy ngang qua vượt quá tốc độ cho phép, máy chụp hình làm việc, chớp sáng ghi số xe và chuyển tín hiệu đó về trung tâm tự động ở ngoại ô thành phố Lille, miền bắc nước Pháp. Máy móc trong trung tâm này in ra tờ giấy phạt tự động gấp vào phong bì có sẵn địa chỉ để được chuyển qua đường bưu điện tới nhà của chủ xe. Đương sự có một tuần lễ để thanh toán.

Máy móc không biết thiên vị và không châm chước. Để giúp cho chủ xe lưu ý mà chạy chậm lại, trước đó chừng mấy trăm thước có bảng ghi : «*Pour votre sécurité, contrôles automatiques*» (Vì an ninh của quý vị, kiểm soát tự động bằng máy.»

Muốn khiếu nại, chủ xe phải gởi 135 euro đã, theo nguyên tắc trả trước khiếu nại sau. Tháng tới sẽ có thêm 10 máy khác hoạt động và từ đây đến cuối năm có tới 40 máy.

Hai ngày sau khi bộ trưởng Nội vụ khánh thành máy đầu tiên đặt tại thành phố La Ville du Bois, hai khung kiếng trên máy bị đập vỡ. Chuyện đó cũng là thường thôi vì chỗ đặt không ai coi ngó. Các trạm điện thoại bằng kiếng bị đập đều đều đến nỗi sau này, mỗi lần bị đập là Télécom cho dẹp luôn.

Từ khi có những máy ra đa này Cảnh sát ghi nhận rằng người lái xe trên xa lộ chạy chậm lại nhiều lắm. Sợ bị phạt, mất tiền và biết rằng lần này không cách chi thoát. Bèn chạy chậm lại vậy!

JUILETTE GRECO TRỞ LẠI

Một chút văn nghệ. Juliette Gréco danh ca của những năm 1950 đã trở lại với một CD mang tựa

Juliette Gréco

đề *Aimez-vous les uns les autres ou bien disparaissez* (Yêu nhau đi hay xéo đi), Polydor/ Universal. Ca sĩ một thời của thế giới hiện sinh của khu Saint-Germain des Prés, cùng với Francoise Sagan, Jean-Paul Sartre, Simone de Beauvoir, Miles Davis, Jean Cocteau đã làm xáo trộn tư tưởng của thế giới sau thế chiến thứ hai. Lừng danh tại Berlin, New York, Tokyo với những bài của Vian, Queneau, Sartre và Mac Orlan với một cuốn tự truyện 700 trang (Juliette chưa hề đọc).

Một CD mới toanh, bà không ngờ có được chuyện đó. Dù sao, bà rất vui thích. «Người ta nói rằng tôi sẽ tìm lại được giọng hát của một thời trước đây. Tôi không có ảo vọng đó. Tôi không biết rằng tôi có nên xuất hiện với giọng ca yếu đuối nữa không. Giọng hát, thật là bí hiểm. Nhiều khi mất, không biết tại sao. Nhưng tôi, tôi biết tại sao.»

Bà sắp ra một hộp 20 CD toàn bộ các bài bà đã hát dưới tựa đề là *Eternel féminin*. Bà sẽ hát tại rạp Olympia ngày 27, 28, 29 tháng 2. 2004.

KHI KỶ NIỆM TRỞ THÀNH LỊCH SỬ

Ngày 11.11 mỗi năm, Pháp kỷ niệm một cuộc chiến đã đi vào lịch sử : thế giới đại chiến thứ nhất. Công trường Etoile trung tâm thủ đô Paris là nơi cử hành lễ đình chiến 85 năm trước đây. Đúng 11 giờ, tổng thống Pháp cùng với hai bộ trưởng Quốc phòng và Cựu chiến binh nghiêng mình trước ngôi mộ chiến sĩ vô danh trong lòng Khải hoàn môn. Ngọn lửa thiêng lại bùng lên.

Kỷ niệm đã phai mờ theo với các chứng nhân đang mất dần. Ngày nay còn lại 36 người từng tham gia cuộc chiến 14-18 ; họ là những người còn sống sót của cuộc chiến - từng giết hại tám triệu người trong số đó có 1,4 triệu người Pháp. Người lớn tuổi nhất sẽ làm lễ sinh nhật thứ 109 ngày Noel tới đây còn người «trẻ» nhất, 101 tuổi. Những người này rồi cũng ra đi và đám hậu sinh sẽ đi viếng với những chậu cúc vàng trong ngày đầu tháng 11 - tại các nghĩa trang.

Trên thế giới chỉ có một mình nước Pháp là nghỉ lễ vào ngày này. Nước Đức không thèm nhớ tới: có nước nào thua trận mà kỷ niệm đâu? Mặc dù trong trận này, Đức đã có 1, 9 triệu người tử nạn và ngày 9.11.1918, vua Đức phải thoái vị và lưu vong ở Hòa lan.

Trái hẳn với đệ nhị thế chiến, lần này quân bại trận được hàng ngũ chỉnh tề trở về nước sau hiệp ước đình chiến.

Ngày Đình Chiến!

Bên bờ rừng Rethondes, thành phố Compiègne của nước Pháp hai toa tàu nối với nhau bằng một đường đi bằng phên lưới nằm trên hai đường tàu khác nhau. Trong một toa, người của nước Đức đi lui đi tới bàn thảo về những điều kiện đầu hàng với Pháp và đồng minh, trong số đó có Quốc vụ khanh Matthias Erzberger và Tướng Von Winterfeldt. Trong toa tàu thứ hai, Tướng Foch, tư lệnh lực lượng đồng minh, tướng Weygand của Mỹ và các đô đốc Hope và Wemyss của nước Anh chờ đợi.

Chính phủ Đức, nay do Friedrich Ebert điều khiển cho lệnh ký đầu hàng. Nước bại trận phải nộp lại súng đạn và có hạn 30 ngày rút quân ra khỏi những vùng đã thôn tính, kể cả vùng Alsace-Lorraine lấy của Pháp từ năm 1870. Đến 5 giờ chiều, trên giấy tờ, vì đúng ra là 5 giờ 20, thỏa ước đình chiến được ký kết. Tướng Weygand lấy ra một chai rượu Porto mời mấy người lính hầu uống mừng. Vì không có ly nên những người này phải há miệng, ngửa cổ, đổ vào.

Tại Paris, tin đình chiến được loan báo trên đài phát thanh đặt trên Tháp Eiffel 5 giờ 40 chiều hôm đó, và chính giới Pháp khi hay tin này không ai tuyên bố gì cả. Hai bên còn đánh nhau một vài ngày nữa mới ngưng vì quân hai bên chưa được lệnh hay Đức không chịu đầu hàng. Nhiều người Đức thề sẽ trả mối thù này... Đó lại là chuyện của ba mươi năm sau.

Chiều hôm đó, thủ tướng Anh Lloyd George ăn tối với Winston Churchill, bộ trưởng Chiến tranh. Hai người bàn kế hoạch giúp đỡ nước Đức, chuyện mà khi tổng thống Clémenceau khi nghe được, tỏ vẻ bực tức : «Vào thời điểm đó, đáng ra, phải nghĩ tới chuyện giúp cho nước Pháp đã bị quân Đức tàn phá chớ...» (theo hồi ký của ông in năm 1930).

Pháp, Đức Liên Kết

Gần 30 năm sau là thế chiến thứ hai. Hai cuộc chiến như vậy đủ quá rồi nên hai mươi năm sau, đại diện của hai nước, một bên là Tướng De Gaulle bên kia là Thủ tướng Konrad Adenauer ký kết tại Điện Elysée ngày 22.1.1963 một thỏa ước khởi đầu cho một kỷ nguyên mới giao ước thân hữu. Từ đó, « đôi bạn » này cặp kè : sau de Gaulle-Adenauer là Giscard-Schmidt, Mitterrand-Kohl (tay trong tay ở thành phố Verdun) và nay là Chirac-Schroeder mỗi lần gặp là tay bắt mặt mừng!

Cả hai nước đều muốn đi xa hơn. Chính phủ họp chung, Quốc hội nhóm chung. Ngày 17.10, thủ tướng Schroeder và ngoại trưởng Đức đều mắc bận, nhờ ai thay mặt trước hội nghị của Liên Hiệp Âu Châu đây? Tổng thống Chirac chứ còn ai? Sứ quán có nơi đã làm chung, quân đội đã có đơn vị chung giờ đây nhiều người còn muốn tiến tới hơn thế nữa. Tại sao?

1. Paris và Berlin đã đồng lòng mở rộng Liên Hiệp Âu Châu thêm 10 thành 25 nước. Chỉ sợ gặp trở ngại thì đã có hai nước căn bản gồng mình chịu trận.

2. Hai nước «Âu châu già cỗi» theo lời của Donald Rumsfeld, trong vụ Iraq, đã đồng lòng chọn lập trường khác với lập trường của Hoa kỳ nay thì phải nương vào nhau!

TRONG CUỘC SỐNG

Hội Luận về Một "Thế Giới Khác"

Những người này gọi nhau là "altermondialistes" (những người đi xây dựng một thế giới khác với xu hướng toàn cầu hóa hiện nay) thuộc nhiều đoàn thể đã đến Paris tham gia cuộc tập hợp dưới tên là Hội luận xã hội Âu châu lần thứ hai. Hội luận này tiếp tục cuộc họp cách đây một năm tại Florence, Ý đại lợi. Năm chục ngàn người tham dự và hơn một triệu người biểu tình chống chiến tranh Iraq năm ngoái. Qua năm tới dự tính tiếp tục tại Bombay, Ấn độ vào tháng Giêng năm 2004.

Trong ba ngày, tại bốn thành phố chung quanh Paris, chừng 50 000 tham dự viên từ 60 nước chia nhau thảo luận về một "Âu Châu tôn trọng luật pháp trong một xã hội tiến bộ và công bình." Hội luận có 55 phiên họp khoáng đại, 250 cuộc hội thảo, hằng trăm phiên nhóm theo chủ đề, 150 đến 200 cuộc trình chiếu phim, diễn kịch, triển lãm, hòa nhạc do các hội đoàn xã hội, văn hóa, nghiệp đoàn tổ chức.

Một tổ chức tiếp vận rất quan trọng với ngân sách 3,4 triệu euro do các thị xã, các tổ chức tư nhân và ngân sách quốc gia đài thọ. Ngày chủ nhật, để tổng kết, phiên họp khoáng đại sẽ công bố một lời kêu gọi gởi tới toàn thể Âu Châu và một dự thảo Hiến pháp Âu Châu để thúc đẩy mọi người tham gia vào việc hình thành một bản văn như vậy cho Âu Châu.

Chuyện Thuốc Lá

Chuyện này chắc chắn là bất ngờ đối với chính phủ Pháp. Khi đánh thuế nặng hơn, giá tiền của bao thuốc lá đắt đỏ hơn, chuyện đó ai cũng biết. Thế nhưng từ ngày đó, nhiều hiệu bán thuốc lá bị cướp, kẻ cướp vét sạch cửa hàng. Hóa ra là ngày nay thuốc lá trở thành một thứ gì quý giá trên đất Pháp. Xưa nay từng có những xe hộ tống chở vàng hay chở bạc giấy, ngày nay mỗi lần giao thuốc lá phải được hộ tống bằng xe bọc sắt?

Bộ trưởng Nội vụ an ủi các chủ hiệu bán thuốc lá: Chính phủ sẽ có kế hoạch chống lại bọn du đãng đánh cướp thuốc lá. Cảnh sát sẽ đi tuần tiểu thường xuyên ở những nơi có bán thuốc giống như những khu vực có những hiệu kim hoàn hay đồng hồ Thụy sĩ nổi tiếng trung tâm thủ đô. Cảnh sát sẽ tuần tiễu như vậy nhiều lần trong ngày nhất là vào giờ mở và giờ đóng cửa.

Một chuyện nữa là công lực sẽ tảo thanh bọn bán thuốc lá lậu. Tại Pháp, bán thuốc lá phải được phép của nhà nước. Những lời hứa hẹn này không có vẻ hấp dẫn đối với 34 000 chủ hiệu bán thuốc lá. Đại diện của họ trả lời trong cuộc biểu tình ngày 13.11 gần trụ sở đảng UMP trong Quận 7 rằng những kẻ gian biết rõ giờ xe tuần tiễu thì có cũng như không. Một tháng nay kể từ ngày thuốc lá lên giá, số tiệm bị tấn công nhiều hơn 20%.

Họ đòi được trang bị những phương tiện chống cướp và thiết lập đường giây liên lạc báo động với bót Cảnh sát, đòi bồi thường số thất thu vì thuốc lá cao, ít người hút. Có người nói rõ : Hạ thuế thuốc lá xuống mức như cũ họa may vấn đề sẽ giảm bớt. Nhà nước còn dự tính tăng 20% vào đầu năm tới, chuyện đó đã ghi vào ngân sách không đổi được nữa. Sợ rằng cuộc chống đối sẽ kéo dài ảnh hưởng tới cuộc bầu cử đô tỉnh thị tháng ba sang năm, chính thủ tướng Raffarin đề nghị nhiều biện pháp trong đó có lời hứa "đông lạnh thuế thuốc lá" : Sau lần tăng sắp tới, bốn năm nữa sẽ không tăng giá thuốc lá.

Trước quầy hàng thuốc lá nơi đang được sắp hàng dài từ nay có dán thêm câu : *Hút thuốc lá có thể nguy hại cho tính mạng*. Biết rồi, khổ lắm...

KINH THÀNH ÁNH SÁNG CHUẨN BỊ MỪNG NOEL

Kinh thành ánh sáng đã lên đèn chuẩn bị đón mừng Giáng sinh và ngày đầu năm dương lịch. Mùa mua sắm bắt đầu : các cửa hiệu trang hoàng lộng lẫy để thu hút khách thập phương. Đại lộ mua bán huy hoàng nhất không phải là Champs Elysées mà là Boulevard Haussmann, nơi mà tiệm bách hóa *Galeries Lafayette* là tiệm đầu tiên của khu vực, phô trương bộ cánh rực rỡ giữa tháng 11

này.

Cả tòa nhà như một tấm đăng ten 2 610 thước vuông chiếu sáng, làm theo kiểu cổ của vùng Naple bên nước Ý. Cũng phải cần tới ba tuần lễ với 150 chuyên viên để gắn cho xong 150 000 bóng đèn, 120 cột trụ và bảy cây số giây cáp điện. Một công việc tỉ mỉ đã được trù tính cả năm nay.

Chiếc áo «haute couture» (bao bọc tòa nhà) như ban giám đốc nhà hàng này gọi, là công trình của một tài năng người Ý, Valerio Festi, từng là tác giả của rất nhiều buổi lễ, buổi trình diễn trên thế giới. Như là những chương trình làm sống lại thành phố Kobe, Nhật bản, năm 1995 sau khi bị các trận động đất tàn phá.

Vài giờ trước khi thắp sáng mặt tiền của tòa nhà, Galeries Lafayette khai trương tám cửa kính trưng bày sản phẩm Noel. Năm nay, chủ đề của cửa kiếng này là con đường của ông già Noel trong đêm Giáng sinh. Ông đi từ miền bắc Âu tuyết trắng cho tới thành Saint-Petersburg, theo luồng gió đông. Người lớn, con nít đã bắt đầu tới nhìn ngắm hàng giờ trước cửa hiệu. Thương vụ trong tháng cuối năm tăng chừng 15% so với các tháng bình thường.

Từ ngày này thì cả đại lộ Haussmann đều đã sẵn sàng. *Le Printemps* cũng đã bắt đầu những ngày lễ cách đây mấy ngày. *Tati,* cửa hiệu trước đây được coi là «dành cho những người ít tiền» cũng đã thắp sáng không thua kém. Các đường phố khác cũng đã làm theo. Đại lộ Champs-Elysées đã bắt sẵn 135 000 bóng đèn và 45 cây số trên các ngọn cây. Nhưng chưa thắp sáng vì còn chờ tới ngày Đô trưởng Delanoe bấm nút điện.

CHUYỆN DÀI RA-ĐA TRÊN XA LỘ

Mấy ngày rày, giấy phạt xe chạy quá tốc độ tới tấp gởi tới các chủ xe : ra đa đặt dài dài trên xa lộ làm việc không ngừng ! Sau ba tuần lễ hoạt động, 17 máy trên các trục lộ của nước Pháp đã gởi đi 40 000 giấy phạt !

Tuần rồi, trên một đoạn đường, chỉ trong ba ngày đã có 1 480 giấy phạt in ra và gởi tới các khổ chủ. Nhiều đến nỗi dân chúng thắc mắc rằng không biết chính phủ muốn kiếm tiền hay muốn giữ an ninh cho trục lộ? Câu trả lời của Cảnh sát : cả hai!

Máy ra đa đặt ở đầu hầm trên xa lộ A14 từ La Défense về Paris bị dị nghị : Máy chớp đèn khi xe vượt quá tốc độ cho phép là 50cs/g. Thế nhưng trước đó tốc độ cho phép là 70, khi tới gần máy, bảng số hạ xuống còn 50 mọi người không kịp xuống tốc độ đã bị chớp đèn. Làm như sập bẫy vậy.

Nhiều người không nhớ là mình phải chạy tốc độ là bao nhiêu nữa. Cũng có vài trường hợp dở khóc dở cười :

- Chủ xe ở thành phố Charmes (Voges, phía đông bắc Pháp) bị phạt lúc 6 g 59 trên xa lộ A6, cách Paris 25 cây số. Lúc đó, đương sự đang làm việc cách nơi bị vi phạm 350 cây số. Vậy mà cũng phải nộp phạt, 135 euro, rồi khiếu nại sau.

- Một chiếc xe kéo cày bị ghi phạt chạy 120 cây số tại một nơi xa xôi mà xe không hề đi qua. Đây là xe làm việc trong đồng ruộng bị cấm chạy trên xa lộ, thường di chuyển với tốc độ vài chục cây số một giờ !

Dân Pháp bắt đầu có chuyện dài để giải trí, cho đến khi chính mình... sẽ bị phạt không biết xứng đáng hay là bị hàm oan.

BEAUJOLAIS NOUVEAU, LẠI BEAUJOLAIS?

Beaujolais nouveau? Lại Beaujolais, năm nào cũng có rượu Beaujolais cả vậy? Vâng, Beaujolais nouveau xuất hiện mỗi năm vào giữa tuần thứ ba của tháng 11. Từ 0 giờ đêm 19 rạng ngày 20.11, không sớm hơn, Beaujolais đổ tràn ly khắp nước Pháp và tại một số nước khác trên thế giới. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Hoa, Đài Loan hay vòng quanh Âu Châu là những nơi đã được chở tới hằng chục ngàn hecto-lít để chờ đợi giờ khui chai.

Những người chú ý theo dõi vụ này bao giờ cũng được nghe câu : ngon, thơm, ngọt, màu đẹp hơn năm ngoái, khi tưởng tượng đang cầm trong tay ly rượu đỏ đậm của màu trái cây, có mùi như mùi chuối. Không phải nói ngoa, năm nay nhờ vụ hạn hán, rượu «ngon một cách đặc biệt» so với mấy chục năm trước, theo lời của những nhân viên tiếp thị (marketing).

Dù biết vậy, không phải ai cũng muốn thử. Người sành rượu dè bỉu chê Beaujolais nouveau là «rượu của nhà nghèo,» giá rẻ (từ 4 đến 6 euro một chai), uống như uống xi-rô! Vì thế không phải quán ăn hay tiệm bán rượu nào cũng có bán, mặc dầu được quảng cáo rình rang trong mấy ngày trước và sau ngày Beaujolais xuất hiện.

Theo tài liệu của nghiệp đoàn rượu Beaujolais năm 2003 có 12 nhãn hiệu rượu Beaujolais khác nhau sản xuất 800 000 hecto-lít, 40% ít hơn trung bình mỗi năm (1 300 000 hecto-lít). Ít nên quý hơn chưa kể ruộng nho năm nay được phơi nắng

300 giờ nhiều hơn bình thường. Đó là những lý do cho Beaujomais nouveau năm nay (được xếp hạng năm sao) ngon hơn cả những năm 2000 và 1999 (bốn sao, theo xếp hạng của nghiệp đoàn này).

Những ngày rày, vùng ruộng nho Beaujolais dọc theo sông Saône gần thành phố Lyon phía nam nước Pháp là những ngày hội vui mừng. Ca hát, nhảy múa, pháo bông, và lẽ dĩ nhiên uống Beaujolais nouveau!

Năm 2001, hơn một triệu chai được chở tới Hoa Kỳ. Dân Mỹ mua Beaujolais Nouveau để uống trong dịp lễ Thanksgiving. Cũng là rượu tây mà giá không đến nỗi mắc lắm! Năm nay, chống lại lập trường của Pháp trong vụ Iraq, rượu Pháp bị tẩy chay nên số xuất cảng không còn là bao nhiêu! Những nhà bán rượu nói: Đó là vì ông tổng thống đó.

TỔNG THỐNG PHÁP... LÃNG TAI?

Nhiều tuần nay, tin đồn lan khắp Paris. Riết rồi chính những người thân cận của tổng thống cũng phải chấp nhận rằng tổng thống Chirac «có thử» một máy nghe gắn trong lỗ tai nhưng không thấy hiệu nghiệm cho lắm. Vậy thì có (lãng tai) hay không cũng vẫn chưa có gì rõ ràng.

Một dịp may hiếm có cho hiệu máy đó, vì nếu được tổng thống dùng đến thì còn gì bằng! Tiếc thay chuyện không được như vậy. Thế rồi câu chuyện không được chấm dứt tại đó mà được thêu dệt theo những câu chuyện được nhiều người kể lại.

Ngày 14.7, nếu ai theo dõi cuộc phỏng vấn trên đài truyền hình sẽ thấy rõ điều này. Một ký giả hỏi về thành tích của ông bộ trưởng giáo dục, Luc Ferry, tổng thống lại hiểu người ký giả muốn hỏi tới ông Jules Ferry, chết năm 1893. Tới tháng 9 năm nay, ở Nữu Ước trong cuộc họp báo, ông Chirac yêu cầu ký giả đặt câu hỏi nói lớn hơn một chút và xin đứng dậy khi đặt câu hỏi để nghe cho rõ - trong khi trong phòng mọi người đều nghe... quá rõ !

Trong hội đồng chính phủ, ông phải vểnh tai bên trái khi một ông bộ trưởng phía đó nói. Nhưng rồi bên phải cũng vậy.

Một chuyện như vậy không có gì phải dấu giếm đối với một người 71 tuổi ngày 29 tới đây. Lúc còn làm tổng thống, Bill Clinton cho biết có đeo máy nghe, cũng như Ronald Reagan. Các cố vấn của Chirac tuần này lên tiếng về vụ này: Yên chí! Nếu ngày nào ông Chirac thấy cần đeo máy

Tổng Thống Pháp Chirac

nghe, ông ta sẽ đeo như mọi người. Trong khi ai cũng biết rằng đối với tổng thống Pháp từ Georges Pompidou cho tới Mitterrand, sức khỏe không những là một bí mật, có khi còn gian dối nữa.

Tới lượt tổng thống Valéry Giscard d' Estaing, chuyện đó chấm dứt. Sức khỏe của tổng thống Pháp được công bố cho tới khi tổng thống Chirac nhậm chức từ năm 1995, từ ngày đó vấn đề không còn như trước.

Trên thế giới có hai giống người đặc biệt : người Maabans, xứ Sudan tai tốt nghe rõ cho tới khi chết già, trái lại, những người săn bắn của dân Inuit, tới 20 tuổi đã điếc vì nghe tiếng súng nổ nhiều quá!

ĐẢNG UMP CAN THIỆP VÀO VỤ PHẬT GIÁO TẠI VIỆT NAM

Về vấn đề Việt Nam có tin quan trọng như sau : BS Philippe Douste-Blazy, tổng thư ký Đảng UMP (Union pour un Mouvement Populaire, đảng cầm quyền của tổng thống Chirac) vừa lên tiếng về vụ CSVN bắt giữ một cách vô cớ các vị lãnh đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (trong số đó có các vị Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, 86 tuổi và Thích Quảng Độ, 75 tuổi.)

Trong thư đề ngày 20.11.2003 gởi đại sứ CSVN tại Paris, Tổng thư ký UMP bày tỏ nỗi quan ngại về tình trạng sức khỏe suy yếu của các vị hòa thượng và đã yêu cầu chính phủ Việt Nam cứu xét lại vấn đề này. Lời lẽ ngoại giao viết như vậy là nặng nề rồi đó. Nguồn tin thân cận UMP cho biết sở dĩ có chuyện can thiệp này là do sự vận động của BS Trần Quang Lộc, bí thư toàn quốc của UMP.

Từ hơn một tháng nay, người Việt tại Pháp và Âu Châu không ngớt tổ chức những cuộc xuống đường đòi tự do tín ngưỡng phải được tôn trọng tại Việt Nam, đòi CSVN trả tự do cho các vị lãnh đạo GHPGVNTN và các tù nhân lương tâm./.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

LTS. Bắt đầu từ số này, nhà văn Song Thao sẽ phụ trách một trang mới trên Thế Kỷ 21, Trang Chuyện Phiếm. Song Thao là một cây bút viết truyện ngắn quen thuộc của độc giả Thế Kỷ 21 từ nhiều năm qua. Ông cũng là một tác giả rất được ưa chuộng trên văn đàn hải ngoại với nhiều tập truyện đã được xuất bản.

Bây giờ nhà văn lại nảy ra ý thích viết chuyện phiếm. Theo nhà văn Võ Đình thì "chuyện" và "truyện" khác nhau. Truyện được xây dựng hư cấu với kỹ thuật riêng, còn chuyện thì là kể những gì có thật trong đời sống, thường thì có sao nói vậy. Đã thế, "chuyện phiếm" thì lại càng tự do, không cần chủ đích rõ rệt, bàn rộng về nhiều việc... chơi cho vui vậy thôi.

Nhưng dân gian thường nói, "ăn chơi" nhiều khi ngon hơn "ăn thiệt." Không tin, mời quý vị thưởng thức các món ăn chơi mà nhà văn Song Thao tình nguyện dọn mời quý vị hàng tháng trên trang này.

GÒ BỒNG ĐẢO

Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm
Một lạch đào nguyên nước chửa thông

Bà Chúa thơ nôm đã gợi lên hình ảnh một thiếu nữ ngủ ngày tượng hình như vậy. Gò bồng đảo! Nghe ra những núi những đồi. Cũng nói tới cái gò bồng đảo, nhà văn Nguyễn Văn Thà huych toẹt hơn, ông chơi ngay cái tên một tập truyện mới xuất bản của ông là *Người Thích Nhìn Vú*! Hồ Xuân Hương sống ở thế kỷ thứ 19, tập truyện của Nguyễn Văn Thà xuất bản đầu thế kỷ thứ 21. Ngót nghét hai thế kỷ người ta mới gọi tên được vật nào ra đúng vật đó chăng? Hay là vì một đằng là thơ, một đằng là truyện? Thơ thì mơ hồ hơn, truyện thì thực tế hơn. Đúng chăng? Thế thơ của Đỗ Kh. thì sao? Cũng là thơ mà cái gì gọi đúng tên cái đó, các nhà đạo đức cứ nhắm tít mắt lại mà vẫn toát mồ hôi hột.

Đàn ông có một cơ phận cũng đầy đủ tình tiết hoa văn như đàn bà. Như hệt nhau. Chỉ có mỗi cái tội nó không phồng lên. Mà nó không phồng lên thì thật vô duyên và vô dụng. Chỉ có nhìn không cũng phát chán. Cái đó người ta thoải mái gọi là vú. Cũng cái đó mà phồng lên thì gọi như vậy là khiếm nhã.

Như vậy khác nhau ở chỗ một đằng dẹp lép như cái màn hình TV *flat screen*, một đằng ngạo nghễ vươn lên như thách thức với cặp mắt của thiên hạ. Mà tại sao Con Tạo lại xoay vần cho ra nông nỗi bất công như thế? Một đằng cho chẳng thèm lấy, nhìn còn phải bĩu môi. Một đằng đắt giá như vàng như ngọc, nhìn chẳng muốn rời mắt. Con Tạo đâu phải là một nhà vẽ kiểu mẫu tùy tiện, vậy sự phồng lên là có lý do. Mà lý do sinh tồn hẳn hoi.

Đàn ông không râu bất nghì

Đàn bà không vú lấy gì nuôi con?

Phồng lên như vậy là để chứa sữa nuôi con. Đó là nhiệm vụ chính, theo ý Hóa Công, của cặp hoa sữa.

Vú để nuôi con, nghe như chuyện thần thoại! Báo chí ở thành phố Montréal nơi tôi trú ngụ đã mấy lần rộ lên vì chuyện này. Một bà vạch vú cho con bú trong một thương xá đã bị chú bảo vệ bắt đậy lại đuổi đi. Một bà khác nuôi con bằng bình sữa thiên nhiên nơi phòng đợi tòa án cũng bị phú lít mời ra ngoài. Vậy thì nhũ hoa đâu có phải

là cái bình chứa sữa! Sữa đã không kể tới thì bình chứa sữa mới đáng đồng tiền bát gạo chắc?

Đầu thập niên 60, Sinh Viên Đoàn của Đại Học Văn Khoa Sài Gòn ra đặc san Xuân Văn Khoa. Năm đó, Hồng Khắc Kim Mai có góp vào một bài thơ. Cô sinh viên mới toanh vừa từ trường tây lên Đại Học đã làm sững sờ ban biên tập với bài thơ bất ngờ đó. Đã lâu rồi, tôi không còn nhớ tên bài thơ. Chỉ còn nhớ được hai câu:

Ngực em tròn rất tròn
Nhấp nhô từng hơi thở

Và nhớ thêm được một câu có lẽ là câu kết. *Ngực để phần anh, sữa phần con.* Như vậy là phân minh rõ ràng. Mọi người vui vẻ cả. Con chỉ cần sữa, cần chi đến cái bình. Miệng anh quen uống la ve, cần chi đến sữa, chỉ cần bình. Cái bình tự nhiên phải chuyển hướng. Nó đang từ một cơ phận sinh tồn chuyển sang thành một món đồ mỹ thuật. Dáng hình trái chanh, trái cam, trái lê, trái bưởi hay trái dừa đều thuộc dạng mỹ thuật cả. Không những thế, mới đây nó còn dính dáng tới.... chính trị nữa!

Ông tài tử Arnold Schwarzenegger bỗng nhiên nổi hứng ra ứng cử chức Thống Đốc tiểu bang California. Vai u thịt bắp ra làm chính trị thật phiền. Phiền hơn nữa là ông có vẻ ăn khách, hạng nhất trong bảng thăm dò, bỏ xa hơn trăm ứng cử viên khác lếch thếch theo sau. Gần tới ngày bỏ phiếu, báo *Los Angeles Times* tung ra tin ông có những cử chỉ sàm sỡ với ít nhất sáu phụ nữ. Ông trâng tráo dùng tay thám hiểm leo đèo lặn suối suốt từ nam chí bắc! Lời tố cáo kéo theo ít nhất là bốn phụ nữ khác đứng ra tố cáo ông tài tử này đã nhám nhở với các bà. Tình hình miền bắc được ghi nhận như sau: ông đã bóp ngực trái của một cô đấu thủ bóng chuyền; rờ ngực cô phóng viên Anna Richardson, lúc đó 29 tuổi, để xem ngực thật hay giả; lột áo tắm một cô làm việc cho đoàn quay phim The Terminator 2 mà ông đóng vai chính; theo bà Tanne Smith vào tận phòng tắm của phim trường để bóp ngực!

Người say mê bình như vậy vẫn được dân chúng bầu làm Thống Đốc. Say mê mỹ thuật đâu phải là một cái tội! Có cầu như vậy mới có cung. Hình trái gì thì trái, bình phải có mỹ thuật. Không mỹ thuật phải tạo cho nó vẻ mỹ thuật.

Thời trước, người ta dùng cao su làm thành những cái nắp bình đậy thêm vào cho nó gồ ghề. Thể tích bình tăng thêm mà mắt thiên hạ chẳng biết được. Không biết nên những người thích ngắm bình mới đưa mắt hỏi nhau. Có ông NĐQ nằm vùng không? Ông tỷ phú NĐQ bị nhốt vào một cách oan uổng. Ông chỉ có cái tội là giầu quá. Giầu đến nỗi là chủ nhân ông của hầu hết đồn điền cao su ở miền Nam hồi đó!

Thời thế thay đổi, cao su mất giá. Tội gì mà cứ phải nâng nâng nắn nắn kiểm tra xem nó có tụt lên tụt xuống, cái nọ nghênh ngáo với cái kia không? Chi bằng chơi ngay một đường silicone nhét vào trong cho chắc ăn. Có một thời, một hai ba, chúng ta rủ nhau đi nhồi silicone. Các chuyên gia sửa sắc đẹp đếm bạc mỏi tay. Bình nào bình nấy cứ vênh lên kênh kiệu. Trông phát ghét!

Tia mắt của con người là một thứ dùi xoáy hết sức độc địa. Silicone cái thì bể, cái thì ọp ẹp, cái thì co rút. Bình đang phơi phới bỗng như bún gặp mưa. Thiu rữa ra. Trên TV, tôi đã thấy sự thương tâm của những chiếc bình gặp tai họa này. Trông thảm lắm! Nó không còn ra cái bình nữa. Những người có thẩm quyền vội vã ra tay. Chẳng nên gia cố bình bằng silicone nữa.

Ở xứ Canada của tôi, từ tháng giêng năm 1992, chính phủ đã ra lệnh đình chỉ dùng silicone, và các nhà sản xuất đã phải thu hồi tất cả "hàng hóa" về. Ngoài những nguy hại kể trên, nguy hại về ung thư ngực là quan trọng hơn cả. Theo thống kê thì từ năm 1974 đến năm 1999, đã có 40.000 phụ nữ ở hai tỉnh bang Quebec và Ontario dùng silicone bị dính ung thư, một con số gấp đôi những người không dùng silicone. Lệnh này ghi rõ rằng, chỉ được dùng silicone cho những trường hợp khẩn cấp nếu những chữa trị thông thường của khoa vật lý trị liệu không hiệu quả, không có sẵn hoặc không thích hợp với bệnh nhân. Lệnh cũng thiết lập ra một Ủy ban theo dõi việc điều trị. Các bác sĩ điều trị phải được phép của Ủy ban cho mỗi trường hợp cũng như phải thông báo trước cho bệnh nhân về những nguy hiểm có thể xảy ra. Cuối tháng 10 năm 2003 này, báo chí lại phải trở lại chuyện silicone vì có những lỗ hổng trong lệnh cấm mà các ngài bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ lách qua được. Các ngài bác sĩ gân cổ lên cãi làm gì có chuyện đó. Họ vẫn theo đúng luật. Nhà nước cũng cho biết họ vẫn theo đúng luật để bảo vệ cho các bệnh nhân. Ở các nước khác không biết ra sao, chứ các loại bình ở xứ Lá Phong này vẫn được bảo vệ vững chắc!

Silicone, cao su là những thứ vô tri như gỗ đá. Nó làm hỏng mất vẻ mềm mại, dịu mát của khu đồi núi địa đàng. Cái vùng quyến rũ ngà ngọc đó lúc nào cũng vương vấn những tâm hồn lãng mạn. Khi được phủ kín, nó có cái quyến rũ của vùng

đất cấm. Khi nửa kín nửa hở, nó có cái ỡm ờ mời mọc của một thứ trái ngon. Khi lồ lộ dưới ánh mặt trời, nó có cái thỏa thuê níu kéo.

Bạn tôi, ông Đức Phổ, đã mộng như thế này khi lên miền cao gặp được sơn nữ.

qua đồi chạm cánh sim rơi
có cô sơn nữ nằm phơi sơn tình
chút lòng hoang dã mong manh
treo trăm nỗi mộng trên cành chiêm bao.

Cũng bạn tôi, ông Luân Hoán, đã lạc vào vô thường khi tình cờ ghé mắt vào thiên cung.

thấy em thay áo, tình cờ
lòng khi không mọc vạt thơ phiêu bồng
không tim, không phổi bên trong
chỉ loi ngoi cái nọc lòng thanh xuân
giữa sông trăng, bỗng lừng khừng
cắm sào vọc gió nghìn trùng thổi qua
long lanh rớt giọt sương già
thanh tân địa phủ trổ hoa vô thường

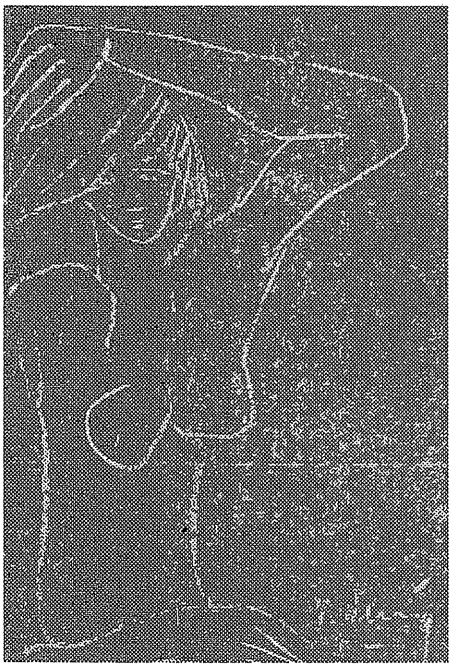

Tôi đã nhắc tới tác giả Nguyễn văn Thà và tập truyện *Người Thích Nhìn Vú*. Người chuộng "mỹ thuật" mà ông Nguyễn Văn Thà nhắc tới là một cố đạo Tây sống trên miền núi nước Việt. Từ cửa sổ phòng ông nhìn ra là một dáng núi tượng hình một người đàn bà nằm khỏa thân mà ông say mê nhìn ngắm. Rõ nét nhất của dáng tượng này là đôi gò bồng đảo. Lẩn trong hang núi là những thạch nhũ mang hình những chiếc vú nhỏ nước xuống. Ông cố đạo Tây thường vào trong đám thạch nhũ này, "tịnh thất" của ông, và trong một lần đi ông đã không trở về. Ông bị giết trong một cuộc chạm súng.

Đọc xong truyện mới thấy ông tác giả này... ăn gian. Ông xài vú... giả!

11/2003

HỎA NGỤC

Một ông vừa tắt thở được dẫn đi coi Thiên Đàng Địa Ngục để lựa chọn. Tới cửa Thiên Đàng, nhìn vào, ông thấy một cảnh tượng êm ả với các vị thánh chắp tay cầu nguyện. Ông nghĩ trong đầu: sống như vậy thì nản chết! Ông tỏ ý muốn coi địa ngục. Cũng đứng ở ngoài nhìn vào, ông thấy một cảnh tượng vui nhộn. Hồn thì đang nhậu, hồn thì đang coi vũ sexy, hồn thì đang hát karaoké. Vui quá là vui. Ông không cần phải suy nghĩ lâu. Chọn ngay địa ngục. Họ đưa ông vào nơi ông chọn. Cảnh tượng khác hẳn cảnh địa ngục ông đã coi lúc trước. Toàn những lò lửa, vạc dầu sôi, ác quỉ đang tra tấn, hành hạ... Nó lôi ông vào hành tội. Ông lạ lùng quá hét lên:

" Sao hồi nãy tôi thấy địa ngục khác chứ , đâu có giống như thế này!"

Quỷ dữ ồ ề nạt:

" Mày không biết là du khách khác với di dân à?"

Đó là một chuyện tếu, nghe qua rồi bỏ. Nhảm nhí! Đúng là nhảm nhí! Thiên Đàng hay Địa Ngục, đó là nơi phải tới chứ không có quyền chọn lựa. Quyền đâu mà nhung nhăng muốn đi đâu thì đi như vậy.

Bắt Địa Ngục phải Địa Ngục
Cho Thiên Cung mới được phần Thiên Cung.

Chẳng ai biết Thiên Đàng, cũng chẳng ai thấy Địa Ngục. Phải tin là có thôi. Mà tin lại thuộc phạm trù siêu nhiên, đòi chi được kiểm chứng!

Tôi có một ám ảnh với địa ngục. Hồi nhỏ, theo những lớp học bổn (ngày nay gọi là lớp Giáo Lý) tôi được các cha, các thầy vẽ ra cho thấy một cảnh địa ngục dễ sợ lắm. Tai nghe mà người run lên bần bật. Lại được cho coi những tấm tranh vẽ cảnh địa ngục với đủ các cực hình, còn dễ sợ hơn nữa. Riết rồi nhập tâm. Nhưng cái điều làm tôi kinh hoàng hơn cả là chữ "đời đời". Nếu có tội nặng thì phải sa hỏa ngục đời đời! Về nhà, buổi tối, nằm trên giường, tôi nhìn chăm chăm vào mặt đồng hồ. Chiếc kim chỉ giây uể oải nhấc mình lê đi từng chút. Phải sáu chục bước lê âm thầm như vậy mới được một phút. Sáu chục phút mới được một giờ. Rồi một ngày, một tuần, một tháng, một năm... Trong trí óc trẻ thơ của tôi, một năm đã là lâu lắm rồi. Tết đã lâu mà sao mãi chưa

thấy tết trở lại? Vậy mà "đời đời". Ý niệm thời gian làm tôi sợ toát mồ hôi. Mình sống dựa vào thời gian mà bây giờ thời gian sụp đổ, khủng khiếp quá! Ở trong một nơi chốn nóng nẩy cực hình như vậy trong thời gian không cơ thời gian! Tôi run lên. Nỗi sợ nằm trong đầu tôi không rời. Nó trở thành một nỗi ám ảnh, một vết đen của tuổi thơ.

Bây giờ người ta chắc không thể dậy trẻ em như vậy nữa. Dọa dẫm trẻ em những điều đứng tim như vậy chắc không còn hợp thời. Lối giáo dục ngày nay dựa vào việc dẫn dắt, khơi dậy óc phán đoán, suy xét, khuyến khích làm nẩy nở cái tâm thiện của trẻ em đối với những sự việc xảy ra chung quanh.

Nhân chi sơ tính bản thiện. Khổng Tử đã ngôn như vậy. Con người có mầm thánh cũng như mầm quỷ trong người. Lấy cái ác xử với đời thì khác, lấy cái thiện đãi cho đời lại khác. Ai thánh thiện bằng Chúa, bằng Phật, những thánh nhân vẫn được xưng tụng là "từ bi hỉ xả," là "lòng lành vô cùng." Vậy địa ngục có thể là sản phẩm của những siêu nhân như vậy không?

Ông bạn tôi, cốt nhà giáo, xử sự bao giờ cũng đúng mức với đời, với người. Đạo hạnh cũng vào loại tầm cỡ. Đi chùa đều đều, lại còn góp công góp của xây chùa, hăng hái hoạt động trong các ban Trị sự Chùa... Một bữa, thấy ông độ này coi bộ ít lui tới chùa chiền, tôi có ý dò hỏi. Bạn tôi mặt đanh lại. Độ này tôi nghiền ngẫm kinh Phật, ông ạ! Cũng được 5 năm nay rồi. Tôi nghĩ là tôi đã thấy ra một điều, như vén được bức màn hình tướng, mê chấp sang một bên để nhìn cho rõ chân lý hơn. Cái tôi nhìn thấy là Niết Bàn và Âm Ty không ở đâu xa, nó ở ngay đời này, do chính chúng ta tạo nên. Mình làm lành lánh dữ, lương tâm yên ổn, không có điều chi ân hận, vui với mọi người quanh mình, đó là mình đang hưởng phúc Niết bàn rồi đó. Mình gian dối lươn lẹo, tàn ác, xấu xa với người chung quanh, lòng lúc nào cũng như lửa đốt những thù hận oán cừu, đích thị là mình đang ở âm ty địa ngục rồi chứ còn gì nữa. Nói xong ông bạn tôi cười hề hề sảng khoái, mặt mày thảnh thơi, mắt sáng tươi vui.

Địa ngục trước mắt tôi nằm trên trang nhất tờ

The Gazette số ngày 15 tháng 10 năm 2003, tờ báo Anh Ngữ duy nhất ở Montréal của tôi. Một bức hình lớn chiếm gần nửa trang báo khổ nhật trình bầy ra cảnh lửa bừng bừng đỏ, xe bị lật đốt cháy nằm ngả ra dọc theo đường phố, cửa hàng bị đập phá ngổn ngang, những thanh niên thanh nữ quần áo tua tủa những đinh, những móc, đậm đặc những vòng lớn vòng nhỏ ở tai, mũi, môi, lông mày, tay gậy tay búa, mặt mũi hầm hầm sát khí như ngạ quỷ đang muốn ăn tươi nuốt sống người khác. Cảnh tượng đổ nát của một cuộc chiến chăng? Không, cảnh này xẩy ra ngay ở trung tâm thành phố Montréal vào đêm thứ bảy ngày 14 tháng 10 trước đó. 42 chiếc xe hơi đậu dọc theo lề đường bị phá hủy trong đó có tám chiếc bị cháy rụi hoàn toàn, nhiều cửa tiệm bị đập phá, hàng hóa, máy móc bị dập nát hoặc bị lấy cắp đi

mất. Cớ sự sao mà bỗng nhiên khu phố đô hội êm ả bỗng đất bằng dậy sóng? Chuyện có gì đâu! Bar ca nhạc Medley đêm đó có chương trình nhạc *punk rock* do hai ban nhạc Hoa Kỳ *The Exploited* và *Total Chaos* (cái tên định mệnh!) trình diễn. Rủi một cái là không hiểu vì cớn cớ gì mà hai ban nhạc bị chặn lại ở biên giới Mỹ-Canada. Cuộc trình diễn bị hủy bỏ. Ban Điều Hành Bar Medley vừa loan tin và xin lỗi là đám trẻ giận dữ phá phách.

Phá phách hình như là dấu chỉ của tuổi trẻ ngày nay. Đội *hockey* thắng cúp Stanley, phá phách. Đội banh tròn thua một trận, phá phách. Một ca sĩ ngôi sao xuất hiện, phá phách. Tuổi trẻ nóng rừng rực. Cái nóng tạo nên địa ngục!

Chẳng phải chỉ vì cái nóng. Nhiều khi địa ngục được tạo nên một cách vô cớ. Như tên bắn sẻ ở vùng Maryland và Washington DC năm trước đang được đưa ra tòa xét xử. Cứ khơi khơi nhắm vào người ta mà bắn như bắn chim bắn vịt. Già trẻ, lớn bé, trai gái, đen trắng. Đụng ai người nấy chịu. Chẳng cần phải thù hằn. Cứ mỗi ngày tỉa một hai người. Trong suốt thời gian tên bắn sẻ này hoành hành dân chúng trong vùng đã thực sự sống trong địa ngục của sự sợ hãi. Viên đạn không có mắt, tên xạ thủ không có tim, không có ngay cả đến sự thù hận, cứ thản nhiên nhắm và bấm cò ghim đạn vào một con người ngoài đường phố, bất cứ một con người nào. Đó là một thứ địa ngục bơ vơ!

Địa ngục của chiến tranh, địa ngục của phá hoại, địa ngục của khủng bố. Những địa ngục bị nguyền rủa nhưng vẫn cứ tồn tại từ thời nọ qua thời kia, từ nơi này đến nơi khác, dựa vào nguyên cớ này nguyên cớ kia con người vẫn xô nhau vào địa ngục.

Rồi những địa ngục trần gian như những trại cải tạo trong các nước cộng sản, những nhà tù trong các chế độ độc tài sao vẫn còn ngày ngày lấy trò đầy đọa người khác làm vui?

Sống phải chăng là tạo nên địa ngục cho người khác? Chín tầng địa ngục phải chăng là để chỉ những cấp độ địa ngục của con người? Từ chiến tranh thế giới, chiến tranh Vùng, chiến tranh trong lòng mỗi quốc gia đến những trại cải tạo, những nhà tù, đến những khủng bố, sát hại, phá phách. Và tầng nào là địa ngục trong mỗi chúng ta?

Nhân vô thập toàn. Cổ nhân đã dậy như vậy. Người nào tự thân cũng có những khuyết điểm. Nhưng nhìn ra được khuyết điểm của mình chẳng phải là chuyện dễ. Nó đòi hỏi cái can đảm của một... anh hùng! Rõ ràng chân mình lấm lem đầy bùn đất mà cứ đốt đuốc đi soi chân người khác. Túi khôn của dân gian đã dè bỉu bằng câu: thờn bơn méo miệng chê trai lệch mồm! Trai thì có thể biết (ở trên bàn trong các tiệm ăn chứ đâu xa!) nhưng thờn bơn là cái chi chi? Dân thành phố ngày nay coi bộ chẳng cần biết. Vậy thì ấn bản thành thị của câu trên được cải biên như sau cho dễ "nắm":

Một chú voi gặp một chị lạc đà trong sa mạc. Đôi mắt ti hí của voi nhìn chị lạc đà một cách giễu cợt

"Này, chị kia, tôi thấy trên thế gian này chẳng có giống nào dị hợm như nhà chị. Sao chị lại để cặp vú trên lưng vậy?"

Chị lạc đà háy đến sái con mắt, chanh chua.

"Này cái anh voi kia! Ai chê tôi cũng được nhưng cái thứ để 'của quý' dính trên mặt như anh thì câm miệng lại!"

Cái tôi là cái đáng ghét (chán mớ đời, cứ phải nhắc đi nhắc lại cái câu... đáng ghét này!", nhưng nhiều người luôn luôn chỉ biết tới cái tôi. Tôi là nhất. Cái gì dính vào tôi đều là thứ thượng hảo hạng. Từ cái khệnh khạng khập khiễng này, họ coi người khác không ra gì. Rác rưởi tất cả. Tôi đã nhất thì mọi người chung quanh chỉ có thể từ thứ nhì trở xuống. Chúng là cái thá gì! Cứ việc chê bai, chỉ trích. Thậm chí khi cái tôi được nung nóng lên hôi hổi thì xỉ vả, chửi mắng người khác là chuyện họ dễ dàng làm. Lửa từ trong câu nói văng tứ tung thành những hỏa ngục. Nóng rát mặt.

Hỏa ngục lại có khi từ những cử chỉ coi người khác như không có. Một bữa, tôi đậu xe ngoài đường phố để vào làm. Tôi vừa đậu xong thì có một xe khác xê vào đậu phía sau, cách xe tôi cả thước, choáng một khoảng cách có thể để một chiếc xe khác đậu được. Tôi xuống xe lịch sự nói với người lái xe nên đậu xích lên sát xe tôi để dành chỗ cho người khác. Anh lái xe cũng bước ra khỏi xe, vênh mặt hỏi tôi.

"Anh đậu xong chưa?"

"Xong rồi!"

"Vậy thì việc gì đến anh nữa?"

Nhìn thấy vẻ to con của người đối thoại, tôi thấy chẳng nên có ý kiến gì thêm nữa!

Nhan nhản chung quanh chúng ta có biết bao nhiêu cái hỏa ngục mini lưu động như vậy.

Hỏa ngục là những người khác. Ông tổ Hiện Sinh Jean Paul Sartre đã phán như vậy. Có cần phải thêm: hỏa ngục còn ở trong mỗi chúng ta nữa hay không?

10/2003

LÁ THƯ **BERMUDA**

HÀ KỲ LAM

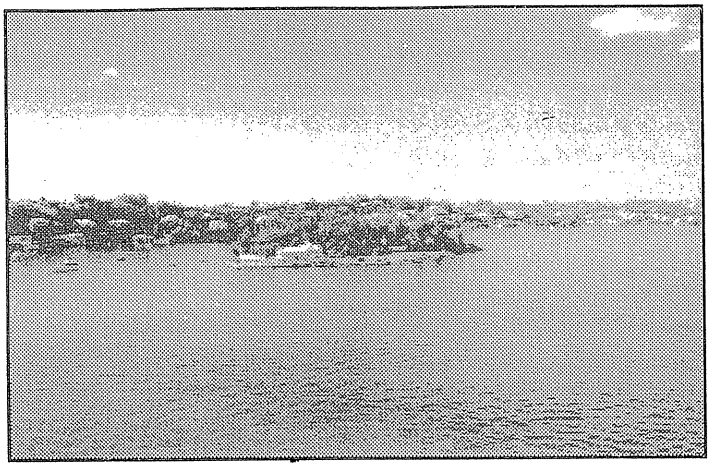

Sóng nước Bermuda

Tháng 8 năm 2003

Bạn thân mến,

Thư này tôi lại sắp kể cho bạn về một nơi xa xôi khác, hải đảo Bermuda. Tôi vừa từ đó trở về, sau một tuần nghỉ "xả hơi". Bermuda, cái tên thì không xa lạ với tôi, cũng như với không ít người khác, dĩ nhiên trong đó có bạn nữa, như bạn đã từng nói, vì nó nằm trong trí tưởng mình từ thuở nhỏ qua những gì đã được đọc về Vùng Tam Giác Quỷ. Nhưng hy vọng những chuyện tôi sắp kể về vùng đảo đó chắc không đến nỗi nhàm chán như chuyện cũ tích xưa.

Như thường lệ, trước hết xin khái quát về "nơi chốn" rồi sau đó mới đến "nguồn cơn, tự sự."

Đảo này nằm trong phần tây của vùng biển bắc Đại Tây Dương, cách bờ đông nước Mỹ ở điểm gần nhất (mũi Hatteras, tiểu bang North Carolina) 570 dặm (918 cây số). Về hướng tây nam của Bermuda thì quần đảo Bahamas thuộc vùng biển Caribbé là đảo kế cận gần nhất (khoảng 700 dặm, hay 1100 cây số). Ngoài hai điểm kể trên, ở các hướng khác của Bermuda có thể nói trong vòng bán kính mấy nghìn dặm không có đất liền. Tuy không nằm trong vùng biển kín Caribbé, nhưng có lẽ vì Bermuda nằm lẻ loi một mình "ngoài rìa" vùng biển đó nên các nhà biên soạn tài liệu và bản đồ du lịch có khuynh hướng giản lược nó vào chung vùng đảo Caribbé, một điều gây bất mãn cho người dân Bermuda không ít, vì họ tự hào về đảo của họ, không muốn đồng hóa với vùng Caribbé, nhất là vùng Bahamas xô bồ, xáo trộn với vô vàn vấn đề từ kinh tế, xã hội, môi sinh, đến dị đồng chủng tộc. Một người Bermuda đã nói, "*nếu quí vị không kể Washington, D.C. là một phần của Dallas, tiểu bang Texas, thì giữa Bermuda và vùng Caribbé khoảng cách cũng như vậy.*"

Người Tây Ban Nha khám phá ra Bermuda hồi đầu thế kỷ thứ 16 (khoảng 1505 hay 1506, do nhà hàng hải Juan de Bermudez) nhưng người Anh lại là người chiếm lĩnh đảo làm thuộc địa từ năm 1612. Từ khi Hồng Kông được trả lại cho Trung Hoa năm 1997, Bermuda trở thành thuộc địa lớn nhất của Anh trên thế giới.

Trong toàn vùng Caribbé và trung Đại Tây Dương, Bermuda là nơi nghỉ mát lý tưởng đối với hầu hết người Mỹ. Ngoài khí hậu tốt, phong cảnh đẹp, Bermuda còn có nhiều cái "nhất" trong thiên hạ: một xứ không ô nhiễm, không có những tấm bảng quảng cáo che kín trời xanh, không có nạn vẽ bậy, không ai xả rác, không ai thất nghiệp, không ai mù chữ, không ai dùng ma túy, không có bãi biển cho người khỏa thân, cho phụ nữ để vú trần. Đó là một Bermuda muôn đời trong cái thế giới không ngừng đổi thay đến chóng mặt ngày nay.

Ngoài ba đảo lớn là Saint George, Hamilton, và Somerset, quần đảo Bermuda còn có nhiều đảo nhỏ, trong đó có một số đảo không có người ở. Tổng cộng, lớn nhỏ, Bermuda có 365 đảo! Dân

số Bermuda khoảng 70,000, trong đó dân da trắng chiếm khoảng 40% (đa số dòng dõi dân Anh) và phần còn lại là dân da đen.

Đó là khái quát về Bermuda. Sau đây xin đi vào một số đặc điểm của nhóm đảo lẻ loi nhất trên Đại Tây Dương.

Câu chuyện về ba cư dân đầu tiên của hoang đảo Bermuda

Khi người Tây Ban Nha khám phá ra Bermuda vào đầu thế kỷ 16, nơi đây là một vùng đảo hoang chỉ có chim chóc ngự trị; và sau này, khai quật xương động vật trên đảo người ta còn khám phá ra rằng xương các loài có vú chỉ có từ khi người Tây Ban Nha đặt chân lên đảo. Con người bắt đầu vãng lai Bermuda từ cái mốc thời gian đó. Nhưng có ba chàng thủy thủ Anh mà danh tính đã gắn liền với lịch sử giải đất này với tư cách những cư dân đầu tiên. Đó là: Edward Chard, Christopher Carter, và Robert Waters. Họ là thủy thủ trên một chiếc tàu Anh, chiếc Sea Venture trọng tải 300 tấn, bị bão đánh giạt vào Bermuda tháng 6 năm 1609. Câu chuyện về họ khá dài dòng, chỉ xin tóm lược như sau.

Ngày 2 tháng 6 năm 1609 đoàn tàu chín chiếc do chiếc soái hạm Sea Venture dẫn đầu khởi hành từ hải cảng Plymouth bên Anh để mang tiếp phẩm, nhân viên, và vị Tân Thống Đốc cho thuộc địa Virginia ở Bắc Mỹ. Sau hơn ba tuần lênh đênh trên biển, chỉ còn khoảng bảy ngày hải hành nữa là đoàn tàu sẽ cập hải cảng Jamestown, Virginia, thì bão biển nổi lên, chiếc soái hạm Sea Venture bị hư hại nặng, nước rỉ vào. Tàu bị giạt vào Bermuda, mắc kẹt giữa các ghềnh đá, nhưng thủy thủ đoàn đổ bộ lên đảo được. Các tàu con lạc mẹ nhưng cuối cùng đến Virginia an toàn. Thủy thủ đoàn của chiếc Sea Venture, trong đó có Đô Đốc Sir George Somers và vị Thống Đốc tương lai của Virginia, Sir Thomas Gates ở lại Bermuda, một hoang đảo không có người, chín tháng trời để đóng cho xong hai chiếc tàu khác hầu tiếp tục cuộc hành trình tới Virginia. Chính trong thời gian này, vì làm việc gian khổ, một số thủy thủ đã âm mưu nổi loạn để tự giải phóng. Ba chàng thủy thủ nêu trên có dính líu trong nhiều vụ âm mưu nổi loạn nên đã trốn vào rừng, trong khi nhiều người khác hưởng ứng lệnh khoan hồng đã tiếp tục theo tàu đến Virginia. Nhưng câu chuyện của "ba chàng ngự lâm pháo thủ" này còn được kể tiếp rằng từ khi một người trong bọn, Edward Chard, tình cờ khám phá ra báu vật, một mớ dịch vị trong bao tử của cá voi do sóng đẩy vào bờ, một chất dẻo như sáp nổi trên mặt nước, rất quí trong kỹ nghệ chế nước hoa thời bấy giờ, thì cái tình cảm gắn bó giữa ba con người trên hoang đảo cũng chấm dứt. Mớ báu vật đó, được gọi là long diên hương (nước miếng rồng) cân nặng khoảng 80 pounds – mà mỗi ounce trị giá đến 300 bảng Anh - được cả ba mang đi giấu một nơi kín trên đảo. Họ bắt đầu nghi ngờ nhau, thủ thế với nhau. Và, trong khi cả ba đang nỗ lực đóng tàu để cùng nhau chở mớ báu vật sang bán bên Virginia hay Nova Scotia thì Christopher Carter phản bội, mật báo âm mưu đó với vị Thống Đốc đầu tiên đảo Bermuda vừa tới nhậm chức, Richard Moore. Báu vật bị tịch thu, Edward Chard bị tù, Waters bị trừng phạt nhẹ hơn. Cuối cùng, sau khi thống đốc Moore đi khỏi Bermuda, Edward Chard được tha. Chard và Waters sau này di cư sang sinh sống ở Virginia, còn Carter ở lại Bermuda cho đến hết đời, vì được ban thưởng đất đai trên đảo do "công lao" điềm chỉ nước bọt cá voi!

Những mái nhà ở Bermuda

Từ trên lan can tàu vừa cặp bờ, du khách có thể thấy cả một tập hợp những mái nhà trắng toát dưới ánh nắng ban mai chói chang. Bạn không tìm thấy một mái nhà với màu nào khác, tuyệt đối không! Đổ bộ, lang thang qua các ngõ ngách, các góc phố đó đây, có dịp ngắm nhìn những mái nhà trắng đó gần hơn, bạn khám phá ra vài điều nữa. Màu trắng trên mái nhà là do vôi trắng, không phải một loại sơn trắng, và mái nhà nào cũng gồm nhiều đường viền nổi chạy song song với các cạnh của mái nhà; ta tạm hình dung đó là những hình tứ giác đồng tâm, nhỏ dần lên phía đỉnh mái nhà. Công dụng – không phải kiểu cách – của những đường nổi đó là dẫn nước mưa về một mối, chảy vào một nơi chứa nước đào sâu dưới hầm nhà. Vì nước ngọt hiếm quí ở Bermuda nên người ta đã phải nghĩ cách thu giữ nước mưa. Tôi nghĩ rằng hải đảo thì thường đi liền với nạn khan hiếm nước ngọt, nhưng có lẽ Bermuda là nơi đầu tiên có một phương pháp giải quyết nạn thiếu nước độc đáo hơn các đảo khác. Được biết ở Bermuda muốn được cấp giấy phép xây cất nhà cửa, một trong các điều lệ phải thỏa mãn là đào hầm chứa nước dưới nhà.

Về màu trắng của những mái nhà thì tôi chưa rõ có luật lệ, qui định nào của địa phương hay không. Nhưng theo vài người dân ở đây thì vôi trắng tinh khiết hơn các loại sơn, không làm ô nhiễm nước mưa hứng được, và lớp vôi phủ trên mái còn có tác dụng bảo vệ mái nhà.

Những bãi biển hồng ở Bermuda

Đó thực sự là những bãi biển hồng, tôi không nói ngoa đâu. Và tôi chưa từng thấy như thế ở một nơi nào khác mình đã đặt chân đến. Vục một nắm cát trong lòng bàn tay, bạn thấy những tinh thể màu đỏ lẫn lộn với những hạt cát trắng. Cái tổng hợp vi ti trắng đỏ trên một bề mặt mênh mông đã cho thị giác một màu hồng mịn màng khá đẹp. Một đặc điểm nữa, những hạt cát của Bermuda rất êm ái dưới bàn chân; được biết cát ở đây được tạo thành từ san hô vỡ vụn, trong khi ở các nơi khác trên thế giới cát chứa nhiều tinh thể thủy tinh hơn nên rắn và nhọn, dễ làm đau chân.

Chiếc cầu quay ngắn nhất thế giới

Chiếc cầu này có tên là cầu Somerset, nối liền đảo chính Bermuda với đảo Somerset nhỏ hơn. Cầu được xây hồi đầu thế kỷ 17, đủ rộng cho hai chiếc xe. Cầu được nối liền nhau ở chính giữa bằng một mảng gỗ có thể kéo dựng lên và hạ xuống được. Công dụng của mảng gỗ này là để kéo lên, tạo một khe hở rộng 22 phân Anh (inches) cho cột buồm một chiếc tàu đi qua. Điều phiền toái độc nhất cho một vị thuyền trưởng thời xưa khi phải đi qua cầu này là ông ta phải dừng tàu lại, chờ một khách bộ hành tốt bụng đi qua cầu, nhờ đương sự kéo hộ mảnh ván cầu lên đặng chiếc cột buồm mới chui qua lọt! Ngày nay chiếc cầu quay ngắn nhất thế giới này vẫn đóng một vai trò cần thiết trong hệ thống lưu thông trên quần đảo Bermuda, nhưng chắc khoảng hở giữa cầu cho cột buồm bây giờ đã được khóa cố định vì không còn công dụng nữa.

Những chiếc quần short Bermuda

Tôi dám chắc bạn sẽ lấy làm lạ mắt khi trông thấy những "đấng trượng phu" ở Bermuda mỗi sáng chỉnh tề với sơ-mi, áo vét, cà vạt nhưng mặc quần short đến trên đầu gối vài phân, lái xe hơi, cưỡi xe gắn máy hay xe đạp đến văn phòng làm việc. Ở đây, phục sức như vậy được chấp nhận trong các dịp long trọng như đám cưới, đám ma v.v.... Truy nguyên nguồn gốc của chiếc quần Short ở Bermuda, người ta được biết lai lịch nó từ quân đội Anh đồn trú bên Ấn Độ thời xa xưa. Vì thời tiết bên Ấn Độ nóng bức, nên người lính Anh bên đó được cấp phát quân phục có ống quần ngắn cho thoáng mát. Và chiếc quần ngắn đó đã theo những đơn vị lính Anh sang tận Bermuda. Nhưng ở đây nó biến thể, được cắt ngắn hơn, trên đầu gối hai phân Anh. Và nó được chấp nhận rộng rãi ở Bermuda.

Không công hầu khanh tướng, còn sống đã được tạc tượng

Một bạo chúa, một nhà độc tài, lúc sinh thời đã bắt người ta tạc tượng mình, bắt người ta suy tôn, là chuyện thường tình tự nghìn xưa tới giờ. Nhưng một kẻ cùng đinh, không có quyền lực gì

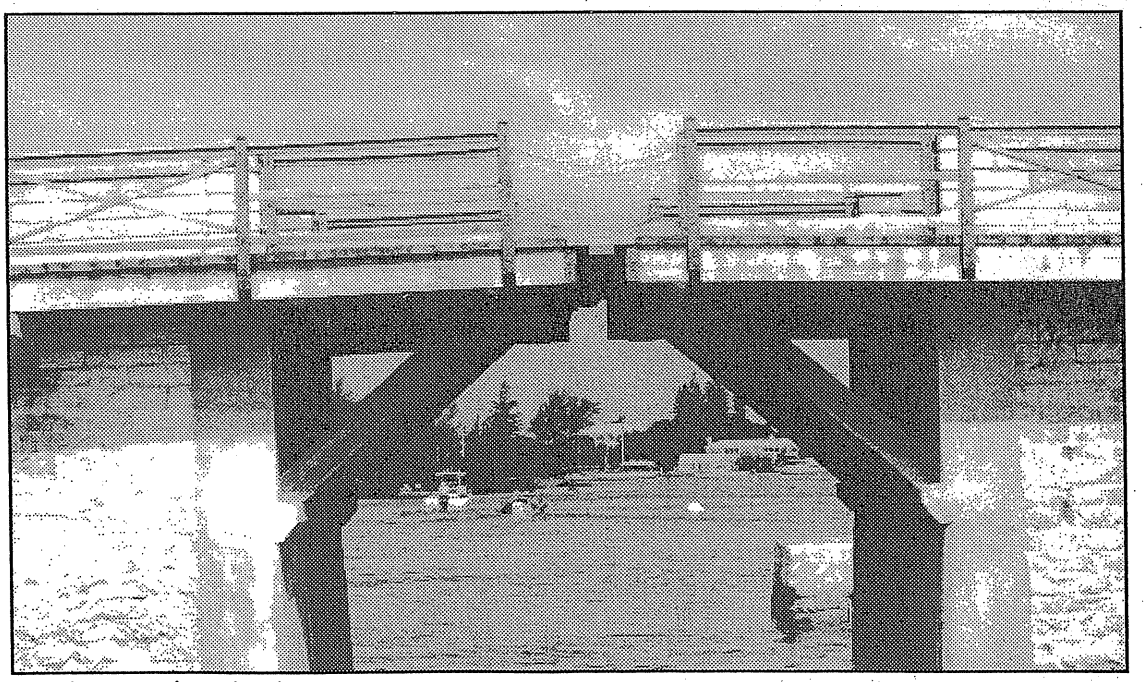

Cây cầu quay ngắn nhất thế giới (chỉ mở được 22")

Đây là pho tượng

Và đây là người được tạc tượng

ráo trọi, hiện đang còn hít thở khí trời phây phây mà lại đã được xã hội đúc tượng, dựng tại một nơi công cộng cho người người "chiêm ngưỡng" mới là chuyện đáng nói. Tôi đã gặp trường hợp khó tin mà có thật đó trên đảo Bermuda!

Người tài xế taxi đề nghị một cách nhiệt tình rằng chúng tôi nên đến gặp con người kỳ lạ nhất đảo này. Anh ta xem đồng hồ, rồi cử chỉ tỏ ra vội vàng, anh bảo, "chỉ còn 20 phút, đến 10 giờ là hắn ta biến mất." Trên đường đi, chúng tôi được "thuyết trình" vắn tắt như sau: đó là một ông lão da đen tên Johnny Barnes, khoảng 80 nhưng còn tráng kiện. Mỗi ngày, bất kể mưa hay nắng, từ 5 giờ sáng ông đã đứng trên lề đường giữa một bùng binh cố định, giang hai tay trong dáng điệu cứu rỗi về mỗi chiếc xe chạy qua và miệng la "I love you. God bless you." Đúng 10 giờ sáng thì ông mang túi hành trang lên vai rời "nhiệm sở" về nơi ông ở. Nghe nói hồi còn trẻ ông từng là tài xế xe buýt. Ông kiên trì làm cái công việc lạ lùng ấy tại bùng binh này đã hai mươi năm nay, và tuyệt nhiên không ngửa tay xin ai một đồng xu. Ai cho thì nhận. Những người lái xe buýt ngang qua đây hay biếu tiền cho ông ta.

Chiếc taxi đỗ bên vệ đường, chúng tôi nhìn sang cù lao trồng cỏ giữa một bùng binh, và thấy ông già Johnny Barnes đang đứng dang đôi tay về phía này, phía kia theo mỗi chiếc xe đến từ mỗi hướng khác nhau, và âm vang "I love you. God bless you" nghe rõ mồn một trong không gian huyên náo tiếng động cơ. Chúng tôi băng qua đường, tiến đến bên ông. Người tài xế nói rằng chúng tôi là du khách từ Mỹ đến, và chiều nay tàu chúng tôi sẽ rời bến về lại Mỹ. Ông Johnny Barnes liền bảo mọi người nắm tay nhau thành một vòng tròn, có cả ông nữa, để cho ông đọc kinh cầu nguyện cho mọi người về nhà bình an. Sau đó chúng tôi chụp một số ảnh ghi lại chuyến gặp gỡ kỳ thú này. Ông rút từ trong túi xách tay máng trên một cây trụ một xấp bưu thiếp có hình ông đứng cạnh bức tượng của chính ông và tặng chúng tôi mỗi người một tấm. Nhìn kỹ, tôi thấy đây là loại bưu thiếp bán trong các tiệm. Đằng sau tấm cạt, chỗ khung dành cho người gửi ông Johnny Barnes đã viết sẵn mấy dòng,

"Johnny Barnes
I love you
God bless you"

Ở cuối tấm cạt, tận bên trái, một dòng chữ in nhỏ, của người sản xuất: "Johnny Barnes at Crown Lane roundabout" (Johnny Barnes tại bùng binh Crow Lane).

Rồi chúng tôi lên xe, chạy một quãng không xa đến một công viên nhỏ, nơi đặt tượng của ông Johnny Barnes. Tượng bằng đồng đen, kích thước bằng người thật. Tôi có khuynh hướng nghĩ rằng người ta đã làm tượng theo đúng chính xác tầm thước của ông Johnny Barnes. Phải kể đây là một công trình nghệ thuật. Tượng giống "đối tượng" từ những nếp nhăn phần trên sống mũi, giữa hai hàng lông mày đến cái miệng cười, đến đôi mắt, và đến tư thế trờ người về phía trước dang hai tay (bao giờ chân trái cũng bước tới trước). Quanh chân tượng, một chiếc bệ hình tròn, chỉ khắc dòng chữ "Spirit of Bermuda" (Tinh Thần Bermuda). Có lẽ đây là thông điệp của hải đảo Bermuda gửi cho thế giới. Và đó là tất cả những gì tôi ghi nhận về một nhân vật khá lạ lùng trên đảo Bermuda.

Tam Giác Quỷ Bermuda

Đã kể về Bermuda mà không đề cập đến Tam Giác Quỷ thì chắc chắn bạn sẽ thấy như còn thiếu một chút gì, vì từ lâu rồi nó là một thành phần bất khả phân ly trong những chuyện về vùng đảo đó. Nhưng ngày nay Tam Giác Quỷ chỉ còn là dư âm của một thời quá vãng xa xôi. Do đâu mà những câu chuyện đầy bí ẩn được kể lại từ giữa thế kỷ 19 đến nay đã làm cho vùng biển mà ranh giới được xác định một cách mơ hồ giữa bờ biển đông nam Hoa Kỳ, Bermuda và quần đảo Antilles trở thành tam giác tử thần, người dân Bermuda cũng không biết gì hơn.

Thế nhưng sử sách hàng hải thế giới còn lưu những sự việc bí ẩn đó, tuy việc điều tra, khảo sát, chứng minh lại là chuyện khác. Trên 50 tàu bè và 20 máy bay đã mất tích trong vùng biển đó. Tuy ranh giới thực sự của vùng biển mệnh danh là Tam Giác Quỷ chưa hề được thống nhất, người ta vẫn tạm xác định vùng đó là mặt biển rộng gần hai triệu rưỡi cây số vuông nằm giữa Bermuda, Puerto Rico, và bờ biển đông nam Hoa Kỳ. Trong bao nhiêu điều bí hiểm về Tam Giác Quỷ được truyền tụng tới ngày nay, tôi xin trích ra đây ba câu chuyện được cho là phổ thông nhất.

- Năm 1881 chiếc tàu Ellen Austin của Anh tìm thấy một con tàu còn tốt, không người, trôi vô định trên biển. Thuyền trưởng ra lệnh cho một nhóm thủy thủ bước sang con tàu đó và điều khiển nó chạy về Newfoundland. Vài ngày sau, chiếc tàu "ma" đó lại xuất hiện vật vờ trên biển, và thủy thủ đoàn trên tàu Ellen Austin rất đỗi kinh ngạc: con tàu lại không có người, nhóm thủy thủ tàu Ellen Austin phái sang cũng biến mất!

- Tháng 2 năm 1963, chiếc thương thuyền Marine Sulphur Queen thình lình mất tích. Nhổ neo từ Bermuda thì trời đẹp, biển êm, mọi thứ trên tàu hoàn hảo. Tàu không phát một tín hiệu cấp cứu nào cả. Bí mật vẫn bao trùm quanh vụ mất tích của chiếc thương thuyền đó.

- Câu chuyện được nói đến nhiều nhất vẫn là vụ mất tích của một phi đội chiến đấu của Hải Quân Mỹ năm 1945. Ngày 5-12-1945 năm chiếc phóng pháo cơ của Hải Quân cất cánh từ căn cứ Fort Lauderdale ở Florida, trong một phi vụ tuần tiễu thường lệ. Thời tiết tốt. Bay được một lát, phi tuần trưởng gọi máy báo cho biết mình bị mất phương hướng, rồi sau đó im bặt. Mọi cố gắng tái lập liên lạc với máy bay đều hoài công. Căn cứ phái một chiếc máy bay đi tìm, nhưng chiếc này cũng mất tích luôn. Hải quân đã thực hiện một cuộc tìm kiếm năm ngày liền, nhưng vẫn không tìm thấy dấu vết gì ráo. Cho đến ngày nay, vụ mất tích một phi đội chiến đấu và một máy bay cứu nạn vẫn là một sự việc huyền bí, thăm thẳm như lòng đại dương trong Tam Giác Quỷ.

Cho đến nay, bao nhiêu câu chuyện ly kỳ người ta truyền tụng về Tam Giác Quỷ Bermuda vẫn chưa được giải thích thỏa đáng. Những đầu óc hoài nghi thì phủ bác hết, cho là những chuyện hoang tưởng. Những người tin các câu chuyện đó thì lý giải sự việc theo nhiều lối khác nhau. Có giả thuyết cho rằng vùng biển đó ngày xưa là vương quốc Atlantis bị chôn vùi, và máy móc, điện đài của nền văn minh khoa học đó vẫn còn hoạt động bên dưới đáy biển, gây nên những tai nạn cho tàu bè đi ngang qua. Một giả thuyết khác cho rằng trong lòng địa cầu dưới đáy biển đó có một từ lực làm tê liệt dụng cụ của tàu bè và phi cơ đi ngang qua vùng. Lại có một số người tin rằng vùng Tam Giác Bermuda là nơi người của hành tinh khác chọn để giăng bẫy bắt người địa cầu về khảo sát, nghiên cứu.

Bạn thân mến, hy vọng Tam Giác Quỷ Bermuda với những chuyện huyền bí, kèm theo những điều lý giải vừa kể đã đem đến cho tâm hồn vốn lãng mạn từ nhỏ của bạn những phút giây kỳ thú của những truyện phiêu lưu kể bên bếp lửa hồng những đêm đông thời trung cổ.

Đó là một Bermuda như tôi đã thấy, và chắc chắn Bermuda không phải chỉ có thế. Ước mong "Lá Thu Bermuda" sẽ khơi hứng để bạn đặt chân lên sóng nước đó và đem về những cảm nhận chỉ riêng mình có...

NHẢY CHÂN SÁO

SONG THAO

Cô bé có khuôn mặt chẳng lấy chi làm bắt mắt nhưng ánh lên rõ ràng cái duyên hình như được chôn ngầm dưới một đồng tiền bên má trái. Một đồng tiền lẻ. Lẻ như cô đang bị nuốt chửng giữa một bầy du khách ngoại quốc dềnh dàng to béo đang vòng trong vòng ngoài vây lấy cô. Mấy chục cặp mắt đăm đăm nhìn cô, mấy chục cặp tai nghểnh lên hút những lời nói khi to khi nhỏ đang trào ra từ cái miệng thao thao của cô. Đoàn chen chân vào đám thịt thà thừa mứa được gói ghém trong những manh quần tấm áo tuệch toạng của đám du khách chỉ chú trọng tới sự thoải mái vui chơi. Phiến đá cao dưới chân làm Đoàn ngang vai với những thân người ô dề chấp Đoàn cả vài chục cái vạch trên bàn cân. Tiếng nói lảnh lót Đoàn nghe rõ mồn một mà chỉ bắt được những âm thanh trầm bổng. Quen thì có quen đó, nhưng ý nghĩa của những âm thanh quen thuộc này thì Đoàn bù trất. Trước kia, hồi còn là sinh viên, Đoàn cũng có học qua vài lớp tiếng Đức, nói thì võ vẽ, viết thì nhăng cuội, đọc thì ẫm ờ nhưng thích thì thích lắm. Thế nên, lang thang giữa các nhóm du khách, chỗ tiếng Pháp, chỗ tiếng Anh, chỗ tiếng Hoa, chỗ tiếng Nhật, chỗ tiếng Tây Ban Nha rải rác từng đoàn trong hang Sửng Sốt này, Đoàn sà ngay vào những âm thanh của thời sinh viên. Chỉ để nghe cho đã tai. Cô bé nói một thôi một hồi rồi dừng lại, dắt đám du khách tới một nơi khác. Đoàn người khoảng ba chục cái đầu lênh khênh trên những thớt thịt bò mộng ngoan ngoãn đi theo cái dáng loắt choắt đầu một cái mũ cói, thân một chiếc áo bạc màu, một chiếc quần din bạc phếch không kém, thòng thêm một chiếc áo len quấn kín ngang hông được cột thắt hai tay áo thành một nút to bự trước bụng. Chiếc ba lô nhếch nhác, méo xẹo trên lưng như muốn vùi dập tấm thân mảnh dẻ chúi về phía trước. Đoàn chuệch choạng đặt chân lên những phiến đá làm thành những bậc thang lúc lên lúc xuống. Hang mờ mịt trầm trầm như một thế giới không có thật. Những ngọn đèn nho nhỏ nằm bên những bậc thang hắt ra một thứ ánh sáng nhợt nhạt lên lối đi. Từng ngọn đèn pha giấu trong vách đá chiếu những vệt sáng lên những quần thể đá tạo thành những hình thù lạ mắt. Thỉnh thoảng một lỗ hổng trên trần hang bày ra những đám mây xanh ngắt vòi vọi trên cao như phô bày một thế giới khác, khoảng khoát, vời vợi, xa cách. Nước luồn lách giữa những tảng đá nằm chênh vênh như sẵn sàng đổ xuống bất cứ lúc nào. Thiên nhiên phơi ra bộ mặt nghịch ngợm quyến rũ mà con người chỉ dám trau chuốt bằng những tay vịn mỏng manh dọc theo lối đi, những thùng rác hình cá cùng chim đang há miệng đón chờ rác và những vệt ánh sáng ơ hờ được giấu khéo léo trong những hốc đá. Những gợt đẽo của thiên nhiên qua bao chu kỳ thời gian làm Đoàn vẩn vơ nghĩ ngợi. Anh cảm thấy nhỏ bé trong bàn tay của Con Tạo.

Đoàn khách dừng chân nhanh chóng quây thành một vòng tròn chung quanh cô bé chân vừa ngưng miệng liền bắt đầu nói. Tay cô uốn éo chỉ lên chỉ xuống kéo theo những cặp mắt rộng mở ngắm nhìn. Đoàn cũng quay ngang quay ngửa, lúc để mắt vào vách núi, lúc ngước lên cao nhìn những chạm trổ không hình thù trên trần hang. Những âm thanh xô đẩy trong tai mà đầu óc anh chẳng bắt được những tín hiệu thoát ra từ giọng nói được không gian chật hẹp trong hang khe khẽ

lập đi lập lại. Những tiếng cười, những ngạc nhiên ồ à, những cái chắc lưỡi suýt soa của đám du khách làm Đoàn như lạc ra khỏi bầy. Cặp mắt cô bé xoáy vào Đoàn như khó chịu trước một sinh vật thừa thãi. Đoàn thấy nhột nhạt nhưng bước chân vẫn cứ lẽo đẽo len lách vào nhịp bước của đám du khách. Cái dáng vừa đi vừa dậm chân mang vẻ tức tối của cô bé làm Đoàn thấy mát bụng. Những điểm dừng chân tiếp theo sau đó, giọng nói của cô bé hơi thiếu tự nhiên, vẻ mặt nằng nặng như đang vác một ba lô bực bội trên lưng.

Đoàn du khách chui ra khỏi hang, ngồi nghỉ ngơi giải khát trên triền đảo. Quầy bán đồ kỷ niệm đông nghẹt người vây quanh. Đoàn mua một chai nước, ra ngồi trên băng ghế gỗ sát lan can phía bờ nước. Cô bé vừa ngậm chiếc ống hút cắm vào một lon nước ngọt vừa xông tới bên Đoàn. Cô thả ra một tràng tiếng Đức. Đoàn ngây người như nghe một tràng sấm lùng bùng trong tai. Miệng anh cố nở ra một nụ cười vu vơ. Cô bé xẵng giọng.

"Verstehen Sie?"

Anh có hiểu không? Làm gì mà không hiểu câu hỏi nho nhỏ này. Nó nằm trong mớ chữ còn rớt lại sau những năm uốn lưỡi vặn vẹo tập nói một thứ tiếng phát âm thật vất vả. Anh lắc đầu. Định trả lời một câu tử tế đúng theo văn phạm nhưng anh chịu thua. Miệng cô bé chu lại tức tối. Màu nước cam vàng trong chiếc ống hút trắng nhờ cuống quít kéo nhau chạy lên miệng cô bé. Nhả chiếc ống hút ra, cô bé gằn giọng thăm dò.

"Anh nói được tiếng Việt không?"

Giọng nói hơi ngả về âm hưởng tiếng Đức làm Đoàn thấy tức cười.

"Tiếng Việt của cô vui nhỉ!"

Mắt cô bé quắc lên. Đoàn nghĩ là lon nước dám bay vào mặt mình lắm. Cô bé bĩu môi.

"Vậy mà bày đặt theo nghe tiếng Đức. Có hiểu được chút nào không?"

Đoàn khoái ngầm trong bụng, ỡm ờ.

"Cần gì hiểu, cứ thấy cái miệng nói tiếng Đức là vui rồi."

Cô bé liếc xéo. Mắt như cong lên.

"Vui gì lảng xẹt!"

"Sao lại lảng xẹt? Tôi đã từng học tiếng Đức, nghe thấy âm điệu trầm bổng vẫn cứ thích, theo nghe ké được không?"

Cô bé dịu lại. Mặt giãn ra một chút.

"Học tiếng Đức ở đâu vậy?"

Đoàn dấm dẳn.

"Ở Mỹ."

"Thích sao không học cho tới nơi tới chốn?"

"Giờ đâu mà học! Mà sao cô nói tiếng Đức hay vậy?"

Cô gái nghếch mặt, cười.

"Ở Đức không nói tiếng Đức thì nói tiếng gì? Tiếng Mỹ hả?"

Cái giọng đanh đá làm Đoàn thấy tức cười. Anh chọc.

"Nói tiếng Việt. Ở Đức mà sao rành tiếng Việt vậy? Bộ ở trường người ta có dạy tiếng Việt hả?"

"Ai dạy? Người Việt thì phải biết tiếng Việt chứ!"

Thấy cái giọng muốn đôi co, Đoàn thích thú.

"Biết sơ sơ thì có thể. Nhưng rành đến có thể cãi lộn được thì hơi lạ à! Về ở Việt Nam được bao nhiêu năm rồi?"

Tay chỉ vào ngực, mặt cô bé gân lên.

"Đây nói tiếng Việt từ nhỏ ở bên Đức chứ không phải học ở đây đâu. Mới về Việt Nam được hơn một tháng thì học hành cái gì!"

Đoàn thấy cô bé hay hay, nổi tính tò mò.

"Về làm gì vậy?"

"Chơi!"

"Chơi sao làm hướng dẫn viên?"

"Hết tiền thì phải làm kiếm tiền chứ sao."

"Đi chơi mà hết tiền!"

Mặt cô bé lại gân lên, tay vỗ vào chiếc ba lô trên vai.

"Chơi kiểu bụi mà! Tới đâu kiếm tiền tới đó. Lạ lắm hả?"

Đoàn nhếch miệng cười nhạt.

"Ồ, hóa ra là Tây ba lô!"

Cô bé hóm hỉnh.

"Ta ba lô chứ ! Tây cái gì!"

Cô quay ngoắt đi, vỗ vỗ tay làm hiệu, nói một tràng tiếng Đức với đoàn khách. Mọi người lục tục bước xuống chiếc cầu gỗ ra bến tàu.

Tàu cặp kè nhau san sát trên bến, chiếc nọ làm cầu cho chiếc kia. Đoàn người kéo nhau nhảy từ tàu này qua tàu khác. Cứ chuyền đi như vậy cho tới tàu của mình. Chiếc tàu của đoàn du lịch Đức nằm mãi ngoài xa. Đoàn ghé qua tàu của anh, bảo bác tài công anh về theo tàu khác, rồi vội vàng nhảy chuyền trên từng chiếc tàu theo kịp đám lố nhố phía xa. Đoàn du khách đầy sức nặng làm nghiêng những chiếc tàu vốn đã chao đảo dập dềnh trên mặt nước. Nhìn thấy Đoàn loi choi giữa đám khách trên tàu, cô bé giả bộ ngó lơ. Tàu rúc còi rời bến. Những vạt nước biển xanh rì xô giạt theo thân tàu. Đám du khách kéo nhau

lên đứng trên boong nghe cô bé dẫn giải về những hòn đảo tàu đang lướt qua. Cái miệng thao thao tiếng Đức nói không kịp thở. Đoàn chen chân đứng sát bên cô bé vểnh tai nghe như nghe tiếng gió. Cơn gió tiếng Đức bao giờ cũng kết thúc bằng cái miệng vênh váo dí sát vào tai Đoàn nói khẽ tên tiếng Việt của những hòn đảo. Phụ Tử. Ba Trái Đào. Tháp Bút. Gà Chọi... Đoàn chẳng nhìn ra hình chú gà chọi. Chắc cần phải thêm rất nhiều óc tưởng tượng vào. Đoàn bây giờ như ngại tưởng tượng. Anh đang sống với cái thực trước mặt. Anh cười nhạt vào mặt cô bé.

"Trông có giống gà chọi gì đâu!"

Cô bé nguýt bằng mắt, tức tối bằng giọng nói.

"Anh cứng đầu!"

Đoàn thích thú đã chọc cho cô bé xăng xái này nổi giận được. Những hòn đảo tàu lướt qua sau đó thiếu phần phụ đề tên tiếng Việt cho Đoàn. Tàu cặp bến. Bác tài công ngồi trên chòi lái căng mặt điều khiển cho tàu len vào giữa những thân tàu đã ngủ yên trên bến từ trước. Mấy anh trai trẻ phụ tàu vội vàng chống hai bên thân tàu cho lọt thỏm vào giữa khoảng trống sít sao dành cho tàu. Tiếng hò hét cột neo vang động cả khu bến tàu. Đám du khách hớn hở đu đưa theo tàu như bày trẻ được chơi trò chơi vừa ý. Tàu yên vị. Vài thanh niên đứng giơ tay kéo từng người khách lên bờ.

"Đi uống cà phê không?"

Cô bé ngước mặt nhìn Đoàn, xốc lại chiếc ba lô trên lưng.

"Đi thì đi! Nhưng phải lùa xong cái đám này lên xe đã."

"Ừ! Cho bò về chuồng rồi mới đi chơi được chứ."

Cô bé nhìn đoàn khách đang nhấc từng bộ mông nặng nề leo lên bực thang chiếc xe buýt dài, quay lại cười với Đoàn. Đếm đủ số khách, giao lại cho hướng dẫn viên trên xe, cô bé thở một hơi dài.

"Đi đâu?"

Đoàn ngớ ra. Anh mới chân ướt chân ráo tới đây hồi sáng, có biết mô tê gì đâu. Anh nói trớ.

"Hướng dẫn viên mà hỏi đi đâu! Nghe không nghề nghiệp chút nào hết."

Lại xốc chiếc ba lô trên lưng, giọng chắc nịch.

"Lại Trung Nguyên! Gần đây thôi, đi bộ cho khỏe chân."

Quán nằm bên bờ biển, bốn bề bỏ trống cho gió thong thả vào ra. Những giây đèn xanh đỏ trên trần bằng ván để mộc nhiều chỗ thòng xuống như sắp rớt. Những chùm hoa giả cài đây đó như đã lâu không được chăm sóc. Chiếc quầy tính tiền giữa phòng lòe loẹt một cách thái quá.

"Hai phin đen. Hai đĩa bánh su sê!"

Cô bé trả lời anh phục vụ, chẳng thèm hỏi ý kiến Đoàn. Chờ cho anh phục vụ quay đi mới giải thích.

"Vào đây không uống cà phê, quê lắm!"

"Còn bánh?"

"Hơi tréo ngoe một chút. Nhưng bánh ngon lắm, bỏ qua không đành lòng."

"Xong rồi. Nói chuyện khác đi."

"Chuyện gì?"

"Chuyện gì vui là được."

"Nói mấy tiếng đồng hồ mỏi miệng rồi. Bây giờ thích nghe thôi."

"Cũng được. Chịu khó nghe đỡ tiếng sóng biển đi."

Trời đứng gió. Sóng rì rào nhè nhẹ. Lăn tăn những vệt trắng đuổi nhau trên làn nước xanh. Đoàn kéo ghế xa bàn, duỗi đôi chân cho thoải mái. Cô bé tụt đôi giầy, ngo ngoe những ngón chân tù túng trong vớ, mắt nhắm lại ngơi nghỉ. Đoàn cũng nhắm hờ đôi mắt, hỏi.

"Rảnh không?"

"Làm chi vậy?"

"Chút nữa đi ăn tối."

"Ai trả tiền người đó nghe!"

LÝ THỪA NGHIỆP

Gió Về

Gió về thuyết pháp trên cây
Lũ chim náo động đâu hay thánh phàm
Bên hiên lấm tấm lá vàng
Mùa thu hay tiếng chuông tràn trên sân
Mai minh dự hội Long-vân
Nghe câu kinh Phật bụi trần reo vui.

"Không. Bao!"

"Ai bao?"

"Tôi."

"Sang nhỉ? Nhưng bỏ chữ tôi đi, nghe cứng ngắc. Muốn làm anh không?"

"Muốn là cái chắc. Anh bao nghe?"

"Làm anh thì phải bao chứ. Còn phải hỏi! Nhưng em phải về nhà trọ tắm một cái đã, người nhớp nháp khó chịu quá. Chẳng biết giờ này còn nước nóng không, cái nhà trọ cà chớn!"

"Về khách sạn chỗ anh mà tắm."

Cô bé nhìn thẳng vào mắt Đoàn. Đoàn căng mắt nhìn lại.

"Cũng được!"

"Vậy thì đi."

Khách sạn nằm trên đồi cao. Con đường dốc dẫn lên khung cửa gương sáng bóng rộng rãi được trải nhựa đen nhánh. Hai bên đường, những luống hoa nhiều màu sắc được cắt tỉa cẩn thận. Thảm cỏ thoai thoải chạy xuống mịn như một vạt nhung. Cô bé ngấu nghiến từng bước lên dốc. Chiếc ba lô trì kéo tấm lưng nhỏ hẹp về phía sau. Những giọt mồ hôi lấm chấm quanh mép, làm bết bát những lọn tóc mai.

"Đưa ba lô anh xách giùm cho."

Giọng cô bé đứt quãng.

"Không! Em đeo nó quen rồi. Không có nó người em chắc mất thăng bằng té bổ chửng ngay."

Cô bé làm bộ loạng choạng, cười vang.

"Trông em giống con rùa đội bia ở Văn Miếu Hà Nội."

Cô bé khuỳnh tay như muốn thúc cùi chỏ vào cạnh sườn Đoàn. Anh thụt lui lại. Cô bé vươn cổ ra phía trước, cong chân dậm bành bạch, hai tay vòng vòng chậm rãi bơi về phía trước. Con rùa quay lại cười với Đoàn. Miệng tươi như một lát táo vừa lấy trong tủ lạnh ra. Đoàn chu miệng lại tum húm như miệng rùa, tay chỉ vào miệng. Cô bé chúm miệng theo. Điệu bộ nghịch ngợm làm Đoàn tức cười.

"Anh cũng muốn thành một con rùa."

"Anh chỉ có thể thành một con rùa dễ ghét!"

Cô bé vụt chạy lên dốc, quay đầu lại, quệt ngón tay lên môi chế nhạo, chọc quê Đoàn. Đoàn dậm chân đuổi theo. Hai người mất hút sau tấm cửa kính rộng có hai tay cầm vàng chóe.

Vứt chiếc ba lô méo xẹo xuống giường, cô bé la lên.

"Phòng anh có tới hai giường lận hả?"

Đoàn hất đầu.

"Cho em thuê đỡ một cái, chịu không?"

"Bao nhiêu?"

"Nửa tiền thôi. Chỗ quen biết bớt cho năm chục phần trăm."

"Vẫn còn đắt. Em chả thèm!"

Cô bé mở ba lô, lục lọi một hồi, quầy quả đi vào phòng tắm. Tới cửa, cô quay lại.

"Anh không được nhìn trộm đấy, nghe không!"

Đoàn cười giỡn.

"Nhìn lén không phải nghề của anh. Nhưng không dám hứa à!"

Cô bé giơ nắm đấm dí dí về phía Đoàn rồi chui tọt vào phòng tắm. Đoàn mở tủ lạnh lấy một chai bia ra ngoài ban công kéo ghế ngồi. Trời mát dịu. Những hòn đảo lớn nhỏ soi bóng trên mặt biển mênh mông. Thiên nhiên như xích gần vào mắt Đoàn. Khung cảnh bao la như một bức tranh quá khổ treo lửng lơ trước mặt. Những con tàu về muộn chậm chạp trôi ngang những hòn đảo. Bến tàu im ắng chen chúc những thân tàu nghỉ ngơi.

Cô bé bước ra đứng cạnh Đoàn, mát mẻ như vừa được vớt từ dưới biển lên, hai tay chọc chọc kéo tơi những sợi tóc ướt nhẹp. Đoàn nghếch mặt lên.

"Uống bia không?"

"Không thèm."

"Có nước ngọt trong tủ lạnh đó."

"Em không khát."

Đoàn đứng dậy, quay vào.

"Anh đi tắm. Cấm nhìn lén đấy!"

Cô bé thò chân ra phía sau, ngáng bước đi của Đoàn. Tay cô nhanh nhẹn nhéo vào cánh tay Đoàn, nghiến răng riết giọng.

"Ai mà thèm! Đừng tưởng bở!"

Đoàn xoa xoa vết nhéo, xuýt xoa.

"Thì thôi! Làm hao thịt anh quá!"

Cô bé lừ mắt.

"Đáng kiếp!"

Đoàn huýt sáo một điệu nhạc vui hòa vào tiếng nước xối xả phun ra từ chiếc vòi sen bóng lộn. Vừa tắm anh vừa nghĩ tới cô bé. Thấy hay hay. Điệu bộ làm như dữ dằn nhưng ánh mắt toát ra vẻ thân thiện hiền khô. Anh soi gương, chải đầu, miệng vẫn không ngừng thổi ra những âm thanh réo rắt. Cô bé châm chọc.

"Yêu đời nhỉ!"

"Đời vẫn vui khi chỉ có hai người."

Cô bé háy nguýt.

"Thơ ăn cắp mà cũng bày đặt!"

Đoàn cười oang oang, dắt tay cô bé ra cửa. Chiếc ba lô kềnh càng chẳng vừa mắt Đoàn. Anh

tinh nghịch hất qua hất lại. Cô bé đập vào vai Đoàn.

"Chơi kiểu gì vậy?"

"Kiểu dễ ghét."

"Dễ ghét thật chứ bộ!"

Cô bé kéo Đoàn đi qua một dãy quán ăn nằm dọc theo con đường bao quanh bờ biển. Những thanh niên, nam có nữ có, đon đả chào mời. Bàn tay cô bé lôi Đoàn lầm lũi bước đi. Tới quán cuối cùng mới dừng lại.

"Quán này ăn được. Ăn tôm nghe anh!"

Những con tôm lượn lờ trong bồn nước xếp thành dãy trước quán. Anh thanh niên chực chờ cầm cây vợt. Chẳng chờ câu trả lời của Đoàn, cô bé bảo vớt một chục. Những chú tôm oằn người nhảy lao xao trong vợt.

"Anh thích ăn nướng hay hấp? Nướng ngon hơn. Nướng nghe?"

Đoàn gật đầu. Anh có chỗ nào chen được cái miệng vào đâu. Chờ tới lúc cô bé lau chén đũa, Đoàn mới nói.

"Em chọn quán này được. Mới nhìn qua đã thích."

"Vậy à? Chắc anh vẫn luôn luôn nhớ em là hướng dẫn viên du lịch đấy chứ nhỉ?"

Đoàn cười khẩy, gật đầu. Anh đang chăm chú nhìn vào một đoàn du khách Tây phương chiếm trọn bộ sa lông rộng rãi cả chục chỗ ngồi nơi góc quán. Họ ồn ào nói chuyện, chọc phá nhau bằng một thứ ngôn ngữ lạ hoắc. Trên bàn, vỏ bia la liệt. Trai có gái có, tất cả đều còn trẻ, mặt mũi hồng lên niềm vui.

"Anh uống gì?"

"Bia."

Cô bé gạt ngang.

"Anh đừng uống bia. Uống theo em nhé. Cô cho hai cái soda chanh đường."

Cô phục vụ đi rồi, Đoàn mới nhướng mắt.

"Sao em không cho anh uống bia vậy?"

"Em ghét! Ở Đức họ phanh bụng uống bia như hũ chìm. Đàn bà con gái cũng nốc từng vại bia. Trông tởm lắm! Em không muốn nhìn thấy anh uống bia. Vả lại, em sợ anh có hơi bia."

Không có hơi bia, Đoàn vẫn lâng lâng khi dắt tay cô bé trên đường đêm. Công viên bên phía bờ biển thênh thang không một bóng người. Mùa này không phải là mùa du lịch. Bức tường của rạp múa rối nước vẽ những hình xanh đỏ loạn mắt. Cô bé quẳng chiếc ba lô xuống đất, đứng khuỳnh chân trước bức tường.

"Em múa cho anh coi, thấy lúc nào duyên dáng đẹp đẽ anh bấm máy hình chụp nghe!"

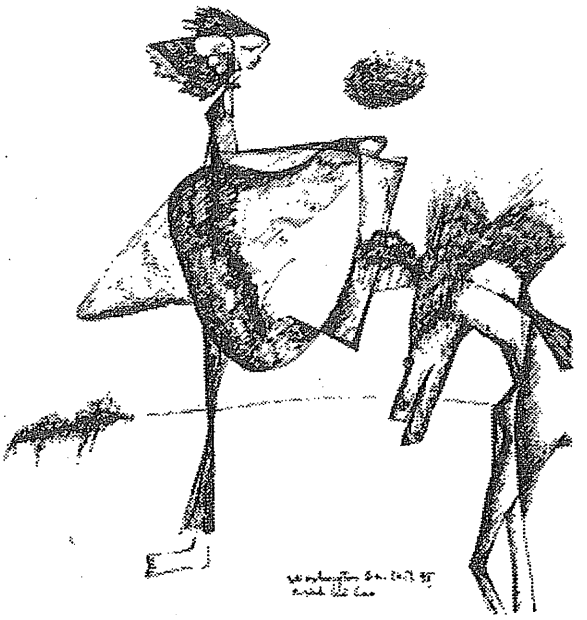

Giơ tay giơ chân khoẳng khoẳng mềm mại, cô bé vừa điệu nghệ vừa long lanh cười với Đoàn. Anh nhìn thấy ngây thơ. Anh nhìn thấy nghịch ngợm. Anh nhìn thấy dại khờ. Anh nhìn thấy tươi mát. Anh nhìn thấy tình tứ. Ánh đèn lóe lên từng chập. Xốc chiếc ba lô lên vai, cô bé ngước mặt lên, tay mân mê chiếc cầm nhẫn nhụi của Đoàn, giọng vẫn chưa hết vẻ nghịch ngợm.

"Em múa có đẹp không?"

Đoàn phì cười.

"Anh thấy đúng là múa rối!"

Cô bé xịu mặt, đấm liên hồi vào ngực Đoàn. Đoàn vừa né tránh vừa kêu thảng thốt. Cô bé níu tay Đoàn dắt xuống biển.

Biển khuya đen ngòm như mộ huyệt. Cát lạo xạo dưới chân. Vành trăng non vắt vẻo kênh kiệu giữa màn đêm. Hai người im lặng chậm bước. Tay cô bé ấm trong tay Đoàn. Trên những ghế đá nằm khuất dưới những gốc cây, những cặp tình nhân sát sạt ủ nhau. Đoàn bóp chặt tay cô bé. Cô bé ngước nhìn lên, mắt sóng sánh, răng bóng bẩy, tay như có hồn. Hai bàn tay chẳng rời nhau khi về tới khách sạn.

Chiếc ba lô bị quăng mạnh nhún nhẩy trên giường. Cô bé lao theo nằm sấp người. Mặt giường trũng xuống. Đoàn ngồi xuống một góc giường, hai tay đấm nhè nhẹ trên lưng cô bé.

"Để anh tẩm quất cho cái lưng bị chiếc ba lô

hành hạ nghe!"

Cô bé nằm lim dim mắt. Hai tay Đoàn như có động cơ. Đoàn tưởng trò chơi sẽ kết thúc chóng vánh, nhưng không, tay Đoàn đã rời rã mà cô bé vẫn nằm bất động như đã yên ngủ. Đoàn lật ngược cô bé lên. Cô đứng phóc dậy, kéo lại vạt áo.

"Em đi đánh răng trước."

Trở ra, cô bé nghiêm giọng.

"Anh đi đánh răng đi. Lúc ra không thấy em thì biết là em đã về rồi!"

Chiếc bàn chải đánh răng chà xát những ý nghĩ trong đầu Đoàn. Liệu cô bé có bất thần ra về thật không? Anh lắng tai sợ nghe được tiếng cửa mở. Anh cố lướt cho nhanh những thủ tục vệ sinh đáng ghét. Hàm răng anh sao hôm nay có vẻ nhiều răng hơn. Chiếc khăn rửa mặt cứ quấn quít không chịu mở ra. Cái nắp lọ nước hoa chết tiệt sao dính cứng không chịu quay? Thay xong bộ quần áo ngủ, anh nhào ra khỏi cửa phòng tắm.

Cô bé chôn người dưới chiếc mền mỏng, thân người thẳng băng nhấp nhô theo từng hơi thở, hai mắt nhắm nghiền, miệng hé mở. Đoàn muốn đặt một nụ hôn lên chiếc miệng mời mọc. Nhưng anh chỉ đứng lặng ngắm khuôn mặt an bình như đã chìm sâu vào giấc ngủ. Anh rón rén chui vào mền.

Ánh nắng đầu ngày chui qua tấm màn cửa bằng vải trắng mỏng kéo mắt Đoàn hấp háy. Anh chồm người lên, chống khuỷu tay, ngắm nhìn cô bé như vẫn đang say sưa trong mộng mị. Anh đánh thức cô bé bằng chiếc hôn nhẹ lên đôi môi đỏ hồng. Đôi mắt vẫn nhắm nghiền, cô bé mấp máy đôi môi.

"Anh nặng bao nhiêu cân vậy?"

"Bảy chục."

"Thảo nào, đêm qua em thấy anh nặng quá!"

Cô bé như vẫn miên man trong giấc ngủ. Ngực phồng lên từng hơi thở. Đoàn hôn lên đôi mắt rợp xuống hàng mi dài mượt mà. Đôi mắt mở ra, nheo nheo với ánh sáng.

"Trời sáng trợt ra rồi mà chưa dậy, con gái lớn xác rồi mà hư quá!"

Cô bé cười sau câu tự mắng yêu.

"Em học được ở đâu cái giọng bà già mắng con mắng cháu vậy?"

"Bà em."

"Bà em là người dậy em tiếng Việt hả?"

"Chứ còn ai nữa!"

"Chắc bà em già lắm rồi?"

Mặt cô bé bất động, đôi mắt rộng mở nhìn sững lên trần nhà. Mãi, đôi môi mới mấp máy.

"Bà em mất rồi!"

"Anh xin lỗi đã gợi chuyện buồn của em!"

Giọt nước mắt lăn dài trên má. Đoàn miết ngón tay như muốn xóa đi nỗi buồn trên khuôn mặt lạnh tanh. Cô bé nắm tay Đoàn.

"Em về Hà Nội chuyến này để tìm về ngôi làng mà bà kể không biết bao nhiêu chuyện về cuộc sống của bà ngày xưa. Em muốn thấy lại dùm bà ngôi làng luôn nằm sâu trong tâm khảm bà. Em cũng muốn thấy được một lần khung cảnh sống của người bà thân yêu. Bằng vào cái giọng kể thiết tha của bà, em thấy hình như những năm sống tại ngôi làng thân thiết này mới là cuộc sống đích thực của bà."

Đoàn ngây người trước nỗi xúc động của cô bé. Anh bóp mạnh bàn tay mềm mại như muốn truyền tất cả thân tình.

"Rồi em đã về tới ngôi làng của bà chưa?"

Cô bé ngúc đầu.

"Rồi anh ạ! Nhưng ngôi làng bây giờ đã mất tích trong thành phố. Phố xá ồn ào, nhà cửa chen vai thích cánh, đường nhựa dọc ngang, chẳng còn dấu vết gì của ngôi làng mà bà em đã trồng trong đầu óc em, ngoại trừ ngôi nhà thờ. Em bước vào nhà thờ, rụt rè trong từng bước chân, đúng vào giờ đọc kinh chiều. Em ngồi chôn mình nơi hàng ghế cuối, như nghe được giọng bà lẫn lộn trong giọng đọc kinh vang vang trong tai em. Em nhìn lên trần nhà thờ, cao vút, nắng chiều soi rọi vào những tấm kính màu có hình các thánh, mắt em như thấy bà đâu đây, rất gần em!"

Những giọt nước mắt ứa ra. Cô bé quệt vội trên má, xăng xái ngồi dậy.

"Thôi chết! Trễ rồi. Em phải đưa đoàn về lại Hà Nội."

Nhảy vội xuống giường, giơ tay vớ chiếc áo khoác lên người, chạy vào phòng tắm, tiếng nước hối hả, tiếng cửa mở ra, cô bé đã sẵn sàng lao xuống đường. Đoàn giơ hai tay ra nắm tay cô bé. Bốn cánh tay nhịp lên nhịp xuống.

"Hình như anh chưa biết tên em!"

"Có cần thiết không?"

Cô bé vít đầu Đoàn xuống, đặt một nụ hôn nhẹ lên môi anh.

"Em sẽ nhớ anh!"

Xốc chiếc ba lô lên vai, cô chuồi nhanh ra cửa. Tiếng dập cửa làm nẫu lòng Đoàn. Anh bước tới khung cửa sổ nhìn xuống đường. Bóng cô bé lao xuống những bậc tam cấp, tinh nghịch nhảy những bước chân sáo trên con đường dốc. Đoàn lắc đầu. Nhảy như vậy nhưng nhớ nào mà chẳng rớt hết!

5/2003

CUBA SÍ, CUBA NO

(Mười Ngày Ở Cuba)

TRẦN CÔNG SUNG

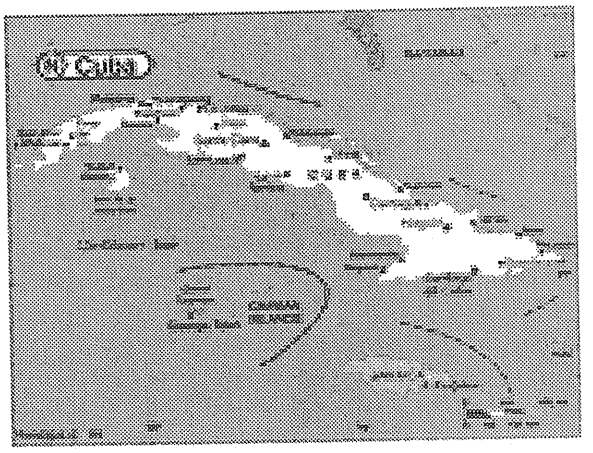

Mới đến La Havanne (La Habanna), thủ đô Cuba ngày đầu, chạy một vòng trên những con lộ chính bạn ngạc nhiên thấy một thành phố sạch sẽ, tấp nập với những ngôi nhà kiểu Y-pha-nho cổ kính, đầy thẩm mỹ.

Đâu là cái nghèo đói của một xứ đang phá sản mà báo chí Tây Phương mô tả, khi đề cập đến xứ của Fidel Castro? Hay Charles Amavour có lý: "*La misère serait moins pénible au solei*" (cái nghèo đói dễ chịu hơn dưới ánh sáng mặt trời).

Ở La Havanne vài ngày dần dần bạn hiểu cái khang trang, sầm uất ở những nơi có du khách chỉ là bộ mặt bên ngoài che không nổi một xã hội lở lói, mệt mỏi. Những ngôi nhà kiểu thuộc địa đã làm La Havanne nổi tiếng, cho La Havanne là một cái quyến rũ như Hội An, được coi là kho tàng của nhân loại, đáng được tích cực trùng tu, là do sự bảo trợ của Unesco và do tiền của du khách đổ vào.

Fidel Castro cần tiền, hiểu rằng du lịch là mối ngoại tệ chính, có thể cứu vãn chế độ đã trao toàn quyền việc chỉnh trang cho ông Camilo Cienfeego, một kiến trúc sư đầy nhiệt thành, hết lòng với La Havanne, quyết tâm xây dựng lại một thành phố đang đổ nát.

Đó là một trường hợp "*the right man in he right place*" hiếm hoi. Tất cả những chức vụ khác đều nằm trong tay những người có tuổi đảng, được ông *Lider Máximo* (lãnh tụ tối cao) tin tưởng. Khả năng chuyên nghiệp chỉ là một chi tiết rất phụ thuộc.

NHÀ CỬA ĐỔ NÁT

Khi bạn chịu khó rời những con lộ chính, những khu dành cho du khách, đi sâu vào ngõ hẻm, bạn sẽ thấy khuôn mặt thực của Cuba. Những ngôi nhà cổ kính kiểu thuộc địa trước kia là những tuyệt phẩm kiến trúc ngày nay là những ngôi nhà đổ nát, loang lổ, sẵn sàng sụp đổ bất cứ lúc nào. Thiếu nhiên liệu xây cất, suốt ngày lo chạy ăn không để ý đến việc chỉnh trang. Gần 50 phần trăm nhà ở La Havanne có tường bị rạn nứt, gần 50 phần trăm nóc nhà mục nát, gần 30 phần trăm nền nhà đe dọa sụp đổ.

Trong những ngôi nhà rêu phong, từ lâu không một vết sơn, một lớp vôi đen bẩn, người ta sống chen chúc, thỉnh thoảng bạn thấy những cột nhà chạm trổ công phu, những bực thang bằng đá hoa cương trắng, dấu vết còn lại của thời thuộc địa. Nhà cửa đóng im ỉm. Không một tiệm chạp phô, một tiệm bánh, một cửa hàng thực phẩm. Thỉnh thoảng một tiệm cà phê, một tiệm ăn nhỏ, nhiều tiệm mang tên HàNội, thủ đô của nước Xã hội Chủ nghĩa huynh đệ. Từ ngày đổi mới, tư nhân có quyền mở tiệm ăn, nhưng tiệm hạn chế 12 chỗ ngồi (những tiệm lớn đều của nhà nước hay của những người có quen lớn), và phải trả thuế rất nặng. Việc cung cấp thực phẩm và nhật dụng đều do các cơ quan quốc doanh đảm nhiệm. Với sổ thực phẩm (*libreta*) người ta xếp hàng mua những thứ cần thiết đủ dùng trong vài ngày. Sau đó, mặc ai nấy lo. Chín mươi phần trăm người

Cuba có nghề thứ hai, và cái kinh tế bên lề trở thành kinh tế quan trọng hàng đầu. Thỉnh thoảng một cửa hàng: vài bông hoa giấy, vài đồ nhật dụng bằng plastique, vài thước vải rẻ tiền.

RƯỢT ĐUỔI DOLLARS

Ở Cuba tất cả đều khan hiếm, từ thực phẩm đến những vật dụng hàng ngày: giấy bút, dầu mỡ, bột giặt, thuốc men, giầy dép. Mở mắt ra, người ta hùng hục chạy sống. Cái sinh hoạt sôi nổi nhất ở Cuba ngày nay là cuộc chạy duổi dollars Mỹ. Cách đây mười năm, dollars, tiền của đế quốc Mỹ còn bị cấm trên toàn lãnh thổ. Ngày nay, dollars trở thành một ám ảnh thường trực của dân Cuba. Bởi vì không có dollars, không thể sống còn ở Cuba. Đồng *Peso*, tiền của Cuba, chỉ xài trong những tiệm quốc doanh, uống ly cà phê hay mua ổ bánh mì. Từ 1993, khi kinh tế Cuba kiệt quệ, Castro đành phải cho phép xài tiền Mỹ. Xã hội đảo lộn với một vận tốc chóng mặt. Trước kia ai cũng nghèo, cả nước an phận chờ đợi ngày cách mạng thành công. Ngày nay, xã hội chia làm hai: những người có USD, nhờ tiền của "kiều bào" ở Miami gởi về, nhờ buôn bán hay làm việc với du khách; và những người không có USD sống ngoài lề. Từ đó đẻ ra những giai cấp mới: "*macetas*" là những người mới giầu, nhờ biết lợi dụng cơ hội để kiếm dollars; "*jineteros*": những thanh niên sống bằng cách lừa gạt, nhất là lừa gạt du khách; "*jineteras*": những cô gái sống nhờ du khách, hoặc sống một đêm hay suốt thời gian du lịch với hy vọng được một ông Tây, ông Đức mang về xứ (Cuba ngày nay là một trong những sex tours nổi tiếng, trong khi Castro coi việc giải phóng phụ nữ là một trong những ưu tiên hàng đầu).

Du khách chỉ đi vài chục thước đã gặp những người bản xứ bán xì gà, bán rượu *rhum* lậu (hai thổ sản có tiếng của Cuba, độc quyền của nhà nước). Xì gà lậu rẻ bằng một nửa giá chính thức nhưng không bảo đảm, có khi là xì gà thứ thiệt lấy trộm của nhà nước, nhiều khi là xì gà giả gói bằng lá cây. Có người dụ bạn đến uống nước ở một quán cà phê, nơi anh ta đàn hát. Những người đàn bà mặc quần áo địa phương nhận chụp hình với du khách. Có người dụ cho mượn một cô em, bà chị trong thời gian bạn ở Cuba. Cuộc rượt đuổi dollars là môn thể thao quốc gia được toàn thể nhân dân tham dự, không phân biệt giai cấp, tuổi tác. Ngày bạn rời hotel, bà bồi phòng để lại một mảnh giấy bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, Y Pha Nho hay Đức, chúc bạn một chuyến du lịch vui vẻ, với hậu ý nhắc bạn đừng quên để lại vài dollars. Những ông bán săng nhớt, lấy tiền mười lít săng, và tìm cách đổ vào xe tám lít. Những chú nhóc dụ giữ xe cho bạn và nếu bạn từ chối, khi trở lại chắc chắn cái xe không còn hoàn hảo. Những tiệm ăn dụ bán tôm hùm nếu bạn trả bằng dollars (tôm hùm Cuba nổi tiếng nhưng là độc quyền của nhà nước và ngày nay khan hiếm vì khai thác một cách hỗn loạn). Một người Cuba có một chút tài mọn nào đó: nhảy múa, ca hát, đàn địch, vẽ tranh, chụp ảnh đều không quên mang cái tài mọn của mình ra kiếm tiền Mỹ. Ở một khu gần trung tâm La Havanne, tôi thấy một bà cụ tóc bạc phơ, ngồi trước cửa mời du khách mua hình chân dung của chính bà cụ trong bộ *guayabera* (áo Cuba bằng vải bông trắng) miệng gậm xigà. Ai cũng có cái gì để bán, tại sao bà cụ không đem bán chân dung của mình?

XỨ CỦA CÔNG AN CẢNH SÁT

Trước điện Capitol xây theo điện Capitol Hoa Kỳ, một cô đồng nghiệp của tôi cho một em nhỏ một cây bút và một tập post-it. Chỉ vài phút, cô nàng bị bao vây bởi một đám đông bu lại như một đàn ong. Nhưng cũng chỉ vài phút sau, đám đông bị giải tán. Vì cảnh sát Cuba rất hữu hiệu. Và rất đông. Đi đâu cũng đụng đầu nhân viên an ninh, an ninh nổi, an ninh chìm, an ninh đồng phục, an ninh "giả dạng thường dân." Cuba chiếm kỷ lục thế giới về tỷ số cảnh sát công an trên một mét vuông. (Đó là một nghề dành cho người được ưu đãi: có quyền, không mấy cực khổ, lương hậu (25, 30 USD một tháng trong khi lương trung bình ở Cuba khoảng 10 dollars). Điều đó cắt nghĩa tại sao ở Cuba tương đối có an ninh hơn ở những nơi khác tại Nam Mỹ như Ba Tây, Mễ, Colombie... là những nơi bạn rất không nên đi lang thang một mình sau 10 giờ tối.

Rượt đuổi dollars là môn thể thao quốc gia và cũng là một bổn phận đối với gia đình. Vì bạn đi làm được trả bằng *pesos* nhưng trên thị trường *pesos* chỉ có giá trị hơn giấy lộn đôi chút.

Trong cuộc chạy đuổi dollars hào hứng ấy, nhà nước đứng hàng đầu. Cái gì có thể kiếm dollars được đều dưới độc quyền của nhà nước. Tiệm ăn trên 12 chỗ ngồi, khách sạn lớn, những cửa hàng bán xì gà, rượu rhum, đồ kỷ niệm. Và bán với giá cắt cổ. Một cái T-shirt (chắc là made in China) giá 15USD, bằng giá ở Paris, nơi đồng lương tối thiểu trên 1000 dollars.

SÁU DOLLARS CỦA NGƯỜI TRỒNG MÍA

Cuba có hai thế giới, thế giới tưng bừng náo nhiệt của du khách, của những người có tiền xanh, bên cạnh thế giới mệt nhoài của dân địa phương. Sau 50 năm cách mạng, cái mơ của đa số dân Cuba là vượt biển qua Miami hay có bà con thỉnh thoảng gởi về một cái ngân phiếu.

Hotel National là Hotel lớn nhất và nổi tiếng nhất ở La Havanne. Chỉ cần liếc qua giá phòng ngủ cũng đủ thấy cái bất công quái gỡ của xã hội Cuba. Giá một đêm, một phòng ngủ từ 210 đến 1000 (một ngàn) US dollars, trong khi lương của một công nhân ở đồn điền trồng mía 6 (sáu) dollars một tháng. Nếu không phải đang "đi khách" cho sở làm, ăn ngủ bằng tiền lèo, chắc chắn không bao giờ tôi đặt chân đến một khách sạn như vậy. Một phần vì khả năng tài chánh không cho phép, một phần vì ăn ở một nơi như vậy, giữa một biển nghèo đói chung quanh, nó vừa lố bịch vừa bất nhẫn.

Cách hay nhất để hiểu người bản xứ, để hiểu xã hội Cuba là đến ở nhà một người bản xứ. Từ ngày du lịch mở mang người Cuba nào có một căn phòng tươm tất, ở một nơi khang trang, đều biến nhà riêng thành hotel, mỗi ngày cho thuê lấy 20, 30 dollars. Chính phủ cho phép, không quên lấy "xâu," nhưng chủ nhà cũng đủ đòn phép để ăn gian tiền thuế.

Cô hướng dẫn viên của National nói, một cách hãnh diện: "Cái phòng ông ngủ trước kia là phòng của Ernest Heminway." Bèn rất lấy làm cảm động được ngả lưng trên cái giường nơi tác giả "*The old man and the sea*" đã nằm. Nhưng bữa cơm chiều, cái xúc động ấy hơi giảm đi khi một cô đồng nghiệp cho hay bà hướng dẫn cũng nói với cô ta như vậy về cái phòng ngủ của cô ta. Hoặc Hemingway đổi phòng lia lịa, hoặc cô nhân viên khách sạn National bịa ra để chiều khách. Điều chắc chắn là Khách sạn National gắn liền với lịch sử của La Havanne. Ngoài Hemingway, khách sạn đã là nơi trú ngụ của Churchill, Errol Flynn, Ava Garner, Frank Sinatra và... Al Capone.

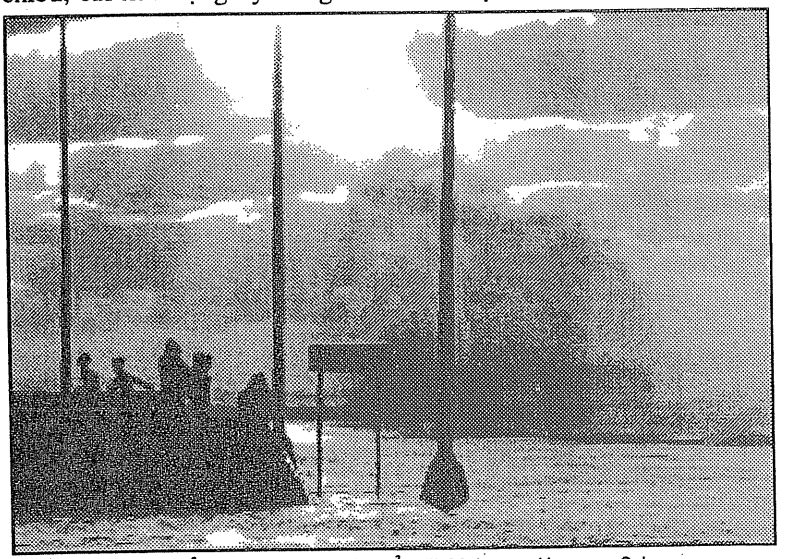

Những lớp sóng biển cao tràn vào bờ biển El Malecon, Havana, Cuba.

PEDRO

Người đưa tôi đi thăm La Havanne ban đêm là một nhân viên giảng huấn đại học. Đồng lương công chức ba cọc ba đồng không đủ sống, Pedro kiếm dollars bằng cách đưa du khách thăm thành phố bằng chiếc xe Cadillac kiểu cổ mầu lá mạ rất đẹp. Pedro rút trong túi ra một mẩu dây thép, mở máy xe. Hỏi chìa khóa xe đâu, anh ta cười: Không có chìa khóa. Chiếc Cadillac do em trai anh ta về được, khi những người giầu có vượt biên trốn chế độ XHCN những năm 60, khi Castro mới lên nắm quyền. Họ bỏ lại những chiếc xe du lịch Mỹ lộng lẫy, mang theo chìa khóa trên đường "di tản." Ở Cuba rất ít xe hơi, đa số là những chiếc xe du lịch Mỹ kiểu cổ như xe của Pedro, do những người giầu có mua khi Cuba còn là một "ổ điếm của Hoa Kỳ" (trước 1959), dollars chảy như nước. Những chiếc xe đầy mầu sắc ấy, nhiều người chơi xe cổ muốn mua, nhưng Castro cấm xuất cảng coi như là tài sản quốc gia. Pedro nói đời sống ở Cua rất cơ cực nhưng đã dễ thở hơn nhiều từ khi mở cửa cho du khách và dollars được lưu hành. Mỗi năm Cuba thâu được hai tỷ mỹ kim nhờ du khách và một tỷ Mỹ kim của người Cuba tỵ nạn ở Mỹ gởi về. Hiện nay có trên một triệu người Cuba (nghĩa là một phần mười dân số) sống ở ngoại quốc, hầu hết ở Mỹ. Ngày nay "kiều bào" ở Mỹ có thể về thăm nhà, có quyền và được khuyến khích mang dollars về, nhưng anh nào léng phéng đến chính trị, chính em là có dịp ở lại quê hương yêu dấu luôn. Khác với người Việt Nam, cộng đồng Cuba ở Mỹ có *lobby* rất mạnh có ảnh hưởng lớn đến chính sách của Hoa Kỳ đối với Cuba và là mối bận tâm lớn cho Castro.

Biết tiếng Anh, bập bẹ

tiếng Pháp, làm ăn với du khách, Pedro thuộc giai cấp được ưu đãi. Nhưng để tiếp xúc với khách của Hotel, Pedro phải chi tiền cho nhân viên Hotel, chi tiền cho nhân viên an ninh. Anh ta có vẻ thông hiểu tình hình thế giới, khác với đa số người Cuba sống trong một xã hội bịt kín. Ở Cuba có hai tờ báo, đều là báo nhà nước, tờ *Granna* của đảng Cộng Sản (Granna là tên chiếc tàu chở Fidel Castro và Che GUEVARA đổ bộ Cuba lật đổ chế độ độc tài BATISTA) và tờ *Juvendud Revelde* của Đoàn Thanh niên Cộng sản. Trên báo đầy dẫy những kiến nghị của các hội đoàn ủng hộ Castro, hoanh nghênh tinh thần cách mạng kiên trì của nhân dân Cuba anh dũng, đề cao cảnh giác trước âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ, cực lực lên án việc bế quan tỏa cảng của Mỹ làm kiệt quệ kinh tế Cuba.

Cuba bị Hoa Kỳ bế quan tỏa cảng (*embargo*) từ thời Kennedy (1960). Embargo là điển hình cho chính sách ngoại giao anh chị, cả vú lấp miệng em của Hoa Kỳ. Nạn nhân trực tiếp của *embargo* là người dân thấp cổ bé miệng đã cơ cực vì độc tài, còn cơ cực hơn vì thiếu thốn những thứ tối cần. Mục tiêu của *embargo*, trên lý thuyết, là để trừng trị những chính quyền độc tài, vi phạm luật pháp quốc tế. Trên thực tế không một chính quyền độc tài nào bị khó khăn. Trái lại, từ Saddam Hussein ở Irak, Khadaffi ở Libye tới Castro ở Cuba, tất cả đều mượn cớ sự đe dọa của embargo để xiết cổ dân chúng hơn trước và củng cố quyền hành hơn trước. Các cơ quan tuyên truyền của Castro suốt ngày suốt đêm giải thích cho dân chúng rằng sở dĩ đời sống của họ cùng cực là hoàn toàn vì *embargo*, lờ đi những lầm lẫn, mù quáng của nhà nước, nạn tham nhũng quan liêu, chính sách kinh tế kỳ quái, việc cầm tù hầu hết những người trí thức có khả năng chuyên môn. Có người cho rằng nếu không có *embargo* làm cái dù che, chế độ Castro đã sụp đổ từ lâu.

Báo chí ngoại quốc ở Cuba bị canh chừng rất chặt chẽ. Anh ký giả ngoại quốc nào lớ ngớ là bị trục xuất ngay. Các ký giả Cuba lừng khừng với cách mạng đều nằm tù. Người Cuba hợp tác với báo chí ngoại quốc, trực tiếp hay gián tiếp, có thể bị 20 năm tù và bị phạt tới 4500 USD (25 năm tiền lương chính thức của Pedro).

TRÀNG GIANG ĐẠI HẢI

Truyền hình của nhà nước có hai đài, ngoài những phim truyện (feuilletons) rất được theo dõi, một thứ thuốc phiện của dân chúng hơn là món giải trí duy nhất, có rất nhiều cuộc thảo luận bàn tròn về chính trị, về thành quả cách mạng, về tương lai sáng lạn của đất nước. Và những diễn văn trực tiếp truyền hình của *Lider Máximo*. Những bài diễn văn dài ba, bốn giờ đồng hồ. Đó là dấu hiệu Đồng chí Fidel Castro, 76 tuổi, đã bắt đầu mệt mỏi. Trước kia mỗi bài diễn văn của Castro dài chín, mười tiếng đồng hồ. Sáng dậy, mở mắt ra thấy *Lider Maximo* đọc diễn văn, chiều đi làm về vẫn thấy *Lider Maximo* đọc diễn văn. Mỗi năm, Castro đọc từ 30 đến 40 bài diễn văn (10 ngày một bài). Bài này giống bài kia như hai giọt nước, từng câu, từng chữ. Cả nước kính cẩn nghe nhưng trong bụng chắc nhiều anh lẩm bẩm cái câu nổi tiếng của Vũ Trọng Phụng: "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi."

Máy truyền hình nhập cảng từ Trung Quốc được sửa lại, chỉ bắt được đài nhà nước. Máy truyền thanh chỉ nghe được đài nhà nước. Các đoàn thể bảo tồn cách mạng ở các khu phố chịu trách nhiệm, nếu có *antennes* trên nóc nhà để nghe đài nước ngoài. Computer cấm bán cho tư nhân. Sách vở bị kiểm duyệt khắt khao.

Trong bối cảnh ấy, tôi ngạc nhiên thấy trong một tiệm sách một cái tựa to tổ bố: *Human Rights* (Nhân quyền). Ông nào chơi ngang đến cỡ đó? Cầm cuốn sách đọc trang đầu. Tác giả, một giáo sư đại học La Havanne cắt nghĩa ngon lành rằng nhân quyền không thể phi chính trị; nhân quyền phải nhằm mục đích cách mạng; nhân quyền kiểu Tây kiểu Mỹ chỉ là nhân quyền phản cách mạng.

Pedro có vẻ không tin tưởng gì ở cách mạng. Cái tương lai huy hoàng của Pedro đơn giản, gần gũi hơn. Anh ta hy vọng với số đô la để dành được, anh sẽ mua một căn nhà, vừa ở vừa cho du khách thuê. Anh có thể dưỡng già dài dài. Pedro là một "*macetas*" sung sướng. Nhưng vì thói quen, mở miệng ra, Pedro nói đến cách mạng. Cái quán ăn này mở sau cách mạng, cái nhà thờ này xây trước cách mạng.

LA HAVANNE BY NIGHT

Đêm ở La Havanne. Bóng đêm trùm xuống, La Havanne trở thành một thành phố khác. Như một con rắn lột vỏ.

Ánh nắng mặt trời có làm dịu đi cái nghèo đói hay không, không biết. Nhưng chắc chắn là bóng đêm xóa nhòa những vết nứt loang lổ, những đổ nát hoang tàn của La Havanne. Thành phố đẹp hẳn ra, quyến rũ. Có cái gì liêu trai từ những căn nhà cổ. VÀ dân La Havanne cũng đẹp hẳn ra,

Nhà thờ The Caterdral de San Cristobal de La Habana, xây giữa 1748 và 1787

tươi cười, nhún nhảy. Mỗi người Cuba là một tay khiêu vũ, sinh ra để nhảy múa. Cái nhún nhảy ở từng bước đi, ở từng cử chỉ. Đêm xuống, dân Cuba quên cái cực nhọc của ban ngày, đổ ra đường nhộn nhịp. Khuôn mặt họ tươi ra, không còn nhăn nhó dưới ánh nắng gay gắt. Và quần áo tươm tất, đỏm dáng. Đào đâu ra những quần áo thướt tha, khi nghĩ đến những nhà hàng quốc doanh lèo tèo vài thước vải rẻ tiền? Quên dollars, quên cách mạng, quên những bài diễn văn dài tám giờ, quên embargo, người ta đàn hát, nhảy múa náo nhiệt. Không phải chỉ ở những khu du khách, ngay cả ở những khu bình dân, đen tối, trong những tiệm cà phê rẻ tiền, những tiệm ăn 12 chỗ ngồi, đâu đâu cũng có tiếng nhạc, giọng hát. Cái yêu đời rất tự nhiên, cái nhún nhảy của từng thớ thịt ấy, tôi đã thấy ở một thành phố Nam Mỹ khác. Rio de Janeiro. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao chỉ ở Hoa Kỳ vài ngày đã chán, chỉ muốn bỏ đi, trong khi ở Nam Mỹ, chỉ muốn ở lại thêm vài ngày, mặc dù có cái nghèo đói, cái bất an ninh. Ở đó có một cái gọi là cái hồn (une âme).

V.S. Naipaul giải Nobel văn chương đưa ra một nhận xét lý thú về dân Phi Châu. Ông ta bảo dân Phi châu ngày nay bị cuốn hút vào đời sống văn minh như những dân khác. Ban ngày, họ cũng thắt cà vạt, *samsonite* đi làm, cũng tất tả ngược xuôi như mọi người, nhưng đêm xuống, họ cởi bỏ tất cả những cái gì vướng víu của ban ngày, nhảy múa ca hát, tham dự những lễ *vaudou*, những tập tục thờ cúng quỷ thần, những nghi lễ mê tín đã có từ hàng trăm năm trong những bộ lạc hẻo lánh. Họ trở thành người Phi châu. Họ trở thành chính họ. Và cái đời sống ban đêm ấy giúp họ chịu đựng đời sống của ngày hôm sau, đóng cái vai trò mà xã hội bắt họ phải đóng.

Dạo chơi ban đêm ở La Havanne, tôi nghĩ tới cái nhận xét ấy của Naipaul. Đa số dân Cuba đã đến từ Phi Châu, trước kia là những nô lệ. Trong một hộp đêm, tôi ngồi nhìn hằng giờ Ivis, một cô gái da đen chiêu đãi viên sau quầy rượu. Một nụ cười nở thường trực, tự nhiên. Một đôi mắt to, đen nháy, tinh nghịch. Ivis tiếp hàng chục người khách ngồi chung quanh quầy rượu, người này một ly *whisky*, người kia một ly *martini*, vừa đùa cợt với một ông khách vừa lúc lắc cái bình *cocktail*, vừa nhún nhẩy theo điệu nhạc. Ivis không làm việc, cô ta chơi trò chơi chuốc rượu, Ivis không đi, cô ta khiêu vũ. Ivis không trả lời *téléphone*, cô ta đang hát líu lo cho người bên kia đầu dây. Và tất cả với nụ cười không một chút gắng gượng. Và như vậy, sáu đêm mỗi tuần. Và khi hộp đêm đóng cửa, cuốc bộ hàng giờ về nhà. Bởi vì ban đêm không có xe buýt. Và xe buýt ở La Havanne ban ngày, đến và đi không giờ giấc, phải xếp hàng chờ hàng giờ, phải xếp hàng leo lên, chen lấn

như cá hộp. Và nụ cười không bao giờ tắt. Sau bao nhiêu năm cách mạng, sau bao nhiêu bài diễn văn tám giờ.

CẤM NGƯỜI BẢN XỨ

Paradisio là một trung tâm nghỉ mát ở Varadero, bãi biển dài gần 30 cây số, với cát trắng và nước xanh biếc. Varadero là bãi biển đẹp nhất vùng Caraibe. Paradisio như cái tên của nó là một thiên đàng. Trên 500 căn nhà đầy đủ tiện nghi dành cho du khách nằm cạnh bờ biển, dưới bóng những bóng cây dừa và những vườn hoa rực rỡ, giữa những *piscine* mông mênh với những dàn nhạc trình diễn thường trực trên bồn cỏ xanh. *Champagne* Pháp, *vodka* Nga, *cavia* Iran. Bạn quên mình đang ở Cuba, một trong những nước XHCN cuối cùng trên mặt đất.

Tôi hỏi cô hầu bàn ở tiệm ăn: những người Cuba kia, họ đào đâu ra tiền để tới đây. Cô ta cười: Người Cuba nào? Đó là người Mexicain. Ở đây chỉ có nhân viên là người Cuba. Trung tâm này cấm người bản xứ.

Không phải chỉ ở PARADISIO. Tất cả các hotel, các khu nghỉ mát trong vùng Varadero đều cấm người Cuba. Suốt 30 cây số dọc bờ biển, hotel sang trọng san sát. Khách là người Pháp, người Đức, người Ý, Canada, Úc và một số ít người Mễ. Tất cả đều cấm dân bản xứ. Fidel Castro là một nhà cách mạng, trở thành anh hùng quốc gia vĩ đại đã đấu tranh dành chủ quyền cho dân tộc. Sau 50 năm cách mạng người Cuba không có quyền đặt chân vào những nơi sang trọng trên đất nước mình. Chắc chắn Fidel Castro không vui gì với tình trạng không biết nên cười hay nên khóc ấy, nhưng cái khó nó bó cái khôn. Cần tiền quá, tìm mọi cách chìu khách du lịch. Còn người Cuba, nếu để họ vào đó chỉ cần thấy cái đời sống hủ hóa của tư bản, liệu có còn lòng dạ để tiếp tục cuộc cách mạng đã kéo dài từ lâu.

Varadero còn một cái độc đáo nữa. Muốn vào vùng nghỉ mát, phải trả tiền. Ba dollars mỗi xe khi vào, $3 khi ra. Trên thế giới có lẽ đó là nơi duy nhất phải nộp tiền mãi lộ mới được vào. Ở Luân Đôn cũng phải trả tiền khi vào thành phố, nhưng mục tiêu là để hạn chế xe cộ giảm bớt ô nhiễm. Ở Cuba, nó chỉ có mục đích làm tiền.

CASTRO VÀ CHE

Cuba có rất nhiều cái giống Việt Nam. Trước hết là khí hậu, cây cỏ. Nếu bạn ở ngoại quốc lâu năm, đặt chân tới Cuba bạn không khỏi xúc động thấy cái nóng phả vào mặt khi ra khỏi máy bay, thấy những rặng dừa, những bụi chuối và hàng chục thứ cây, hoa quả vùng nhiệt đới. Cuba giống VN trên phương diện lịch sử. Sau hàng trăm năm bị đô hộ toàn dân lao đầu vào cuộc tranh đấu dành độc lập và một ngày nào đó, mở mắt ra thấy nước mình trở thành thành trì của XHCN. Và là những nước XHCN cuối cùng, trong khi cả thế giới đã quay đầu đi một hướng khác.

Cuba do Christophe Colombe khám phá ra từ 1492, trở thành thuộc địa của Y Pha Nho gần 400 năm (từ 1510 đến 1898, trong đó có một năm

LĨNH HÀN

MÙA TẠ ƠN

Mùa Tạ Ơn phảng phất ở đâu đây
Trong màu lá đỏ, nâu, vàng rạng rỡ.
Chân bước khẽ kẻo mùa thu tan vỡ
Rạn nắng vàng rực rỡ ở chung quanh.
Xin tạ ơn: Dù một khoảng trời xanh
Một sắc thắm mong manh trong nắng lụa,
Màu cốm Vòng nạm xanh trên sắc úa
Tình quê hương chan chứa trong ca dao.
Hoa bưởi thơm trong ánh trăng sao
Sắc êm dịu của màu đào năm cũ.
Hương hoa dại với mùi rơm vừa ủ
Hoa cải vàng quyến rũ bướm đam mê,
Những tiếng đêm rời rạc trong canh khuya
Đồng vọng mãi vào thời gian bất tận
Là nét đẹp mong manh đầy hương phấn
Điểm trang đời thành hoa gấm trần gian.
Lời Tạ Ơn trong giai điệu muôn vàn
Của rung cảm trong trái tim huyền diệu.

(1762) là thuộc địa của Anh). Hết Y Pha Nho, Cuba rơi vào tay Hoa Kỳ, từ 1898 đến 1959 năm Fidel Castro lật đổ chế độ độc tài thối nát của Batista cầm quyền dưới sự bảo trợ của Mỹ. Đó là thời kỳ Cuba mang cái tên không mấy vẻ vang là ổ điếm của Hoa Kỳ.

Cầm đầu phong trào kháng chiến cùng với Che GUEVARA từ 1956, Castro lúc đầu thề sống thề chết không phải là Cộng sản, chỉ có một mục tiêu đấu tranh dành độc lập. Khi nắm quyền trong tay Castro thực hiện xã hội chủ nghĩa với bàn tay sắt, tiêu diệt thẳng tay đối lập, và nhìn nhận ông là người CS từ khi còn đi học. Hàng chục ngàn người Cuba vượt biển qua Mỹ sau khi Castro lên cầm quyền và tiếp tục chạy trốn chế độ. Che GUEVARA chỉ tham chánh một thời gian ngắn rồi bỏ sang BOLIVIE tiếp tục chiến đấu, bị quân đội Bolivie hạ sát theo lệnh của CIA Mỹ. Ngày nay uy tín của Castro bị sứt mẻ, vì tình trạng phá sản ở Cuba, vì vi phạm nhân quyền biến Cuba thành một nhà tù khổng lồ. Trái lại hào quang của CHE không những không thuyên giảm, mà còn lớn hơn. Ở Cuba, hình ảnh của CHE tràn ngập đường phố. Vượt cả biên giới Cuba, CHE trở thành thần tượng của những người chống thế giới hóa của tư bản. Trong lòng người dân, CHE vẫn là một anh hùng lãng mạn, một thứ Don Quichotte "giữa đường thấy sự bất bằng mà tha," một thứ Robin des Bois, cướp của nhà giàu để chia cho những người nghèo khó. Thần tượng Che có cái may chết sớm như James Dean hay Marilyn Monroe...

Castro cai trị Cuba bằng bàn tay sắt nhưng cũng có những năm đạt được nhiều thành quả. Đó là những năm 70, Cuba được Nga sô trợ giúp triệt để với dụng ý biến Cuba thành một mặt hàng tốt đẹp của XHCN. Hàng hóa do Cuba sản xuất đứng đầu là đường mía, được Nga sô mua với giá cao, trên giá thị trường. Kinh tế phồn thịnh Cuba thực hiện một phong trào chống mù chữ đại qui mô. Chế độ y tế của Cuba được coi là kiểu mẫu ở Nam Mỹ. Những thành quả ấy làm người ta quên những nhà tù trên khắp Cuba. Gió thay chiều khi bức tường BERLIN sụp đổ (1989). Gorbachev bỏ rơi Cuba, không muốn tiếp tục gánh nặng Cuba. Mất thị trường Nga, hàng hóa Cuba không cạnh tranh nổi với thị trường thế giới. Thêm vào đó embargo của Mỹ, những chính sách kinh tế sai lầm liên tiếp, guồng máy quản trị lỗi thời đưa Cuba đến phá sản. Castro, anh hùng chống Mỹ cứu nước đã buộc lòng phải mở cửa cho dollars tràn vào làm bá chủ đất nước. Du lịch và dollars đã tạm thời cứu vãn chế độ, du lịch và dollars sẽ gây đổ vỡ cho chế độ.

Castro có lẽ là người cuối cùng còn tin tưởng. Ông nhất định không chịu rời bỏ chủ nghĩa CS. Ông đã trù tính cả tương lai cho Cuba khi ông chết: Castro chỉ định người sẽ "nối ngôi": em ruột ông. Raul CASTRO. Cho chắc ăn hơn nữa, Castro ra lệnh cho quốc hội tu chính hiến pháp, cấm không được thay đổi thể chế , "XHCN hay là chết" như ông vẫn tuyên bố.

IVIS

Tôi rời Cuba, rời Nam Mỹ không có thì giờ đi thăm như dự tính Trinidad, nơi V.S.NAIPAUL sinh ra, lớn lên và nhắc đến rất nhiều trong tác phẩm. Nhưng có lẽ cũng không nên tiếc. Bởi vì những thành phố trong sách vở, khi thấy tận mắt, người ta nhiều khi thất vọng. Nhất là từ khi tác giả đặt bút viết đến nay đã có bao nhiêu nước chảy dưới cầu. Hà Nội ngày nay không còn là Hà Nội của ba mươi sáu phố phường của Thạch Lam. La Havanne bây giờ không còn là La Havanne sôi nổi nồng nàn của Hemingway, cũng không còn là La Havanne êm đềm trưởng giả của Graham Green.

Chỉ có một cái chắc không bao giờ thay đổi, và đó là nét lạc quan một niềm hy vọng. Đó là nụ cười tuyệt vời của Ivis./

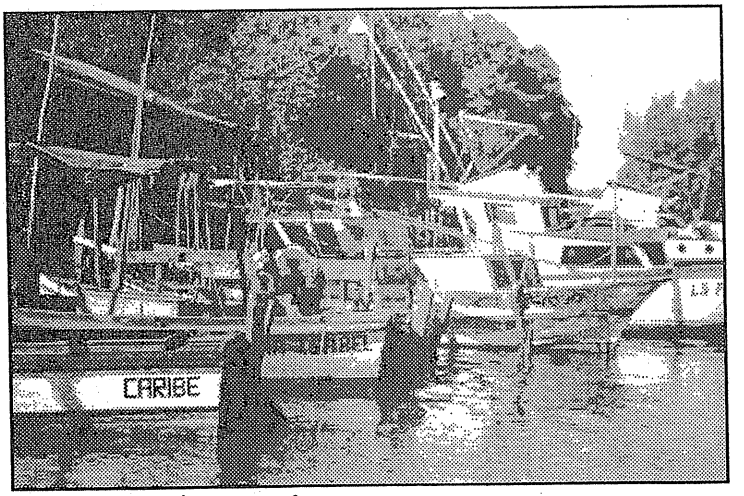

Một bến đậu thuyền đánh cá ở Cuba

Thị Xã

TRẦN YÊN HÒA

Đám cán bộ thị xã đón Hoan bằng nhiều cái bắt tay, mạnh, đon đả, hai tay cầm chặt lấy tay anh giật giật, ra chiều quý trọng lắm. Nam giới thiệu tiếp:

- Anh Hoan về đây là muốn cộng tác với các anh để thực hiện làng Nướng Nam Kỳ. Biết các anh thiếu vốn đầu tư nên ảnh bằng lòng bỏ ra. Tôi chỉ là người trung gian nhưng cũng chịu trách nhiệm về việc thực hiện điều hành. Hai bên, A và B, bên nào cũng là chỗ thân tình, cũng đều tin cậy ở tôi, nên tôi nghĩ tôi có trách nhiệm.

Người lên tiếng sau đó là Sáu Quân, trưởng ban thương nghiệp thị xã. Vừa cầm tay Hoan, vừa lắc lắc, vừa nói:

- Có anh Nam giới thiệu anh là tụi tôi yên tâm. Trên thành phố đã có hàng chục cái làng Nướng, mà thị xã ta, một thị xã nổi tiếng ở miền Tây nầy mà không thực hiện được cái làng Nướng thì tệ quá. Bên thương nghiệp tôi đã có mặt bằng, đó là dãy Nhà Văn Hóa lâu nay không sinh hoạt, mặt bằng rộng rãi chứa cũng được cả ngàn thực khách. Bây giờ tùy nghi các anh hãy chọn nhân viên làm việc. Như vậy là tốt đẹp rồi. Mọi chuyện chỉ là thủ tục thôi. Bên thương nghiệp chỉ đứng tên, còn mọi hoạt động các anh lo.

Hoan biết đến nước nầy thì chỉ còn có gật đầu thôi. Mọi chủ động là do Nam đạo diễn. Nam là bạn hồi còn học trung học, làm nhiều nghề, quen biết rộng. Trong lần về Việt Nam lần trước, trong đám bạn cũ anh gặp, có Nam. Một buổi tối uống bia và ăn đặc sản đồ biển ở đường Nguyễn Tri Phương, Nam ngồi bên anh, trong lúc các bạn khác thi nhau nói chuyện thì Nam khều tay anh nói nhỏ:

- Hoan à, mầy đi mười mấy năm rồi, trở lại đây mầy thấy thành phố có khác trước không?

Hoan trả lời nửa thật nửa giả:

- Thì đồng ý là có khác lạ, quán nhậu mọc lên nhiều quá.

- Thì đó, cái gì phát triển thì mình nói phát triển, quán nhậu, nhà hàng là những nơi đầu tư có lời, một lời hai ba, mầy có tiền về đây mở quán thì hết sẩy.

- Tau nghe nhiều người nói về đây làm ăn với nhà nước nhiều khi mất cả chì lẫn chài, chỉ ôm đầu máu, cuối cùng thì bỏ của chạy lấy người.

Nam kê sát lỗ tai Hoan:

- Mầy nói đúng, dại gì đem tiền muôn bạc triệu về cho tụi nó, để mất cả chì lẫn chài, mà tau biết mầy đâu có tiền nhiều thế để mất. Điều tau nói đây là mình chỉ mở quán nhậu hay nhà hàng, dù bọn nó có chấm mút chút đỉnh nhưng vẫn còn lời chán, tau kinh nghiệm đầy mình chuyện nầy rồi.

Hoan cũng thấy vui vui. Chuyến về đầu tiên của anh chỉ để thăm gia đình, mồ mả ông bà tổ

tiên. Nhưng anh nghe Nam bàn vô chuyện làm ăn, anh chợt nghĩ trong đầu, ở xứ Mỹ thật sự là ổn định, vợ chồng đi làm hãng, các con đi học, đồng lương không cao gì vì anh ít biết kỹ thuật, máy móc, computer. Anh làm trong hãng đã năm năm mà vẫn giữ chân assembly. Đi ra ngoài bộ vó trông cũng ngon lành chứ vào hãng là làm một cu ly chính hiệu. Mà bọn Mễ, bọn Phi, kể cả Việt Nam cũng phe đảng lắm, nhiều khi anh đẩy một xe đầy hàng oằn người ra mà vẫn còn bị lít đơ kêu lên kêu xuống xài xể. Điều nầy Hoan cũng hầm người lắm. Để dành mấy năm được mấy chục ngàn, anh nghĩ, biết đâu lúc nầy mình về Việt Nam làm ăn sẽ chẳng phất lên. Hoan nói với Nam:

- Mầy tính mở một quán nhậu hơi sang sang một tí thì tốn bao nhiêu?

Nam nói chắc chắn như đinh đóng cột:

- Không bao nhiêu đâu mầy, vài chục ngàn đô là đủ, nhưng lúc nầy mình đừng khai thác ở thành phố, về thị xã nhỏ thì mình làm ăn mới ngon hơn. Mọi chuyện ở đó mình mua được hết.

Thế là lần đó, Hoan với Nam hứa hẹn nhau, Nam sẽ tìm nơi làm ăn cho Hoan, và một thời gian sau, Hoan điện thoại về hỏi Nam thì Nam thông báo cho biết:

- Mầy về ngay đi, có một chỗ ngon tau vừa liên lạc được, ở miền Tây, mặt bằng rộng và rẻ, mình phải không với đám cán bộ thị xã là xong ngay. Mày về đi, ở đây tau sắp xếp hết cho mầy, mầy sẽ là ông chủ, là Việt kiều láng cóng, ngon ơ, nhe.

Hoan cũng thấy vui. Thật ra anh cũng muốn vươn lên. Anh lại nhẩm tính, mình để dành được mấy chục ngàn trong nhà băng. Để đó lời lãi chẳng bao nhiêu. Trong lúc trong nước mở cửa, kinh tế thị trường, sao mình không bung ra. Thằng Nam thì có thể tin được. dù sao nó cũng là bạn nối khố với mình bấy lâu nay.

Hoan đem chuyện ra bàn với Hằng, vợ anh. Hằng từ lâu rồi không đi làm hãng, chỉ làm thợ cắt chỉ ở các sốp may, tiền cũng ba cọc ba đồng, nên nghe Hoan vẽ vời cái tương lai làm bà chủ, nàng thấy cũng thích. Con người trong lòng ai cũng có tham vọng.

Đến bây giờ thì Hoan đã về, đã cùng Nam lái xe xuống thị xã, nơi Nam đã tìm được mặt bằng để kinh doanh. Hai người đang ngồi bên cái bàn dài, bên kia là đối tác, các ban bệ trong chính quyền thị xã.

Người thư ký đã đánh máy xong bản hợp đồng và đem ra đọc to cho hai bên nghe. Đại khái là công ty thương nghiệp thị xã và Hoan, Việt kiều Mỹ, đứng tên kinh doanh làng Nướng Nam Bộ, nhưng mọi tài chánh và điều hành đều do bên B. Số tiền lời được chia ba bảy. Coi như tiền thuê mặt bằng nhà hàng. Đọc xong, hai bên cầm bút ký.

Tiếng vỗ tay rào rào nổi lên. Không có gì thắc mắc. Nam đứng lên mớm lời:

- Tất cả mọi chuyện đều xong, hai bên coi như đã đồng ý bản hợp đồng. Mong rằng chúng ta sẽ hợp tác làm ăn lâu dài và hai bên đều có lợi. Thay mặt bạn tôi từ Mỹ về, tôi mời các anh có mặt hôm nay, chiều nay mình làm một chầu liên hoan, ở quán Hòn Đất, lúc 7 giờ. Mong được gặp đông đủ các anh.

Một loạt tiếng vỗ tay rào rào nữa nổi lên. Gương mặt bên B ai cũng hớn hở. Tiếng của anh trưởng phòng thương nghiệp thị xã:

- Anh Nam chọn chỗ thật hết ý, quán Hòn Đất có nhiều "con nữ" thơm ngon lắm.

Ông bí thư thị xã đứng lên tiến lại phía hai người, bắt tay thật chặt. Ông nói:

- Mình làm sao tổ chức quán Làng Nướng Nam Bộ ở thị xã ta ngon hơn quán Hòn Đất nầy nghe. Tôi biết Quán Hòn Đất được bảo kê từ huyện, nhưng ta là đơn vị địa phương, ta phải làm hơn chứ.

Nam và Hoan bắt tay từng người trong ban bệ của thị xã. Người nào cũng vui, niềm vui thật lớn, như là thị xã sắp xây được trường Trung Học hoặc Đại học cho con em có chỗ ăn học không bằng.

Bảy giờ, Nam và Hoan đến quán Hòn Đất. Hoan vào chỗ quày hàng, hỏi người chủ:

- Có mấy chú bên Ủy Ban thị xã đến đây chưa? thưa chị.

Người đàn bà chủ quán cười đôi mắt có đuôi, rồi nói:

- Thưa anh, rồi, mấy chú đến sớm, dành một phòng đặc biệt ngoài bờ sông. Các anh đến đó đi. Có thằng em dắt các anh đi.

Người đàn bà kêu một đứa nhỏ độ khoảng mười hai mười ba tuổi dẫn đường. Hoan và Nam đi theo. Quán rộng, đèn mờ ảo. Quán có những căn phòng riêng cho những ai muốn họp bạn, liên hoan hoặc có "phi vụ" đặc biệt. Thấp thoáng nhiều cô gái còn rất trẻ, mặt búng ra sữa, mặc váy ngắn, bưng dọn thức ăn cho khách. Quán sực lên mùi thơm của thức ăn, mùi con gái, mùi son phấn, mùi nước hoa trộn lẫn thành một mùi khó tả.

Phải qua một chiếc cầu nhỏ nối từ quán ra ngoài sông. Cầu có hai nhịp sơn màu trắng, có những đóa hoa bằng nhựa cắm trên thành cầu, hoa màu vàng, màu hồng, màu tím. Hoa được cắm rất nghệ thuật tạo nên một không gian lãng mạn.

Khu nhà nổi trên mặt nước như một cái lồng chim bồ câu. Cách riêng biệt với không khí bên trong. Ở đây có vẻ thơ mộng. Những người muốn có riêng cho mình một cõi không gian để cùng bạn bè, cùng đồng nghiệp "ăn chơi" thì đến đây. Không ai dám quấy rầy. Đây là một cõi riêng đã được mua đứt.

Hoan và Nam đẩy tấm rèm bước vào trong. Một dãy bàn dài được trải khăn trắng, có một bình hoa lớn đặt giữa và nhiều chai rượu X. O đã mở nắp và thức ăn đã ê hề trên bàn. Hoan nhìn quanh. Những khuôn mặt, bí thư, chủ tịch ủy ban, trưởng phòng thương nghiệp, trưởng công an và vài người lố nhố quan chức trong thị ủy và uỷ ban mà anh đã gặp một vài lần trong những ngày qua. Tất cả đã đến trước anh, đã tự nhiên kêu đồ nhậu, tự nhiên kêu rượu đắt tiền uống, như là của họ mời không bằng. Nhưng Hoan nghĩ đến công việc làm ăn lâu dài, anh im lặng và cố làm ra vui vẻ, anh đến bắt tay từng người. Cuối cùng anh trở về chiếc ghế đã được dành sẵn cho anh và Nam, mỗi người ngồi một bên ông bí thư thị xã.

Khi đã yên vị, ông bí thư cầm chai rượu lên và rót vào cái ly nhỏ:

- Thưa hai anh, ở thị xã nầy, trước đây chúng tôi chỉ uống rượu đế, nhưng hôm nay là ngày vui của chúng ta, hợp đồng mở nhà hàng của chúng ta thành công, hai anh có nhã ý mời chúng tôi đến đây, tôi mạo muội với cương vị chủ nhà, tôi xin mời hai anh cạn ly.

Hoan cũng đứng lên, cũng cầm ly rượu:

- Thưa ông bí thư, ông chủ tịch và các anh em có mặt ở đây. Thật sự tôi rất cảm động khi được các anh em dành cho sự dễ dàng trong công việc. Mọi việc đã trôi chảy, xin mời ông bí thư và các anh em cạn ly.

Các người có mặt đều đồng loạt vỗ tay, ly rượu của ai cũng đã đầy, họ đứng lên đồng loạt và nói lớn:

- Dô, dô, trăm phần trăm đi các vị ơi.

Ông bí thư đứng lên rồi ngồi xuống. Ngồi xuống rồi đứng lên. Ông muốn làm cái đinh của bữa tiệc.

Đồ ăn lại được tiếp thêm lên. Tất cả như đều được sắp đặt trước. Mỗi cô tiếp viên bưng lên một món. Hôm nay đặc biệt là món rắn. Rắn đủ món. Con rắn lớn đã được bắt từ trong lồng, được cắt tiết trước mặt những vị có mặt ở đây, được hòa vào ly rượu mọi người để trên bàn. Rồi cùng dô. Ai cũng biết rượu huyết rắn uống rất cường dương.

Bây giờ thì mỗi em tiếp viên, em nào cũng bận cái juýp ngắn, rất ngắn, để lộ cặp đùi trắng lốp, cái áo ngắn củn cỡn, hở cả một vạt lưng trần trắng mịn, mỗi cô gái đến đứng hầu bên một người đang ăn nhậu. Các em đợi để mỗi khách cần gì thì đáp ứng ngay. Cái khăn tay lạnh được đưa đến tận tay cho khách, hoặc chính em sẽ cầm lau mặt cho khách, rồi rót thêm bia. Đây là bữa tiệc của Việt Kiều khoản đãi Ủy Ban, cho nên mọi chuyện đều phải trân trọng hơn, đặc biệt hơn. Các em nầy được lựa chọn trong hàng mấy chục em tiếp viên, đẹp nhất, trẻ nhất và chìu khách nhất, nói theo danh từ nghề nghiệp là điệu nghệ, của quán.

Thịt rắn được đem lên, các tiếp viên đặt trên bàn những món rắn mới nấu, còn bốc khói, mùi thơm ngào ngạt tỏa lên. Ông bí thư cầm ly rượu, xoay qua phía Hoan, nói giọng lè nhè:

- Anh biết không, hồi chiến tranh tôi là du kích xã hoạt động ở vùng nầy. Tôi bám trụ ở trong bưng. Ban ngày rút vào trỏng, tối ra hoạt động, cũng trần ai khoai củ lắm. Tôi đã từng hộ vệ cho ông sáu Dân về họp ở huyện nầy. Bây giờ mấy ổng làm lớn, mấy ổng quên mất thằng đàn em nầy chớ. Lớp với tôi có biết bao nhiêu thằng ngồi ở huyện, ở tỉnh, có thằng ngồi trên trung ương nữa chớ. Đụ mẹ nó, hồi chiến tranh thằng nào nằm bờ ngủ bụi giỏi thì thằng ấy sống, thằng ấy ngon, còn bây giờ, thằng nào luồn lách giỏi thì làm to, làm lớn. Tôi làm bí thư ở thị xã nầy hai nhiệm kỳ rồi mà không xơ múi gì, chỉ kiếm ăn còn con. Ở thị xã nầy dân toàn nghèo, mình đẻo vào đâu nữa, phải không anh?

NGUYỄN HÀ TUỆ

TRỜI ĐẤT MỘT MÀU MÂY

Người đầu nguồn ngọn suối
Người cuối thác cùng sông
Cách bao nhiêu núi rừng
Một dòng thao thức ấy

Có gì xa xôi quá
Trời đất một màu mây
Có gì xao xuyến lạ
Ngày đêm một bóng gầy

Và rồi tôi buồn bã
Và rồi tôi hoang vu
Biển vỗ vô cùng tận
Trời xanh xanh vô bờ

Trăng vàng tung thác sóng
Chiều nhuộm đỏ sông xưa
Tôi tìm hoài đợi mãi
Điều không đến bao giờ.

Hoan phụ họa:

- Dạ đúng, thời buổi mở cửa, kinh tế thị trường cần nhìn xa trông rộng. Ở thị xã nầy phải mở thêm hoạt động thương mãi, hoạt động ăn uống, ở đâu cũng mở hà rầm mà chú, nên ta mở làng Nướng là đúng thời điểm, phải không chú?

Ông bí thư đưa ly rượu:

- Thì vậy đấy, anh thấy như quán Hòn Đất nầy, trên huyện đã bảo kê, là quán số một ở thị xã, tuyển em út từ các nơi tới, quán hoạt động tự do nên đắt lắm, một chút nữa anh coi, ở đây còn nhiều màn hấp dẫn nữa.

Ông bí thư đưa ly rượu lên miệng ực một cách ngon lành, rồi ông nhoài người lên bàn đưa tay cầm cái muỗng, ông múc vào đĩa thịt rắn, bỏ vào chén, rồi đưa lên lùa vào miệng, nhai ngoàm ngoàm. Ông lờ đờ nói tiếp:

- Dân ở đây đề nghị xây thêm trường học mà tôi cất bỏ, có kinh phí đâu mà xây dựng, mà trường học làm gì, như tôi đây cần gì chữ nghĩa. Chữ nghĩa là đồ bỏ.

Hoan thấy ông bí thư đã vô cơ, đã bắt đầu xỉn, ông nói líu cả lưỡi lại. Cả bàn rộn lên tiếng cười nói, huych toẹt, mạnh ai nấy nói. Hoan cũng cảm thấy hơi say. Một bàn tay mát lạnh đưa một cái khăn ướp nước đá lau mặt anh, một tiếng nói nho nhỏ:

- Anh ngồi yên đi, để em lau mặt cho anh.

Người con gái mặc chiếc váy xanh màu da trời, trông vẻ mặt còn quá ngây thơ, đứng sát bên anh, cầm tay anh để lên ngực nàng, qua làn vải mỏng, anh cảm thấy chiếc vú bên trong săn cứng. Người con gái không mặc xu cheng.

Ánh sáng trong căn phòng như thẫm lại, một màu hồng u tối, chập choạng, im vắng, hoang dại, tràn khắp căn phòng. Có tiếng một người nào đó cất lên:

- Tất cả đã đủ em chưa? Ai chưa có em?

Hoan nghe gọi tiếng "em" như là tiếng kêu cái muỗng, cái khăn hay chai bia, ly rượu không bằng.

Một tiếng khác cất lên:

- Mình có mười một người, mười một "em" đủ.

Tiếng nhạc nhẹ từ một cái loa nhỏ, âm thanh được lọc trong vắt, một bản nhạc của Trịnh Công Sơn, như cánh vạc bay, Hoan lơ mơ trong một trí nhớ mờ khuất. Những hình bóng đung đưa. *Nắng có hồng bằng đôi môi em, mưa có buồn bằng đôi mắt em, tóc em từng sợi nhỏ, rớt xuống đời làm sóng lênh đênh.* Ly rượu chạm nhau. Ông bí thư xoay qua người con gái:

- Đây là anh Hoan, Việt kiều ở Mỹ mới về làm ăn ở thị xã mình đó em, ảnh sẽ lập Làng Nướng ở đây, bọn anh sẽ tổ chức Làng Nướng Nam Bộ, sẽ ngon lành hơn quán Hòn Đất nầy nữa, lúc đó em qua làm với tụi anh, anh sẽ đặc biệt cho em.

Rồi ông xoay qua Hoan.

- Còn đây là Diễm My, em hoa khôi ở nhà hàng nầy, anh là khách quý tôi mới nhường cho anh, chứ những lần khác tôi đến đây phải có em Diễm My tôi mới chịu. Diễm My nhớ thật điệu nghệ với anh Hoan nghe.

Hoan nhìn mặt Diễm My một lần nữa, cô gái ngồi với anh, một khuôn mặt đẹp, khuôn mặt trắng hồng thanh khiết quá. Hàm răng em đều như những hạt bắp. Và nụ cười em lúng liếng làm sao.

Bây giờ thì hết màn ăn nhậu, ai cũng ngồi ngửa ra, mỗi em bắt ghế ngồi cạnh một người. Các em bắt đầu trỗ nghề, em xoa nhẹ trên ngực, lồng tay vào mở hàng nút rồi lấy móng tay nhọn quào quào nơi ngực, nơi nách, nơi cổ. Hơi men

đã thấm, ai cũng muốn được săn sóc, nâng niu. Đèn trong phòng tắt bớt, anh sáng rất nhỏ, chỉ còn một chút màu hồng nhạt bao phủ cả căn phòng. Mỗi ghế ngồi là một thế giới riêng cho từng cặp.

Men rượu nồng đã làm Hoan ngây ngất. Anh không tưởng tượng được cảnh nầy. Anh hơi ngượng vì ở Mỹ cuộc sống anh rất chân chất. Đi làm trong hãng quần quật. Về nhà coi TV, đọc báo, rồi ngủ để làm tiếp ngày mai. Thứ bảy, chủ nhật chở vợ đi chợ, giặt giũ áo quần, chả còn thời giờ đâu mà nghĩ đến chuyện ăn chơi. Chỉ những lúc sau nầy khi anh có ý định về làm ăn ở VN anh mới tham dự vào những cuộc nhậu nhẹt.

Ông bí thư lim dim đôi mắt, ngồi trên ghế duỗi chân dài cho một em đấm bóp, giọng ngai ngái như đang buồn ngủ :

- Anh về đây làm ăn là đúng, nhà nước ta mở cửa, mọi dịch vụ đều cần thiết. Anh có vốn, dại gì ở bên đó làm tôi mọi cho bọn đế quốc. Về đây anh là chủ, anh muốn gì được nấy. Bây giờ tôi mới sáng mắt ra, bao nhiêu năm tôi đi chiến đấu, cuối cùng về ôm chức vụ không ra gì, còn những thằng chỉ có mồm miệng tâng công, lại có vai có vế, mẹ nó chớ. Anh về đây có tiền là có tất cả, muốn gì được nấy. Ở đây, mấy con nữ anh thấy có khá không, nó hầu hạ anh hết mình, anh không phải làm vua sao?

Hoan thấy mình đang trôi đến một nơi chốn nào đó, có những đám mây xanh êm mát trộn lẫn mùi hương của loại nước hoa đắt tiền. Anh không nghe giọng ông bí thư nói nữa, mà chỉ thấy mình được một bàn tay nào đó nhẹ nhàng xoa bóp. Bàn tay với ngón tay nhọn, xoa nhẹ mãng ngực trần của anh, ngón tay cào cào trên da thịt, làm anh nghe mình như nhẹ tênh. Anh đưa tay vuốt nhẹ sống lưng của người con gái, sóng lưng mềm mát trong ánh sáng thấp thoáng nhờ nhờ. Cô gái bận cái váy ngắn, cái áo ngắn, để lộ ra một khoản lưng trần. Không cọt sê, và không xì líp. Hình như đó là quy luật ở đây cho các em tiếp viên tiếp khách trong những căn phòng VIP như phòng nầy. Các em phải làm cho khách ngây ngất, dậm dựt, thoả mãn, thì họ sẽ bằng lòng với cái giá mà họ sẽ mở hầu bao.

Bây giờ "con nữ hoa khôi" ngồi trên ghế, như nằm choàng lên cả người Hoan, đôi vú trần, cứng cà lên khuôn mặt anh, em thổi nhẹ lên lỗ tai của Hoan, rồi đưa ngón tay gãi nhẹ trên lưng và bắt đầu hát. Nhạc Vàng. Đúng là nhạc vàng. Em hát từ Thu Hát Cho Người rồi qua Trên Ngọn Tình Sầu, Niệm Khúc Cuối, Ai Nói Yêu Em Đêm Nay, Đừng Xa Em Đêm Nay. Hoan ngẩn người. Tại sao có những người con gái quá đẹp, hát những bản tình ca tuyệt vời như thế nầy mà đi làm tiếp viên. Giọng em nhẹ, trong vắt và quyến rũ. Em có thể lên sân khấu làm ca sĩ, hát trong những dịp văn nghệ lắm chứ, sao em, sao em thế nầy ?

Tất cả căn phòng im bặt. Chỉ có tiếng rù rì nho nhỏ rồi tiếng khúc khích cười, tiếng cười pha trộn mùi rượu, mùi thuốc lá, mùi con gái. Mỗi cặp bây giờ là một thế giới riêng. Nhiều khi Hoan chợt nghĩ đây không phải là một buổi nhậu chiêu đãi mà một trò chơi hoan lạc trong một xã hội hoan lạc. Bây giờ chung quanh anh là một bầy vượn cổ sơ đang tập họp bầy đàn lại để truy hoan. Ánh đèn mờ ảo, tiếng hát nhẹ kề sát bên tai anh như rót vào tai anh những điệu nghê thường. *Mùa thu nào đưa người tình đi biền biệt. Mùa thu nào đưa người về thăm chốn xưa, Hoàng Hạc bay, bay mãi, tít trời cao, Về Đồi Sim Ta Nhớ Người vô bờ.*

Trong cơn đồng thiếp, Hoan sờ soạn trên thân hình người con gái, đôi vú nhỏ, căng, với một thân hình thon, một khoảng mông eo gợn nhẹ như làn sóng dập vào triền cát. Anh đê mê trong những cảm giác mời gọi.

Bỗng, người con gái tuột khỏi thân mình Hoan, giọng hát nàng im bặt, nàng ngồi thụp xuống đưa tay kéo fermature quần Hoan và dụi mặt vào.

Chung quanh đâu đây đều diễn ra như vậy. Tiếng hít hà nho nhỏ. Tiếng thở và tiếng rên của nhiều người con gái. Ông bí thư, ông chủ tịch ủy ban nhân dân, ông trưởng phòng thương nghiệp, trưởng công an thị xã, ông chủ tịch mặt trận tổ quốc, chàng công an khu vực và vài người nữa cộng với hai chàng. Tiếng hít hà của một bầy đàn động cỡn.

Sáng hôm sau, ngồi với Nam ở một quán cà phê. Hoan bày tỏ suy nghĩ của mình:

- Hồi hôm tau về nằm suy nghĩ lại. Sơ sơ mới tiếp xúc đầu tiên mà mình đã tốn gần ba ngàn đô. Mở quán ra, mấy cha nầy đến ăn hằng bữa, coi nhà hàng như nhà của chúng thì cũng thấy mẹ mình. Mình chỉ có nước làm ra để nuôi bọn nó thôi. Nên tau nói thiệt với mày, tau rút lui. Coi như bỏ ra ba ngàn ăn chơi một bữa xã láng cho biết mùi đời.

Nam vẻ mặt không vui:

- Nếu mày xù thì cũng kẹt cho tau. Nhưng mà thôi. Tau thấy mầy nói cũng đúng. Coi như đêm hôm qua mày mua một cuộc vui để đời, dù giá hơi cao một tí. Mình chuồn thì bọn chính quyền thị xã cũng chẳng lỗ lã gì đâu. Bọn họ sẽ có mối khác, sẽ có con nhạn khác là đà.

Mối Tình Của Thầy Tăng Chùa Chí Hạ

(Chí Hạ Tự Thượng Nhân chi Luyến)

TAM-ĐẢO DO-KỶ-PHU
(Mishima Yukio)
NGUYỄN VĂN THỰC *dịch*

Lời người dịch: *Tam-Đảo Do-Kỷ-Phu, sinh năm 1925, trong một gia đình công chức. Cha ông không thích gì chuyện văn chương. Ông tốt nghiệp trung học vào hạng ưu. Học đại học Đông Kinh. Tốt nghiệp, làm việc ở bộ tài chánh, nhưng chỉ một năm sau, ông bỏ hẳn nghề và dành toàn thời cho việc làm văn chương. Ông may mắn gặp được nhà văn lớn Xuyên-Đoan Khang-Thành (Kawataba Yasunari) và được nhà văn này giới thiệu các truyện ngắn của ông cho các tạp chí lớn.*

Tác phẩm khẳng định tài năng của ông là cuốn Lời tự thứ của cái mặt nạ *(1949); nói về chuyện đồng tính luyến ái của chính ông và về những gai góc khi phải sống trong xã hội với tính cách tính dục như thế.*

Tác phẩm nổi tiếng khác như Chùa Kim các, *viết về một chuyện có thật xảy ra năm 1950: Một sa môn trẻ tu ở chùa Kim các, giận mình quá xấu xí, và để ngăn cho chùa khỏi rơi vào tay ngoại nhân trong thời kỳ Mỹ chiếm đóng nước Nhật, sa môn ấy cuối cùng đã đốt chùa. Ngoài ra còn có bộ trường thiên tiểu thuyết* Sự giàu có của biển *gồm 4 cuốn. Các tác phẩm khác:* Tiếng sóng, Khát tình, Sau bữa tiệc... ; *tất cả gồm 40 cuốn tiểu thuyết và nhiều truyện ngắn. Ngoài ra, ông còn làm thơ; viết văn nghị luận; viết kịch theo lối Tây, và viết lại các tuồng tích cổ điển lại thành kịch loại mới.*

Văn ông giàu hình ảnh, trau chuốt, hoa mỹ, đôi lúc quá tay, đâm ra tối nghĩa, hoa hòe hoa sói; ông lại viết văn mà như làm thơ, ít theo qui tắc văn phạm thông thường, nên đòi hỏi những người đọc, người dịch phải đóng góp phần mình khi đọc, khi dịch. Nhưng thế hệ trẻ lại thích bút pháp như thế của ông. Tới thập niên 60, người Nhật bớt ưa chuộng văn ông, nhưng ở Âu Mỹ người ta vẫn tiếp tục hâm mộ, và người ta vẫn còn bình phẩm nhiều cho tới ngày nay. Ông được kể là một trong những nhà văn hàng đầu của Nhật, và được đề cử tranh giải Nobel văn chương ba lần.

Tác giả (trái) và Kawabata

Trong những tác phẩm mang tính tự truyện, người ta thấy ông hoang tưởng nhiều về sức mạnh nam nhi; ông còn đề cập nhiều về thể xác khoẻ, đẹp, về sự tàn tạ của thân thể. Ông tập thể dục để có thân hình đẹp; còn là người giỏi võ Không thủ đạo, và Kiếm đạo. Ông cổ võ lòng yêu nước kiểu thời kỳ quân chủ đế quốc trước Thế chiến thứ hai; muốn phục hồi tinh thần võ sĩ đạo và tác phong hiệp khách (xamurai). Ông chiêu dụ được 100 thanh niên, lập thành một đội quân tư. Đội quân này, năm 1970, dưới sự chỉ huy của ông, đã chiếm được một số căn cứ quân sự của Nhật. Nhưng, thất bại, ông mổ bụng tự tử bằng thanh kiếm của

chính ông, theo tinh thần võ sĩ đạo mà ông muốn phục hồi.

Tuy nhiên, ông lại thích mặc đồ Tây, ở nhà Tây.

Truyện ngắn sau đây lấy từ Tam-Đảo Do-Kỷ-Phu Toàn Tập, Đông Kinh, 1973, (gồm 35 cuốn, mỗi cuốn khoảng 650 trang.)

Tôi cũng thử dùng tiếng nôm na để dịch các thuật ngữ Phật học tác giả dùng trong truyện, nhưng vẫn ghi phần chữ Hán-Việt cho quí bạn đọc, vì quen dùng hay vì lý do nào đó, thích thuật ngữ Hán-Việt hơn./ NVT.

1.

Dù đây không phải là một bài khảo cứu, tôi vẫn nghĩ là tôi sẽ không tránh khỏi những lời thóa mạ, vu khống. Truyện này viết dựa theo mục *Ký thuật truyền thuyết*, tập thứ 37, của tác phẩm *Thái bình ký*. Theo ý kiến chung chung của người đời, thì khi so sánh truyện viết về thầy tăng chùa Chí Hạ, người của nước Nhật nơi tác phẩm này, với truyện kể về Nhất Giác Tín Nhân, người Thiên Trúc, truyện thầy chùa Nhật chỉ là một truyện kể đơn giản. Cái hay của truyện ở những sự kiện tâm lý không rắc rối của truyện hơn là những tình tiết ái tình đặc biệt của truyện. Và tình yêu và tôn giáo cũng được đề cập đến trong truyện. Ở phương Tây người ta nói nhiều về những chuyện như thế; không như ở Nhật. Người đời sau khi đề cập đến những vấn đề của họ, chắc chắn họ sẽ phải đưa nhân tố tình yêu vào. Người đời trước cũng như người đời nay chẳng những đã tranh luận về các thầy mà còn về những người nữ được (bị) yêu. Xin đại ngôn một chút: Sỡ dĩ câu chuyện tình này được thành hình, bởi vì những tranh luận về ái tình là những vấn đề tế nhị, tế nhị ở chỗ những cơ cấu về thế giới mà chính mình lâu nay tạo ra bằng suy nghĩ, có sụp đổ hay không cũng do đó mà ra. Quả thật, phái Cõi sạch (Tịnh độ tông)[1] cực thịnh từ giữa thời Bình an[2]; phái này, nói cho đúng ra, là một tín ngưỡng có một cái nhìn mới rất lớn, về thế giới ta nhìn, ta thầm nguyện.

Theo *Vãng sinh yếu tập*, trong bộ sách *Huệ tín tăng đô*, nếu so với Cõi sạch, Mười điều sướng chỉ là một sợi lông của chín con trâu. Mười điều sướng đó là: 1. sướng vì thánh nhân đến đón rước; 2. sướng vì hoa sen nở; 3. sướng vì xác được thông với thần; 4. sướng vì thấy năm cảnh lạ kỳ; 5. sướng vì vui vẻ không dứt; 6. sướng vì có duyên nợ mà được chắp nối với nhau; 7. sướng vì gặp gỡ các thánh; 8. sướng vì thấy được Phật và nghe được Lẽ lớn (Pháp); 9. sướng vì theo Phật tùy thích; 10. sướng vì Đường của Phật được lớn mạnh.

Nơi Cõi sạch ấy, đất là ngọc lưu ly; đường được phân chia ra bằng những sợi chỉ vàng ròng; mặt đất bằng phẳng, bao la. Trong mỗi vùng lại có năm triệu cung điện, lầu gác làm bằng các loại đá quí. Có các tấm trải giường lạ lùng trải trên các giường làm bằng bảy món quí: vàng, bạc, ngọc lưu ly, ngọc bì ly, xà cừ, đá mã não, ngọc trai, san hô. Nhiều người nhà trời đánh đàn trên các cung điện, lầu gác đó, và vừa hát vừa cười nụ Như lai. Trong vườn của các giảng đường, tịnh xá, cung điện, lầu gác, đều có hồ tắm. Sỏi bạc ròng dưới đáy hồ vàng. Sỏi ngọc thủy xương nơi đáy hồ lưu ly. Ánh sáng trải trên hoa sen rực rỡ nơi mặt hồ. Gió nhẹ thổi qua, hoa linh loạn. Lại còn vịt, chim oanh, công, chim sẻ, vẹt, chim ca-lăng-tầm-già (loại chim có mặt đẹp như mỹ nữ và có giọng hót hay) và các thứ chim màu sặc sỡ khác. Chúng hót cả ngày cả đêm không ngớt. (Dù giọng hót có êm đềm cỡ nào đi nữa, mà các loại chim đều cùng hót, có lẽ rồi cũng ồn lắm!) Cạnh bờ hồ và nơi những chòm cây ven sông còn có những loại cây quí; thân vàng, cành bạc, hoa san hô in hình trên mặt gương hồ. Thỉnh không giăng giăng sợi quí, và nơi những sợi đó có treo các chuông quí và những nhạc cụ tuyệt vời, không đánh mà kêu lên những âm thanh diễn tả Lẽ lớn diệu kỳ.

Còn nếu muốn ăn, bàn thất bảo tự nhiên hiện ra trước mắt, và những thức ăn ngon sẵn đầy trong chén thất bảo. Rồi ăn cũng chẳng phải dùng tay; chỉ nhìn thấy sắc, chỉ ngửi mùi, xác và lòng trở nên sạch trong, mà bụng no, chất nuôi sống đã nhập vào xác mà chẳng phải làm cái việc ăn. Xơi xong, chén, bàn bỗng biến mất.

Quần áo cũng tự nhiên khoác vào thân mà chẳng phải may, giặt, nhuộm. Đèn cũng chẳng cần, vì ánh sáng rỡ ràng nơi nơi. Cũng chẳng cần phòng ấm, phòng lạnh mà chi, vì khí hậu ấm áp quanh năm. Hương trăm loài tràn đầy không gian, và cánh sen rơi rơi không ngơi.

Lại nữa, nơi *Vãng sinh yếu tập*, ở mục *Quan sát*, có dạy rằng những kẻ suy xét với tấm lòng nguồn cội mà vẫn không thể đi sâu vào cõi lòng được, rồi tưởng tượng lại nổi lên, thì kẻ ấy phải hết sức hết lòng tập trung tư tưởng; và để nhìn được Phật, con đường ngắn nhất là phải dùng sức tưởng tượng hầu thoát ra khỏi những chiều kích của cõi thế này. Sức tưởng tượng quá đỗi lạ lùng

đó hướng về và tập trung vào một cành hoa sen, và từ đó, sức tưởng tượng làm cho sen lớn rộng ra. Nếu nhìn dưới kính hiển vi, và nếu dùng kiến thức của thiên văn học mà suy, hoa sen ấy có lẽ sẽ trở thành nền tảng cho những bàn luận về vũ trụ; rồi hoa còn làm kẻ trung gian (cho chúng ta hiểu được chân lý). Nhưng điều phải nói trước tiên ở đây là nơi mỗi cánh hoa có tới 84 ngàn đường gân; ở nơi mỗi gân có 84 ngàn tia sáng. Cũng theo sách trên, hoa dù nhỏ đi nữa, chúng cũng có đường kính tới 250 *do-tuần*, mà mỗi *do-tuần* dài chừng 30 dặm Tàu (128km), như thế đường kính phải dài tới 7500 dặm Tàu (3018 km).

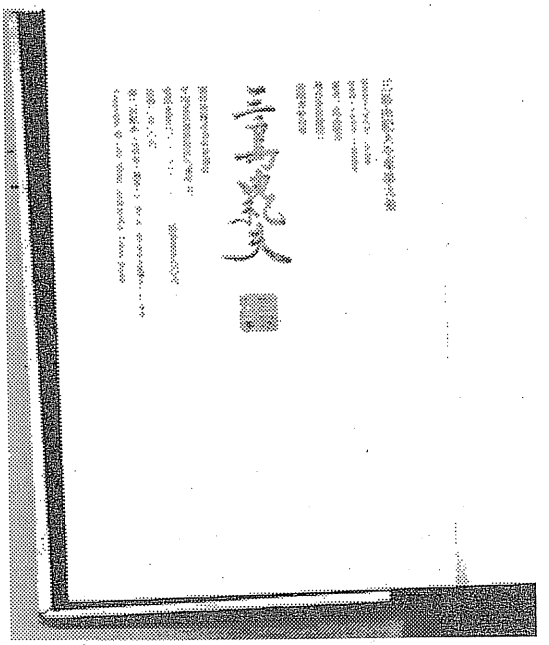
Tác phẩm của Mishima Yukio

Mỗi hoa sen lại có 84 ngàn cánh; nơi mỗi cánh có năm triệu đá quí phát ra ngàn ngàn ánh sáng đủ loại. Rồi nơi đài hoa được tô điểm lộng lẫy ấy còn dựng đứng bốn cột cẩn đá quí. Mỗi cột cao gấp 84 ngàn lần núi Tu-di. Những tấm phướn treo trên những cột ấy có đính năm triệu hạt ngọc trai; mỗi hạt có tới 84 ngàn loại tia sáng. Mỗi tia sáng lại có 84 ngàn ánh khác nhau; và các ánh lại quyện với nhau.

Kiểu tập trung trí tưởng tượng như thế gọi là "phép nghĩ về tòa hoa." Những hình ảnh, ý tưởng làm nền cho truyện ngắn này, có tầm cỡ như vừa kể.

2.

Thầy tăng chùa Chí Hạ là một thầy tăng đức độ cao vời. Thầy, mày trắng, thân già yếu phải chống gậy, dáng đi chậm rãi.

Cái gọi là cõi thế, một khi hiện trong con mắt của bậc thánh nhân tu học nức hương, thời nó chỉ là rác rến. Và thời gian thầy ở trong am mà hiện nay thầy đang ở, thầy có trồng một cây thông; cây bây giờ ôm gió lộng trên đỉnh, trong thinh không cao cao. Cho nên, khi tiếp cận với một cõi thế đời đời phù ảo, thầy, với một cái tâm của một bậc thánh, lòng vẫn lặng lẽ, cái lặng lẽ của một đại trượng phu.

Khi thầy thấy những người giàu có, thầy lại cười, nụ cười xót thương; xót vì tại sao họ không biết là những cái vui, cái sướng của chuyện giàu có chỉ là mộng mị. Khi gặp những người nữ nhan sắc mỹ miều, thầy lại thương những con người của thế giới mê lầm ấy: họ sẽ còn mãi nổi trôi, vướng vấp muộn phiền.

Nếu người ta không còn đồng cảm với những lực đang vận hành cõi thế, thì trong phút giây đó, cõi thế sẽ ngưng lại. Trong mắt của thầy tăng, chỉ còn có cái cõi thế đang ngưng lại ấy. Cái cõi thế ấy chỉ là một bức tranh vẽ trên giấy, một loại bản đồ của một nước nào đó. Và một cõi lòng không còn vướng víu, cõi lòng ấy quên luôn những sợ hãi. Cho nên thầy tự hỏi: Như thế tại sao còn có địa ngục? Rõ ràng là cõi đời này chẳng làm gì được thầy nữa. Nhưng vì thầy không phải là một người kiêu ngạo, thầy không bao giờ nghĩ thầy được như thế là do đức độ của thầy.

Và nơi thầy, chuyện ham muốn xác thịt hầu như mất hẳn. Những lúc trong phòng tắm, thầy vui sướng khi thấy thân xác mình chỉ còn da bọc xương. Vì thân xác đã ra như thế, thầy không còn cần ứng xử gì đối với nó, như trường hợp những người khác. Xác thân đã ra như vậy, thì chỉ có đồ ăn, thức uống của Cõi sạch xem ra mới thích hợp cho thầy.

Mộng mị đêm đêm ư? Thầy chẳng mộng gì khác hơn là mộng về Cõi sạch. Khi mở mắt ra, thầy thấy và thương xót cho con người sống nơi cõi thế này còn vướng víu vào giấc mộng không-thường-còn.

Xuân về, khí lành, hoa nở, nhiều khách Kinh Đô đến thăm làng Chí Hạ. Thầy cũng chẳng vì thế thấy phiền hà gì, vì nay lòng thầy không còn bối rối chuyện loài người. Thầy chống gậy, từ am cỏ đi ra. Thầy đi đến vùng quanh hồ. Vào khoảnh khắc ấy ánh chiều khoan thai rọi vào vùng nắng sau giờ ngọ. Thầy đứng một mình bên hồ sóng

lặng tăm. Thầy đang thực hành phép nhìn nghĩ về nước[3]. Vào lúc ấy có một chiếc xe của hạng người quyền quí chạy rảo quanh hồ, rồi ngừng cạnh bờ hồ, chỗ thầy tăng đang đứng. Chủ nhân của xe là quí phi, xuất thân từ Kinh Cực. Nàng đến Chí Hạ để ngắm cảnh. Và nàng vén rèm lên để nói lời từ biệt với cảnh vật quanh hồ.

Thầy tăng bất giác thấy nàng như thế, và thầy bị choáng váng vì cái nhan sắc đẹp đẽ của nàng. Quí phi và thầy tăng, bốn mắt một thoáng gặp nhau. Thầy, mắt chẳng rời, và quí phi, mắt cũng không quay. Đó không phải là một người dung tục có cái nhìn vô lễ; nhưng vì kẻ nhìn đó là một lão tăng rõi theo giáo pháp của Phật, nàng đâm ngờ cái ý nghĩa của cái nhìn ngưng đọng trên nàng như vậy.

Nàng ngay lập tức hạ rèm xuống. Xe chuyển bánh rời xa, qua hẻm núi Chí Hạ, xa dần về hướng đường dẫn tới Kinh Đô, rồi xe theo dọc đường chùa Ngân Các nhập kinh. Xe đã khuất nẻo sau rừng cây mà thầy tăng vẫn còn đứng.

Cõi thế này, với một sức mạnh khủng khiếp, đã quật ngã thầy tăng trong nháy mắt. Cái cảm nghĩ về một đấng trượng phu giờ đã tan tành như ngói vỡ.

Khi về đến am, thầy quay mặt về đấng Thế Tôn và ra sức kêu lên tên Phật. Nhưng những hình ảnh nghĩ ngợi lung tung cứ mãi đeo đẳng, quấy quả thầy. Cái nhan sắc ấy là bóng dáng khói sương, là hiện tượng nhất thời của một xác thân sẽ bị tiêu diệt. Nghĩ thế thì cứ nghĩ, nhưng sức mạnh của cái khoảng khắc ấy đã đánh mạnh trái tim thầy, vì khuôn mặt tuyệt đẹp ấy có cái gì đó như thật hiếm hoi, như thật xa vời. Thầy chẳng còn trẻ mỏ gì. Cái chuyện động lòng ấy, dù có khoác cái danh nghĩa gì đi nữa, nó vẫn là trò quái quỉ của xác thịt bừng bừng. Nhưng xác thịt, dầu gì đi nữa, trong nháy mắt, sẽ biến mất. Nói cho đúng hơn, thầy tăng ấy bỗng tắm trong thuốc độc, và tinh thần thầy đột nhiên biến chất. Thầy tăng nào có phá giới. Trong thời trai trẻ, thầy đã chống trả với chước cám dỗ đó, và coi người nữ chẳng qua là một cục thịt. Cái cục thịt ấy, trong trí tưởng của thầy là một cục thịt tinh ròng. Xác thịt không gì khác hơn là một hiện hữu hoàn toàn nằm trong ý niệm để ta bắt nó khuất phục. Thầy đã dựa trên sức mạnh tinh thần; và thầy đã thành công. Trong những người quen biết thầy, không một ai nghi ngờ về thành thích của thầy. Nhưng cái dung nhan của người nữ vén rèm ngắm hồ hôm nọ, cái hiện hữu mười phân vẹn mười đượm ánh sáng huy hoàng ấy, thầy không biết lấy tên gì để gọi cục thịt đó cho đúng. Thầy chỉ nghĩ rằng, để đem đến cho thầy giây phút hiếm có đang xảy trước mắt ấy, một cái gì đó bấy nay cứ lừa, cứ giấu-quanh thầy, nay bắt đầu lộ hình lộ tướng trong lòng thầy. Cõi đời này chính là cõi đời bấy nay đã bị ngưng lại, rồi bỗng nhiên như từ trong tranh, nó hiện ra và bắt đầu động đậy. Giống như khi đứng nơi ngã tư đường lớn Kinh Đô ngựa xe dập dìu, người ta lấy tay bịt tai lại, và bỗng nhiên thả tay ra, thế là tiếng huyên náo lại ào ào xô vào tai.

Va chạm vào giòng chuyển, nghe được những âm thanh ấy, như thế là đã hội nhập vòng tròn đời nầy. Dù người ta có cắt đứt với mọi mối liên hệ, cuối cùng lại vẫn cứ trói mình vào những liên hệ này khác.

Cả khi xem kinh sách, thầy vẫn cứ buông tiếng thở dài nhẫn nhục không biết bao nhiêu lần. Thầy ngẫm nghĩ, liệu cái tự nhiên đang phân mảnh lòng mình hay sao đây. Vời trông mây đang vắt trên rặng núi chiều hôm, lòng thầy chỉ làm rối rắm hình tượng mây và rồi mê mải trôi theo giòng mây. Khi nhìn trăng, ý nghĩ thầy lại đi hoang như trước. Thầy quay về với đấng Thế Tôn và đinh ninh mình đang lọc cho trong lòng mình, nhưng khuôn mặt của Phật, khuôn mặt ngài lại thấp thoáng dung nhan nàng qúi phi. Cái cõi thế của thầy đã nhập vào vòng tròn nhỏ; ở một điểm đằng này của vòng tròn là thầy tăng, và đằng điểm kia là quí phi.

3.

Nàng quí phi người quê Kinh Cực đó đã quên bẵng chuyện thầy tăng đứng cạnh hồ ngắm nhìn dung nhan của nàng.

Nhưng rồi bắt đầu có tin đồn đãi, và nó làm nàng nhớ tới chuyện cũ. Có người dân làng Chí Hạ đã thấy bóng dáng thầy tăng vời theo bóng xe quí phi. Người đó kể lại chuyện ấy cho một vị quan trong triều, nhân dịp quan đến làng ngắm hoa; và kẻ ấy còn bảo là từ độ ấy thầy tăng như điên như cuồng. Quí phi làm ra cái vẻ mình chẳng hay biết gì về chuyện người ta đồn đãi. Và vì thầy vốn nức danh đức độ cao vời, cái tin đồn ấy lại càng làm cho quí phi thêm kiêu kỳ, bởi nàng đã quá chán chường chuyện ong bướm thế thường. Nàng biết rõ mười mươi về sắc đẹp của mình; nhưng nàng lại bị lôi cuốn bởi những sức mạnh dám coi sắc đẹp là vô giá trị, cho nên chẳng lạ gì nàng đã trở nên một tín nữ sốt sắng tin vào đạo pháp. Vì có khuynh hướng mãnh liệt xa lánh cõi thế như vậy, nên nàng đã theo phái Cõi sạch. Cái

thuyết nhà Phật dạy rằng cõi đời rực rỡ, đẹp đẽ nầy chỉ là đất đai dơ dáy, thuyết ấy đã an ủi lòng nàng vốn chán chuyện vinh hoa mà người đời cứ nghĩ đó là hoa trái đời này.

Trong hàng những kẻ thích chuyện yêu đương, quí phi chính là một hiện thân tao nhã chốn cung đình. Cho nên, nàng đã không khứng ban tình yêu cho bất cứ ai. Nàng cao giá là ở chỗ đó. Ai cũng thấy là nàng chẳng yêu vua hết lòng. Nàng ước mơ có được khối tình si vượt mọi biên cương.

Thầy tăng chùa Chí Hạ đức độ cao vời, tuổi trời đã cao. Ai cũng biết là thầy đã hoàn toàn từ bỏ cõi thế này. Và nếu tiếng ong tiếng ve có thật, thì như thế thầy đã quá mê cái nhan sắc của quí phi, và đành cam lòng hi sinh cõi đời sau. Chẳng có một sự hi sinh nào to lớn hơn thế, chẳng có một tặng vật hiến dâng nào vĩ đại như vậy.

Văn nhân tài tử chốn cung đình, chẳng ai trù quyến được nàng; và lòng nàng không mảy may xúc động trước cái vẻ hào hoa phong nhã của bọn công tử vương tôn. Nàng đau đáu tìm kiếm một người nam sẽ yêu nàng mãnh liệt, yêu nàng thâm sâu. Người nữ nào cứ ôm ấp trong lòng mình nỗi đau đáu chờ mong ấy, người nữ ấy là một kẻ đáng sợ. Nếu nàng chỉ là một cung phi tầm thường, phú quí đời này cũng là đủ cho nàng rồi. Nhưng nàng quí phi này tuy đã được mọi phú quí đời này, nàng còn chờ một người sẽ dâng nàng trọn phú quí đời sau.

Nơi chốn cung đình chuyện đồn đãi thầy tăng chùa Chí Hạ mê quí phi càng ngày càng râm ran, và người ta nửa đùa nửa thật tâu cho vua biết.

Dĩ nhiên, nàng chẳng lấy gì làm vui, khi nghe những lời đàm tiếu đó, nhưng nàng vẫn làm mặt lạnh. Nàng biết rằng người ta thoải mái nói về chuyện ấy, hoặc để ca tụng cái nhan sắc đã làm mê muội được cả thầy tăng đức độ, hoặc để trấn an nhau là một mối tình giữa lão tăng và một nường quí phái như thế chẳng làm sao mà xảy ra được.

Riêng nàng, nàng còn nhớ rõ bản mặt của lão tăng khi nàng từ trong xe nhìn ra, nhưng mặt của ông ta không giống bất cứ mặt của người đàn ông nào mà nàng đã từng đem lòng luyến ái.

Thật là lạ lùng tình ái lại nẩy mầm được trong một người không có tư cách để yêu như thầy tăng. Thực ra nơi cung đình, hầu tìm kẻ tri âm, người ta hay đờn ca xướng họa những loại ca trù có tên là "tình yêu vô vọng"; nội dung các bài ca trù nầy nếu so với chuyện tình của thầy tăng, chúng chỉ là những bài biểu diễn về chuyện tình khơi khơi cạn kệch.

Đọc tới đây, bạn đọc cũng đoán ra được đôi phần: Người nữ quyền quí ấy là hoá thân của tao nhã, và nàng còn là người đàn bà rất thích được yêu vì. Làm quí phi cao trọng, quyền uy mà chẳng được ai yêu, thì mọi sự khác chỉ đáng vứt đi. Trong khi các đấng nam nhi kèn cựa nhau nơi chính trường, quí phi lại ước mơ chinh phục thế giới theo phương pháp của nàng, phương pháp thuần nữ tính. Nàng cười thầm những người đàn bà cạo đầu đi tu. Đàn bà, người nào cũng vậy, tiếng là bỏ đời, nhưng họ chẳng bỏ gì ráo. Chỉ có bọn đàn ông con trai mới từ bỏ được những cái mình có. Lão tăng ấy ngày nọ đã dứt bỏ cuộc thế nổi trôi; thầy hơn xa những bậc công hầu khanh tướng. Thầy đã bỏ được cõi đời nổi trôi này, và giờ đây thầy lại rắp bỏ luôn cả cõi đời sau. Người nữ quí phái ấy vẫn còn nhớ trong lòng những ý nghĩ về hoa sen. Nàng thích đóa sen rất lớn ấy, lớn tới 250 *do-tuần* hơn là loài sen nở trước mắt. Rồi ví dụ như khi nghe gió luồn qua cây trong vườn nhà, và so sánh tiếng vàng rơi rụng từ ngàn cây trong Cõi sạch lúc gió thổi, nàng thấy âm thanh vườn mình chẳng mấy hay ho. Và những lúc nghĩ tới những nhạc cụ treo lửng lơ giữa trời, chẳng đánh mà kêu, nàng thấy đờn với địch đời này chỉ là những mô phỏng tội nghiệp.

4.

Thầy tăng chùa Chí Hạ đã chiến đấu không ngừng. Thầy đã đấu tranh với xác thịt của tuổi thanh xuân hầu kiếm cho mình cái đời sau, nhưng, khi đã về già, thầy thấy cuộc chiến đầy tuyệt vọng ấy là một sự thất bại không cách gì cứu vãn được.

Cái chuyện yêu nàng qúi phi quê Kinh Cực rõ ràng như ban ngày là chuyện chẳng đi tới đâu. Một khi vướng vào cái tình như thế, chắc chắn không có cách nào vào Cõi sạch được nữa. Thầy tăng đức độ lâu nay sống ung dung mình thiệt là mình, ngay tại cõi đời này, bỗng chốc bị bóng tối che phủ trên đường về. Cái dũng khí lăn lộn trong cuộc chiến đấu thời trai trẻ vì chàng tuổi trẻ ấy vẽnh mặt tự cấm mình ham muốn những điều mà nếu chàng thích chúng vẫn có đó đợi chàng, cái dũng khí ấy giờ này vẫn còn sống động nơi lão tăng.

Nhưng thầy vẫn lại sợ hãi; đấy là sự tỉnh táo coi chừng cái bóng tối sâu thẳm đời này, ở đấy người ta chẳng làm sao mà biết điều gì sẽ xảy ra ở một bước trước mặt mình. Mãi cho tới cái ngày chiếc xe ấy dừng bên bờ hồ Chí Hạ, thầy luôn tin

rằng cái đang chờ đợi thầy không gì khác hơn là cõi Niết-bàn.

Lối suy nghĩ về đài hoa[5], lối suy nghĩ toàn thể[6], lối suy nghĩ từng phần[7], tất cả chỉ là chuyện phù phiếm. Mỗi khi thầy tập trung tư tưởng, dung nhan nàng quí phi lại hiện lên. Thầy nghĩ về nước nơi hồ, nhưng rồi cũng chỉ uổng công, bởi từ đáy nước lăn tăn, dung nhan quí phi lồ lộ. Tập trung như thế quả là lợi bất cập hại, nên dù thầy có cố gắng cách mấy đi nữa, lòng thầy vẫn cứ phân tán, đầu óc thầy vẫn mãi mông lung. Quả thực chuyện tập trung tư tưởng chỉ tổ làm thầy rối rắm u mê. Thầy ngạc nhiên về điều này. Thầy nhận ra rằng có cố gắng tập trung cách mấy, cuối cùng mê muội lại hoàn mê muội. Lòng thầy ủ ê; thầy bèn nghĩ ra cách là cứ tập trung tư tưởng vào dung nhan của quí phi, thay vì cứ chạy trốn rồi lại trốn chạy; làm như thế hẳn thầy sẽ được vui vẻ hơn.

Thầy cảm thấy sung sướng khi thầy điểm trang, nét này vẻ nọ, cho cái ảo ảnh của nàng quí phi. Làm như thế, thầy tạo được một hiện hữu càng ngày càng rực rỡ, nhưng càng ngày càng xa vời, càng ngày càng vuột ra khỏi tầm tay với. Không hiểu tại sao thầy vẫn cảm thấy sung sướng cho được, bởi chẳng thà mường tượng ra nàng quí phi có một xác thân người nữ là sà rất gần cõi thế, như thế còn tự nhiên hơn. Và dù đó chỉ là ảo ảnh mà thôi, nhưng làm như thế quả là đỡ khổ cho người đang yêu gấp bội.

Nghĩ ngợi như thế, và thầy vẽ ra được một hình ảnh của quí phi cho riêng mình, nhưng thầy thấy rằng nơi cái hình ảnh ấy, thịt xương chẳng ra thịt xương, ảo ảnh chẳng ra ảo ảnh. Nói đúng ra, thầy chỉ vẽ ra những nét tượng trưng cho những biểu hiện bên ngoài[8], những nét tượng trưng cho thể xác[9]. Cất công đi tìm những nét tượng trưng như thế thì thật là kỳ cục. Cao tăng đã bị hãm vào tình, vậy mà thầy vẫn không thoát ra khỏi cái khuynh hướng tu luyện hằng này, ấy là truy đuổi thân xác bằng cách trừu tượng hóa nó. Thế là nàng quí phi ấy trở thành một ảo ảnh hình sen lớn tới 250 *do-tuần;* khi nghiêng mình trên những cánh hoa sen, nàng to hơn núi Tu-di, lớn hơn cả một nước.

Thực ra, thầy càng tuyệt vọng tạo ra một cõi tình như thế, thầy phản bội Phật càng đậm, vì một khi đã tạo ra tình mà đành bó tay, tình ấy đố gỡ cho ra. Yêu mà không được đáp trả, thời đâm ra nghĩ ngợi lung tung[10], ý bậy bạ[11] càng động đậy tợn. Trái lại, tình mà còn có cơ hi vọng, tình ấy mới dễ buông. Nhưng tình tuyệt vọng lại tựa như hồ nước tù đọng bao phủ mặt đất; và cảnh sắc nữa chẳng còn thấy tuôn chảy tới lui trong hồ ấy. Thầy những ước làm sao gặp lại được nàng qúi phi cho thỏa lòng, nhưng rồi thầy lại đâm sợ hãi, vì nếu gặp lại quí phi, cái ảo ảnh về hình tượng nàng lớn như đóa sen Cõi sạch sẽ bị vỡ tan mất dấu mất tăm. Nhưng nếu ảo ảnh ấy tan vỡ được, thầy quả thực sẽ được cứu, thầy sẽ được giải thoát khỏi tuồng ảo hóa đã bày ra đấy. Tuy nhiên một viễn tượng như thế vẫn làm thầy hãi hùng. Cái tình yêu đơn côi ấy cuối cùng đã bày ra những trò lừa lọc lạ lùng đến độ tình đánh lừa cả chính mình. Cho nên, khi thầy đi đến quyết định dứt khoát sẽ gặp quí phi, thầy cảm thấy như mình hầu như sắp thôi bệnh, cái loại bệnh thiêu đốt ruột gan. Quyết định ấy làm thầy vui khác thường; thầy cứ ngỡ đấy là niềm vui của một người đã thực sự thoát ra khỏi tình.

5.

Người qua kẻ lại không ai lấy làm ngạc nhiên khi thấy một lão tăng chống gậy-có-đầu-hình-bồ-câu đứng cạnh mép vườn của dinh thự nàng quí phi. Chẳng có gì lạ lùng cảnh mấy ông thầy chùa, những kẻ ăn mày đứng trước nhà quyền quí.

Đám gái hầu bèn vào báo tin cho quí phi hay. Nàng vừa buồn cười vừa hé rèm nhìn ra hướng đó. Một lão tăng ủ rũ đứng cúi đầu trong bóng lá xanh non. Nàng chỉ nhìn một thoáng. Và khi nàng không còn có thể nghi ngờ gì nữa đấy là thầy tăng mà mình đã thấy dạo nọ bên bờ hồ Chí Hạ, mặt nàng chẳng vì thế mà biến sắc. Nàng ngần ngừ. Rồi trong lúc chẳng biết mình phải dứt khoát làm gì, nàng ra lệnh cứ để mặc ông ấy đứng đó. Bọn gái hầu cúi đầu, lui ra.

Nàng bắt đầu cảm thấy bất an. Bây giờ lòng nàng mới như thế.

Nàng đã thấy nhiều người già từ bỏ đời này, nhưng cái loại người dám từ bỏ đời sau, giờ này nàng mới thấy. Cảnh tượng ấy thật chẳng lành, và khủng khiếp quá chừng. Nàng mất ngay cái sung sướng khi hoang tưởng về mối tình của thầy tăng, dù thầy tăng vì nàng mà buông thả đời sau đi nữa. Và cái đời sau ấy, nàng không còn chắc như bắp là sẽ lọt vào tay nàng. Nàng nhìn xuống xiêm y lộng lẫy và đôi tay đẹp của mình, rồi nhìn ra áo cà sa luộm thuộm và cái mặt già cỗi của ông thầy chùa xa xa ngoài vườn. Một cái gì đó như nỗi mê hoặc dấy lên từ địa ngục, nhưng cái mê hoặc đó khác với mộng lớn mà nàng đã từng mường tượng. Thầy trông như một người từ địa

ngục chui lên. Cái dáng dấp của một con người đức độ cao vời kéo theo sau mình vạt hào quang Cõi sạch, con người ấy giờ này không còn nữa. Luồng ánh sáng từ thầy tỏa ra đã tắt ngấm. Đúng là thầy tăng chùa Chí hạ, nhưng dẫu sao ông vẫn giống như những người khác.

Là một người sống nơi cung điện, nàng có khuynh hướng dè chừng những chuyện làm mủi lòng. Những chuyện gây mủi lòng sờ sờ trước mắt, lại càng đặc biệt coi chừng. Thấy thầy tăng giàn trải trước mình mối tình sâu đậm đến mức như thế, dầu đấy là mối tình không có tình nào lớn hơn được nữa, mà mình hằng mơ ước, nàng vẫn thấy lòng mình bị sụp đổ khi hiện ra trước mắt mình một tấm hình hài quá đỗi tầm thường như thế.

Minh họa trong bản in của Nhật

Khi thầy từ từ chống gậy lên kinh, thầy quên hẳn nhọc mệt. Thầy rón rén vào dinh nàng quí phi quê Kinh Cực, và khi biết là người đàn bà mình yêu đang ở sau rèm kia, thầy mới tỉnh ra khỏi giấc mơ hoàn toàn giả tưởng của mình.

Khi tình vẫn còn chưa ra hình ra dạng, cái đời sau lại bắt đầu mê hoặc thầy một lần nữa. Thầy cảm thấy là thầy chưa từng vẽ ra được một Cõi sạch bằng những hình ảnh thật thanh khiết như thế. Nỗi khát khao về Cõi sạch đã nắm bắt lấy những hình tượng của giác quan. Để giải tỏa cái ý tưởng không đâu vào đâu cho đời này là một chướng ngại cho đời sau, thầy chỉ còn có nước gặp cho được quí phi và tỏ tình với nàng. Chỉ có vậy mà thôi.

Thật là cay đắng khi thân già phải tì lên gậy mà đứng đó. Những tia nắng rỡ ràng tháng Năm luồn qua đám lá non đổ lên đầu thầy tăng. Thầy vẫn đứng đó; thầy vẫn mãi trông ngóng. Giá mà lát nữa quí phi nhận ra thầy và triệu vời thầy vào, thầy không còn phải chịu đựng thủ tục chờ đợi như thế nầy nữa. Được như thế, Cõi sạch có lẽ sẽ mở cửa và chờ đợi thầy trong ấy. Thầy chờ. Thầy chống gậy, để trụ lại cái mệt mỏi; và đầu óc thầy dường như cũng bắt đầu lùng bùng mông lung. Mây che dần nắng. Hoàng hôn về. Đã tối rồi mà chẳng nghe âm hao gì từ quí phi.

Phần quí phi, nàng chẳng hề hay biết gì chuyện thầy tăng đang tưởng tượng về Cõi sạch xuyên qua thân nàng. Nàng nhìn thầy qua rèm chẳng biết bao lần mà kể. Thầy đang đứng đó. Nắng đổ nghiêng nghiêng. Thầy vẫn đứng đó.

Nàng sợ, bởi nàng cảm thấy như đang đứng trước một sinh linh đang bám chặt vào hư ảo. Nàng còn sợ phải sa địa ngục. Trù quyến một thầy tăng đức độ cao vời như thế nhất định không thể vào Cõi sạch được. Nàng bị chấn động bởi cái người đời thường sợ: sợ địa ngục sẽ chào đón mình. Cái tình yêu tuyệt đối mà bấy nay nàng mơ mộng, giờ đã vỡ tan. Tình yêu, ấy là địa ngục. Khi nàng đối diện với thầy, nàng thấy, qua thầy, cái cõi địa ngục ấy.

Nhưng người đàn bá quí phái ấy lại giỏi chiến đấu chống lại sợ hãi. Chí khí vùng lên. Nàng sử dụng đến cái tàn nhẫn tự nhiên còn mai phục trong nàng. Ông thầy chùa đến một lúc nào đó có lẽ cũng sẽ sụm, và cho tới khi sụm, muốn đứng đó thì cứ đứng, nàng nghĩ trong lòng. Nàng nhìn qua kẽ rèm, và thấy bóng dáng thầy tăng vẫn còn đứng trơ ra đó.

Đêm đến. Trăng chiếu tràn lan. Bóng dáng thầy chùa vẫn đứng sững đó như một bộ xương trắng. Nàng chẳng cách gì mà nhắm mắt được, vì sợ. Tuy nàng quay lưng không nhìn ra ngoài, nhưng nàng vẫn cảm thấy được cái nhìn đau đáu của thầy tăng; như thế, tình yêu của ông ta nào có phải là một tình yêu dung tục; nhưng nàng vẫn cứ sợ sa phải địa ngục, và cứ phải nghĩ tới

Cõi sạch. Nàng nghĩ là cái Cõi sạch duy nhất của nàng, ấy là cái cõi mà ở đó nàng được che chở khỏi những thương tích đớn đau; và Cõi sạch ấy không giống cái Cõi sạch của ông thầy chùa, và chẳng dính dáng gì đến mối tình của ông ta. Nàng cho rằng, nếu nói rõ cái ý nghĩ đó cho thầy tăng, hẳn cái Cõi sạch của nàng thầm nguyện sẽ sụp đổ ngay.

Cái tình của thầy tăng, nàng tự nhủ, thiệt chẳng liên quan gì đến nàng, vì ông ta chỉ yêu bản thân mình, cho nên không lý gì nàng lại mất đi cái tư cách vào được Cõi sạch.

Đêm khuya dần và trời trở lạnh, thật lạnh. Nàng không còn tin chắc là lỡ thầy tăng chết gục, nàng sẽ chẳng chút động tâm.

Thầy vẫn đứng. Mây phủ mờ và bóng dáng thầy tăng giờ đây trông thật quái lạ. "Mình với lão thầy chùa kia có liên quan gì với nhau đâu, hả trời!" nàng thét lên như thế trong lòng. "Sao khi không lại có chuyện kỳ cục như vậy? Thiệt không hiểu nổi!"

Thật là lạ, trong cái khoảnh khắc nàng thét lên như thế, nàng quên đi cái sắc đẹp của mình, hay nói đúng hơn, nàng đã làm cho mình quên.

Cuối cùng trời ngoài kia sáng dần. Thầy tăng vẫn đứng đó. Quí phi thua cuộc; nàng gọi gái hầu, cho triệu thầy tăng đến trước rèm, vào lúc thầy đang lên cơn sảng sốt, và xác đã tả tơi, hao kiệt. Thầy không còn biết rõ là thầy đang chờ nàng quí phi, hay đang chờ vào Cõi sạch. Dù thấy bọn gái hầu đi ra vườn tiến lại phía thầy, thầy vẫn không cảm thấy cái mình đang chờ đợi đang đến. Bọn gái hầu chuyển lời của nàng quí phi cho thầy. Thầy tăng kêu lúng búng trong miệng, tiếng kêu hãi sợ. Lời gì mà chẳng thành âm.

Bọn gái hầu đưa tay thử dẫn thầy vào, nhưng thầy rụt tay lại. Thế rồi, với bước đi vững chãi khác thường, thầy sải bước đi đến trước rèm quí phi.

Phía trong rèm, tối đen; từ phía ngoài, không thể nhìn thấy được quí phi. Thầy tăng quì xuống trước rèm, lấy hai tay che mặt mình, và thầy khóc.

Thầy khóc nức nở, thầy khóc lâu, mà chẳng thốt được lời nào. Và thầy cứ khóc mãi như thế cho thỏa nguồn cơn.

Thế rồi từ trong bóng tối nhập nhòa rạng đông, một bàn tay trắng như tuyết từ trong rèm ren rén đưa ra. Thầy tăng chụp lấy bàn tay ấy, bằng cả hai tay mình. Rồi áp vào má, rồi để lên trán.

Quí phi cảm thấy bàn tay lạ, lạnh lẽo đụng vào tay mình, và bàn tay lạ ấy ướt đẫm, và nóng. Và nàng cũng cảm được cái nhơm nhớp nơi cái bàn tay đẫm nước mắt của người kia. Rồi khi những tia nắng ban mai bắt đầu lọt qua mành, nàng bỗng nhiên bị chấn động mạnh bởi một linh cảm phi phàm, có cội nguồn từ lòng đạo. Nàng nghĩ bàn tay mà nàng không thấy tỏ tường kia, nào có khác bàn tay đức Phật.

Trong lòng nàng ảo tưởng lại sống dậy. Nào là ngọc lưu ly Cõi sạch, nào là xum vầy lâu đài thất bảo, rồi bóng người nhà trời chơi nhạc, hồ bằng vàng rải sỏi ngọc thủy xương, hoa sen ngời ngời, tiếng hót của loài chim Ca-lăng-tầm-già... ; tất cả đều sống lại. Một Cõi sạch như thế sẽ là của nàng, và bây giờ nàng vẫn tin như thế, đồng thời nàng vẫn tin chuyện nàng chấp nhận tình yêu của thầy tăng là điều tốt đẹp.

Nàng chờ người đàn ông có bàn tay Phật ấy xin nàng vén rèm hẳn lên; thầy ấy mà xin như thế, có lẽ nàng sẽ vén. Cái dáng dấp tuyệt thế giai nhân của quí phi quê Kinh Cực như độ nọ bên bờ hồ Chí Hạ có lẽ sẽ lai hiện. Và thầy tăng, có lẽ nàng sẽ triệu mời thầy...

Quí phi vẫn đợi.

Nhưng, thầy tăng vẫn câm lặng, và thầy cũng chẳng nguyện ước gì. Cái bàn tay già lão của thầy nắm chặt bàn tay quí phi.

Đôi bàn tay của thầy giờ đã buông xuôi; bàn tay tuyết trắng vẫn còn đọng lại trong nắng ban mai.

Thầy tăng ra đi. Lòng quí phi trở nên giá buốt.

Chỉ nội trong vài ngày có tin đồn tới kinh là khi thầy tăng về tới am cỏ, thầy mất.

Còn quí phi quê Kinh Cực, nàng bắt đầu chép kinh, những quyển kinh đẹp. Đó là kinh Vô lượng thọ, kinh Pháp hoa, kinh Hoa nghiêm, những bản kinh thấm đượm lòng biết ơn.

Chú thích:

(1) Tịnh độ tông, còn gọi là Tịnh thổ tông, do đó tôi mạo muội thử dịch nôm là phái Cõi sạch.
(2) Bình an: Heian (794 - 1185)
(3) Núi Tu-di: Núi trong kinh Phật. Núi lớn nhất trong trung tâm hoàn cầu, núi của tiên thánh, tinh tú xây quanh, lớn tới 84 ngàn do-tuần.
(4) thủy tưởng quán
(5) hoa đài chi tưởng
(6) tổng tương quán
(7) tạp lược quán
(8) thực tướng
(9) thực thể
(10) vọng tưởng
(11) tà niệm

// Bản dịch này thân tặng con trai út Nguyễn Hiển Vi, 8 tuổi, đã tự ý bưng trà, bánh cho ba nhiều lần, nhờ đó NVT đó có sức dịch xong truyện ngắn khó dịch này.

CHẬP CHÙNG THOÁNG NHỚ

THIÊN HƯƠNG

Tháng mười một, mùa đông lẽ ra phải hết từ lâu. Đường phố đã vắng hẳn những bóng hoa đào hồng rực hay màu mimosa vàng óng, vậy mà sao cái lạnh cắt da vẫn còn ùa tới và những buổi chiều rời sở trời vẫn còn tối sẫm với những cơn mưa lạnh buốt lê thê. Ngày vẫn còn rất ngắn vậy mà những buổi sáng đã bắt đầu ngẩn ngơ khi ngước nhìn những đường phố rợp những hàng cây xanh mềm bóng lá. Trong các mall đã bắt đầu ngập quần áo mùa xuân, mùa hạ. Các hàng hiệu đã thấp thoáng những cây thông và hàng hóa Giáng sinh.

Một năm đã lại sắp hết, sao ngày tháng trôi đi nhanh quá, chiếc lá này chưa kịp xanh chiếc lá khác đã nhạt nhòa. Mùa này chưa qua, mùa khác đã vội tới, nên những tuổi đời cũng giục giã tàn phai.

Mới buổi sáng tỉnh giấc, đi trong làn sương mỏng, lớp sương mù hình như chưa tan hết đã thấy sương chiều rải rác quanh đây. Những buổi chiều, sao tôi vẫn sợ những buổi chiều như thế. Lạnh, mưa và ướt át. Đường phố giờ tan sở ngập bóng người đi vội vã. Những bóng người dưới trời mưa lạnh hình như đã tan đi phần nào sinh khí, chỉ còn tiếng gót giày khua trên bờ phố và những khuôn mặt mệt mỏi sau giờ làm việc. Những bóng người đi bên cạnh tôi đã bao ngày nhưng vẫn không một lần thoáng hiện niềm vui khi nhìn thấy nhau. Những khuôn mặt lạnh lẽo như bằng sáp, đủ để cho những cơn gió sắt se lạnh lại càng thêm hiu hắt.

Tôi bước vội xuống escalator đi vào ga xe lửa.

Trên những platforms buổi chiều vẫn đông người, nhưng ai nấy như đắm chìm trong một suy nghĩ nào đó, hoặc dán chặt mắt vào những trang báo hay cuốn sách đọc dở dang. Thỉnh thoảng tiếng loa phóng thanh lại vang lên báo hiệu tuyến đường xe lửa sắp tới, màu đèn sáng lòa đường hầm, một số người vội vã bước lên, tiếng còi hú dài và những con tàu lại lăn đi. Đã bao buổi chiều như thế, đã bao buổi chiều tôi đứng nhìn đoàn người lên xuống, đã bao chuyến tàu chợt đến chợt đi, đã bao lần tôi cũng bị quấn hút vào đám người lạ lẫm và lạnh lẽo đó, để lên những chuyến tàu, tiếp tục chìm đầu vào trang sách hay báo, hay lặng lẽ nhìn những hàng cây, đường phố trôi lại phía sau. Cuộc đời đều đặn, nhàm chán đến rợn người. Thèm biết bao nhiêu được gặp lại một bóng người quen hay một nụ cười thân thiện.

Đường hầm lại rực sáng, tiếng loa phóng thanh lại rồn rã, một chiếc xe lửa lại trờ tới, đoàn người lại vội vã lên xe. Giữa đám đông xa lạ ấy, hình bóng hai phụ nữ Á châu bé nhỏ, thoáng đập vào mắt. Ở khu vực trung tâm thành phố này, số đàn bà Á châu đi làm thật tương đối hiếm hoi.

- Thôi Hằng về nha, mai Trúc gọi lại Hằng nha.

Giọng nói thánh thót làm tôi giật bắn người, cái tiếng Bắc trong trẻo này, cái tên Trúc dễ thương kia như đang gợi một hình ảnh nào tôi đã mất từ lâu lắm. Chiếc tàu đã đi qua, người phụ nữ còn lại đứng một mình trên sân ga, cô ta quay lại đến ngồi trên băng ghế cạnh tôi. Khuôn mặt bầu bĩnh, có lẽ đã ngoài ba mươi, nhưng thật dịu dàng và thuần khiết, đôi mắt và khóe miệng vẫn còn long lanh nụ cười, và trời ơi. Hai lúm đồng tiền xinh xinh ở một khóe môi bên phải, một lớn một nhỏ làm tim tôi thắt lại

- Phải Thủy Trúc em của anh Mai không?

Người phụ nữ nhìn tôi, ánh mắt dọ hỏi, nhưng vẫn dịu dàng:

- Thủy Trúc đây, anh là bạn anh Mai?

- Linh đây, Linh bạn anh Mai. Anh Mai giờ ở đâu?

- Anh Linh ạ? À, em nhớ rồi, hồi xưa anh học lớp với anh Mai, hay lại chơi với anh Mai phải không ạ? Anh em giờ ở Mỹ.

- Anh Mai vợ con gì chưa?

- Dạ, anh ấy lấy vợ muộn nên giờ hai đứa con còn nhỏ xíu.

Rồi Trúc cười, hai lúm đồng tiền lại sâu xuống xoáy mạnh hồn tôi đau nhói.

- Không như em, bữa nay làm bà ngoại rồi anh.

- Bà ngoại, không thể tưởng được, nhìn Trúc ai cũng nghĩ chỉ ngoài ba mươi.

- Cám ơn anh, không trẻ vậy đâu anh, tại em lấy chồng sớm quá, với lại cũng gần 50 rồi anh.

Lại một chuyến xe lửa trờ tới, đúng tuyến đường của tôi. Trúc đứng lên chào:

- Xe lửa của em tới rồi, chào anh ạ.

- Xe tôi cũng chuyến này.

Tôi và Trúc cùng lên xe. Trên xe Trúc cho tôi biết hai vợ chồng mới dọn về khu này, hai cháu gái đã có gia đình cả nên hai vợ chồng mua cái appartment nhỏ ở gần con cho tiện. Giọng nói Trúc hồn nhiên, vui vẻ. Người con gái thẹn thùng ngày nào đã thành một thiếu phụ thật duyên dáng và vẫn còn giữ được nét son trẻ ngày xưa. Trúc xuống trước tôi hai ga, nhìn dáng Trúc nhỏ nhoi đi lẫn vào dòng người, lòng tôi chùng xuống, một thoáng nhớ thật xa xôi, nhập nhòa theo một dáng người thật gần gũi, nhưng cũng xa vời vợi. Tôi chợt nhớ ra mình đã quên hỏi địa chỉ và điện thoại của cô, hình như tôi vẫn còn ở trong giấc mơ chứ không hoàn toàn hiện hữu. Tôi xuống xe lửa, đi chậm rãi về căn nhà nhỏ của mình. Trời buổi chiều vẫn xám và đang tối dần, nhưng trong tôi, ánh nắng đầu ngày hình như đã lại đi lên, đủ soi sáng cây thủy trúc trước cửa nhà lấp lánh, một màu xanh nhẹ nhàng cho những thoáng nhớ không tên nhưng chập chùng dịu vợi.

*

Tôi biết Trúc đã từ lâu lắm. Học cùng trung học với Mai, anh của Trúc. Ngày ấy còn ở Đà Lạt, cái thành phố mà bây giờ đã bao năm tôi vẫn còn nhớ cái nét dịu dàng của nó. Cái thành phố mà mỗi nét vẫn là một yếu tố trong những quyết định của cuộc đời, từ việc chọn thành phố sinh sống, đến mua căn nhà ở, hình như tôi vẫn cố tìm lại những khung cảnh ngày xưa, nơi có những hàng thông hay những sườn đồi xanh thoai thoải.

Ngày xưa, thỉnh thoảng lại chơi với Mai, Trúc hay ra mở cửa. Cô bé xinh xắn với hai con mắt tròn to lấp lánh, khe khẽ mỉm cười làm hai chiếc lúm đồng tiền trên má phải lúm sâu, khẽ chào và quay đi để chúng tôi nói chuyện với nhau. Hoặc cô xuống bếp, hoặc lặng lẽ ngồi học ở chiếc bàn trong cùng phòng. Mái tóc đen thường xõa dài trên đôi vai nhỏ. Cô và Mai hoàn toàn không hay biết là dáng dấp và hình ảnh của cô đã theo tôi suốt bao nhiêu ngày tháng. Có một lần tôi đến

nhà và cùng Mai đi học. Hôm ấy cô cũng có giờ học nên Mai chở cô đến trường. Nhìn cô nhẹ nhàng trong chiếc áo dài trắng, và chiếc áo len xanh. Mái tóc buộc túm lên lộ khuôn mặt bầu bĩnh, với nước da trắng hồng của con gái Đà Lạt, tôi ngẩn ngơ nhìn. Trong lúc Mai loay hoay đẩy xe ra cổng, cô cúi xuống khóa cửa, tôi tự dưng như không bước đi được, tôi lặng đứng nhìn cô. Cô vẫn cúi đầu vặn khóa nhưng có lẽ cô biết, nên tôi thấy từ má cô những tia máu đỏ rất nhỏ từ từ xuất hiện làm đôi má cô càng thêm hồng. Cô vẫn cúi mặt dù cửa đã khoá xong, chưa bao giờ tôi đứng gần cô đến thế, mùi thơm nhè nhẹ từ người cô làm tôi ngây ngất. Tôi muốn bước đi, nhưng chân cứ chôn chặt ở đấy. Mai đã nổ máy xe, vẫn nhẹ nhàng cô quay người, khẽ nhẹ mỉm cười, trên má lại lúm sâu hai lúm đồng tiền xinh xắn. Cô thoăn thoắt bước ra ngồi sau Mai. Tôi chạy xe chầm chậm phía sau, người bồng bềnh, lặng nhìn chiếc xe đằng trước của hai anh em Mai. Trời Đà Lạt hôm ấy rất xanh và rất trong. Xe qua hồ Xuân Hương, hai tà áo dài của cô bay nhẹ trong gió, cái gió dịu dàng của một ngày xuân đẹp. Dáng cô nghiêng nghiêng, tôi ước gì có một lần được chở cô như thế, để cô cũng nghiêng đầu, người cô cũng dựa nhẹ vào lưng tôi như thế. Những sợi tóc của cô theo gió mơn man trên gáy, trên vai tôi, và mùi thơm của cô theo cơn gió phảng phất mãi bên người. Mai đưa cô đến trường, cô cười với anh và quay lại khẽ gật đầu chào tôi. Cả ngày hôm ấy tôi ngơ ngẩn.

Từ đó, trong giấc ngủ, dáng cô vẫn hiện về, với nụ cười nhẹ nhàng và hai lúm đồng tiền sâu bên má phải. Từ đó, tôi vẫn bắt gặp mình hay chạy xe dọc theo đường hồ, vòng qua tia phun nước, lên dốc Bồ Đề, chạy để nhớ cái dáng nghiêng nghiêng, với chiếc áo len xanh, tà áo dài trắng. Đã bao nhiêu năm, cái màu trời xanh, màu hồ xanh, những hàng thông rì rào, những rặng quỳ vàng ối đã đi theo trí nhớ của tôi qua bao chặng đường.

Thủy Trúc, người con gái ngày xưa đã trở về, nhưng rồi tôi lại vẫn mất em, vì có bao giờ tôi nắm giữ được em, hở em yêu dấu. Tôi chỉ có thể trồng những cây thủy trúc dọc theo những lối đi, để chiều chiều trở về, lòng dịu lại sau những giờ làm việc mệt mỏi, để nhớ đến em cũng như nhớ đến khung trời Đà Lạt ngày xưa, đã ươm mơ cho

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH

Cây Gió

gió ơi gió, thổi bay bay mái tóc,
mái tóc thề đang ôm kín vai thon
để ta thấy chiếc cổ em trắng muốt,
và đặt giùm lên đó nụ môi hôn.

rồi thổi nhẹ vào đôi vành tai nhỏ
lời thì thầm: ta vẫn mãi yêu em
tiếng yêu dấu đượm lan từng sợi tóc
ngàn tóc rung như dòng nhạc êm đềm

và mở giùm riềm mi cong kiều mị
cho ta nhìn vào suối mắt long lanh
để ngụp lặn linh hồn ta ở đó
vỗ về em trong nhịp suối ru tình

gió hãy đẩy lan xuống bờ môi thắm
chút ngọt ngào ta dành tặng cho em
và trôi hết những lời buồn quá khứ
còn nỗi vui đầy ắp khoảng trời riêng

xin thổi bùng từ tim ta ngọn lửa
cháy sang em ngọn lửa của yêu đương
ngọn lửa ấm cho trăm năm rực rỡ
gói đời nhau trong cõi sống vô thường...

những giấc mơ của tôi.

Hái nụ hoa xanh lòng ngại ngần muốn hỏi
Mơn nhẹ đóa hồng muốn khẽ nói yêu ai
Chỉ sợ ngữ ngôn xóa mất nét trong ngần
Để đôi mắt đó không còn thơ ngây như trước

Em đừng xõa tóc trong những chiều nhạt nắng
Đừng khẽ thở dài cho nắng bỗng ngừng trôi
Đừng để mắt môi nói lên tiếng đợi chờ
Và đừng để tim tôi mềm trong gió
Tôi gửi đến em một chút tình trong vắt
Một nụ cười hồng mang chút nét trẻ thơ
Một chút dễ thương của ánh nắng dịu dàng
Để giây phút này vẫn luôn còn sống mãi.

Ngày ấy, vì yêu Thủy Trúc, tôi đã thành thi sĩ từ lúc nào không biết, tối tối tôi viết những vần thơ cho cô, viết mà không bao giờ dám gửi. Gặp cô ở nhà Mai, cũng không dám nói chuyện gì, chỉ biết tôi siêng lại nhà học chung với Mai hơn. Hai anh em cô học rất giỏi, Mai lại rất tốt, kiên nhẫn giảng cho tôi những bài toán khó. Nhiều lúc lại nhà, cô có bạn đến học cùng, nghe tiếng cô thánh thót nói chuyện với bạn, tôi như ngây ra chẳng suy nghĩ được gì, Mai cứ phải giảng đi giảng lại. Có lần, Mai bắt gặp trong vở tôi bài thơ tôi viết trong lúc nghĩ đến cô, Mai cười: Cái thằng này bữa nay bắt đầu mê gái rồi hở, mày mê ai nói cho tao hay được không. Tôi chỉ biết đỏ mặt chống chế. Mai cầm bài thơ của tôi, đọc to:

Anh theo em dọc theo con dốc nhỏ
Hoa quỳ vàng rực rỡ áo trắng em bay
Thành phố mù sương lãng đãng chút mây hồng
Tình anh đó theo tấm áo học trò bay bỡ ngỡ

Anh viết những vần thơ vào chiếc lá làm quen
Song không dám trao sợ tia mắt ai cười
Hay hờ hững làm hồn anh nát mất

Anh vẫn theo em trong những sáng nắng mùa xuân
Tình nhút nhát nên không thành lời âu yếm
Chỉ biết nhìn theo dáng nhỏ ngọt ngào
Tóc đen mướt xõa dài trên áo trắng

Rồi những sáng mùa thu anh vội vàng đến lớp
Lỡ bỏ quên chiếc lá ở sân trường
Gió mơn man nhẹ thổi chiếc lá vàng
Rơi trên tóc em như nụ hôn anh thầm gửi đến

Mai cười khanh khách: Thằng này làm thơ cũng được đấy chứ. *Lý ra mày phải đi ban C chứ sao theo ban B?*

Tôi chỉ muốn độn thổ, không dám nhìn Trúc ở chiếc bàn học trong góc phòng. Mai lại nghiêm trang nói: Lo học đi, năm nay mà rớt là đi lính đó, đừng thơ thẩn nữa.

Ngày hôm đó Mai kiểm soát chỉ bài cho tôi rất kỹ nhưng tôi hấp thụ rất ít, cả tâm trí để cả vào Trúc, tôi muốn biết thái độ của cô khi nghe bài thơ ấy. Nhưng tôi không dám nhìn về phía cô, lúc Mai ra khỏi phòng, tôi quay lại thì ra cô đã vắng mặt từ lúc nào.

Sau đó vài tháng, cả gia đình Mai về Sài Gòn, ba Mai chuyển công tác về đó. Tôi cũng mất liên lạc với gia đình Mai luôn. Tôi ở lại Đà Lạt, xong tú tài lên đại học. Những buổi chiều nhớ Trúc, tôi vẫn chạy xe chầm chậm lên dốc nhà Mai, qua bờ hồ, qua dốc Bồ Đề, nhìn những bụi quỳ vàng óng, nhìn bầu trời xanh thẳm mà nghe lòng dâng một nỗi nhớ mông mênh.

Có những ngày mưa, trời chiều Đà lạt sương mù lướt thướt, trong màn mưa nhìn cặp Lê Uyên Phương dìu nhau dưới chiếc dù đen. Lê Uyên lúc đó đẹp lắm, dáng thanh mảnh trong chiếc áo khoác màu kem nhạt, khoác tay chồng đi chầm chậm dưới mưa dọc theo bờ hồ. Hai người đi trong mưa, nhưng hình như không biết đến những cơn mưa ướt và gió lạnh. Tôi ước gì một lần, được dìu Trúc đi trong cơn mưa như thế, Trúc cũng sẽ níu lấy cánh tay tôi, hai đứa đi giữa mưa lạnh nhưng trong lòng vẫn đầy ấm áp.

ước gì trời đổ mưa rào
cho chung đôi bước, che chung cây dù
trên trời dù có mây mù
nhưng bên nhau vẫn ngất người đê mê
cho dù đời có ê chề
bên nhau vẫn thấy ấm lòng ngất ngây
cho em má đỏ hây hây
mắt long lanh sáng,
thì thầm yêu anh

Nhiều hôm vào quán café của Lê Uyên và Phương, nghe hai người hát, nhìn ánh mắt họ nhìn nhau, những lời ca trữ tình như tình thêm theo làn mắt đắm đuối của họ. Những lời hát mang chút âm hưởng đau thương nên lúc đó có tin đồn Phương sắp chết vì ung thư gì đó. Thấy cuộc tình của họ, lòng tôi gợn lên nỗi xót xa. Ước gì có một

người yêu mình như thế, chết cũng không uổng một đời. Yêu nhau thế, nhưng sau qua Mỹ, nghe nói cuộc tình giữa hai người cũng tan vỡ. Nhưng trên những đường phố Đà Lạt, vẫn còn in những dấu chân của hai người, của một thời yêu thương say đắm.

Thời thế đổi thay, tôi cũng bước chân qua Úc, làm lại cuộc đời lúc tuổi đã gần ba mươi. Tôi đã bao lần bước đi trong nắng, nghĩ đến Trúc; tôi đã bao lần bước đi trong mưa, nghĩ đến Trúc. Đã bao đêm nhìn trăng lên, nghe sương xuống, nhớ đến vùng trời Đà Lạt của một thời ngây thơ tuổi nhỏ, nhớ đến mối tình đầu đời trắng trong thuần khiết như lụa trắng tinh nguyên.

Đã có lần về Đà Lạt, nhìn lại thành phố đã thay hình biến dạng, chỉ còn con đường bờ hồ là ít thay đổi. Dốc Bồ Đề, Võ Tánh, con đường trước trường đại học và Bùi Thị Xuân đã hoàn toàn khác hẳn. Những cửa hàng hiệu xô bồ tràn lan trên đường phố. Những con người Đà Lạt ngày xưa đã biến đi đâu mất. Tôi vòng lên ngõ nhà Trúc, mong được nhìn lại khung cửa ngày xưa đã một lần tôi đứng cạnh cô để nhìn cô nghiêng người khóa cửa. Nhưng căn nhà ấy đã không còn nữa. Nguyên con đường đã đầy các nhà nghỉ và những tiệm bán buôn.

Đà Lạt ơi, một lần về, một lần mất mát
Một lần về còn ôm mãi niềm đau
Những xót xa hiu quạnh đến không ngờ
Vì chốn cũ nhưng không còn xưa cũ

Đà Lạt ơi, ngày trở về tôi khóc
Tôi tìm hoài những phố nhỏ ngày xưa
Những rặng cây loáng thoáng bóng quỳ vàng
Hàng dâm bụt ngả nghiêng chiều lộng gió

Đà Lạt ơi, còn mong chi mà nhớ
Phố phường chừ không bóng dáng ai quen
Căn nhà xưa cũng đổi dáng đổi hình
Tôi đứng đó nhưng dường như mất hút

Vậy mà hôm nay, tình cờ tôi lại gặp Thủy Trúc. Thời gian hình như không mang lại nhiều dấu ấn trên em, người con gái dịu dàng với tâm hồn trong trẻo ngày xưa. Cái giọng nói Bắc lai lai thánh thót của ĐàLạt ngày xưa đã hơi trầm xuống nhưng lại nồng nàn và ngọt dịu hơn ngày xưa. Yêu em đã bao năm, mới được một dịp ngồi gần em đến như thế, mới được một lần nói chuyện với em như thế, được một lần đối mặt để nhìn thấy hai con mắt của em vẫn sáng long lanh, một màu long lanh huyền ảo, vẫn to tròn tinh anh, và đôi má vẫn còn hồng mịn với hai lúm đồng tiền trên má phải. Thủy Trúc, tôi đã gặp lại em để rồi lại để em bước đi, vì trong đời tôi có bao giờ tôi đã nắm giữ được em. Em chỉ là một tình yêu dịu ngọt, của mối tình đầu học sinh tưởng thoảng qua nhưng đã thành bất diệt. Em là cả một khung trời thơ ngây trong trắng, để tôi vẫn có thể sống với niềm tin là cuộc đời vẫn còn những gì đẹp đẽ.

Cám ơn Thủy Trúc, cám ơn buổi chiều hôm nay. Một buổi chiều đã xóa đi những nỗi lo sợ của tôi trong những ngày tháng qua. Tôi sẽ không còn phải lo sợ phải nghe một tin bất hạnh nào đó về em hay Mai, như những bất hạnh đã đến với một số bạn hữu của tôi ngày xưa. Tôi sẽ không còn phải lo sợ gặp lại em, nhưng hình dáng đẹp đẽ của em đã bị bào mòn vì thời gian, như nỗi lo sợ bàng hoàng và đau đớn của tôi khi trở về Đà Lạt nhìn thấy thành phố mất đi vẻ đẹp hoang sơ ngày nào. Thủy Trúc của tôi, cám ơn em đã trở về một lần, để tôi tin là một tâm hồn thánh thiện vẫn luôn mang một vẻ đẹp không bao giờ thay đổi dù thời gian, cuộc đời có tàn khốc thế nào đi nữa. Nhớ lại khuôn mặt rạng rỡ và ánh mắt yêu thương của em khi nhắc đến chồng con và các cháu, tôi thật mừng cho em, và cũng mừng cho những người thương yêu của em đã có được em trong đời. Nhưng lòng tôi cũng không khỏi se sắt bồi hồi khi nghĩ đến mình sẽ luôn không có em, trong quãng đời này.

Nhưng dù sao, ít nhất, tôi đã có hình ảnh của em để mang theo trong suốt cuộc đời của tôi, có một khoảng trời xanh Đà Lạt đã nuôi tôi khôn lớn và trở về trong những giấc ngủ cho ngày tháng bớt nỗi buồn tênh. Thủy Trúc, một lần nữa cám ơn em đã trở về, có thể tôi sẽ còn cơ hội gặp lại em vào những buổi chiều tan sở, trên những sân ga, để lại được có dịp ngồi nói chuyện với em, như hai người bạn cũ gặp lại nhau, để lại được ngắm nụ cười thuần hậu. Nhưng cũng có thể, em lại một lần nữa bước ra khỏi hẳn đời tôi, để chỉ trở về trong những giấc mơ, và như thế, thì thật là buồn lắm.

Có phải em chỉ là mơ
Nên khi tôi ngủ tôi nhìn thấy em
Bâng khuâng lấy sợi chỉ hồng
Thả vào trong gió để mà buộc em
Gió bay sợi chỉ mất rồi
Bơ vơ tôi đứng, ngõ ngàng nhớ em.

Tháng Mười Một 2003

NÉT HUẾ

TRONG TÁC PHẨM CỦA HỌA SĨ TÔN THẤT SA

BÙI OANH HẰNG

(Tiếp theo và hết)

4. Nét Huế trong cuộc sống dân gian

4.1. ***Cái hồn của các tác phẩm mỹ nghệ***

Một số các bức họa của Họa sĩ Tôn Thất Sa hướng về cuộc sống lao động của người dân xứ Huế. Các bức họa miêu tả các thợ thủ công, đã phác họa cho thấy một bối cảnh người dân xứ Huế trong đầu thế kỷ 20, sống trong sự nghèo nàn, lạc hậu. Nhưng đồng thời thể hiện cách hùng hồn sự giàu có nội tâm của họ: dù làm ra vật gì, họ cũng đặt vào đó một ý nghĩa, có thể nói là một cái hồn, giúp sản phẩm làm ra chứa đựng một nội dung, một ý nghĩa sâu sắc, chứ không chỉ là một vật dùng, hoặc trang trí bình thường. Thợ thủ công cũng là những nhà thiết kế, những người tạo mẫu, đem lại một ý nghĩa cho đồ vật, khiến người dùng nó thích thú khi xử dụng, vì được tự lấy ý nghĩa đó, hoặc chọn được đồ dùng đúng với sở thích, nhu cầu, nội tâm của mình.

Từng công cụ lao động đã được họa sĩ mô tả chi tiết trong tập BAVH, như Cái Bện, Cái Xa, Máy Dệt Mành, Cái Tré... Những công cụ thô sơ do người thợ tự tay "thiết kế", với những vật liệu cũng thô sơ nghèo nàn như tre, nứa. Dù thô sơ những công cụ nầy vẫn không kém phần hữu hiệu, và đã được những người thợ tự tay làm nên với tất cả tấm lòng, và đặt vào đó niềm hy vọng to lớn của mình.

4.2. ***Tính đoàn kết gia đình***

Cảnh "Những thợ làm mành" còn cho thấy tính "gia đình" trong lao động: cả nhà đều hợp lực làm một công việc, trong sự đoàn kết, nâng đỡ nhau. Mỗi người tùy theo tuổi tác, công việc khó dễ, nặng nhẹ, đều được phân công hợp lý. Người cha tài năng thì vẻ trên bức mành, người mẹ yếu tay thì cùng với hai con nhỏ lo việc may mành, người bà khéo tay hơn thì ngồi giữa, giữ khâu khó khăn hơn. Người anh cả trong gia đình, sức trai tráng thì lãnh phần nặng hơn, cầm rựa vót tre...

Chủ đề gia đình hay được Hs TTS đề cập đến, không những chỉ trong các tác phẩm hội họa, mà trong thi ca cũng vậy. Hs TTS đã có rất nhiều bài thơ mô tả các biến cố vui buồn trong gia đình mình, và cho từng người trong đại gia đình. Đối với Hs gia đình là nền tảng của xã hội, là nơi giáo dục nhân cách con người, vì thế Hs đã trân trọng các tình cảm trong gia đình, cũng như yêu mến sâu đậm các thành viên của gia đình. Đó cũng là đặc tính tìm thấy ở những gia đình Huế, sống tinh thần đại gia, cùng chia vui sẻ buồn. Tinh thần gia trưởng ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, sau nầy bị nhiều người chỉ trích. Nhưng đó vẫn là câu hỏi còn để mở. Người Huế thích sống với gia đình, nặng tình với gia đình vì thế đã có câu "Trong nhà nhất vợ nhì con," "Mẹ hát con khen."

4.3. ***Các đức tính chịu khó và khéo tay***

Tính chịu thương chịu khó của dân Huế được đề cao rất nhiều trong các tác phẩm vẽ người của họa sĩ nầy. Động tác chăm chỉ cần cù, nét mặt chăm chú bình thản, tập trung. Không mệt nhọc quá, mà cũng không lơ đãng. Sự khéo tay, đó cũng là đặc điểm của người Việt Nam, của người Huế, những người mà cuộc đời, số phận đã đặt vào một mảnh đất khô khan, khí hậu khắc nghiệt, cuộc sống khó khăn. Nhờ phải chuyên chăm làm những việc tỉ mỉ, người Việt được rèn luyện để trở thành khéo tay, có thể làm những công trình mỹ thuật tinh xảo như chạm trỗ trên gỗ, đá, thêu may, vẽ đồ sành, gốm. Trở thành nghệ nhân một cách tự nhiên, trong lao động, trong gia đình, mà không cần thông qua trường lớp lý thuyết.

Tính cần cù, chịu khó, không ham chơi, thích làm việc. Đó là điểm son của người Huế. Phụ nữ Huế được tiếng công dung ngôn hạnh, đảm đang trong công việc nội trợ. Tỉ mỉ làm từng cái bánh, từng món ăn ngon cho gia đình mình. Đó là thể hiện tình yêu thương, đó cũng là rèn luyện lòng nhẫn nại, kiên trì, chịu thương chịu khó. Đàn ông Huế tuy có tiếng khô khan, độc đoán, nhưng lại rất siêng năng, lo cho gia đình, chịu vất vả để

làm lụng nuôi con. Những nét đẹp đó, đã làm HS TTS xúc động, và các tác phẩm mô tả người lao động của ông đều diễn tả nét chịu khó, yêu công việc, thanh thản của người Huế.

4.4. *Cuộc sống văn hóa*

Nước Việt Nam nói chung, Huế nói riêng, đều dựa trên nền kinh tế nông nghiệp. Người dân đa số sống bằng nghề nông, nơi đâu cũng thấy đồng xanh, ruộng lúa, nơi đâu cũng thấy người nông dân và con trâu. Những cảnh đó đã gợi hứng cho biết bao văn nghệ sĩ trong các sáng tác của mình. Họa sĩ TTS cũng đã có nhiều tác phẩm mô tả nét đẹp đồng quê. Nhưng đẹp hơn cả vẫn là con người làm việc trong bối cảnh nên thơ của ruộng đồng. Lao động vất vả nhưng vẫn đẹp. Ai trong chúng ta đã không xúc động khi nhìn một em học sinh chăm chỉ, cúi mình trên trang sách, một thợ thủ công chăm chú vào bàn tay đang đẽo gọt, hay một nông dân miệt mài cấy lúa?

Các bức tranh của HS TTS mô tả người lao động đã làm toát lên được tinh thần của họ. Trong bức tranh "Người kéo cày" ta thấy được sự cần cù, chăm chỉ của người nông dân, sự gần gũi thân thiết giữa người và vật. Trâu là con vật thân thiết nhất của người nông dân, rất thường xuất hiện trong tranh Hs TTS. Trong giáo án củahọa sĩ dùng để dạy học sinh, có nhiều bài học vẽ con trâu.

Mỗi một dân tộc đều có một cách sống và chết, một phong cách sống và một trình độ văn hóa khác nhau. Ngoài ra "phẩm chất và trí tuệ con người không thể đo bằng mức sống cao, và một trình độ văn minh cao có thể song hành với một mức độ văn hóa thấp." (Trích *Connaissance de Huế* của Pierre Huard : "La dignité et l'intelligence humaines ne se mesurent pas à l'élévation du niveau de la vie et un très haut degré de civilisation peut coincider avec un médiocre degré de culture.") Bởi vì đây là trường hợp có sự hạ thấp kiến thức để dễ phổ biến cho quần chúng. Một mức văn hóa cao không chấp nhận sự phổ cập hóa. Nó muốn nâng con người lên, để có thể có thật nhiều người tiếp cận được niềm vui tinh thần. Đó là trường hợp của Việt Nam, của Huế nói riêng. Tuy nghèo, Huế không sống trong sự xấu xí. Mặc dù phải luôn tìm nguồn thu nhập để sống và ngay cả phải chấp nhận một công việc thù lao kém, Huế vẫn luôn có một nền văn minh quân bình và hợp lý, là điều đang thiếu ở các nơi phát triển cao hơn. Đồng thời Huế cũng có một nền văn hóa ảnh hưởng của Trung Quốc, là một nền văn hóa sánh ngang với các nền văn hóa cổ điển vĩ đại nhất.

4.5. ***Tình "lá lành đùm lá rách"***

Bức tranh "lũ lụt ở Bắc kỳ" của Họa sĩ Tôn Thất Sa nói lên tính tương trợ giúp đỡ anh em cùng một mẹ: Bắc kỳ có nạn lụt lớn, miền Nam quyên góp để cứu giúp người anh em đang cảnh màn trời chiếu đất. Bức hoạ trình bày một cách tượng trưng tình hình của hai miền Bắc Nam trong nạn lụt 1915 tại Bắc. Đưa vào trong một bức tranh nhiều sinh hoạt diễn ra nhiều nơi ở cùng một thời điểm là việc không dễ dàng. Tác giả phân bố bức tranh làm ba cảnh: cận cảnh bên trái dùng hình ảnh tượng trưng của một khẩu canon, bắn ra những tờ báo Lục Tỉnh Tân Văn khắp các tỉnh miền nam như Cần Thơ, Sa Đéc, Biên Hòa, Châu Đốc, Gò Công... Tờ báo nầy kêu gọi cả nước cứu giúp đồng bào miền Bắc. Bên phải là cảnh khắp nơi quyên góp. Ở giữa bức tranh, là cảnh lũ lụt ở miền Bắc.

Tình đoàn kết giữa những người nghèo nói lên tấm lòng yêu người sâu sắc của người Việt: lá lành đùm lá rách, một miếng khi đói bằng một gói khi no. Họa sĩ TTS tuy xuất thân hoàng gia, nhưng vì gia cảnh thanh đạm, nên rất gần gũi với người dân nghèo, và chú ý đến từng chi tiết cuộc sống của họ. Mái tranh lộ rõ nét trong ngôi nhà "Những thợ làm mành," như để nói lên rằng những người thợ đều là những người nghèo, nhà tranh vách đất.

Tóm lại cái đẹp là cái làm xúc động lòng người, những cái trông như đơn giản, nhưng chỉ có ai thật sự bị xúc động, mới cảm nhận được vẻ đẹp của nó. Cái đẹp vì phát xuất từ cảm xúc, nên rất tình cờ, nó đến không báo trước, nên chỉ những ai nắm bắt ngay, mới thấy được vẻ đẹp của nó. Tình cờ như một giọt mồ hôi lăn trên má, như một cử chỉ mềm mại của người thợ thủ công, như một nụ cười thoáng qua trong ánh mắt. Đi tìm cái đẹp chẳng đâu xa, chính trong cuộc sống hằng ngày, dù sang, dù nghèo vẫn có những nét đẹp muôn thuở, những cái cụ thể, thiết thực gần gũi với mọi người, thể hiện cảm xúc, tâm trạng của mọi người.

Tuy được mệnh danh là Hoạ sĩ cung đình, nhưng các tác phẩm tâm huyết của Hs TTS lại mô tả sâu sắc nét đẹp dân gian. Đó cũng là những tác phẩm tâm huyết bởi vì, chính những đề tài nầy đã diễn tả được tâm trạng, thao thức, nhiệt huyết của họa sĩ. Không lạ gì khi những tác phẩm nầy mang lại cho họa sĩ TTS những giải thưởng cao quý, và làm cho họa sĩ được nổi tiếng, không

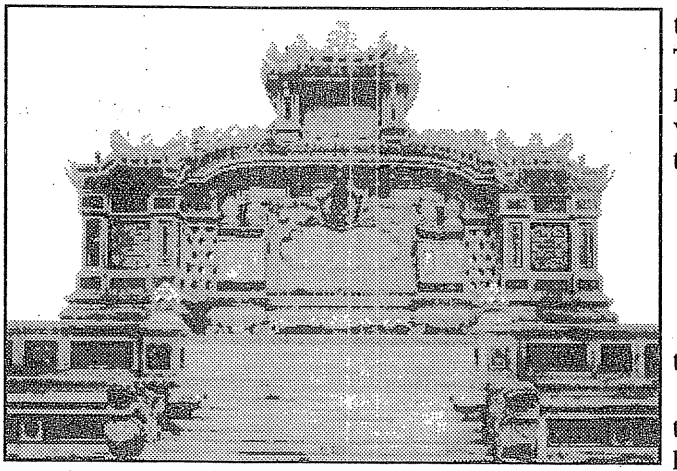

Đài Chiến Sĩ Trận Vong Huế, tác phẩm Tôn Thất Sa

những chỉ ở Huế, Hà Nội, nhưng cả thế giới nữa: giải nhất cuộc thi hội họa toàn quốc năm 1916, với bức tranh mang đề tài "Lũ lụt ở Bắc kỳ" nói lên nỗi thống khổ của người nghèo trong cảnh thiên tai, nhiều Giải nhất cuộc thi vẽ tem Bưu điện Poste d'Indochine từ 1922 đến 1925 với những đề tài "Người chăn trâu," "Kéo cày."

Kết luận

Tại Việt nam, người họa sĩ thời phong kiến khác với họa sĩ thời nay. Thời xưa, họa sĩ thường không có điều kiện vật chất để sáng tác tự do, theo cảm hứng, thích gì làm nấy, mà thường thì làm việc theo "đơn đặt hàng." Vì thế một số tác phẩm của họa sĩ TTS được thực hiện theo yêu cầu của "khách." Đồ dùng trong cung, những bức họa dự thi, dùng trong công tác tuyên truyền hoặc để làm tem sau nầy. Một số "khách hàng" là người Pháp: những bức tranh về động Phong Nha, vẽ theo yêu cầu của vị Toàn Quyền thời bấy giờ, những bức chân dung, vẽ theo yêu cầu của các tư nhân, như cụ Văn Đình Viên người Kim Long. Vì thế các tác phẩm được phân tán đi xa, mỗi cái mỗi nơi, rất khó sao chép, tập hợp lại được. Chỉ có các tác phẩm được in trong BAVH, mới còn tồn tại cho đến ngày nay.

Nhưng nhìn chung công trình chính của họa sĩ TTS là những mẫu thiết kế lăng tẩm, đền đài. Đó cũng là những công trình công phu, vĩ đại, chiếm nhiều công sức và thời gian của họa sĩ. Có những bản thiết kế của Hs TTS không được đem thực hành, như đồ án xây dựng Đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong, dự trù thực hiện tại ngã giao lưu An Cựu, cầu Tràng Tiền, Đập Đá, đường trường Quốc Học. Những công trình kiến trúc góp phần tạo nên bản sắc cho thành phố, vì thế trong việc quy hoạch, xây dựng nên cái mới, phá bỏ cái cũ của thành phố là việc vô cùng quan trọng. Hs TTS đã ý thức sâu xa điều nầy và đã có những câu thơ phảng phất nét châm biếm về công việc quy hoạch của Kiến thiết thời đó:

Cái hư nên bỏ, tốt nên chừa
Chẳng nghĩ sâu xa cứ phá bừa,
Kiến thiết nền xưa rày vắng bóng
Tinh hoa nét cũ chẳng còn lưa.

(trích bài Vịnh Kiến thiết Cố đô)

Gần đây, vấn đề tương lai của các công trình kiến trúc với tư cách là di sản văn hoá đã được đặt ra tại Việt Nam. Những công trình kiến trúc gốc Pháp còn tồn tại, vẫn đang được xử dụng và tiếp tục tạo thành bản sắc trung tâm các thành phố lớn. Những vùng đông dân nầy phải đối mặt với những vấn đề quan trọng về quy hoạch đô thị do sự phát triển dân số đáng kể và sự thiếu thiết bị chung, cọng thêm với sự phát triển kinh tế mới đây. Để khắc phục điều nầy, một vài vị hữu trách đã có ý cho phá các kiến trúc châu Âu để xây dựng các tòa nhà cao theo kiểu mới (Hồng Kông hay Singapore). Ngược lại một vài người khác lại muốn việc hiện đại hóa phải xuất phát từ việc bảo vệ các trung tâm thành phố. Thế nhưng quan niệm về di sản áp dụng vào kiến trúc thời thực dân không dễ dàng gì có được. Thật vậy, ý niệm đó thường nhầm lẫn việc sở hữu một "tài sản" vật chất và việc nhận biết một "mối liên lạc" tinh thần với các kiến trúc trước nó. Vượt lên trên tính hữu dụng của các công trình, còn có một nghịch lý cho chúng ta khi tháp nhập vào di sản quốc gia, cái tài sản kế thừa của một thế lực đàn áp cũ. Thế nhưng, việc người VN gắn bó với những công trình lịch sử, gồm cả các ngôi nhà gốc Pháp, được từ từ hình thành. Có thể nên xem đây là dấu hiệu của một sự thay đổi não trạng, một sự đoạn tuyệt với việc suy diễn cách mạng về lịch sử. Thế hệ trẻ đang cố nhìn lại quá khứ trong toàn tính phức tạp của nó, để xây dựng một bản sắc mang tính lịch sử, chấp nhận các chống đối. Chính với giá nầy mà những công trình thời thực dân mới có thể được nhìn nhận và bảo tồn.

HS TTS ngoài những công trình kiến trúc và mỹ thuật còn là tác giả của nhiều bài thơ đường luật, hiện nay còn sưu tập được khoảng 100 bài. Ông thường lặp lại lời xưa rằng "thi trung hữu họa," thơ và họa luôn đi đôi với nhau, mới nâng cao được cái hồn nghệ thuật. Ông đã đem thơ miêu tả họa, cũng như đem họa gây hứng cho

thơ. Có những bài thơ nói lên tâm sự của người nghệ sĩ, người yêu Huế trước những quyết định quy hoạch thành phố. Xin trích một vài bài sau, tả lại tâm tình của HS trước những thắng cảnh thiên nhiên:

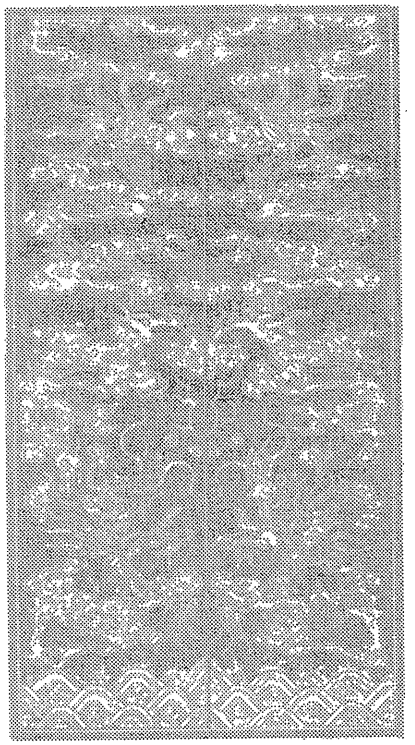

Tủ do Tôn Thất Sa vẽ kiểu

Vịnh Động Phong Nha I

Dưới nước trên hang dựng một toà
Con thuyền đưa khách dạo Phong Nha
Mấy cô, điệu hát lời êm ái
Vài cậu, đèn chong chiếu rạng lòa
Ngơ ngác biết đâu tìm Lợi Á (1)
Mịt mù nào thấy bóng Tiên Nga (2)
Kìa vua Thủy Phủ chơi đâu vắng (3)
Bỏ trống cung đền chẳng đón ta.

(1) Truyện Phi Châu Yên Thủy
(2) Truyện Từ Thức
(3) Trong cửa hang có đá đủ màu xanh, lục, tím vàng, như tàn che và có khối đá như ngai vàng.

Vịnh Động Phong Nha II

Hang đá muôn năm sẵn của trời
Cớ sao rầy gọi động Ra Phơi (1)
Ngổn ngang thạch nhũ giăng mờ mịt
Lác đác thủy tinh chiếu rạng ngời
Thất thế, anh hùng tìm lánh nạn (2)
Chán đời, ẩn sĩ náu nương chơi
Bể dâu tuy đổi, hang còn mãi
Dấu cũ còn lưu nét chữ hời

(1) Động Phong Nha cũng được gọi là Động Graffeuil là tên của một Chánh Sứ Pháp năm xưa.
(2) Khi thất thủ Kinh Đô, vua Hàm nghi trốn ra ở đó, giả làm đứa trẻ đưa đò.

Tóm lại họa sĩ TTS, cũng như bao nghệ sĩ khác, đã cố dùng thi ca và hội họa làm cuộc sống thêm phong phú. Có lẽ ai cũng có cái ước mơ ấy, nhưng mấy ai được trời phú cho cái khả năng sáng tác ấy. Vẽ lên được điều mình muốn, hay ghi thành thơ những cảm xúc đang có, người nghệ sĩ trước hết thỏa mãn năng động sáng tác của mình. Để rồi những người khác cùng thời hoặc các thế hệ mai sau, qua những bức tranh ấy, những dòng thơ ấy, cùng thâu nhận và chia sẻ những cảm xúc chung. Sáng tác nghệ thuật là con đường truyền cảm giữa người và người, trong không gian và thời gian.

Cũng không nên quên rằng họa sĩ TTS đã từng dạy vẽ tại nhiều trường như Quốc học, Thiên Hữu, Kỹ Nghe... đã cố đem tài năng của mình truyền thụ cho bao thế hệ học sinh trong suốt 50 năm (từ 1906 khi được chính thức bổ nhiệm làm giáo sư hội họa tại trường Kỹ Nghệ, cho đến 1956). Mấy ai ngờ rằng một vài nhân vật chính trị nổi tiếng cũng đã từng là học trò của họa sĩ TTS tại trường Quốc Học, một vài học trò năm xưa nay là những họa sĩ nổi tiếng thế giới.

Tác phẩm của họa sĩ TTS thật phong phú, hội họa, kiến trúc, điêu khắc, thơ ca, đã vẽ lên từng giai đoạn lịch sử trong gần ba phần tư thế kỷ, với nhiều biến chuyển lịch sử phức tạp: bản sắc cung đình dưới thời triều Nguyễn, tính lao động dân gian của lớp người nghèo trong thời cuộc chiến tranh, những công trình kiến trúc tại Huế trong và sau thời Pháp thuộc. Phải chăng cần có nghệ thuật làm mối dây liên kết khiến quá khứ và tương lai xích lại gần nhau, bổ sung cho nhau, làm nền tảng cho sự phát triển. Tóm lại công nghiệp của hoạ sĩ TTS thật lớn đối với Huế. Hoạ sĩ đã cọng tác vào sự nghiệp nghệ thuật chung, để nâng cao giá trị của Huế, làm cho người khách lạ thích Huế, và làm cho người Huế tự hào về Huế, cảm nhận được nét đẹp độc đáo có một không hai. Đó là hoài bão của họa sĩ TTS. Ngành Huế học hiện tại có thể thêm phần phong phú, thêm một khía cạnh độc đáo hứng thú nếu dành được chỗ đứng quan trọng cho người nghệ sĩ tài hoa nầy.

Tài liệu tham khảo:

- *Ai vẽ kiểu cổng trường Quốc Học và Đồng Khánh?* Trích trong tập san Quốc học Đồng Khánh, của Hoàng Hương Trang.
- *Bulletin des Amis du Vieux Huế*
- *Connaissance du Viêtnam (1954)*, của Pierre Huard và Maurice Durand.
- Họa sĩ Cung Đình Đa Minh Tôn Thất Sa (1982-1980), trích trong *Nhân vật Giáo phận Huế*, của Lê Ngọc Bích
- *Kiến trúc Cố Đô Huế* của Phan Thuận An.
- *L'art à Huế*. Nouvelle Edition autorisée par l'Association des Amis du Vieux Huế.
-Việtnam à travers l'architecture coloniale, của Arnauld le Brusq và Léonard de Selva. (1999)

NGUYỄN VĂN TƯỜNG THAM LAM?

NGUYỄN QUỐC TRỊ
Nguyên Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia Hành Chánh - Sài Gòn

Tác giả giữ bản quyền. Bài này là một thành phần của cuốn sách tác giả đang soạn về nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường. Mọi sự đăng lại, bất cứ dưới hình thức nào, cần có sự đồng ý của ông Nguyễn Quốc Trị.

(Tiếp theo)

II. Nguyễn Văn Tường âm mưu tiếm ngôi vua?

A. Loại trừ các vua nhà Nguyễn để lập con mình lên ngôi?

Về việc NVT có ý định tiếm ngôi vua cho con mình, hay cho chính mình chỉ là kết quả của sự suy diễn có ác ý của LM De Pirey cũng như của nhiều tác giả thực dân khác, dựa vào sự bóp méo các sự kiện. Thật vậy, nhận thấy hai ông phụ chánh, lãnh đạo phe chống Pháp, loại các vua thân Pháp là Dục Đức và Hiệp Hòa, phe thực dân và Việt thân Pháp tung tin đồn rằng hai ông đều giết luôn vua Kiến Phúc, để rồi tranh dành nhau ngôi vua, hay quyền lực. Mặt khác, vua Tự Đức có dàn xếp cho cháu mình, là Công Tôn Nữ Như Khuê, chị ruột cùng mẹ của vua Kiến Phúc và vua Đồng Khánh, lấy người con thứ tư của NVT là Nguyễn Văn Tộ. Bà này thường được gọi là Công chúa Đoan Thuận, hay bà Chúa Nhì. Qua sự liên kết này, theo ý kiến của nhiều sử gia, vua Tự Đức có dụng ý khuyến khích NVT ủng hộ hoàng tử thứ ba, là vua Kiến Phúc sau này, người mà Vua hy vọng, khi lớn lên, sẽ có đủ tài đức để kế vị ngài. Việc này cũng có thể đưa đến những lời đồn rằng NVT âm mưu cho con mình là phò mã, anh rể của vua Kiến Phúc, lên thay Vua.

Mặt khác, chánh sách thuộc địa quen thuộc của Pháp là chia để trị, bằng cách dùng hoàng thân hay quan lại thân Pháp để kềm chế hay thay thế vua quan chống Pháp. Ở Cao Miên, chẳng hạn, nhà cầm quyền Pháp không ngần ngại ép buộc vua Norodom phải vâng lời mình bằng cách hăm dọa sẽ đưa một người theo Pháp, em khác mẹ của vua, là Hoàng thân Sisowath lên thay. Sisowath kế vị Norodom, làm cho các con của Norodom là Yucanthor và Mayura phải đi đày. Và Sisowath lại càng phải làm tay sai cho Pháp

Nguyễn Văn Tường

đắc lực hơn nữa, để bảo đảm cho con là Monivong được Pháp cho kế vị mình. (Osborne, Milton E., *The French presence in Cochinchina and Cambodia; Rule and Response [1859-1905]*. Ithaca, NY: Cornell University Press, 1969, 270-286; Chandler, David P., *A History of Cambodia*. Boulder, San Francisco, Oxford: Westview Press, Allen & Unwin, 1992, 142-138) Người Pháp cũng có thể đưa một phụ chánh lên làm vua, nếu ông này chịu làm tay sai cho họ, như họ đã làm khi xâm chiếm Tahiti, chẳng hạn. Ở đây, vị nữ hoàng

thân Anh đã bị truất phế và thay thế bằng một vị phụ chánh theo Pháp vào 1845. (Cady, John F., *The Roots of French Imperialism in Easter Asia.* Ithaca, New York: Cornell University Press, 1954, 31, ct. 8) Chính Khâm sứ Rheinart cũng có lần đề nghị với ông Thuyết để ông này lên thay vua Hàm Nghi, như sẽ bàn sau.

Về phần NVT, còn có tin đồn nói rằng ông là con rơi của vua Thiệu Trị, và người Pháp có ý muốn dụ dỗ ông, để cho ông hay con ông, lên làm vua, nếu chịu theo họ. Câu chuyện bắt đầu năm 1842, khi ông mới 18 tuổi, đi thi và đậu tú tài. Nhưng vì lúc đó ông lấy tên là Nguyễn Phúc Tường, họ nhà Nguyễn, nên bị vua Thiệu Trị, khi duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, đánh hỏng và phạt tội đồ một năm, suốt đời không được đi thi. (ĐNTL, XXIV, 163-165; Trần Viết Ngạc, "Tìm hiểu thêm về..." *HTNVTHUE02, 9) Từ đó có tin thêu dệt ra là lúc vua Thiệu Trị còn là hoàng tử đi theo vua Minh Mạng tuần du Quảng Trị, có ăn nằm với một cô gái.* Cô này sau sinh ra NVT mà hoàng tử không biết. (Nguyễn Đắc Xuân, Hương Giang cố sự. Tủ sách Sông Hương, 1986, 46, dẫn do Đỗ Bang, "Góp phần..." HTNVTHUE02, 22, ct. 6). Vào 1850, tám năm sau, NVT được vua Tự Đức đặc cách cho thi lại, và đỗ cử nhân rồi bắt đầu cuộc đời làm quan. Trong các bản tấu của NVT dâng lên vua Tự Đức, như Nam Kỳ tấu nghị số 15, NVT thường nhắc nhở đến "ơn đại tạo tác thành" đó của vua; và trong bản tấu ngày 20-6 Tự Đức 26, vua có châu phê: "Và mạng của ngươi cũng oái oăm, mới vào thi thì đã khổ, bể hoạn cũng chìm nổi, đáng thương thay! . . . *Lại như ngươi lúc thiếu niên, có chuyện bất bình, do kêu được thì sáng tỏ...*" (Trần Viết Ngạc, ibid., 9, ct. 7). Như vậy là vua cho thi lại theo lời kêu xin của NVT, nhưng không có tài liệu nào khác cho biết rõ vì sao NVT đã dùng họ Nguyễn Phúc. Lý do sau đây có thể được phỏng đoán từ tài liệu gia phả trong đó có ghi: "Công sinh nhi phong tư tú dị . . . *Ngài sinh ra phong tư đẹp đẽ khác thường. Một thuật sỹ người Tàu cho rằng tương lai rất quý và khuyên gia đình nên chăm lo học hành cho cậu bé.*" (*Ibid.*, 8, ct. 2) Có lẽ cha mẹ NVT cho đó là một điềm phúc nên đổi tên lót là chữ "Văn" thành chữ "Phúc" để cho NVT đi thi cho may mắn hơn, và vô tình không biết đó là phạm tội tiếm dụng quốc tính. Riêng NVT cũng không thổ lộ một điều gì cho phép ta đoán định cụ thể về vấn đề này. Trái lại, ông đã tỏ ra rất hãnh diện với dòng họ mình. Sau khi phân tích các gia phả họ Nguyễn, chi Nguyễn Văn ở làng An Cư, quê quán của NVT cũng như ở Đồng Hà và Huế, TS Đỗ Bang cho biết rằng NVT:

"là người duy nhất trong họ này đã có lúc lấy lót chữ Phúc để nộp quyển cho trường thi, còn trong gia phả vẫn ghi chữ Văn. [ ] Dòng họ này lúc đầu lót chữ Thế [Nguyễn Thế . . .] đến đời thứ năm lại lót chữ Văn. ***Nguyễn Văn Tường là đời thứ 7; gia phả ghi là Nguyễn Văn Tường.*** *Chính ông vào lúc làm Thượng Thư bộ Hình, sung Cơ Mật viện đại thần, ông đứng tên Nguyễn Văn Tường để soạn bản gia phả của dòng họ mình với lời đề từ rất trân trọng: 'Họ Nguyễn ta từ lúc đến đây lập nghiệp sinh tụ ngày càng đông thành một họ lớn trong làng.* ***Cũng nhờ phúc ấm của tổ tiên mà phái ta trở thành một chi phái lớn ở trong họ*** *. . .' [ ] Theo gia phả, Nguyễn Văn Tường là con trai trưởng của ông Nguyễn Văn Dậu, sinh năm Mậu Ngọ [1798], chết năm Giáp Tý [1864] và bà vợ chánh tên là Liên . . . Bà Liên sinh được ba người con trai, con đầu là Nguyễn Văn Tường và các em Nguyễn Văn Độ, Nguyễn Văn Phúc và năm người con gái. Ông Nguyễn Văn Dậu còn có hai bà vợ thứ tên là Cảnh và Vệ. [ ] Nguyễn Văn Tường có bảy bà vợ và 19 người con. [ ] Với trách nhiệm trước gia tộc trong việc tu soạn gia phả dòng họ của mình và với quyết tâm làm rạng rỡ dòng họ Nguyễn Văn, Nguyễn Văn Tường là một người con ưu tú của họ Nguyễn ở An Cư, Quảng Trị." (Đỗ Bang, "Góp phần..." Ibid.,* 22-3, NQT nhấn mạnh)

Những tin tức dựa trên chính sử và gia phả này cũng khá đủ để đính chính những tin lưu trữ trong văn khố Pháp, như sở dĩ NVT không được phép đi thi lúc đầu là vì tội của cha ông, một người thợ mộc, đã có liên can đến một vụ nổi loạn. (AOM Aix, Amiraux 12774, dẫn do Tsuboi, op. *cit.*, 234). Về nghề nghiệp của thân sinh NVT, các tác giả Pháp người thì cho là thợ mộc, như đã nói, người thì cho là thợ rèn. (Masson, op. *cit.*, 119). Có người khác lại cho là chài lưới, hay chèo đò. Gia phả nói là "ông lúc nhỏ, nhà nghèo nhưng ham học và có tiếng học giỏi." Cha NVT có ba vợ và 12 con, sáu gái và sáu trai, nên "Gia cảnh 'hàn vi' là vì nhiều miệng ăn, chứ chẳng phải là không có nhà cửa, ruộng đất. *Có lẽ vì vậy mà trong sáu con trai chỉ có Nguyễn Văn Tường được ăn học đàng hoàng và đỗ đạt." (Trần Viết Ngạc, "Tìm hiểu..." HTNVTHUE02, 8)*

Mặc dù lý do tại sao NVT dùng họ nhà vua có thể chỉ là do một sự ngộ nhận, nó có thể đã được

khai thác để đưa đến tin đồn NVT là "con rơi của vua Thiệu Trị" hầu gia tăng sức mạnh của lời tố cáo, xuyên tạc rằng vì là con vua, nên NVT muốn tiếm ngôi vua. Dù sao chăng nữa, không thấy có một dấu hiệu gì chứng tỏ là NVT đã có ý tranh dành ngôi báu cho chính mình hay cho con mình. Ngoài ra, hai ông bà Phò mã Nguyễn Văn Tộ và Công chúa Như Khuê, cũng như mọi người con và dâu khác của NVT, đều sống ẩn dật, từ đầu đến cuối, không có ai tham gia việc triều chánh, và không có mảy may một bằng chứng gì là họ âm mưu, hay ham muốn làm vua làm chúa gì hết.

Đáng bàn hơn là chuyện NVT âm mưu loại Tôn Thất Thuyết, và chuyện vua Hàm Nghi, cũng theo lời LM De Pirey trong bài đó, đã bị ông Thuyết ép buộc đi theo mình, và bắt để cái đầu lại khi vua đòi về. Theo tác giả Pirey, những chuyện này là do "Ông-Xã Bình" kể lại cho mình nghe, và ông này, ở làng Hà Mỹ, là một người lính đi theo đoàn ngự đạo của vua Hàm Nghi từ Huế ra Quảng Trị. (Pirey, ibid.,. 214-5) Ngoài ra, còn có việc ông Thuyết, không những ép vua đi, mà còn cho người về đốt nhà NVT, như LM Delvaux đã kể. ("Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam" BAVH, số 3, 1941, 267) Vì tài liệu dùng để phối kiểm, lượng giá mức độ khả tín của các nguồn tin này phần nhiều dựa vào sử liệu chính thức của nhà Nguyễn, nhứt là bộ chính sử, Đại Nam Thực Lục Chính Biên, người viết xin dành đoạn sau đây để bàn về giá trị bộ sử này, trước khi nói tiếp về sự hư thực của các câu chuyện do quí vị linh mục Pháp đưa ra.

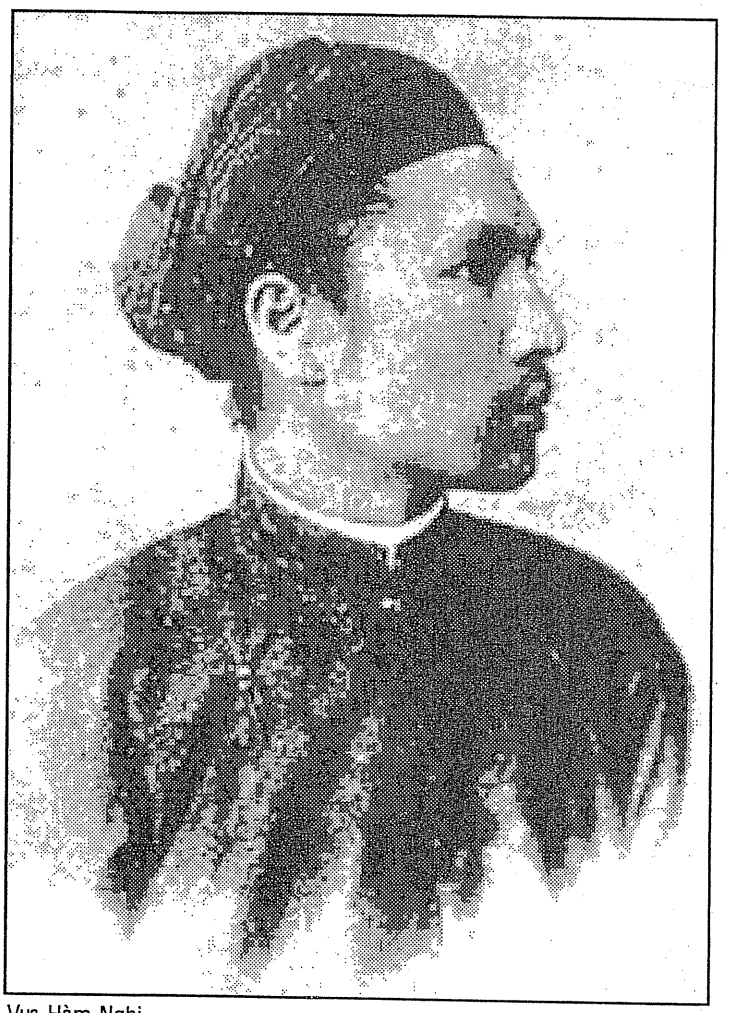

Vua Hàm Nghi

B. Bộ sử: Đại Nam Thực Lục Tiền biên và Chính biên

Viết sử là một công tác truyền thống của nền văn minh Á Đông nói chung, và Việt Nam, nói riêng. Nhà Nguyễn lại còn đặt nặng công tác làm sử hơn các triều vua trước. Trụ sở của Quốc sử quán, cơ quan có nhiệm vụ soạn sử, được vua Minh Mạng cho xây cất trong thành nội Huế năm 1821.(Boudet, Paul, "Les archives des empereurs d'Annam et l'histoire annamite." *BAVH, số 3, 1942, 229-238) Vua Thiệu Trị cho xây thêm một số dinh thự vào 1844, và vua Tự Đức cho xây dựng một nhà in vào năm 1849.* Nhiệm vụ của Quốc sử quán là thu thập mọi tài liệu, dữ kiện để đúc kết viết ra thành sử của bản Triều. Loại sử liệu chính mà các sử quan dùng trong công tác viết sử là các châu bản bao gồm: các bản tấu, sớ của các đình thần từ các bộ, viện, hay các địa phương dâng trình lên và đã được vua duyệt phê, cũng như các sắc, dụ, chiếu, chỉ do vua ban hành, và những văn kiện ngoại giao, công văn, phúc trình, hoặc sổ sách kê khai, v.v... Các văn kiện này thường có ghi lời phê của vua bằng một loại mực đặc biệt, chỉ một mình vua dùng. Bản chánh của các châu bản này được lưu trữ ở Nội Các, tức văn phòng của vua, một bản sao được chuyển đến

bộ, viện liên hệ, và một bản sao thứ hai được gởi đến Quốc sử quán để viết thành quốc sử. (Cục Lưu Trữ Nhà Nước, Đại Học Huế, Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam và Giao Lưu Văn Hóa, Mục Lục Châu Bản Triều Nguyễn, Tập II, Năm Minh Mệnh 6 [1825] và 7 [1826]. Nhà Xuất bản Văn hóa Hà Nội, 1998, iii - v, xi - xix) Cuốn sử do Quốc sử quán viết ra được gọi là Đại Nam Thực Lục, gồm có hai phần: phần Tiền Biên nói về thời các Chúa Nguyễn, và phần Chính Biên nói về thời các vua nhà Nguyễn từ Gia Long đến Đồng Khánh [1889]. Riêng phần Chính Biên đã được Viện Sử Học phiên dịch và Nhà Xuất Bản Khoa Học Hà Nội ấn hành từ 1962 đến 1978, và gồm có 38 tập, mỗi tập trung bình khoản 350 trang giấy khổ nhỏ [18.5 x 13.5 phân tây]. Bộ Thực Lục và bản dịch có ghi thêm các mục lục về tên riêng, sự kiện, và tư liệu làm cho việc tra cứu được bội phần dễ dàng. (ĐNTL, XXXV, 261-412; XXXVIII, 159-381)

Bộ Thực Lục được ghi chép theo lối biên niên, nghĩa là trình bày từng sự kiên xảy ra hằng ngày theo lối nhật ký một cách khá trung thực. Theo nguyên tắc, sử quan chỉ trình bày sự kiện, mà không suy diễn, phê bình, phân tích hay tổng hợp gì hết. Vì vậy, tài liệu đầu tay (document de première main) này, ghi chép sử dùng tài liệu gốc là châu bản, có thể được xem như là chưa hay ít bị thay đổi méo mó nhất. Quả nhiên, so với bộ Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, cũng do Quốc sử quán soạn, nhưng theo lối tổng hợp để nói về từng nhân vật liệt sĩ, mực độ trung thực của bộ Thực Lục cao hơn nhiều. Sự trung thực càng được bảo đảm hơn nữa khi các sử quan phải tuân theo một số "phàm lệ" tức qui tắc để viết, và các qui tắc này phải được ghi lại trong bộ sử liên hệ. *"Phàm lệ về Đại Nam Thực Lục Chính Biên Đệ Tứ Kỷ" nói về triều Tự Đức, chẳng hạn, gồm có 25 điều mà sử quan phải tuân theo một cách chặt chẽ.* Ví dụ: Khi chép việc thì dùng tháng theo mùa, dùng mùa theo năm, việc lớn thì phải chép thêm ngày; các chiếu nào ngự chế ra, viết bằng bút son, thì phụng chép vào văn tập, hoặc chép toàn bài, hoặc chép sơ lược tùy việc; những chương sớ quan hệ đến chính trị to lớn thì chép, điều nhỏ mọn thì lược bỏ đi; những địa phương gặp biến cố như lụt lội, nắng hạn, tật dịch mà có chỉ của Vua giải quyết thì chép. (ĐNTL, XXVII, 17-21). Một bảo đảm khác cho sự ghi chép trung thực là việc soạn sử được giao phó cho một toán rất đông các quan lại phụ trách, nhờ đó một phần nào có sự hỗ tương kiểm soát. Bộ Thực Lục Đệ Tam Kỷ nói về triều Thiệu Trị, chẳng hạn, do 94 vị sử quan biên soạn, gồm ba tổng tài, sáu phó tổng tài, 15 toản tu, 21 biên tu, 14 khảo hiệu, 8 đằng lục, 17 thu chưởng, sau còn bổ túc thêm 10 người nữa, chia cho mọi chức vụ. Khởi công vào 1849, công tác này được hoàn thành năm 1877 và toàn bộ sử Đệ Tam Kỷ được in xong năm 1879, thời Tự Đức. (ĐNTL, XXIII, 5-28) Bộ Thực Lục Đệ Tứ Kỷ nói về Triều Tự Đức thực hiện mất 14 năm, bắt đầu khởi công dưới triều Kiến Phúc, 1885 và ấn loát xong vào năm Thành Thái thứ 11, 1899. (ĐNTL, XXVII, 5-26). Bộ Thực Lục Đệ Ngũ Kỷ, bao gồm hai triều Kiến Phúc và Hàm Nghi, mất năm năm mới xong, khởi đầu năm 1897 và hoàn thành năm 1902 dưới triều Thành Thái. (ĐNTL, XXXVI, 5-17). Và bộ Thực Lục Đệ Lục Kỷ, nói về triều Đồng Khánh, được biên soạn từ đời Thành Thái năm thứ 6, 1894 cho đến năm Duy Tân thứ 3, 1909 thì hoàn tất, mất 15 năm. (ĐNTL, XXXVII, 5-21) Như vậy, tất cả các bộ Thực Lục nói về triều Tự Đức và về sau, từ Đệ Tứ đến Đệ Lục Kỷ đều được biên soạn dưới thời Pháp thuộc, và tính cách trung thực của các bộ sử đó có thể bị nghi ngờ, nhất là khi có bằng chứng người Pháp có can thiệp vào việc viết sử của Quốc sử quán, như vụ Khâm sứ Pháp ra chỉ thị về vấn đề vua Hiệp Hòa, khi soạn bộ Đệ Tứ Kỷ. (ĐNTL, XXVII, 7-8) Ngay trong bộ sử, các sử quan cũng gián tiếp cho biết những áp lực chính trị , khi nói về các qui tắc mà họ phải tuân theo để ghi chép sử. Ví dụ: Về ông Dục Đức, thực ra chưa làm vua ngày nào vì mới được chỉ định nhưng chưa được tấn tôn, thì phàm lệ trong bộ sử Đệ Tứ Kỷ này nói rõ rằng "Nay phụ biên chép là tự quân, để tỏ rõ cái tội của kẻ quyền thần [tức là bọn Tôn Thất Thuyết]. (Ibid., 20) Phàm lệ về cách viết bộ Đệ Ngũ Kỷ cũng ghi rõ việc coi hai ông Tường và Thuyết là "quyền thần" là lý đương nhiên với câu nói sau trong phàm lệ thứ 4: "Phàm có việc gì nên chép thì cứ theo y như ở các kỷ trước mà chép. ***Việc gì do ý riêng của quyền thần thì cứ việc chép thẳng, để tỏ những điều trái phép của bọn đó." (ĐNTL, XXXVI, 15) Tuy nhiên, với các qui tắc ghi chép nhấn mạnh vào sự kiện, như đã nói, và truyền thống cương trực của sử quan Khổng Mạnh Đông Phương, sự thiên vị hay bóp méo cũng có thể được giảm thiểu, và, nếu có xảy ra, thì nhà khảo cứu có thể suy luận mà khám phá ra được phần nào.*** Ngoài ra, sử gia còn có thể dùng châu bản của triều Nguyễn, hiện còn

được non 20%, để phối kiểm và bổ túc bộ chính sử này. Vấn đề này sẽ được làm sáng tỏ hơn khi bộ sử được sử dụng và phân tích về chi tiết sau này.

Dù sao, ba nhà sử học Tây phương, tác giả ba pho sử thượng thặng về Việt Nam, đã dùng bộ Thực Lục làm một tài liệu tham khảo căn bản, và ngợi khen giá trị vượt trội của nó so với sử sách khác về Việt Nam nói chung. Sử gia Pháp Maybon đã sử dụng Thực Lục Tiền Biên và Chính Biên, hồi đó chỉ có bằng chữ nho. (Histoire moderne du pays d'Annam, x, xi) Sử gia Mỹ Mark W. McLeod đã dùng Thực Lục nói về Triều Tự Đức. (The Vietnamese Response to French Intervention, 1862-1874. New York: Praeger, 1991, xv, xvi) Và sử gia Alexander Barton Woodside đã dùng Thực Lục liên hệ đến thời Gia Long, Minh Mạng, và Thiệu Trị. (Vietnam and the Chinese Model: A Comparative Study of Vietnamese and Chinese Government in the First Half of the Nineteenth Century. Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1988, 323-4). Giáo sư Nhựt bản, Yoshiharu Tsuboi cũng đã tham khảo bộ Thực Lục rất nhiều trong cuốn sử dựa vào luận án Tấn sĩ của ông ở Pháp. (L'Empire vietnamien face à la France et la Chine 1847-1885. Paris, Éditions L'Harmattan, 1987) Một số sử gia Việt, như Nguyễn Thế Anh (Monarchie et fait colonial au Vietnam [1875-1925]. Paris: Éditions LõHarmattan, 1992), và Vũ Ngự Chiêu (Các Vua Cuối Nhà Nguyễn: 1883-1945, 3 tập. Văn Hóa, 1999) cũng đã bắt đầu khai thác khá nhiều bộ chính sử này của nhà Nguyễn. Ngoài bộ Thực Lục, các tác giả vừa kể cũng có dùng các tài liệu khác với mức độ khả tín tương đối khá cao của Triều Nguyễn như Đại Nam Chính biên Liệt Truyện, Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ.

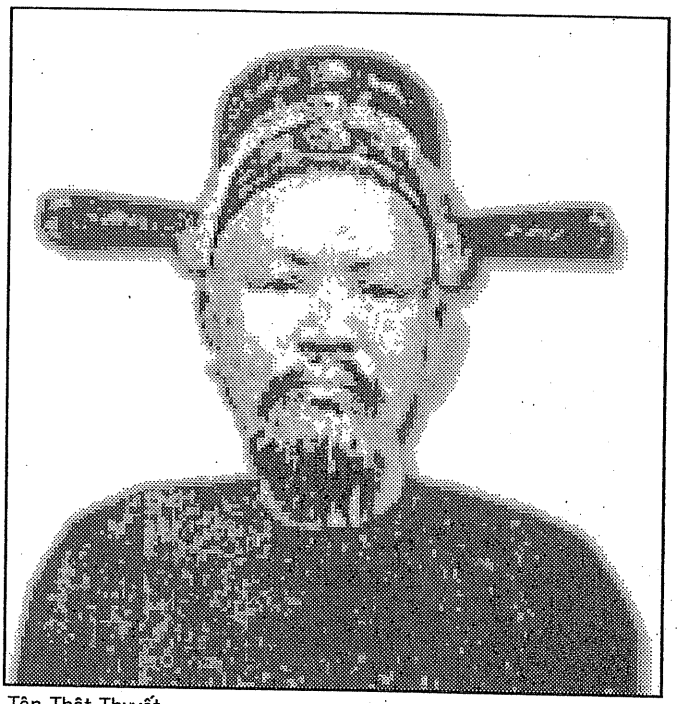
Tôn Thất Thuyết

C. Nguyễn Văn Tường chống Tôn Thất Thuyết?

Sự phân tích tinh tường bộ chính sử, đặt nặng các sự kiện mà Quốc sử quán tường thuật, và loại ra các sự suy diễn do áp lực chính trị ràng buộc các sử quan, sẽ cho thấy rằng tương quan giữa hai ông phụ chánh có thể được xem như là tương quan "hòa nhi bất đồng" giữa hai người quân tử, chớ không phải "đồng nhi bất hòa" giữa hai kẻ tiểu nhân, như LM De Pirey và sứ sách thực dân đã nói. Hai ông không phải đã đồng ý hợp lực với nhau trong việc truất phế các vua thân Pháp để rồi bất hòa với nhau trong việc chia xẻ uy lực, ngôi thứ, hay quyền lợi vị kỷ khác. Hai ông đã hòa đồng với nhau trong mục tiêu chống Pháp để gìn giữ quốc gia và triều đại. Cái mẫu số chung đó là cái lý tưởng mà mọi vị quan lại trong một nền văn hóa Khổng Mạnh có bổn phận đeo đuổi, dù cho đến phải hy sinh cả tính mệnh, không những của chính mình mà còn của đại gia đình mình nữa. Cái lý tưởng chung đó đã giúp hai ông san bằng mọi ý kiến bất đồng, nếu có, để luôn luôn sát cánh với nhau trong việc giữ nước. Thật ra, hai người đã phân công, đóng hai vai trò trái ngược nhau, một người lo việc đánh, một người lo việc đàm, để bổ túc cho nhau trong kế sách chống thực dân Pháp. Họ rất kính trọng nhau, và không có bất đồng chính kiến gì quan trọng hết. Việc ông Thuyết chống Pháp thực dân, ai cũng đã rõ, tưởng không cần chứng minh nữa. NVT cũng chống Pháp không kém, đã coi "rợ" Phú là tham lam giảo quyệt, còn tệ hơn Hung Nô và Khiết Đan, và đã phải "chịu nhục" để đi thương thuyết với chúng, vì nhiệm vụ với vua, với nước "không dám làm kẻ bên lề ngồi xem thành bại."

(Các bản tấu ngày 8-3 Tự Đức 21, 1868; 12-1 Tự Đức 31, 1878; và 1-11 Tự Đức 27, 1874) Tuy nhiên, nhận thấy ta đã thua kém địch quá xa về phương diện quân sự sau nhiều lần thử thách, NVT cùng vua Tự Đức đã áp dụng kế sách dài hạn "hòa để mưu chiến." (Bản tấu 8-3 Tự Đức 21 nói trên). Vì vậy, NVT chủ trương "... *bên ngoài ta lấy vẻ mặt tươi cười chờ đợi, bên trong lại nghiêm chỉnh tự trị, binh khí, thuyền súng có chuyên viên đảm trách, người người tự nỗ lực, tự mưu tính để chờ cơ hội, thì cái hiệu nghiệm lúc xế chiều cũng không phải là muộn vậy." (Bản tấu ngày 10-8 Tự Đức 26, 1873; xin xem bài "Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn.". Thế kỷ 21, đã dẫn)*

NVT, sinh năm 1824, lớn hơn Tôn Thất Thuyết, sinh 1839, những 15 tuổi. Sự chênh lệch trong tuổi tác có thể giúp phần nào trong việc ông Thuyết vị nể và nghe theo ông Tường hơn. Ngoài ra, hai ông hợp tác với nhau dễ dàng vì người nào cũng đặt quyền lợi quốc gia và triều đại lên trên quyền lợi riêng tư. Vào cuối năm 1880, ông Thuyết tố cáo ông Tường lên vua Tự Đức, dựa vào tin đồn do phía Pháp tung ra [mà ông Thuyết không biết, vì mới ở Bắc về Kinh dưỡng bệnh], là NVT ăn hối lộ của người Tàu để cho họ nhập khẩu tiền giả vào thị trường Việt Nam. Sau khi điều tra, Vua biết NVT bị gièm, và khiển trách ông Thuyết là "ít học không thông, lại có tật nóng nẩy nói càng" (ĐNTL, XXXIV, 370). Khi được Vua bổ làm thự Thượng thư bộ Binh vào hậu bán niên 1881, ông Thuyết bắt đầu làm việc chung với NVT, lần lần thấm nhuần chánh sách hòa hoãn của Triều đình, hiểu ông Tường hơn và từ đó về sau, hai người hợp tác rất chặt chẽ với nhau. Dựa theo sự nghe ngóng các bậc huynh trưởng trong đại gia đình, ông Tôn Thất Hào, một hậu duệ của ông Tôn Thất Phan một bên, và NVT một bên, đã kể rằng:

"Cụ Thuyết rất kính trọng cụ Tường, thường khen ngợi cụ Tường là: 'bậc nho tướng, đại trí, thông tuệ, thao lược' [ ] Cụ Tường học rộng, sâu sắc, thâm trầm, lúc nào cũng điềm tĩnh, ung dung, khoan hòa, rất quyền mưu. [ ] Cụ Thuyết và cụ Tường rất thân thiết tâm đắc với nhau cùng bàn bạc với nhau mọi chuyện lớn nhỏ trong triều ngoài quận, và thường tỏ ra nhất trí với nhau." ("Chiêu tuyết Kỳ Vĩ Quận Công Nguyễn Văn Tường, 1824-1886." HNNVTDHSP96, 88)

Mặt khác, NVT đã đánh giá Tôn Thất Thuyết với vua Tự Đức như sau:

" Tôn Thất Thuyết theo việc quân lâu ngày, am tường chinh chiến, binh lính, tướng tá đều sợ tánh nghiêm, nên cũng gọi là tay năng nổ." (Bản tấu ngày 20-6 Tự Đức 26 [1873] Bắc Kỳ tấu nghị, do Trần Viết Ngạc dẫn, "Tìm hiểu thêm về Nguyễn Văn Tường" [1824-1886], HTNVTHUE02, 18)

Sau khi vua Tự Đức băng hà, hai ông, với tư cách là phụ chánh cố mạng lương thần, đã cùng đóng vai trò Y Doãn, Hoắc Quang [hai vị quan trong sử Tàu đã bỏ vua xấu, phò vua tốt lên ngôi], truất phế Tự Quân Dục Đức vì ông này đã làm gián điệp cho Pháp từ trước, và thiếu tư cách. ("M. *Rheinart, premier chargé d'affaires à Hué, Journal, notes, et correspondance." BAVH, số 1& 2, 1943, 94, 99, 100, 104, 124-5; ĐNTL, XXXV, 206-9; Thế Phả, 371) Rồi hai vị đã sát cánh với nhau trong việc loại bỏ Hiệp Hòa, vị vua đã đi với người Pháp và cùng họ âm mưu ám hại hai ông, là đồng thủ lãnh phe chống Pháp.* Phối hợp tài quân sự của ông Thuyết và tài chính trị của ông Tường, hai vị phụ chánh đã dễ dàng hoàn thành một cuộc đảo chánh triệt hạ vua Hiệp Hòa. Sứ quán Pháp, với quân đội đóng ở Cửa Thuận, và ngay bên kia bờ sông Hương, đã không hay biết gì hết về cuộc chính biến cho đến khi mọi sự đã rồi, và không còn can thiệp kịp được nữa. (Ibid., 255-260) Hai ông cũng nhất trí chống lại việc Khâm sứ Rheinart đòi truất phế vua Hàm Nghi, mặc dầu Rheinart có đề nghị tôn ông Thuyết lên ngôi, sau khi y thất bại trong việc đòi hỏi Triều đình phải để cho Gia Hưng Vương lên thay Vua Hàm Nghi. ("M. *Rheinart . . ." BAVH, số 1 & 2, 1943, 152-3; ĐNTL, XXXVI, 156-7, 176-8).* Khi phía Pháp đi quá xa trong việc áp dụng Hiệp ước Bảo hộ 1884 , đến độ muốn biến Triều đình thành một số bù nhìn tay sai của họ, đồng thời thiết lập ở Bắc hai trung đoàn lính chiến người Việt để giết người Việt, hai ông phụ chánh sát cánh với nhau phản đối quyết liệt qua một bức thư gởi cho Tổng Trú sứ Pháp Lemaire. Trong thơ này, NVT với tư cách là Viện trưởng Hội đồng Cơ mật, dùng lời lẽ ôn hòa, bày tỏ sự bất mãn của Triều đình đối với hành động hà lạm, vi phạm hiệp ước của phía Pháp, đồng thời chuyển, kèm theo thơ của mình, một bức thư của ông Thuyết. Trong thơ này, ông Thuyết, với tư cách là Thượng thư bộ Binh, trách cứ phía Pháp một cách dữ dội, không chút vị nể, với đầy đủ chi tiết về việc Pháp uy hiếp, áp bức phía Việt Nam và vi phạm hiệp ước. (Etienne Vo Duc Hanh, La place du Catholicisme dans les relations entre la France et le Vietnam

de 1870 à 1886. Berne, New York. P. Lang, 1992, 1176-1187) Để ly gián hai ông, sử học thực dân đã cố ý lơ phần của ông Tường, và rao ra rằng đó là thơ của một mình ông Thuyết, mặc dầu Đức Cha Puginier đã giải thích cho Tướng De Courcy biết rằng đó là thơ của toàn thể Triều Đình, và hăm đoạn tuyệt ngoại giao với Pháp. (Ibid., 1184).

Đến khi De Courcy mang hơn một ngàn quân sĩ, gồm cả tàu chiến và trọng pháo vào Huế để trình ủy nhiệm thư, và nhân tiện triệt hạ hai ông và vua Hàm Nghi, thay bằng bộ ba Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, và Đồng Khánh, thì hai ông phụ chánh đã cùng vua và Triều đình lập kế cho ông Thuyết đánh úp quân Pháp trước và đem vua đi sơn phòng, trong lúc NVT ở lại điều đình, nhân danh Triều đình, giả đò phủ nhận hành động của ông Thuyết, và như vậy đặt phía Pháp trước một tình trạng mới. Vua và ông Thuyết, từ sơn phòng, ra: [1] Dụ "Thiên hạ Cần Vương" kêu gọi mọi người con dân giúp vua chống xâm lăng; [2] Dụ gởi NVT chỉ thị thương thảo với Pháp một hiệp ước giống như dưới thời Tự Đức để vua có thể trở về; [3] Dụ gởi Hoàng tộc yêu cầu hoàng thân quốc thích ủng hộ NVT trong việc điều đình, và đề cao lòng trung nghĩa của NVT. (ĐNTL, XXXVI, 220-8; xem thêm bài "NVT và sách lược..." đã dẫn trên) Việc ông Thuyết đưa vua đi sơn phòng, và NVT ở lại thương thuyết, là một kế hoạch của toàn thể Triều đình để giải tỏa một hoàn cảnh bế tắc và thiên nan, vạn nan trước mắt. Như vậy thì làm sao có những chuyện như: NVT ưng loại ông Thuyết và vua Hàm Nghi để đưa con mình lên ngôi, như LM De Pirey đã nói, dựa vào ý kiến của toàn dân 100% của Tổng Mai Lộc, như kể trên; hoặc, để lấy lòng De Courcy, NVT đã không chấp thuận cho ông Thuyết giết Nguyễn Hữu Độ, và nhờ ông Độ báo với De Courcy là ông Thuyết đang chuẩn bị tấn công quân Pháp; hoặc ông Thuyết, khi chạy ra Quảng Trị, lập tức cho người về đốt nhà NVT, như LM Delvaux đã tường thuật? Những tin của LM Delvaux phần nhiều được lấy từ tòa Khâm sứ, mà chính tác giả đã công nhận là "chín phần mười chỉ có giá trị thứ yếu, và rất thường trái ngược với nhau và triệt tiêu lẫn nhau." [Archives de la Résidence Supérieure de Hué "Les neuf dixièmes des pièces n'ont qu'un intérêt secondaire, et très souvent l'une contredit ou corrige l'autre"] ("La prise de Hué par les Francais 5 Juillet 1885õõ. *BAVH, số 2, 1920, 267-8, 292;" Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam." BAVH, số 3, 1941, 267, t.* 292, ct. 1 nói về giá trị nguồn tin Toà Khâm)

D. Ông Thuyết đốt nhà ông Tường?

Theo lời LM Delvaux, sau khi đưa vua Hàm Nghi và Tam Cung ra đến Quảng Trị,

"Đến chiều tối, người ta được tin Nguyễn Văn Tường đầu hàng quân Pháp và được trở lại tại vị trong chính phủ An Nam. Hoàng thân Thuyết gọi một người tâm phúc và ***ra lệnh cho y, trước mặt vua, đi đốt ngay cái nhà riêng của Phụ chính Tường.*** *[Chú thích 1: Nhà này tọa lạc trong thành, gần cửa Đông Ba. Nhà bị cháy ngày 24-7. Văn khố Tòa Khâm F.V. 67, số 30." (Ibid.,* NQT dịch và nhấn mạnh)

Một học giả xứ thần kinh, không biết có lấy bài này làm "khuôn vàng thước ngọc" hay không, vì viết mà không cho biết nguồn gốc tham khảo, đã chép, có vẻ như chính mình đã trông thấy, rằng: "*. . . Nhà của Quận Tường phát cháy dữ dội đêm 24 tháng 7 năm 1885, tức là 20 ngày sau khi thất thủ Kinh Đô." (Thái Văn Kiểm "Nước loạn canh tàn khóc bể dâu." Nhớ Huế, số 8, 93, NQT nhấn mạnh).* Một tác giả khác lấy tin đó để làm bằng chứng cho tính khí nóng nảy, bốc đồng của ông Thuyết (Phạm Hồng Việt, "Về yêu cầu giáo dưỡng và giáo dục khi giảng về Tôn Thất Thuyết trong các bài giảng lịch sử." *HNNVTDHSP96, 193).* Một sử gia đứng đắn và nhiều kinh nghiệm cũng đã vô tình lặp lại tin đó như là một bằng chứng của sự chia rẽ giữa hai ông phụ chính. (Phan Khoang, Việt-Nam Pháp-Thuộc-Sử. Sài gòn: Phủ Quốc-Vụ-Khanh đặc-trách Văn-hóa, 1971, 349-350)

Chỉ lấy lương tri thông thường mà suy xét, tin này khó lòng dựa vào một cơ sở nào vững chắc. Cho dù không có chuyện hai ông lập kế, kẻ đánh người đàm và phối hợp với nhau, và cho dù hai ông phụ chính chống nhau kịch liệt đi nữa, thì lúc mới đưa được đoàn ngự đạo ra đến Quảng Trị, ông Thuyết còn có bao nhiêu vấn đề hệ trọng và cấp bách cần được ưu tiên giải quyết hơn là việc đốt nhà NVT. Thật vậy ông Thuyết lúc đó đang ở trong cảnh dầu sôi lửa bỏng, một mặt phải lo bảo vệ tính mạng cho Vua và Tam cung, và các hoàng thân quốc thích, triều thần, quân sĩ đi hộ giá, mặt khác phải lo đề phòng việc quân đội Pháp đuổi theo và vây bắt cả vua tôi, và lo nơi ăn chốn ở, lo ai đi ai ở lại, . . .Trong một tình trạng khẩn trương đến tột độ như vậy, ông Thuyết, là một người cầm quân, đánh giặc rất giỏi, làm sao có thể nghĩ đến chuyện đốt nhà NVT, một chuyện không có gì là cấp bách, quan trọng cả? *(còn tiếp)*

ĐI HAY Ở

NGUYỄN HỮU CHI

(Tiếp theo và hết)

Tối nay, mỗi người trên tàu được phát một đĩa cơm đầy thịt bò ninh hành tây và cà rốt, cộng thêm một quả táo tây tráng miệng. Tuy ngon và lạ miệng, bé Ngọ vẫn lấy một thìa thịt ruốc đổ lên đĩa cơm để thêm hương vị nước mắm. Sau đó, nằm lăn quay ra sàn tàu ngủ một cách rất là hồn nhiên vô tư. Từ ngày bố mẹ qua đời, chưa bao giờ cô bé này cảm thấy yên ổn như lúc này. Thì tương lai đã có chị Hợi và anh Mạnh lo rồi.

Sau khi đắp cái áo mỏng lên người bé Ngọ, Mạnh và Hợi ra boong tàu hóng gió biển. Sao lấp lánh đầy trời, sóng biển lấp lánh chạy theo sau tàu. Mạnh nhớ đến chuyện ***Les Étoiles*** của văn hào Alphonse Daudet, và kể lại câu chuyện tình nhẹ nhàng đó cho Hợi nghe. Giọng chàng ấm cúng, hòa nghịp theo gió đại dương. Cô gái quê đứng nép vào trong vòng tay của chàng thanh niên Hà thành.

— Chuyện tình thơ mộng quá, nhưng em nghe cứ thấy buồn buồn làm sao ấy. Cũng chỉ tại anh chăn bò nghèo không dám yêu cô con gái ông điền chủ giầu có.

— Anh cũng nghĩ như em.

— Em cảm thấy sợ quá!

— Em sợ cái gì?

— Em sợ vì em chỉ là một cô gái nhà quê nghèo nàn, còn anh thì ...

— Thôi em đừng nói nữa.

Thuyền tình vẫn nhẹ nhàng trôi. Sao vẫn lấp lánh trên giải Ngân Hà. Sóng vẫn lấp lánh dưới biển. Mạnh đứng dựa vào lan can tàu, ôm Hợi trong vòng tay của mình. Một mối tình bé nhỏ giữa cảnh thần tiên bao la! Tuy không nói ra, cả hai người không muốn bao giờ tàu tới bến.

— Ngày còn bé, những tối nhiều sao như tối nay, bu em dạy em trò chơi đếm sao trên trời.

— Em đếm sao như thế nào?

— Em chỉ tay lên từng ông sao một, và đếm như thế *này "một ông sao sáng, hai ông sáng sao, ba ông sao sáng, bốn ông sáng sao"*...

Chưa nói hết câu, Hợi bỗng quay lại nhìn Mạnh.

— Anh Mạnh ơi, tự nhiên em cảm thấy yêu anh nhiều lắm! Trên trời có bao nhiêu sao, em yêu anh bấy nhiêu.

Mạnh đắm đuối nhìn vào mắt Hợi, rồi nhìn những vì sao lấp lánh đầy trời. Chàng khẽ nói lên

thật lòng mình:

— Anh cũng yêu em nhiều lắm!

— Em thích nghe anh kể những chuyện tình cho em nghe. Chuyện vừa rồi anh kể buồn quá nhưng rất dễ thương!

— Còn nhiều chuyện dễ thương và buồn hơn thế nữa!

— Chuyện gì vậy?

— Đó là chuyện tình yêu kỳ diệu giữa một chàng hiệp sĩ và một cô công nương. Chàng hiệp sĩ được nhà vua ra lệnh mang thuyền đi đón cô công nương về cưới làm hoàng hậu. Trên con thuyền xuôi buồm về kinh đô, đôi trai tài gái sắc đã đắm đuối yêu nhau... Chuyện này dài lắm. Sau khi định cư trong Nam rồi, lúc nào rảnh, anh sẽ kể cho em nghe.

— Thế thì hay quá. Vào đó, ngày ngày anh kể chuyện cho em nghe. Em sẽ lo lắng hết mọi việc sinh sống. Anh không biết đấy thôi, chứ em quán xuyến đảm đang lắm!

— Em đảm đang như thế nào?

— Để em kể cho anh nghe. Trước đây khi thầy bu em chưa qua đời trong trận phục kích ở đầu làng, em và bé Ngọ chỉ có bổn phận nuôi mấy con gà và con vịt trong vườn chè ở sau nhà thôi. Sau khi mai táng thầy bu em, dì phước trong làng thương chúng em vô chừng, coi chúng em như con của bà ấy. Dì phước cho chúng em một con lợn xề mang về nuôi làm vốn. Em nuôi mát tay lắm, anh ạ. Con lợn của em cứ đẻ xòn xòn. Chẳng bao lâu em gây được một đàn lợn để sinh sống. Chúng em cố gắng dè sẻn. Lúc theo Cha Xứ chạy di cư, em còn mang theo được hai lạng vàng. Thế là chúng mình có đủ vốn mua con lợn xề khác để gây lại sự nghiệp trong đó. Anh nghĩ sao?

Mạnh cảm thấy bối rối. Chàng còn biết nghĩ sao về đàn lợn con với người đẹp đang đứng trong vòng tay của mình? Câu hỏi *"Đi hay ở?"* lại đến ám ảnh đầu chàng. Chàng giật mình khi nghe thấy Hợi dịu dàng trách móc.

— Anh lại suy nghĩ nữa rồi. Anh nghĩ gì vậy?

— Anh đang nghĩ đến tương lai của anh và của em.

— Tương lai của chúng mình còn có gì mà phải nghĩ nữa đâu, anh Mạnh?

Tiếng *"anh Mạnh"* gần như một tiếng cầu cứu của một con chim non lạc đàn. Nó xoáy vào tim chàng, rồi bị gió biển tạt ngay ra khơi. Chàng cảm thấy hối hận:

— Em Hợi! Anh yêu em và thương bé Ngọ nhiều lắm.

Mạnh không có đủ can đảm nói tiếp.

Con tàu qua Nha Trang, rồi đến Phan Rang, rồi qua Phan Thiết. Khi tàu tiến vào sông Sài Gòn, trời lại bắt đầu đổ mưa. Tàu từ từ cập bến. Mạnh và hai chị em Hợi là người đầu tiên kéo nhau lên bờ.

Trời mưa tầm tã, và oi bức. Mấy chiếc xe vận tải quân đội đã đậu sẵn ở bến để đón người di cư. Mạnh quẳng chiếc va-li và hành lý của hai chị em Hợi lên xe. Sau đó chàng bế bé Ngọ và kéo tay Hợi lên cùng. Khi thấy xe đã đầy *"hành khách"* ngồi chen chúc trên sàn, người tài xế rồ máy, rồi lái về địa điểm tập trung.

Sài-Gòn là một thế giới quá xa lạ đối với mọi người. Mưa rơi lộp độp trên nóc xe. Hợi ngồi sán gần Mạnh, còn bé Ngọ lo sợ nắm chặt bàn tay chàng. Mạnh có cảm tưởng chàng như là một cái neo cho hai con thuyền lạc bến. Lòng chàng sao xuyến nhìn hai chị em ngồi co ro hai bên chàng. Đầu chàng hỗn độn. *"Tình yêu hay tình thương người bơ vơ cùng cảnh ngộ?"*

Xe ngừng bánh, đổ người xuống bãi cỏ trước Trường Đua Phú Thọ, rồi chuyển bánh đi ngay để đón người di cư trong một chuyến khác. Trời vẫn mưa nặng hột. Cũng như mấy chục người di cư khác, Mạnh và hai chị em Hợi đứng dưới mưa chờ đợi. Đi về đâu? Hợi nhìn em và nhìn Mạnh, lòng phân vân, những vẫn đầy tin tưởng vào tương lai.

— Chắc Cha Xứ sẽ tới đây trong chuyến xe sau, và sẽ đưa anh em mình tới chỗ định cư.

Bé Ngọ nghe chị nói vậy nên cũng yên tâm. Nó nhanh nhẩu nói:

— Ở đây mưa to quá anh nhỉ! Nhưng nước mưa không lạnh như nước mưa ở ngoài Bắc. Thế là bây giờ lại có ba con chuột lột đứng dưới mưa!

Mạnh phì cười khi nhìn cảnh "ba con chuột lột" ướt sũng nước. Bỗng chàng nghe thấy tiếng nói lớn bên tai chàng:

— Có phải Mạnh đấy không?

Mạnh quay lại:

— Dạ phải.

— Chú Thiện đây. Trời ơi! Hơn mười năm không gặp cháu thế mà chú vẫn nhận ra ngay.

— Tại sao chú biết cháu ở đây?

— Thì ông bạn chú làm trong Tổng Ủy cho chú biết. Ngày nào biết tin tàu tới, chú cũng cho anh tài xế lái xe đến đây tìm cháu. May quá, hôm nay vừa hoàn thành dự án xây cất, chú có thì giờ rảnh, ra đây, thì đúng lúc cháu tới. Hành lý của cháu đâu?

— Cháu chỉ có cái va-li này thôi.

Chàng vừa chỉ cái va-li sũng nước mưa thì người tài xế đã chạy tới xách cái va-li chạy vội ra xe, và ông Thiện cũng kéo chàng chạy theo sau để khỏi bị ướt mưa. Chàng chưa kịp có phản ứng gì thì đã bị đẩy vào trong chiếc xe Citroen nằm bên vệ đường. Xe rồ máy chạy ngay. Chàng vừa quay lại nhìn hai bóng người con gái đứng cô đơn dưới mưa thì chiếc xe đã rẽ vào đường Nguyễn Tri Phương.

Hôm sau, không biết tại sao chàng lại đến Trường Đua Phú Thọ. *"Để tìm mối tình đầu hay để tìm hiểu mình?"* Trời vẫn mưa rả rích, nhưng bãi đua ngựa vắng tanh. Chàng đi hỏi thăm những người cư ngụ gần đó thì không một ai biết là mấy *"người Bắc Kỳ di cư"* đã đi đâu.

Chàng đi lang thang trong mưa. Nước mưa chạy theo nước mắt. Nhớ thương hay hối hận vì đã vội vã ra đi? Trong đầu chàng hỗn độn những hình ảnh quá khứ. Chàng nhớ cánh tay mụ mẫm của bé Thúy ôm ngang lưng chàng khóc thút thít trước giờ chia ly! Chàng nhớ bàn tay nhỏ bé của bé Ngọ sưởi ấm bàn tay lạnh giá của chàng khi tàu bắt đầu ra khơi. Chàng nhớ lúc trên boong Hợi đứng dựa người trên ngực chàng trong khi hai người nhìn sao, nhìn mây, nhìn sóng biển. Tình yêu đến nhanh quá! Vì yêu, hay vì yếu lòng trong lúc cô đơn? Đầu chàng cứ luẩn quẩn với câu hỏi này. Chàng cứ thắc mắc tại sao lại chạy theo chú lên xe tránh mưa. Một hành động vô tình hay hữu ý? Tránh mưa, hay tránh viễn tượng ngồi trong trại định cư nhìn đàn lợn lớn dần theo ngày tháng? Chàng đã bỏ Hợi ra đi chắc chắn không phải vì trời mưa, hay vì đàn lợn con! Chàng nghĩ như vậy cho lòng khỏi áy náy, nhưng trong thâm tâm chàng vẫn cảm thấy day dứt.

Thực sự chàng đã bỏ ra đi. Có lẽ vì định mệnh. Tuy nhiên, chàng không muốn tin vào định mệnh. Chẳng lẽ định mệnh đã đẩy chàng lên tàu di cư để gặp mối tình đầu, rồi lại đẩy chàng lên xe về nhà chú để mất người yêu? Chẳng lẽ định mệnh đã quyết định cho chàng khi chàng còn đang đắn đo với câu hỏi *"Đi hay ở?"*

TRẦN MỘNG TÚ

LÒNG NÀO NHƯ SUỐI CẠN

Ngày xưa trong quán nhỏ
Đời không có mùa Đông
Trên môi cà phê ngọt
Trong mắt giọt tình hồng

Hôm nay trong quán lạ
Hai đứa ngồi nhìn nhau
Trên môi cà phê đắng
Trong mắt giọt tình sầu

Một năm trời lận đận
Đời ngọt những vết thương
Một năm trời bôi bác
Đời vui những tấn tuồng

Anh bây giờ đã khác
Trán đã thêm nếp nhăn
Em bây giờ đã khác
Má đã phai sắc hồng

Mắt nào lệ không chảy
Môi nào lời không ra
Lòng nào như suối cạn
Tình nào rơi như hoa

Một năm trời xứ lạ
Không còn gì cho nhau
Giọt tình cuồng trong mắt
Cũng tàn theo nỗi sầu.

Những ngày sau đó, chàng vẫn tiếp tục thắc mắc về định mệnh và tình yêu của chàng đối với Hợi. Tại sao lại có cơn giông tố ở Hải Phòng để Hợi có dịp săn sóc chàng như một người tình muôn thuở? Tại sao lại có cơn mưa tầm tã ở Sài Gòn để chàng phải vội vã ra đi như một người chạy trốn tình yêu? Chàng có yêu thật không? Hay là chàng đã thi vị hóa một *"mối tình giang dở"*? Tại sao một người duy lý như chàng lại có thể rơi vào mạng lưới tình cảm dễ dàng như vậy? Có lẽ tại giải Ngân Hà huyền ảo đã dìu chàng vào một

cuộc yêu thương lãng mạn theo kiểu Alphonse Daudet! Chàng lẩm bẩm:

— Nếu quả thật như vậy thì cũng đáng nên quên đi.

Nhưng Mạnh không quên được. Có lẽ chàng đã thực sự yêu Hợi vì mối tình của chàng đối với Hợi càng ngày càng xoáy sâu vào tâm não chàng. Ở chỗ nào chàng cũng thấy thoáng bóng Hợi. Có khi thấy Hợi ngồi trên xe xích lô máy mà chàng phóng xe đuổi theo không kịp. Có khi thoáng thấy Hợi ngồi trên xe nhà lộng lẫy với một người đàn ông sang trọng. Có khi thấy Hợi và bé Ngọ vui đùa trên bãi biển Vũng Tàu để rồi giật mình tỉnh dậy trong căn phòng vắng.

Chàng đã đến các trại định cư để tìm Hợi, để thử thách định mệnh, và có lẽ cũng để biết rõ lòng mình. Nhưng đi đến đâu cũng chỉ thấy thất vọng. Hình như quá khứ một khi đã ra đi, ít khi trở lại để chiều lòng người. Nhưng quá khứ vẫn dính liền với đời sống hàng ngày của chàng. Chàng vẫn phải tiếp tục tìm kiếm. Chàng không rõ là tìm kiếm tình yêu hay là tìm kiếm thực trạng lòng mình. Chàng cũng không hiểu mãnh lực nào đã thúc đẩy chàng đi tìm.

*

Đảo Bi-Đông là chỗ dừng chân của những người đã không quản ngại vượt trùng dương ra đi tìm đường sống. Đa số là những người đã quyết tâm ra đi ngay từ lúc đầu, nhưng định mệnh đã buộc họ phải ở lại địa ngục trong gần chục năm để hiểu thế nào là *"tận cùng của biển khổ."* Rồi còn có những người cứ ngồi phân vân không biết nên *"đi hay ở,"* để rồi lại phải ra đi giữa mùa tang tóc.

Cuối cùng Mạnh cũng đến đảo. Nhưng trước khi xuống tàu ra khơi, chàng không hề nghĩ đến chuyện ra đi như những người vượt biên khác. Chàng rất sợ những chuyến ra đi. Chàng đã hai lần ra đi, và đã hai lần đau khổ vì ra đi. Lần đầu tiên chàng quyết định ra đi với kỳ vọng hai năm sẽ trở lại để dẫn bé Thúy ra phố mua kẹo hay ra bờ hồ ăn kem. Thế rồi đất nước chia đôi, chiến tranh lan tràn. Những người thân yêu của chàng biền biệt bên kia bờ sông Bến Hải. Sau đó chàng được biết cô em tinh nhanh bụ bẫm của chàng đã theo đoàn văn công vào Nam, và chết gục trong dãy núi Trường Sơn.

Còn bé Ngọ nữa! Bây giờ bé Ngọ lạc về đâu? Nghĩ đến đây, chàng lại cảm thấy tê tái trong lòng. Đó là lần thứ hai chàng không hẳn quyết định ra đi, nhưng đã ra đi để rồi ôm một hối tiếc ngàn trùng. Tiếc không có dịp kể cho Hợi nghe nốt câu chuyện Tristan và Iseult. Tiếc không được đi đào giun và câu cá rô với bé Ngọ. Chàng đã bỏ bao nhiêu ngày tháng đi tìm quá khứ, nhưng có mấy ai tìm được quá khứ trong hiện tại.

Sau khi tốt nghiệp y khoa, chàng tình nguyện làm sĩ quan quân y ra chiến trường. Chàng đã theo đoàn Thủy Quân Lục Chiến đi khắp bốn vùng chiến thuật để tìm người yêu. Những chỉ thấy *"tang tóc phủ ngoài trời, tang tóc phủ tim tôi!"*

Rồi Sài Gòn vội vã ra đi. Trời mưa lâm râm. Những mảnh vải thô nhuộm mầu máu đỏ phủ đầy thành phố chết. Mạnh bỗng nhớ tới những đóa hoa phượng vĩ tàn héo rơi tả tơi trên hè phố Hải Phòng trong cơn bão mùa hạ. Tuy nhiên, lần này chàng quyết định ở lại vì chàng có linh cảm là sẽ tìm ra được ngôi sao lạc giữa cảnh điêu linh.

Mạnh đã ở lại với hy vọng gặp lại mối tình đầu. Nhưng người ta đã cưỡng bách chàng ra đi vì *"món nợ máu với nhân dân chưa trả."* Gần tám năm trời chàng bị hành hạ ê chề trong nhiều trại cải tạo. Chàng quyết trí vật lộn với Tử Thần. Nhiều lần ngã gục trong đống phân người hoặc trong ruộng ao rau muống đầy đỉa đói, nhưng chàng đã đứng dậy, chống trả sự thèm muốn được ngủ một giấc ngủ ngàn thu. Chàng không thể ra đi như vậy được. Chàng phải sống! Chàng phải sống để đi tới giải Ngân Hà tìm ngôi sao sáng!

Sau khi được thả về Sài Gòn, chàng lại tiếp tục đi tìm. Những trại định cư chỉ còn thưa thớt vài gia đình bạc mệnh. Đa số đã bỏ ra đi. Họ không cần phải hỏi câu *"Đi hay ở?"*

Chàng lẩm bẩm nói một mình:

— Chắc người yêu của tôi cũng đã đi rồi. Còn ở lại đây làm gì nữa?

— Chúng tôi cũng đang sửa soạn đóng tàu ra đi đây. Nếu ông muốn đi cùng với chúng tôi, thì chúng ta góp sức đi chung.

Mạnh giật mình quay ngoắt lại nhìn người đã nghe lỏm chàng. Đó là một vị linh mục đứng tuổi, quần áo sác sơ. Người tu sĩ nhìn chàng với một cặp mắt hiền từ và đầy chịu đựng.

— Thưa Cha, sao bây giờ Cha còn ở đây?

— Tôi phải ở lại đến giờ vì muốn giúp đỡ những người còn bị kẹt ở lại. Xóm đạo này đã tổ chức ba chuyến đi rồi. Nhờ ơn Trên, chuyến nào đi cũng tới đích. Tuy có bị trục trặc một đôi lần, nhưng rồi cũng thoát nạn.

Nhờ chương trình vượt biên này, Mạnh đã ngẫu nhiên ra đi. Định mệnh đã đẩy chàng tới đảo sau

hơn mười ngày đói khát trên biển cả. Ở đây chàng được tuyển ngay vào làm trong bệnh xá cùng với hai nhân viên Hồng Thập Tự Quốc Tế. Buổi sáng, chàng chẩn bệnh, phát thuốc, và chăm sóc những bệnh nhân bị bệnh nặng phải nằm trong bệnh xá. Buổi chiều chàng đi thăm sức khỏe các gia đình sống trên đảo. Đó cũng là dịp chàng đi thăm dò tin tức về Hợi. Nhưng không ai biết nàng ở đâu. Không biết trước kia nàng ở làng nào ngoài Bắc, ở xóm đạo nào trong Nam, nên không ai biết *"cô Hợi"* hay *"bé Ngọ"* là ai.

Càng ngày Mạnh càng cảm thấy tuyệt vọng. Tuy nhiên, chàng vẫn không chịu ghi danh để được các phái đoàn ngoại quốc đến phỏng vấn và chọn đi định cư. Một vị bác sĩ ngoại quốc cảm phục lòng tận tụy với nghề nghiệp của chàng, ngỏ ý muốn sponsor chàng về Thụy Điển, nhưng chàng từ chối. Mọi người nghe thấy vậy bàn tán với nhau sau lưng chàng:

— Ông này điên rồi! Đã gian nan vượt khỏi địa ngục để tới cổng Thiên Đàng mà còn không chịu vô.

Nào ai hiểu nổi? Nào ai đếm được hết sao trên trời? Bây giờ ngày ngày chàng săn sóc những người đau ốm trên đảo, cũng như chàng đã cấp cứu các thương binh ngã gục trên bãi chiến trường khi xưa. Đã hơn ba năm trời sống trên đảo, chàng đã cứu sống rất nhiều người, và đồng thời chàng cũng đã tiễn chân nhiều người ra nghĩa địa. Những người xấu số này đã tức tưởi ra đi không kịp hỏi câu *"Đi hay ở?"* Chàng bắt đầu tin vào định mệnh, nhưng chàng vẫn còn muốn đương đầu với định mệnh. Nhiều đêm, chàng ra bãi biển, ngồi nghe sóng vỗ đều đều, và nhìn những chùm sao lấp lánh trên trời. Sao vẫn còn sáng, chàng vẫn còn phải tìm. *"Tìm người yêu hay tìm mình?"*

Đời sống trên đảo thật là giản dị. Sáng ra mọi người kéo nhau ra dò tên mình trên *"Bảng Phong Thần."* Chiều đến ra bãi biển câu cá, hay đập mấy con chuột chạy loăng quăng trong lều. Tối đến ra quán ôm ly cà phê nghe nhạc. Người nào tháo vát thì lẻn vào rừng dừa, chia nhau từng ngụm rượu lậu, để rồi ôm nhau khóc vì nhớ quê hương, vì nhớ *"những thằng đã ra đi không một lời trăn trối."* Rồi có những đôi trai gái kéo nhau ra bãi để *"chỉ non thề biển."* Thề vẫn cứ thề, nếu được *"bốc"* đi thì vẫn thảnh thơi bỏ người yêu ra đi. Người ra đi vui mừng trên đường đi tới *"đất hứa."* Kẻ ở lại tiếp tục sống trong hy vọng và chờ mong. Mạnh lắc đầu thở dài:

— Rồi họ cũng sẽ đau khổ và hối tiếc. Mối tình qua đường không nhẹ nhàng như vậy đâu!

Những ngày êm đềm giản dị trên đảo lại thỉnh thoảng chen vào những ngày ê chề đau đớn. Tim Mạnh rộn rực mỗi khi nghe thấy tiếng nhốn nháo kêu gọi:

TẠ KÝ

DÂNG

Đêm lạnh bốn bề gió rú,
Trần gian mênh mông hoàng hôn.
Thời gian trở về bến cũ,
Thịt xương xua đuổi linh hồn.

Cầu nguyện hai vì sao lệ,
Rưng rưng mắt đẹp hiền hòa.
Tay ngọc tròn tin Đức Mẹ,
Đêm huyền ngào ngạt Ngôi Cha.

Có thuở chiên lành mến Chúa,
Nơi nơi cỏ mướt, đồng xanh,
Có thuở đời là nhung lụa,
Danh từ chỉ có Em, Anh.

Lạy Chúa, mùa xưa đã hết,
Không còn nhung lụa, anh em.
Nhân loại đi về cõi Chết,
Giẫm tan từng giọt sương đêm.

Ai đọc dòng kinh huyết lệ?
Ai rung chuông động luân hồi?
Hẹn gặp nhau ngày tận thế,
Không Ta mà cũng không Tôi.

Chúng con quỳ dâng ngưỡng mộ,
Lòng Tin sắm sét không dời.
Vũ trụ rồi đây sụp đổ,
Điểm xuị từ cánh sao rơi.

Chúng con thương nhau trọn kiếp,
Như lời Chúa dạy từ lâu.
Chắc chẳng còn gì cao đẹp,
Cho bằng nhân loại thương nhau.

— Có thuyền tới! Có thuyền tới!

Mọi người ùa ra bãi để nhìn cảnh thương tâm. Lính Mã Lai lại có dịp chứng minh quyền uy của mình. Thẳng tay đánh đập người lảo đảo lết chân lên bãi. Khám xét một cách tục tĩu thô bỉ những cô gái chưa cả biết mối tình đầu. Những người tới trước chỉ được phép đứng đằng xa, nhìn cảnh người hành hạ người. Sau khi thuyền nhân được phân loại và làm xong thủ tục nhập trại, mọi người mới ùa đến, túi tít hỏi thăm để biết tin tức về những người chưa đi, hãy đã đi lâu rồi mà vẫn còn biệt tăm. Sau đó, ai về lều người đó, và Mạnh lại ra bãi biển ngồi nhìn sóng, nhìn sao.

Hôm nay thuyền tới cũng như mọi khi. Nhưng đó là một con thuyền thê thảm. Có gần chục người sống sót, quần áo tả tơi, cố gắng lội biển đi vào bờ, còng lưng cõng những người mê man bất tỉnh. Ngay cả đến những tên lính Mã Lai thiếu tình người nhất cũng phải đứng yên nhìn cảnh thương tâm. Mạnh và toán y tế được phép tới gần săn sóc và khiêng những nạn nhân vào bệnh xá cấp cứu. Nạn nhân gồm có ba người đàn bà và hai đứa trẻ. Một đứa nhỏ chết trên tay chàng trước khi chàng chạy tới cửa bệnh xá. Có lẽ nó đã chết khi thuyền tạt vào bãi biển.

Tất cả toán y tế tập trung mọi nỗ lực vào người còn sống mê man. Không biết tại sao Mạnh tự nhiên rưng rưng nước mắt khi cầm cánh tay người đàn ba gầy guộc để tìm *"ven"* chuyền nước biển. Chàng ngồi đợi hiệu quả. Một lát sau, người đàn bà dần dần tỉnh dậy, phều phào hỏi:

— Con tôi đâu rồi? Con tôi có sao không?

— Chị cứ nằm nghỉ tĩnh dưỡng đi. Chuyện đó để chúng tôi lo. Con chị đang trong tình trạng cấp cứu.

— Bác sĩ nói dối tôi. Con tôi đâu? Con tôi đâu?

Người đàn bà ngồi nhổm dậy, gào thét tìm con. Mấy người trợ tá phải chạy tới, đè người đàn bà xuống để Mạnh chích một mũi thuốc an thần. Bà ta xỉu dần trong cơn mê sảng. Mạnh thở dài nhẹ nhõm. Khi mới tới trại, chàng rất ngạc nhiên với phòng kho thuốc ở bệnh xá. Chỉ có mấy thùng thuốc ho, thuốc cảm, thuốc đi ỉa chảy, thuốc multi-vitamines, và rất nhiều ống thuốc an thần. Sau một thời gian săn sóc thuyền nhân, chàng mới thấy những ống thuốc an thần này mới thực sự cần thiết cho đời sống trên đảo. Nhìn cái nghĩa trang cô đơn trên sườn đồi và tủ thuốc sơ sài trong bệnh xá, chàng lại càng ý thức rõ ràng là đảo Bi Đông nằm xinh xắn dưới bóng dừa trên biển Thái Bình Dương không phải là một hòn đảo cho các khách du lịch đến nhìn sao và đùa với sóng. Đó là hòn đảo hy vọng, nhưng đầy khổ đau và nước mắt!

Chiều tối sau khi cơm nước xong, Mạnh trở lại bệnh xá. Bệnh nhân của chàng có vẻ tỉnh táo. Nàng đang ôm đầu, ngồi cầu nguyện cho đứa con chóng bình phục. Khi nghe có tiếng chân tới gần, nàng ngửng mặt lên, nhìn chằm chằm vào Mạnh, rồi sửng sốt nói:

— Ủa! Anh Mạnh!

Mạnh cũng hết sức ngạc nhiên, nhìn kỹ lại bệnh nhân, cũng sửng sốt không kém:

— Trời ơi! Em Hợi!

Người đàn bà lắc đầu, nói với giọng trách móc :

— Anh nhầm rồi! Em là Ngọ, chứ không phải là người con gái qua đường mà anh nói là anh yêu rồi lại bỏ đi!

— Thế chị Hợi đâu? Tại sao chị Hợi không đi cùng với em? Hay là ...

— Không đâu! Anh đừng nghĩ bi quan như vậy!

Mạnh mừng ra mặt.

— Chị Hợi còn sống à? Thế chị ở đâu?

— Em không biết.

— Đừng trêu chọc anh nữa! Anh khổ lắm rồi! Tại sao lại không biết?

— Ô hay! Trong hoàn cảnh này em còn trêu chọc anh làm gì? Quả thật em không biết bây giờ chị Hợi ở đâu. Thôi để em nói cho anh biết hết câu chuyện, rồi anh sẽ biết lý do tại sao em không biết.

Ngọ bắt đầu kể cái quá khứ đau buồn của hai chị em sau khi Mạnh lên xe bỏ đi.

Hợi đứng tần ngần nhìn cái xe nhà binh lóng rẽ vào đầu phố rồi mất hút. Mưa vẫn rơi. Qua làn nước mưa và nước mắt, nàng thấy thoáng Mạnh nhìn lại, nhưng nàng không chắc cái hình ảnh cuối cùng đó là sự thật hay là trí tưởng tượng gây ra. Bé Ngọ xán đến đứng cạnh chị, cầm tay chị khóc rưng rức.

— Anh Mạnh đi rồi, chị ơi!

Vừa lúc đó một cái xe vận tải nhà binh chạy tới, và đổ một đám dân di cư xuống bãi. Trong số này, Hợi nhận ngay ra Cha Xứ cùng một số người trước kia sống cùng trong làng với Hợi. Dì phước trông thấy bé Ngọ đang đứng khóc vội vàng chạy ngay tới:

— Có chuyện gì vậy? Sao bé Ngọ của dì buồn thế này? Con có đói không? Có lạnh không?

Thấy dì phước ân cần hỏi han, bé Ngọ lại càng tủi thân, lại càng khóc to hơn nữa. Thấy em khóc, Hợi cũng sướt mướt khóc theo. Dì phước thấy hai

đứa con gái nuôi của mình khóc lóc thảm thiết mà không cho biết duyên cớ, bà cuống cuồng nói với vị linh mục:

— Thưa Cha, hay để con đưa hai đứa bé này về tu viện ở với con một ít lâu. Chắc chúng nó mệt và nhớ nhà nên quá xúc động.

— Dì nghĩ cũng phải. Trại định cư chưa xây cất xong, đưa chúng nó về đó thì chỉ làm quẩn chân người khác. Tu viện các *"sơ"* ở trong Chợ Lớn cũng rất gần đây, dì cứ gọi taxi đưa chúng nó về đó ở tạm, rồi sẽ tính sau. Đứng dưới mưa để đợi xe tu viện ra đón thì con bé này chịu không nổi đâu.

Thế là hai chị em Hợi đi về ở trong tu viện, giúp đỡ các dì phước trong công việc lặt vặt hàng ngày. Trong mấy tháng đầu, ngày ngày nàng xin phép đưa em ra ngoài, lấy cớ là đi *"xem thành phố"*. Nhưng thực ra nàng trở lại Trường Đua Phú Thọ tìm người yêu. Mỗi lần như vậy là một lần thất vọng và nàng chỉ biết đứng dưới gốc cây khóc cho đến hết nước mắt mới dám trở về. Bé Ngọ thương chị nhưng không biết làm gì hơn là cầm tay chị úp lên má mình. Các dì phước trong tu viện đều quý hóa hai chị em Hợi, và cảm thấy Hợi vướng vào một chuyện tình cảm rất đau thương. Các bà chỉ biết nhẹ nhàng khuyên giải:

— Con đừng buồn nữa. Trong lúc này con cần phải đặt hết lòng tin vào Chúa. Con hãy thành tâm cầu nguyện để Chúa soi sáng lòng con, và ban cho con một sự bình an trong tâm hồn.

Kể đến đây, Ngọ sùi sụt khóc số phận long đong của người chị.

— Không có anh ở bên cạnh, chúng em khổ lắm, anh ơi!

Mạnh cầm tay Ngọ để chia sẻ nỗi buồn bơ vơ:

— Không biết bao nhiêu lần anh cũng đến Trường Đua tìm các em, nhưng không gặp. Anh tưởng các em theo Cha Xứ đi định cư ở nơi nào đó rồi.

— Không anh ạ. Chúng em làm việc cho tu viện trong Chợ Lớn. Em nhớn lên ở trong đó, rồi em đi lấy chồng và theo chồng em về sinh sống trong dinh điền Cái Sắn.

— Thế chị Hợi đi đâu?

— Chị em đã đi theo tiếng gọi của Chúa rồi.

Mạnh hốt hoảng:

— Trời ơi, người yêu của anh đã qua đời rồi hay sao?

— Thôi bây giờ anh cũng nên coi chị Hợi đã qua đời rồi.

Mạnh bực tức:

— Em Ngọ! Em nói vậy là thế nào? Sao em nói gì kỳ cục quá vậy?

— Em nói thật đấy! Sau khi giàn xếp cho em đi lấy chồng, chị Hợi vẫn ở lại làm việc và giúp đỡ các dì phước trong tu viện. Mãi mấy năm sau, chị mới viết thơ cho em biết là chị quyết định đi tu theo giòng tu kín. Bây giờ không ai được gặp mặt chị đâu. Thực ra em cũng không biết chị ở đâu mà gặp!

Mạnh trố mắt nhìn Ngọ, rên rỉ

— Gần 30 năm, anh đi khắp nơi tìm các em, bây giờ ... Trời ơi, tại sao lại oái ăm như thế này?

Nhìn nét mặt đau khổ của Mạnh, Ngọ xót xa nói:

— Em không ngờ anh yêu chị đến như vậy?

Mạnh bực tức trách móc:

— Tại sao em lại có thể ngờ vực mối tình chân thật của anh đối với chị em được?

— Thì em đâu có biết. Nếu em biết thì đâu có để anh đau khổ như thế này!

Mạnh nói một giọng đầy chán nản và chịu đựng:

— Nếu em có biết đi chăng nữa, thì em cũng không làm gì hơn được!

— Có chứ! Nếu em biết anh thực tâm yêu chị em, thì khi em gặp anh, em đã bảo anh vào trong Chợ Lớn đón chị về trước khi chị cắt tóc đi tu.

Mạnh hết sức ngạc nhiên, vội vã hỏi dồn:

— Em đã gặp anh? Gặp ở đâu? Hồi nào?

— Hồi em ở Cái Sắn. Sau khi cưới xong, em theo nhà em về đó sinh sống. Một hôm em trông thấy anh theo đơn vị của anh tạt vào làng em nghỉ chân. Còn anh thì đi thăm từng gia đình trong làng, và phát thuốc cho mọi người. Thấy anh gần tới nhà em, em vội trốn ra vườn sau nhà, vì ... vì không muốn anh ngượng ngùng khi gặp em. Khi anh đi rồi, người trong làng mới cho biết là anh đã hỏi thăm về chúng em.

Nói đến đây, Ngọ vò đầu khóc lóc, hối hận.

— Khổ quá! Cũng chỉ lỗi tại em đã hồ đồ để anh đến nông nỗi này. Em cứ tưởng anh chỉ ...

Ngọ nghẹn ngào không nói hết câu. Mạnh trố mắt nhìn Ngọ, như bị thôi miên bởi một câu chuyện tình dở dang của một người nào khác. Chàng ngồi yên lặng như ngây như dại, rồi bỗng nhiên chạy vọt ra ngoài bãi biển. Tiếng kêu gào của chàng lẫn với tiếng sóng.

Đêm nay biển động. Những ngọn sóng vô tình vỗ ầm ầm lên mặt cát mịn. Từ chân trời, mây ùn ùn kéo tới, giăng tắt tất cả mọi vì sao trong giải Ngân Hà.

Chắc ngày mai chẳng có thuyền nào tới đảo!

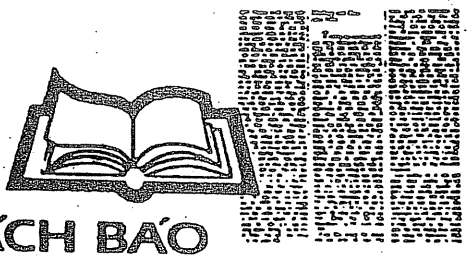

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Thời gian qua, Thế Kỷ 21 đã nhận được các sách do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin cám ơn quý vị và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

SUỐI TÍM

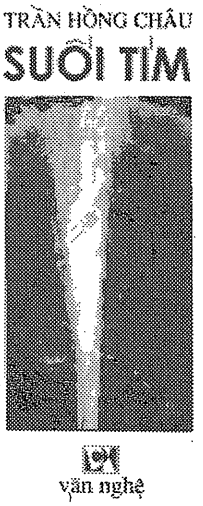

Thơ TRẦN HỒNG CHÂU, do Văn Nghệ xuất bản, 143 trang, giá US$10.00. Phần thơ chiếm 70 trang đầu, phần còn lại là Phụ Lục gồm ba đoản văn: Hà Nội ăn Tết, Paris chiều tái ngộ và Trường An tây vọng.

Liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster CA 92683. Nhà sách Văn Nghệ, 9351 Bolsa Avenue, Westminster CA 92683 – USA. Tel: (714) 934-8574.

PHÙNG CUNG TRUYỆN VÀ THƠ (chưa hề xuất bản)

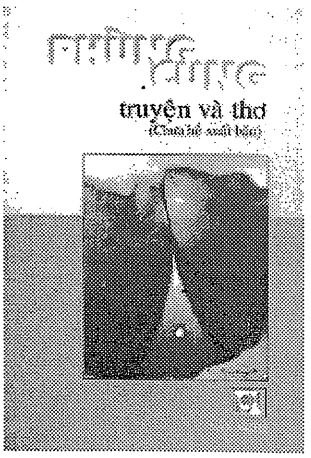

Tuyển tập Truyện và Thơ của PHÙNG CUNG, Văn Nghệ xuất bản, 436 trang, giá US$22.00; ngoài nước Mỹ $25.00.

Phùng Cung là một nhà văn thuộc nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bị chế độ CSVN trù dập suốt mấy mươi năm sau khi đăng truyện Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh trên báo Nhân Văn năm 1956. Các truyện trong tập này do Phùng Cung cất giấu, chưa hề được xuất bản trong nước. Tập thơ Trăng Ngục được sáng tác trong tù (1960-1972) cũng lần đầu tiên ra mắt độc giả trong tập sách này.

Liên lạc: xem cuốn trên.

SỬ TRUNG QUỐC

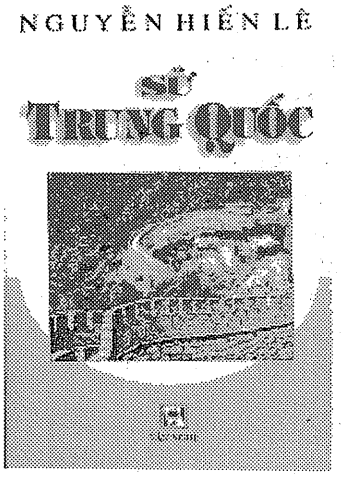

Biên khảo của NGUYỄN HIẾN LÊ, Văn Nghệ xuất bản, 860 trang, khổ lớn, bìa dày, giá US$27.00; ngoài nước Mỹ $32.00.

Học giả Nguyễn Hiến Lê đã đúc kết mấy ngàn năm lịch sử Trung Quốc trong hơn 800 trang in. Tác phẩm không những được tác giả trình bày cặn kẽ các sự kiện lịch sử với đầy đủ sử liệu và chứng cứ khoa học mà còn đào sâu được bề dày lịch sử, một nên văn minh cổ nhất và lâu dài nhất của nhân loại.

Liên lạc: xem cuốn trên.

ĐÀM THOẠI

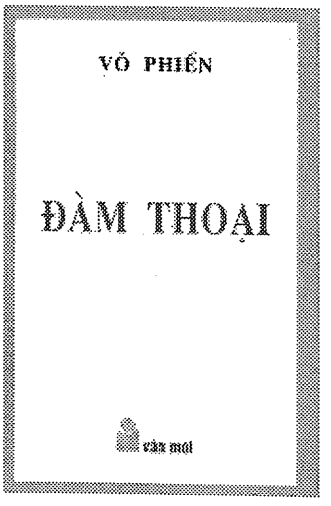

của VÕ PHIẾN, Văn Mới xuất bản, 327 trang giá US$15.00.

Sách có ba phần. Phần thứ nhất gồm các bài phỏng vấn, tác giả trả lời báo chí, các đài phát thanh, truyền hình. Phần thứ hai gồm những suy tưởng dưới dạng đối thoại; hình thức đối thoại dùng như một kỹ thuật, để mỗi ý kiến được cứu xét nhiều mặt. Phần ba là những bức thư: các cuộc trao đổi ý kiến đều dùng

chữ viết thay lời nói.

Liên lạc: Văn Mới, P.O. Box 287, Gardena CA 90248 – USA. Tel: (310) 366-6967.

PHAN VĂN HÙM THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Biên khảo của Bác sĩ TRẦN NGUƠN PHIÊU, Hải Mã xuất bản, 400 trang, giá US$18.00.

Phan Văn Hùm là một học giả người miền Nam. Ông là một nhà trí thức lớn và là một nhà tranh đấu cho độc lập đất nước, nhưng đã bị cộng sản đệ tam quốc tế sát hại năm 1945. Sách gồm nhiều tài liệu, hình ảnh của Phan Văn Hùm và gia đình. Phần Phụ lục, chiếm già nửa số trang, đăng lại một số bài viết của Phan Văn Hùm trích cuốn Ngồi Tù Khám Lớn cùng những bài khác thuộc nhiều đề tài khác nhau.

Liên lạc: Hải Mã, P.O. Box 19543 Amarillo, TX 79114- 9543, USA.

E-mail: Phtran27@aol.com

TRUYỆN TÍCH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Biên khảo của cư sĩ MINH ĐỨC, An Tiêm xuất bản, 507 trang, giá US$18.00.

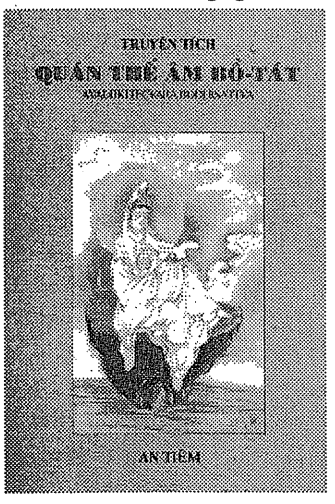

"Chúng tôi thường đến nhiều nơi có thiết trí bảo tượng của đức Quán Thế Âm Bồ Tát để lễ bái, chiêm ngưỡng... rồi do đó chúng tôi được gợi ý, sưu tầm tài liệu để biên soạn cuốn sách này."

Liên lạc: Pháp Duyên Tịnh Xá, 766 S. Second Street, San Jose CA 95112. Tel: (408) 295-2436.

NGƯỜI MỸ ƯU TƯ

Sách viết tay của HỒ HỮU TƯỜNG, An Tiêm tái bản (từ bản in năm 1968 tại Paris do tác giả xuất bản), 514 trang, giá US$20.00.

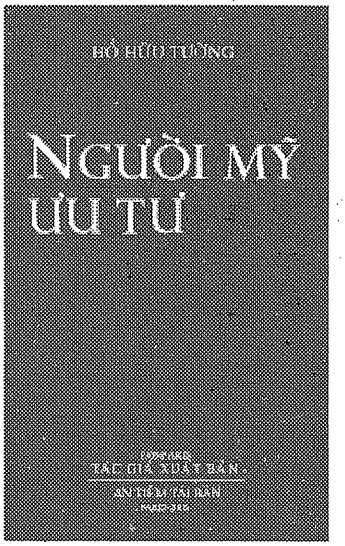

Tác giả viết xong sách này năm 1968 nhưng chính quyền VNCH không cho xuất bản trong nước, ông tự xuất bản tại Paris dưới hình thức các trang sách viết tay. Vào thời gian cuối thập niên (19)60, có một cuộc vận động đưa cuốn sách này dự thi giải văn chương Nobel, do Bác sĩ Trần Nguơn Phiêu khởi xướng.

Liên lạc: An Tiêm, 766 S. Second Street, San Jose CA 95112. Tel: (408) 295-2436.

NƯỚC MỸ LẠNH LÙNG

Tạp ghi của HUY PHƯƠNG, Hương Văn xuất bản, 305 trang, giá US$15.00.

Nhận xét của nhà văn Bùi Bích Hà: "Phải nói ngay là đôi mắt sắc bén, cảm xúc tinh nhạy, bản chất trung thực của Huy Phương đã không bỏ sót một nét chính nào trong cuộc sống nhọc nhằn với nhiều tiếng cười khô không lệ của ông và qua ông, của những mảnh đời lưu lạc quanh đây. Nội dung đa dạng vừa nói, được ông trình bày với một văn phong duyên dáng, ý nhị, nhiều lúc chua chát, là yếu tố thành công không thể thiếu trong tạp ghi."

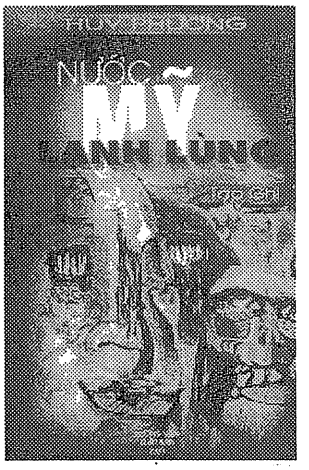

Ngân phiếu mua sách xin đề: Lê Phương, P.O. Box 1954 Garden Grove CA 92842 – USA. Tel: (949) 654-7715.

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo
Không kẹt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An:** ***(714) 891-6742***

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

HÙNG SƠN

JEWELRY. INC.

SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES

G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600

(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)